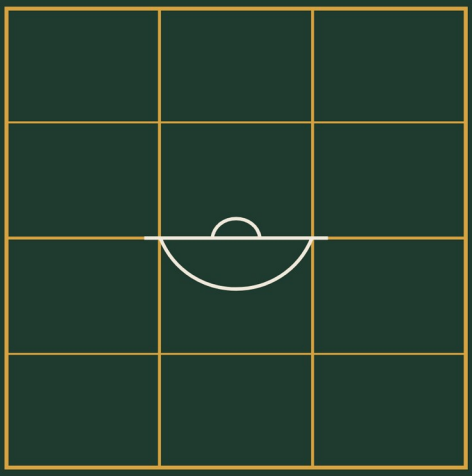
LUẬT TẠNG THERAVĀDA · DÀNH CHO NGƯỜI TẠI GIA



*Tấm y ghép mành như ruộng lúa; bình bát khất thực*

# Cẩm Nang Thực Hành Lễ Nghi Đối Với Tăng Đoàn

## *Cách Ứng Xử Của Người Tại Gia*

BIÊN TẬP

**Bhikkhu Visuddhamma**

# Cẩm Nang Thực Hành Lễ Nghi Đối Với Tăng Đoàn: Cách Ứng Xử Của Người Tại Gia

*Biên tập: Bhikkhu Visuddhamma*

Ngày 4 tháng 11 năm 2026

# Tóm Lược và Dẫn Nhập

Phần I giới thiệu giới luật xuất gia cho người mới tìm hiểu. Phần II khảo sát cấu trúc pháp lý của Giới bổn Pāṭimokkha và các nguyên tắc diễn giải dành cho người học nâng cao. Phần III phân tích cách hiểu và áp dụng các giới điều này trong đời sống tại gia và xuất gia đương đại.

Đức Phật gọi giáo pháp của Ngài là *Pháp và Luật* (*Dhamma-Vinaya*): Pháp trình bày các nguyên lý của chân lý, còn Luật quy định nếp sống thuận lợi nhất để chứng ngộ những nguyên lý ấy. Như Đại đức Thiradhammo nhận xét, Giới luật "đã gìn giữ các nguyên lý của Chân lý trong những điều thiết thực của đời sống giữa thế gian." Trước khi nhập diệt, Đức Phật không chỉ định người kế vị mà tuyên bố: "Pháp và Luật mà Như Lai đã chỉ dạy và chế định cho các con, sau khi Như Lai diệt độ, sẽ là Thầy của các con" (Kinh Đại Bát-Niết-bàn, Trường Bộ 16).

Cẩm nang này đề cập đến truyền thống Theravāda (Thượng tọa bộ), truyền thống Phật giáo lớn còn tồn tại lâu đời nhất, và cụ thể là các vị Bhikkhu đã thọ Cụ túc giới (*bhikkhu*). Trọng tâm là những giới điều có liên quan đến cộng đồng cư sĩ. Một chủ đề lặp lại xuyên suốt là: giới luật là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Tập Parivāra (XII.2) nêu rõ tiến trình: giới luật đưa đến phòng hộ, phòng hộ đưa đến không hối hận, rồi tiếp tục qua hoan hỷ, an tịnh và định, đến tri kiến, giải thoát và "sự tịch diệt hoàn toàn không còn chấp thủ."

# Mục Lục

**Phần I — Nền Tảng Cho Người Mới Bắt Đầu.....1**

1. Giới: con đường tu tập đạo đức theo từng bậc.....2
2. Trở thành một vị Bhikkhu như thế nào.....7
3. An cư mùa mưa và xuất gia gieo duyên.....12
4. Hoàn tục.....17
5. Nữ giới trong Tăng-già.....21
6. Những câu hỏi thường gặp của người mới.....25
7. Tóm lược lễ nghi thực hành.....30

**Phần II — Nghiên Cứu Nâng Cao: Cấu Trúc và Lý Luận của Giới Bổn Pāṭimokkha.....38**

1. Các nguồn văn bản.....39
2. Các loại tội và cách sám hối.....44
3. Các nguyên tắc về trách nhiệm phạm tội.....49
4. Sự thích ứng: Bốn Đại Tiêu chuẩn (Mahāpadesā).....54
5. Các nhóm giới chính liên quan đến người tại gia.....59
6. Dàn xếp tranh chấp và sự phân chia hệ phái.....66
7. Sự thận trọng trong diễn giải.....71
8. Các giới chung cho cả hai giới Tăng và Ni.....75

**Phần III — Phân Tích và Ứng Dụng Trong Đời Sống Hằng Ngày Hiện Đại.....83**

1. Các chủ đề phân tích.....84
2. Áp dụng các nguyên lý vào đời sống tại gia.....91
3. Hướng dẫn thực hành hộ trì chư Tăng ngày nay.....95
4. Bộ quy tắc ứng xử cho người tại gia khi tiếp xúc với chư Tăng.....101
5. Sự tiếp xúc giữa chư Tăng và người khác giới: nhìn kỹ hơn.....109
6. Khi vị Bhikkhu bị quyến rũ: trách nhiệm của vị Bhikkhu, người nữ và cộng đồng.....117
7. Dâng cúng lên chư Tăng: vật thực, tiền bạc, vật dụng và y áo.....126
8. An cư mùa mưa trong gia đình người tại gia: đón tiếp chư Tăng và cúng dường bốn vật dụng.....138
9. Nữ cư sĩ chụp ảnh với chư Tăng.....147

10. Đánh giá.....154
**Phần IV — Các Bài Học.....158**
Bài 1 — Không làm hại: Sự sống, loài vật và thế giới tự nhiên.....159
Bài 2 — Các mối quan hệ: Phạm hạnh và sự tiếp xúc giữa hai giới.....166
Bài 3 — Vật thực và khất thực: Dâng cúng, giờ thọ thực và bốn loại vật dụng ăn uống.....172
Bài 4 — Tiền bạc, của cải và mua bán.....178
Bài 5 — Y áo, vật dụng và tài sản.....183
Bài 6 — Chỗ ở, đi lại và mùa an cư.....188
Bài 7 — Chánh mạng: Giảng dạy, chân thật và quan hệ với các gia đình.....193
Bài 8 — Lễ nghi, sự cung kính và việc dàn xếp tranh chấp……199
**Phần V — Đối Chiếu Với Các Văn Bản Liên Quan.....204**
1. Tổng quan.....206
2. Gnanarama, Essentials of Buddhism.....209
3. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Trường Bộ 31).....213
4. Kinh Upanisā (Tương Ưng Bộ 12.23).....218
5. Những khoảng trống của cẩm nang này được sự đối chiếu làm hiển lộ.....221
6. Tổng hợp.....225
7. Kiến thức phổ thông, câu chuyện và Kinh Pháp Cú.....228
**Phần VI — Hoàn Thiện Bức Tranh.....233**
1. Nền tảng giáo lý của giới luật.....234
2. Bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia.....240
3. Nếp kỷ luật của gia chủ: Sáu phương và các cách sử dụng của cải.....246
4. Từ giới hạnh đến giải thoát: Con đường vượt trên giới luật. .253
5. Người nữ như những hành giả: Vai trò chủ động, thành tựu và con đường.....259
6. Nền tảng kinh điển về cách ứng xử của người tại gia đối với Tăng-già.....266
**Phần VII — Bổ Sung Chi Tiết Từ Upāsaka Vatta.....275**
1. Dâng vật thực: các chi tiết của nghi thức thọ nhận.....275
2. Thời hạn của vật thực (kālika), việc cất giữ, rạng đông và giờ ngọ.....277

3. Nước uống buổi chiều và các chế phẩm dược.....278
4. Từ chối vật thực (pavāraṇā).....280
5. Làm cho hợp lệ (kappiya-karaṇa), thịt và việc nấu.....281
6. Tiền bạc và vật quý: chi tiết thực hành.....282
7. Những vật vị Bhikkhu không được chạm (anāmāsa).....284
8. Y áo, bình bát, dép và dù.....284
9. Chỗ nằm, chỗ ngủ và chỗ ngồi.....286
10. Đào đất, chặt cây và thuốc men.....287
11. Tài sản của Tăng-già.....288
12. Thỉnh an cư mùa mưa và lễ dâng y Kaṭhina.....289
13. Đảnh lễ và nghe Pháp.....290
14. Cúng dường, tám vật dụng và hình phạt úp bát.....291
**Phụ Lục — Thọ Bát Quan Trai Giới Tại Nhà Và Qua Mạng.....294**
1. Người tại gia có thể tự thọ giới tại nhà không?.....294
2. Thủ tục tự thọ tại nhà.....295
3. Tám điều học: Pāli và Việt.....296
4. Thọ giới với một vị Bhikkhu (tại chùa hoặc qua mạng).....297
5. Thọ giới qua mạng internet.....298
**Kết Luận.....301**
**Thuật Ngữ.....302**
**Nguồn.....303**

# Phần I — Nền Tảng Cho Người Mới Bắt Đầu

Bhikkhu là vị tu sĩ Phật giáo đã thọ Cụ túc giới, sống theo 227 học giới; và gần như mỗi giới điều ấy đều định hình cách người tại gia có thể hộ trì và giao tiếp đúng mực với vị ấy. Phần này trình bày những khái niệm thiết yếu mà người mới cần biết.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về giới như một món quà dành cho mọi chúng sinh:*

> "Ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sinh… Làm như vậy, vị ấy đem lại cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, không oán thù, không áp bức, và chính vị ấy cũng được hưởng sự không sợ hãi vô lượng." — Tăng Chi Bộ 8.39

*Về sự xuất gia:*

> "Đời sống gia đình chật hẹp, đầy bụi bặm; đời sống xuất gia rộng rãi như hư không. Thật không dễ gì, khi sống trong gia đình, mà thực hành phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc được mài giũa." — Trường Bộ 2; Trung Bộ 36

*Về cách sử dụng đúng đắn các vật dụng:*

> "Như lý quán sát, vị Bhikkhu thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng… và để che đậy những phần thân thể đáng hổ thẹn." — Trung Bộ 2

*Về bố thí:*

> "Nếu chúng sinh biết được, như Ta biết, quả báo của bố thí và chia sẻ, thì họ sẽ không ăn mà không bố thí trước, và cấu uế của sự keo kiệt sẽ không chiếm ngự tâm họ." — Phật Thuyết Như Vậy 26

*Về khả năng giác ngộ của nữ giới:*

> "Này Ānanda, nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, có thể chứng được quả Dự lưu… quả A-la-hán." — Tăng Chi Bộ 8.51; Tiểu Phẩm X

*Về sự kính trọng bậc trưởng thượng:*

> "Người thường kính lễ, tôn trọng bậc trưởng thượng, bốn pháp được tăng trưởng: tuổi thọ, dung sắc, an lạc và sức mạnh." — Kinh Pháp Cú 109

## 1. Giới: con đường tu tập đạo đức theo từng bậc

Đạo đức Phật giáo được cấu trúc thành một chuỗi những cam kết ngày càng tinh tế. Mỗi bậc đưa người thực hành đến gần hơn với đời sống xuất ly.

| Bậc | Ai giữ | Đặc điểm |
|---|---|---|
| Năm giới | Mọi Phật tử tại gia | Đạo đức căn bản: không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối hay dùng chất say |
| Tám giới | Cư sĩ vào ngày Bố-tát (*Uposatha*) | Phạm hạnh, không ăn sau giờ ngọ, không giải trí hay trang sức, không dùng giường cao sang |
| Mười giới | Sa-di (*sāmaṇera*) và nữ tu mười giới | Thêm giới không cầm giữ tiền bạc |
| 227 giới Pāṭimokkha | Bhikkhu thọ Cụ túc giới | Bộ luật trọn vẹn của đời sống xuất gia |

Các giới điều của Luật tạng không được ban hành trước như một bộ luật trừu tượng. Đức Phật chế định mỗi giới để đáp ứng một sự việc cụ thể, và kinh văn ghi lại "duyên khởi" ấy cùng với chính giới điều.

Chính Đức Phật đã dạy phép tu tập tại gia theo từng bậc này. Trong **Kinh Dhammika** (Kinh Tập 2.14), Ngài dạy người gia chủ giữ năm giới, thọ trì Bát quan trai giới vào các ngày 14, 15 và 8 của mỗi nửa tháng âm lịch, và cung kính dâng cúng vật thực, nước uống đến Tăng-già (xem Phần VI, mục 6).

### *Kiến thức phổ thông*

Giới không phải là những điều răn do một vị thần áp đặt, mà là những *học giới* (*sikkhāpada*) được tự nguyện thọ trì, với lời nguyện "Con xin thọ trì học giới tránh xa…". Mỗi bậc thêm sự chế ngự ở chỗ bậc trước còn để ngỏ cho tham ái. Năm giới điều chỉnh việc gây hại cho người khác; Tám giới thêm sự chế ngự các giác quan (ăn uống, giải trí, trang sức, tiện nghi); Mười giới thêm sự từ bỏ tiền bạc; 227 giới điều chỉnh toàn bộ một nếp sống. Vì có thứ bậc, người tại gia có thể lên xuống trên chiếc thang ấy: năm giới hằng ngày, tám giới vào ngày Bố-tát, mười giới trong thời gian nhập thất.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Anh Minh, 40 tuổi, nhân viên ngân hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh, giữ năm giới "tương đối." Anh không sát sinh hay trộm cắp, nhưng vẫn uống bia với khách hàng và nói dối vặt để chốt hợp đồng. Sau khi cha mất, anh bắt đầu

đến chùa vào những ngày rằm và thọ tám giới tại đó. Anh nhận thấy vào những ngày ấy tâm mình lắng dịu lạ thường: không ăn vặt buổi chiều, không xem video trên điện thoại, không uống rượu buổi tối. Sau một năm, anh bỏ hẳn rượu bia và nhận ra mình không cần những lời nói dối vặt nữa, vì khách hàng tin anh hơn khi anh nói thẳng thắn.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh nghiệm của anh Minh cho thấy giới vận hành như một sự *tu tập*, không phải một kỳ sát hạch. Lời tóm lược toàn bộ giáo pháp của Đức Phật là: "Không làm mọi điều ác, thành tựu các hạnh lành, giữ tâm ý trong sạch: đó là lời chư Phật dạy" (Pháp Cú 183, diễn ý). Năm giới đáp ứng câu thứ nhất; tám giới bắt đầu câu thứ ba. Kinh Pháp Cú cũng cảnh tỉnh rằng ai sát sinh, nói dối, lấy của không cho, đi đến vợ người và đắm say rượu chè thì "ngay ở đời này đã tự đào bới gốc rễ của mình" (Pháp Cú 246–247, diễn ý). Việc anh Minh thoát khỏi rượu và lời nói dối đã nhổ bỏ đúng những gốc rễ ấy, và sự an ổn anh cảm nhận chính là "sự không hối hận" mà, như Phần VI giải thích, làm duyên cho hoan hỷ.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Giới có phải là những điều răn không? **Đ:** Không; đó là những học giới (*sikkhāpada*) được tự nguyện thọ trì.
2. **H:** Ai giữ Năm giới? **Đ:** Mọi Phật tử tại gia.
3. **H:** Người tại gia giữ Tám giới khi nào? **Đ:** Vào các ngày Bố-tát (Uposatha).

4. **H:** Tám giới thêm những gì? **Đ:** Phạm hạnh, không ăn sau giờ ngọ, không giải trí hay trang sức, không dùng giường cao sang.
5. **H:** Mười giới thêm gì? **Đ:** Không cầm giữ tiền bạc.
6. **H:** Bhikkhu giữ bao nhiêu giới? **Đ:** 227 giới trong Giới bổn Pāṭimokkha.
7. **H:** Các giới điều của Luật tạng được chế định như thế nào? **Đ:** Để đáp ứng những sự việc cụ thể, mỗi giới có một duyên khởi.
8. **H:** Kinh nào dạy người tại gia thọ Bố-tát? **Đ:** Kinh Dhammika (Kinh Tập 2.14).
9. **H:** Lời tóm lược giáo pháp ba câu của Đức Phật là gì? **Đ:** Tránh điều ác, làm điều lành, thanh lọc tâm ý (Pháp Cú 183).
10. **H:** Quả trực tiếp của việc giữ giới là gì? **Đ:** Sự không hối hận.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Vì sao một hệ thống giới có thứ bậc có thể phù hợp với đời sống tại gia hơn một bộ luật duy nhất?
2. Giới nào bạn thấy khó giữ nhất, và vì sao?
3. Việc giữ tám giới trong một ngày làm thay đổi tâm như thế nào?
4. Theo nghĩa nào giới “bảo vệ” các chúng sinh khác?
5. Bạn sẽ giới thiệu năm giới với một người thuộc tôn giáo khác như thế nào?

***Thơ: Chiếc Thang Giới Hạnh***

*Năm bậc cho mỗi mái nhà, mỗi ngày qua:*

*Không hại, không trộm, không dối, không tà dâm, không men say.*

*Ngày rằm, tám giới: bữa chiều buông xả,*

*Tiếng nhạc lặng im, nệm êm gác lại.*

*Mười giới cho Sa-di, buông tiền bạc xuống;*

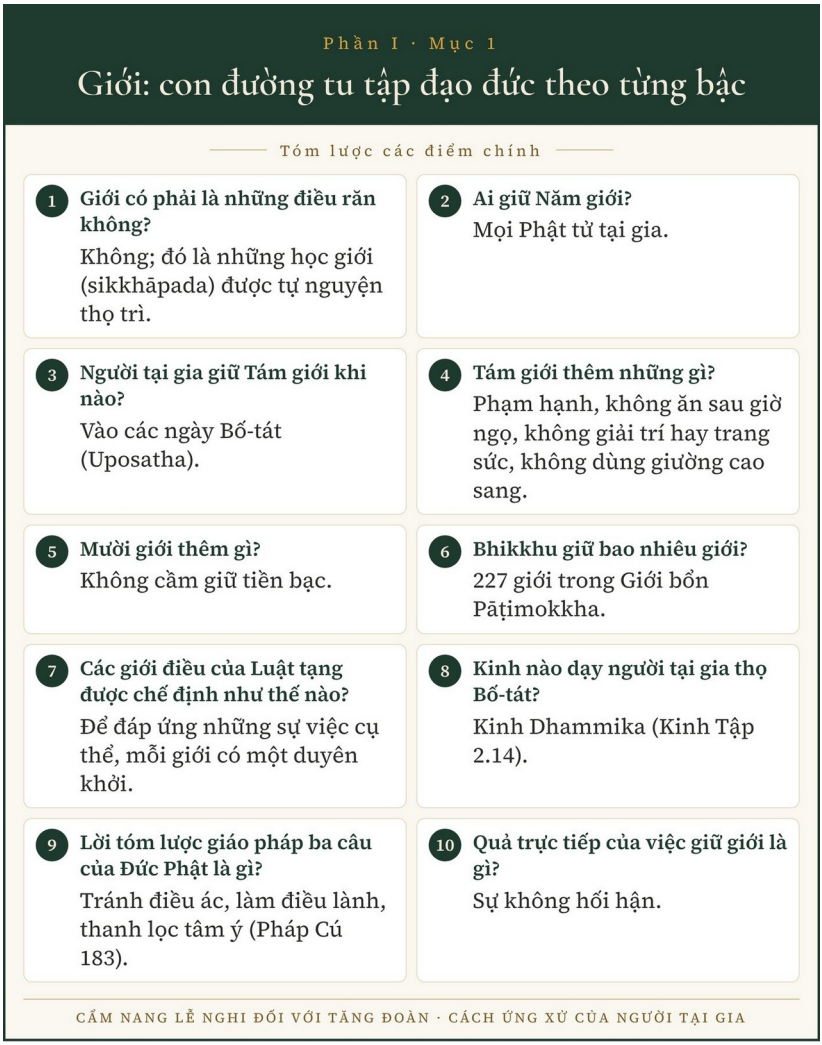
*Hai trăm hai mươi bảy cho vị Bhikkhu.*

*Mỗi bậc tự chọn, chẳng ai ép buộc;*

*Mỗi bậc là lời hứa giữ trọn với muôn loài.*

*Và leo lên, ta thấy chẳng phải lồng giam mà là bầu trời:*

*Lương tâm trong như bình minh, chẳng còn gì phải sợ.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 2. Trở thành một vị Bhikkhu như thế nào

**Xuất gia Sa-di.** Bước đầu tiên là "Xuất gia" (*pabbajjā*). Người dưới hai mươi tuổi có thể trở thành Sa-di. Vị ấy mặc y (không có y kép bên ngoài), giữ Mười giới và 75 học giới về oai nghi.

**Thọ Cụ túc giới.** Lễ thọ đại giới (*upasampadā*) đòi hỏi giới tử phải là nam và tối thiểu hai mươi tuổi. Vị ấy phải không phạm trọng tội, không mắc nợ, không đang phục vụ nhà nước, đủ sức khỏe và được cha mẹ cho phép. Nghi lễ đòi hỏi một giới trường được kết giới (*sīmā*), một vị Thầy tế độ (*upajjhāya*) và túc số chư Tăng. Đáng chú ý, giới tử **không phát nguyện suốt đời**; vị ấy hiến mình cho sự tu học.

**Các bậc hạ lạp.** Hạ lạp được tính bằng số "mùa an cư" (số kỳ an cư mùa mưa đã hoàn tất):

1. *Navaka* ("tân Bhikkhu"), từ năm thứ 1 đến 5: phải sống nương tựa (*nissaya*) vào Thầy tế độ hoặc thầy y chỉ, trong mối quan hệ được ví như cha con.
2. *Majjhima* ("trung lạp"), từ năm thứ 5 đến 10: có thể sống độc lập nếu đủ khả năng.
3. *Thera* ("Trưởng lão"), từ mười hạ trở lên: nếu đủ phẩm chất, có thể làm Thầy tế độ và thầy dạy.

### *Kiến thức phổ thông*

Thọ giới là một hành động *tập thể*: không ai có thể tự mình trở thành Bhikkhu. Giới tử được khảo hạch công khai, và Tăng-già chỉ chấp nhận khi không vị nào phản đối sau khi bạch yết-ma được tuyên đọc ba lần. Điều này bảo vệ Tăng-già khỏi những người không xứng đáng và khiến mỗi vị Bhikkhu trở thành một mắt xích trong dòng truyền thừa ngược về đến Đức Phật. Năm năm nương tựa (*nissaya*) cũng quan trọng không kém: giới luật được học không chỉ qua sách vở mà qua việc sống bên cạnh một vị thầy hiện thân của giới luật.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

James, 26 tuổi, nhà thiết kế đồ họa ở Perth, cạo đầu sau một cuộc chia tay đau đớn và xin một tu viện cho thọ giới ngay tuần sau. Vị trụ trì niềm nở đón tiếp nhưng yêu cầu anh trước hết ở lại sáu tháng làm *anagārika* (người tu bạch y), giữ tám giới. Được nửa chừng, James nhận ra mình đã muốn trốn chạy nỗi đau hơn là tu tập tâm. Anh ở lại, hoàn tất một năm và được thọ giới Sa-di với sự hiện diện của cha mẹ; khi ấy, anh nói, “Tôi đang đi đến một điều gì đó, chứ không phải chạy trốn.”

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú khẳng định hình thức bên ngoài là chưa đủ: “Không phải đầu trọc mà thành Sa-môn, nếu buông lung, nói dối” (Pháp Cú 264, diễn ý); và “Dù trang sức đẹp đẽ, nếu sống an tịnh, điều phục, chế ngự, thanh tịnh, không hại chúng sinh, người ấy là Bà-la-môn, là Sa-môn, là Bhikkhu” (Pháp Cú 142, diễn ý). Thời gian tập sự đã thử thách tâm nguyện của James, vốn là cốt lõi của việc thọ giới. Câu kệ “Vị Bhikkhu trẻ tinh tấn với giáo pháp của Đức Phật chiếu sáng thế gian này như vầng trăng thoát khỏi mây che” (Pháp Cú 382, diễn ý) mô tả kết quả của một ơn gọi được bước vào vì đúng lý do.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bước đầu tiên của việc thọ giới là gì? **Đ:** Xuất gia (*pabbajjā*), trở thành Sa-di.
2. **H:** Thọ đại giới gọi là gì? **Đ:** *Upasampadā* (Cụ túc giới).

3. **H:** Tuổi tối thiểu để thọ Cụ túc giới là bao nhiêu? **Đ:** Hai mươi tuổi.
4. **H:** Kể ba điều kiện đối với giới tử. **Đ:** Không phạm trọng tội, không mắc nợ, không phục vụ nhà nước; khỏe mạnh; được cha mẹ cho phép.
5. **H:** Nghi lễ đòi hỏi những gì? **Đ:** Giới trường đã kết giới (*sīmā*), Thầy tế độ và túc số chư Tăng.
6. **H:** Giới tử có phát nguyện suốt đời không? **Đ:** Không; vị ấy hiến mình cho sự tu học.
7. **H:** *Navaka* là gì? **Đ:** Tân Bhikkhu trong năm hạ đầu, sống nương tựa vào thầy.
8. **H:** *Majjhima* là gì? **Đ:** Vị Bhikkhu từ năm đến mười hạ, có thể sống độc lập.
9. **H:** Thera là gì? **Đ:** Trưởng lão từ mười hạ trở lên, có thể làm Thầy tế độ nếu đủ phẩm chất.
10. **H:** Theo Kinh Pháp Cú, điều gì làm nên một Sa-môn chân chính? **Đ:** Sự điều phục nội tâm, không phải cái đầu cạo trọc (Pháp Cú 264).

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao thọ giới là một hành động tập thể chứ không chỉ là lựa chọn cá nhân?
2. Giá trị của thời gian tập sự trước khi thọ giới là gì?
3. Vì sao Đức Phật có thể đã đòi hỏi năm năm nương tựa vào thầy?
4. Một giới tử nên tự xét động cơ của mình như thế nào?
5. Gia đình tại gia có thể làm gì để hỗ trợ con em hay người thân xuất gia?

***Thơ: Xuất Gia***

*Chàng gác tên mình cùng xiêm áo đẹp;*

*Lưỡi dao cạo đi bao năm tháng điểm trang.*

*Trước Tăng-già hội đủ, chàng được hỏi,*

*“Con có sạch nợ, sạch tội, không vướng lệnh vua chăng?”*

*Ba lần yết-ma, không tiếng nào phản đối;*

*Thế là thêm một mắt xích nối dài.*

*Năm năm bên thầy như con bên cha,*

*Chàng học giới bằng sống, chẳng bằng thuộc lòng.*

*Không nguyện suốt đời, mà mỗi bình minh một lựa chọn:*

*Bước trên đường rộng mở, chẳng phải chốn bụi trần.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 3. An cư mùa mưa và xuất gia gieo duyên

Mỗi năm ba tháng, trong mùa gió mùa ở châu Á (khoảng tháng Bảy đến tháng Mười), chư Tăng ngưng du hành và phải có mặt tại một trú xứ vào mỗi rạng đông. Mùa *vassa* này là thời gian tăng cường học tập và thiền định. Được phép vắng mặt tối đa bảy ngày nếu có lý do chính đáng.

Ở Đông Nam Á, nhiều thanh niên xuất gia gieo duyên, thường trong một mùa an cư. Việc này có ý nghĩa như một nghi lễ trưởng thành: bày tỏ lòng biết ơn cha mẹ, những người được xem là cùng chia sẻ phước báu, và đôi khi được thực hiện trước khi lập gia đình hoặc sau khi nghỉ hưu.

### *Kiến thức phổ thông*

Mùa an cư khởi đầu như một giải pháp thực tế trước mùa mưa và trước những lời than phiền của dân chúng rằng chư Tăng du hành dẫm nát mùa màng non. Dần dần, nó trở thành trái tim tâm linh của năm tu học: ba tháng an trú một nơi, thiền định và học tập tinh chuyên, gắn bó mật thiết với một cộng đồng cư sĩ. Với người tại gia, mùa an cư cũng là mùa tu tập thêm: nhiều người thọ tám giới vào mỗi ngày Bố-tát, từ bỏ một thói quen, hoặc đến chùa thường xuyên hơn.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Tại một làng người Lào ở Minnesota, cậu Kham mười chín tuổi xuất gia Sa-di trong ba tháng an cư trước khi vào đại học. Mỗi sáng, bà nội đi bộ đến chùa để dâng cơm cho cậu. Ban đầu cậu thấy thời tụng kinh lúc 4 giờ sáng thật khó chịu nổi; đến cuối mùa, chính cậu dẫn tụng. Ngày cậu hoàn tục, bà rơi nước mắt, nói rằng bà đã tạo được nhiều phước trong ba tháng hơn cả mười năm. Kham kể rằng kỷ luật học được đã giúp cậu vượt qua năm đầu đại học đầy khó khăn.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Mùa an cư hiện thân lời tán thán sự không buông lung trong Kinh Pháp Cú: “Không buông lung là con đường đến Bất tử; buông lung là con đường đến tử vong” (Pháp Cú 21, diễn ý). Sự tu tập an trú một nơi xây dựng điều Đức Phật gọi là một hòn đảo: “Bằng tinh tấn, không buông lung, tự điều và tự chế, người trí hãy xây cho mình một hòn đảo mà nước lũ không thể nhận chìm” (Pháp Cú 25, diễn ý). Với người bà, việc dâng cơm hằng ngày là thực hành bố thí; với Kham, kỷ luật là sự tu tập; cả hai cùng minh họa sự nâng đỡ lẫn nhau giữa chư Tăng và cư sĩ.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Mùa an cư kéo dài bao lâu? **Đ:** Ba tháng, khoảng tháng Bảy đến tháng Mười.
2. **H:** Vì sao có mùa an cư? **Đ:** Mùa mưa khiến việc đi lại khó khăn và chư Tăng du hành làm hư hại mùa màng.
3. **H:** Mỗi ngày trong mùa an cư, vị Bhikkhu phải làm gì? **Đ:** Có mặt tại trú xứ đã chọn vào lúc rạng đông.
4. **H:** Được vắng mặt bao lâu nếu có lý do chính đáng? **Đ:** Tối đa bảy ngày.
5. **H:** Hạ lạp của một vị Bhikkhu được tính thế nào? **Đ:** Bằng số mùa an cư đã hoàn tất.
6. **H:** Xuất gia gieo duyên là gì? **Đ:** Xuất gia trong một thời gian giới hạn, thường là một mùa an cư.
7. **H:** Xuất gia gieo duyên phổ biến ở đâu? **Đ:** Khắp Đông Nam Á.

8. **H:** Việc ấy tôn vinh ai? **Đ:** Cha mẹ của người xuất gia, những người được xem là cùng chia phước.
9. **H:** Người tại gia thường làm gì trong mùa an cư? **Đ:** Giữ thêm giới và đến chùa thường xuyên hơn.
10. **H:** Câu kệ Pháp Cú nào nói lên tinh thần mùa an cư? **Đ:** "Không buông lung là con đường đến Bất tử" (Pháp Cú 21).

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Một gia đình tại gia có thể biến mùa an cư thành một mùa đặc biệt ở nhà như thế nào?
2. Lợi ích và rủi ro của việc xuất gia gieo duyên là gì?
3. Vì sao việc an trú một nơi có thể làm sâu sắc sự tu tập?
4. Mùa an cư thắt chặt mối dây giữa ngôi chùa và làng xóm như thế nào?
5. Bạn sẽ từ bỏ điều gì trong ba tháng, và vì sao?

***Thơ: Mùa An Cư***

*Mưa đổ xuống trên từng thửa ruộng;*
*Đường làng hóa sông, đỏ ngầu bùn đất.*
*Vị sư du hành thôi bước, dừng chân;*
*Mỗi sớm mai thức dậy cùng một chốn.*
*Trai làng khoác lên tấm y vàng,*
*Mẹ họ đi lúc bình minh mang cơm đến.*
*Ba tháng tụng kinh, học hành, tĩnh tọa;*
*Ba tháng bố thí từ bàn tay rộng mở.*
*Và khi mây tan, các chàng trai ra đi,*
*Nhưng một phần tĩnh lặng vẫn theo cùng.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 4. Hoàn tục

Vì không có lời nguyện suốt đời, vị Bhikkhu có thể hoàn tục bằng cách tuyên bố rõ ràng sự thay đổi thân phận của mình với một người hiểu được lời ấy. Một đời sống tại gia tốt đẹp được xem là hơn một đời sống xuất gia lơi lỏng, dù ở một số nền văn hóa việc hoàn tục bị kỳ thị. Ngược lại, vị Bhikkhu phạm một trong bốn trọng tội nặng nhất (xem

Phần II) tự động bị trục xuất và không bao giờ được thọ giới lại trong đời này.

### *Kiến thức phổ thông*

Việc không có lời nguyện suốt đời là một trong những nét nhân văn nhất của Luật tạng. Nó thừa nhận rằng sự cam kết không thể bị cưỡng ép, và một vị Bhikkhu bất toại nguyện sẽ làm hại chính mình, Tăng-già và cư sĩ. Vì vậy, hoàn tục một cách chân thật không phải là thất bại mà là một hình thức trung thực. Điều Luật tạng cấm là ở lại trong y áo mà lén lút phạm giới.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Đại đức Sumana đã xuất gia sáu năm ở Sri Lanka khi ông đem lòng yêu một phụ nữ thường đến chùa. Trong nhiều tháng ông giấu kín cảm xúc, trở nên cáu kỉnh và lơi lỏng. Thầy của ông nhận ra và hỏi thẳng. Sumana thú nhận, bật khóc và quyết định hoàn tục. Vị thầy giúp ông làm lễ xả giới và vẫn giữ tình thầy trò. Mười năm sau, đã lập gia đình với hai con, ông điều hành lớp học Chủ nhật của chùa và giữ năm giới nghiêm túc.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú cảnh tỉnh: “Như cỏ kusa cầm sai thì cắt đứt tay, đời sống xuất gia hành trì sai thì kéo người xuống đọa xứ” (Pháp Cú 311, diễn ý), và “Thà nuốt hòn sắt nóng đỏ còn hơn phá giới mà thọ dụng vật thực của tín thí” (Pháp Cú 308, diễn ý). Sumana đã tránh được điều ấy bằng cách chọn trung thực thay vì giả dối. Đời sống về sau của ông cho thấy rời y áo không có nghĩa là rời con đường: “Tự

mình là nơi nương tựa của chính mình, còn ai khác có thể là nơi nương tựa?" (Pháp Cú 160, diễn ý).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Vị Bhikkhu có phát nguyện suốt đời không? **Đ:** Không.
2. **H:** Vị Bhikkhu hoàn tục bằng cách nào? **Đ:** Tuyên bố rõ ràng sự thay đổi thân phận với một người hiểu lời ấy.
3. **H:** Hoàn tục có phải là thất bại không? **Đ:** Không; đời sống tại gia tốt đẹp hơn đời sống xuất gia lơi lỏng.
4. **H:** Có nền văn hóa nào kỳ thị việc hoàn tục không? **Đ:** Có, ở những nơi kỳ vọng xuất gia trọn đời.
5. **H:** Ở Thái Lan, nghi lễ nào thường diễn ra sau đó? **Đ:** Vị cựu tu sĩ thọ Năm giới.
6. **H:** Có giới hạn số lần thọ giới lại không? **Đ:** Một truyền thống, không phải giới luật, cho rằng không quá bảy lần.
7. **H:** Điều gì xảy ra sau khi phạm tội Bất cộng trụ (Pārājika)? **Đ:** Vị ấy tự động bị trục xuất và không thể thọ giới lại.
8. **H:** Pháp Cú 311 ví đời sống xuất gia hành trì sai với gì? **Đ:** Cỏ kusa cầm sai, cắt đứt tay.
9. **H:** Vì sao hoàn tục chân thật tốt hơn ở lại mà phạm giới? **Đ:** Vì tránh được đạo đức giả và tổn hại cho Tăng-già.

10. **H:** Người đã hoàn tục có thể tiếp tục trên con đường không? **Đ:** Có; "tự mình là nơi nương tựa của chính mình" (Pháp Cú 160).

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao việc không có lời nguyện suốt đời có thể làm Tăng-già mạnh hơn chứ không yếu đi?
2. Cộng đồng nên đối xử thế nào với một vị Bhikkhu hoàn tục?
3. Những dấu hiệu nào cho thấy một vị Bhikkhu đang mất dần tâm nguyện?
4. Bạn đạo có thể giúp một vị Bhikkhu khơi lại sự tu tập như thế nào?
5. Câu chuyện Đại đức Sumana dạy gì về sự trung thực?

### *Thơ: Rời Áo Cà-sa*

*Chàng xếp y cẩn trọng như lời nguyện,*
*Đặt lên bàn thờ, rồi đứng dậy.*
*Không lời nguyện nào bị phá, không giới nào bị phản;*
*Chàng chỉ nói thật lòng mình.*
*Thà làm cư sĩ trung tín giữa đời*
*Hơn mặc áo tu mà chẳng giữ.*
*Thầy chàng đi bên cạnh đến cổng chùa,*
*Và chẳng thu lại tình thân cùng tấm y.*
*Con đường rộng hơn bức tường tu viện;*
*Giờ chàng bước trong áo trắng, vẫn bước tiếp.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 5. Nữ giới trong Tăng-già

Đức Phật đã thành lập song song một Ni đoàn (*bhikkhunī*), giữ 311 giới. Trong thế giới Theravāda, dòng truyền thừa này bị gián đoạn sau sự sụp đổ của Anuradhapura (thế kỷ 11) và Pagan (thế kỷ 13). Ngày nay phụ nữ có thể xuất ly

làm nữ tu tám giới hoặc mười giới (ví dụ *dasasīla mātā* ở Sri Lanka), và một số cộng đồng như Amaravati ở Anh tạo điều kiện cho họ.

### *Kiến thức phổ thông*

Lịch sử Ni đoàn là lịch sử của thành tựu và mất mát. Kinh điển ghi lại Đức Phật thành lập Ni đoàn theo lời thỉnh cầu của dưỡng mẫu Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī, và Đại đức Ānanda. Chư Ni đã để lại một trong những tập thơ tôn giáo của nữ giới sớm nhất thế giới. Sự gián đoạn của dòng truyền thừa Theravāda nhiều thế kỷ sau là do chiến tranh và sụp đổ chính trị, không phải do giáo lý. Ngày nay, các cộng đồng nữ xuất ly, được công nhận hay chưa, vẫn tiếp nối truyền thống trên thực tế.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Sư cô Dhammavati, nguyên là y tá ở Yangon, trở thành *thilashin* (nữ tu mười giới) năm bốn mươi lăm tuổi sau khi hai con đã lập gia đình. Gia đình bà băn khoăn: sao lại từ bỏ một cuộc sống đủ đầy? Bà giải thích rằng nghề y tá cho bà thấy hằng ngày thân thể suy tàn nhanh chóng đến nhường nào, và bà muốn dành những năm còn lại để tu tập. Nay bà dạy thiền cho phụ nữ trong làng và chăm sóc các nữ tu cao tuổi.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Động cơ của sư cô Dhammavati vọng lại câu chuyện của Bhikkhunī Paṭācārā, người sau những mất mát không thể chịu đựng đã nghe Đức Phật dạy: “Dù sống trăm năm mà không thấy pháp sinh diệt, chẳng bằng sống một ngày thấy

được pháp sinh diệt" (Pháp Cú 113, diễn ý). Kinh Pháp Cú không phân biệt nam nữ khi trình bày con đường; giải thoát tùy thuộc vào tuệ giác, không phải giới tính. Việc bà phụng sự người khác cũng phản ánh lời dạy rằng pháp thí thắng mọi thí (Pháp Cú 354).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Đức Phật có thành lập Ni đoàn không? **Đ:** Có, Ni đoàn Bhikkhunī.
2. **H:** Theo lời thỉnh cầu của ai? **Đ:** Bà Mahāpajāpatī Gotamī, với sự hỗ trợ của Đại đức Ānanda.
3. **H:** Bhikkhunī giữ bao nhiêu giới? **Đ:** 311 giới.
4. **H:** Dòng truyền thừa Bhikkhunī Theravāda gián đoạn khi nào? **Đ:** Sau sự sụp đổ của Anuradhapura (thế kỷ 11) và Pagan (thế kỷ 13).
5. **H:** Vì sao gián đoạn? **Đ:** Do chiến tranh và sụp đổ chính trị, không phải do giáo lý.
6. **H:** *Thilashin* là gì? **Đ:** Nữ tu mười giới ở Myanmar.
7. **H:** *Dasasīla mātā* là gì? **Đ:** Nữ tu mười giới ở Sri Lanka.
8. **H:** Kể tên một cộng đồng phương Tây hỗ trợ nữ tu. **Đ:** Tu viện Phật giáo Amaravati ở Anh.
9. **H:** Câu chuyện của vị Ni nào là duyên khởi của Pháp Cú 113? **Đ:** Paṭācārā.
10. **H:** Kinh Pháp Cú có phân biệt nam nữ trên con đường không? **Đ:** Không; giải thoát tùy thuộc vào tuệ giác.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Ngày nay nữ xuất ly gặp những thách thức gì?
2. Vì sao việc gìn giữ các cộng đồng nữ tu có ý nghĩa với toàn thể Tăng-già?
3. Người tại gia có thể hỗ trợ nữ tu ở địa phương mình như thế nào?
4. Trưởng Lão Ni Kệ (Therīgāthā) có thể dạy gì cho độc giả hiện đại?
5. Câu chuyện của Paṭācārā nói gì với những người đang đối diện mất mát?

### *Thơ: Dòng Truyền Thừa Ni Giới*

*Bà dưỡng mẫu cạo tóc, chân trần đi bộ,*

*Ba lần thỉnh cầu vào đời sống không nhà.*

*Đức Phật dạy rằng nữ nhân cũng có thể tỉnh thức,*

*Và thế là dòng y áo Ni giới bắt đầu.*

*Các bà ca hát tự do trong Trưởng Lão Ni Kệ;*

*Dạy người trí, dạy vua chúa, dạy thôn nữ.*

*Rồi chiến tranh đến, dòng truyền thừa thất lạc,*

*Nhưng không mất niềm khát khao, chẳng mất con đường.*

*Hôm nay trong áo nâu, áo trắng, chư Ni vẫn ngồi thiền;*

*Sợi chỉ đã đứt, mà tấm vải vẫn còn.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 6. Những câu hỏi thường gặp của người mới

- **Vì sao mặc y?** Lời quán tưởng của Đức Phật nêu rõ mục đích: để ngăn lạnh, nóng và côn trùng, và để che thân kín đáo. Kiểu y ghép từ nhiều mảnh ban đầu cho phép may y từ vải bị bỏ đi. Màu y thay đổi theo thuốc nhuộm, từ nhuộm lõi gỗ tự nhiên đến phẩm nhuộm hóa học ngày nay.

- **Vì sao dùng bát?** Bát hiện thân lời quán tưởng rằng vật thực được thọ dụng "không phải để vui đùa, không phải để say đắm… mà chỉ để thân này được tồn tại và duy trì." Ngày nay nhiều vị Bhikkhu dùng đĩa; ta chỉ cần hỏi thói quen của vị ấy.
- **Vì sao cạo đầu?** Việc này noi theo sự xuất ly của Bồ-tát, biểu lộ sự dấn thân vào đời sống phạm hạnh và dứt bỏ tính phù phiếm. Chư Tăng không được nhuộm tóc bạc, vì tóc bạc nhắc nhở về vô thường.
- **Vì sao đảnh lễ?** Đảnh lễ là hướng về Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) mà y áo và tôn tượng tượng trưng, không phải hướng về một cá nhân. Giá trị của nó nằm ở tâm ý chánh niệm phía sau; không vị Bhikkhu chân chính nào phật ý nếu ta không đảnh lễ.
- **Tôi có thể dâng cúng mà không được thỉnh cầu không?** Được. Bố thí (*dāna*) là đức hạnh đầu tiên Đức Phật thường tán thán. Tuy nhiên, vật cúng nên hữu ích và trong khả năng của người dâng.

### *Kiến thức phổ thông*

Mỗi đặc điểm bên ngoài của vị Bhikkhu (y áo, bình bát, đầu cạo, sự đảnh lễ mà vị ấy nhận) đều có lý do bắt nguồn từ sự xuất ly và lòng tôn kính. Hiểu được lý do biến sự tò mò thành tuệ giác: người mới thấy rằng y áo biểu lộ sự khiêm cung, bình bát biểu lộ sự tri túc, và cái đầu cạo là sự buông bỏ tính phù phiếm. Còn đảnh lễ thì không hướng về con người mà hướng về những phẩm chất mà y áo đại diện.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Emily, một sinh viên trao đổi người Mỹ ở Chiang Mai, nhìn chư Tăng đi khất thực lúc bình minh và nghĩ trông giống như ăn xin. Bà mẹ chủ nhà mời cô cùng tham gia. Khi cô đặt một muỗng cơm vào bát một vị Bhikkhu, vị ấy không nhìn cô cũng không nói cảm ơn, và cô thấy bị xem thường. Sau đó bà giải thích rằng vị Bhikkhu nhận trong im lặng để giữ tâm vào bình bát, và chính người dâng, chứ không phải vị Bhikkhu, mới là người nên cảm thấy biết ơn. Sáng hôm sau Emily lại đi, và lần này cô cảm thấy hoan hỷ thay vì ngượng ngùng.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú đưa ra hình ảnh kinh điển về việc khất thực: "Như ong hút mật hoa, không hại sắc và hương, rồi bay đi; bậc Mâu-ni đi vào làng cũng vậy" (Pháp Cú 49, diễn ý). Vị Bhikkhu chỉ nhận những gì được dâng, không làm phiền ai và để lại gia đình nguyên vẹn. Sự đổi thay trong lòng Emily minh họa tính hỗ tương của bố thí: món quà thanh lọc tâm người cho, và bố thí được tán thán là đầu tiên trong các phước nghiệp. Như Pháp Cú 177 nói, người trí hoan hỷ trong bố thí và nhờ đó được an lạc đời sau (diễn ý).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Mục đích của y áo là gì? **Đ:** Để ngăn lạnh, nóng, côn trùng và che thân kín đáo.
2. **H:** Vì sao y được may từ nhiều mảnh? **Đ:** Để có thể ghép từ vải bị bỏ đi.

3. **H:** Bình bát tượng trưng cho điều gì? **Đ:** Sự tri túc và ăn chỉ để duy trì sự sống.
4. **H:** Có phải mọi vị Bhikkhu đều ăn trong bát? **Đ:** Không; nhiều vị dùng đĩa. Hãy hỏi thói quen của vị ấy.
5. **H:** Vì sao chư Tăng cạo đầu? **Đ:** Để noi theo sự xuất ly của Bồ-tát và từ bỏ tính phù phiếm.
6. **H:** Vị Bhikkhu có được nhuộm tóc bạc không? **Đ:** Không; tóc bạc nhắc nhở về vô thường.
7. **H:** Ta đảnh lễ ai? **Đ:** Đảnh lễ Tam Bảo mà y áo tượng trưng, không phải một cá nhân.
8. **H:** Có bắt buộc phải đảnh lễ không? **Đ:** Không; không vị Bhikkhu chân chính nào phật ý nếu ta không đảnh lễ.
9. **H:** Có thể dâng cúng mà không được thỉnh cầu không? **Đ:** Được; bố thí rất được tán thán.
10. **H:** Câu kệ nào mô tả việc khất thực? **Đ:** Pháp Cú 49: như ong hút mật mà không hại hoa.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Phong tục nào trong số này làm bạn ngạc nhiên nhất, và vì sao?
2. Việc hiểu lý do của một phong tục làm thay đổi cảm nhận của bạn về nó như thế nào?
3. Đảnh lễ có ý nghĩa không nếu thiếu tâm ý bên trong? Hãy thảo luận.
4. Bố thí có thể thanh lọc người cho như thế nào?
5. Bạn sẽ thêm câu hỏi nào của người mới vào danh sách này?

***Thơ: Ong và Hoa***

*Đầu cạo trọc, y ghép mảnh màu đất,*
*Bình bát ôm sát giữa sáng sớm se lạnh:*
*Người mới nhìn thấy kẻ ăn xin ngoài phố,*
*Mà không biết người cho mới là người có phước.*
*Ngài chẳng nhìn bạn; Ngài nhìn vào bên trong,*
*Nhận hạt cơm như thể nhận Chánh pháp.*
*Như ong hút mật rồi bay đi,*
*Để lại đóa hoa nguyên sắc, nguyên hương,*
*Ngài đi qua làng, bước chân nhẹ nhàng,*
*Và để lại niềm hoan hỷ nơi từng ngõ cửa.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 7. Tóm lược lễ nghi thực hành

- Dâng vật thực và vật dụng trực tiếp vào tay vị Bhikkhu hoặc lên tấm vải nhận; theo truyền thống Thái Lan, người nữ đặt vật dâng lên tấm vải thay vì trao tận tay.

- Không dâng tiền cho cá nhân vị Bhikkhu; hãy gửi tiền cúng dường qua người hộ Tăng tại gia (Kappiya).
- Không dâng vật thực cứng sau giờ ngọ.
- Người nữ nên tránh ở một mình với vị Bhikkhu nơi kín đáo.
- Chư Tăng không xin điều gì nếu không được thỉnh mời; một **lời thỉnh mời** chính thức (*pavāraṇā*) là cách đúng đắn để cho vị Bhikkhu biết bạn sẵn lòng cúng dường những gì.

Những phong tục này dựa trên lời dạy trong kinh điển. **Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt** (Sigālovāda, Trường Bộ 31), được gọi là "Luật của người tại gia," dạy người gia chủ đối xử với hàng xuất gia, tức phương "trên," bằng thân, khẩu, ý từ ái, luôn mở cửa đón tiếp và cung cấp các nhu cầu vật chất. **Kinh Dhammika** (Kinh Tập 2.14) bổ sung việc cung kính cúng dường và thọ trì Bố-tát.

### *Năm điều cốt yếu trong lễ nghi của người tại gia*

| Lĩnh vực | Nên làm gì | Vì sao |
|---|---|---|
| **Xưng hô với Tăng-già** | Dùng danh xưng thay vì tên riêng. "Bhante" (Bạch Ngài) hoặc "Đại đức" đều lịch sự ở mọi nơi. Trong cộng đồng Thái Lan, "Ajahn" (thầy) dùng cho các vị Bhikkhu cao hạ, thường từ mười hạ trở lên; "Ayya" thường dùng cho nữ tu Theravāda (Bhikkhunī và, ở phương Tây, nhiều nữ tu mười giới). | Thứ bậc tính theo hạ lạp, không theo tuổi đời; danh xưng tôn vinh y áo và sự tu tập mà y áo đại diện. |
| **Ranh giới thân thể** | Tránh tiếp xúc thân thể với người xuất gia khác giới. Trong cộng đồng Thái Lan, kể cả truyền thống Thiền lâm Thái, người nữ đặt vật dâng lên tấm vải nhận của vị Bhikkhu. Không ngồi một mình với người xuất gia khác giới trong phòng kín hay nơi khuất. | Người xuất gia giữ phạm hạnh nghiêm ngặt (Pār. 1; Saṅgh. 2); các giới Bất định và Pāc. 44–45 cấm ngồi nơi khuất. |
| **Dâng vật thực (*dāna*)** | Dâng vật thực đúng nghi thức, vào tay, bát hoặc vải nhận, trong khoảng từ rạng đông đến chính ngọ theo mặt trời. Đừng mong vị Bhikkhu cất phần thừa để dùng sau. Vị Bhikkhu không xin vật thực trừ khi bệnh, hoặc người dâng là thân quyến hay đã thỉnh mời vị ấy. | Dâng đúng nghi thức (Pāc. 40); không ăn sau giờ ngọ (Pāc. 37); không tích trữ (Pāc. 38); không xin thực phẩm thượng vị khi không bệnh (Pāc. 39). |
| **Tư thế và khoảng cách** | Ngồi xuống hoặc cúi đầu thay vì đứng cao hơn vị xuất gia đang ngồi. Không bao giờ hướng lòng bàn chân về phía người xuất gia hay bàn thờ. Chào bằng *añjali*, chắp tay trước ngực hoặc trán. | Phép kính trọng phổ biến khắp châu Á; các Ưng học pháp về thuyết pháp (57–72) giả định thính chúng có thái độ cung kính. |
| **Cúng dường tài chính** | Không trao tiền cho người xuất gia. Hãy gửi cho người hộ Tăng được chỉ định (Kappiya) hoặc quỹ của tu viện, và báo cho vị xuất gia biết, tốt nhất bằng một mảnh giấy, khoản đã được dành sẵn. Người hộ Tăng sẽ mua các vật dụng hợp lệ như thực phẩm, thuốc men hay vé đi lại khi cần. | Nis. Pāc. 18–20; sự cho phép Meṇḍaka. |

*Ghi chú về "giờ ngọ":* giới hạn của Luật tạng là **chính ngọ theo mặt trời**, lúc mặt trời lên cao nhất, không phải 12 giờ trên đồng hồ. Do múi giờ và giờ mùa hè, chính ngọ theo mặt trời có thể sớm hoặc muộn hơn 12 giờ khá nhiều;

nhiều tu viện thông báo giờ địa phương, và người dâng nên dâng sớm để bữa ăn kết thúc trước thời điểm ấy.

**Điểm then chốt: lời thỉnh mời (*pavāraṇā*).** Luật tạng hạn chế người xuất gia trực tiếp xin vật gì để họ không bao giờ trở thành gánh nặng cho người tại gia. Vì vậy, người tại gia muốn hộ trì một vị xuất gia nên *thỉnh mời* rõ ràng, tốt nhất là nói rõ cúng dường gì và trong bao lâu. Ví dụ: *"Bạch Ngài, nếu tháng này Ngài cần thuốc men hay trợ giúp đi lại, xin Ngài cho con biết. Con rất hoan hỷ được cúng dường."* Nếu không có lời thỉnh mời như vậy, một vị Bhikkhu chân chính thường sẽ im lặng về nhu cầu của mình; nếu không nêu thời hạn, một số cộng đồng xem lời thỉnh mời chỉ có hiệu lực bốn tháng (Pāc. 47).

### *Kiến thức phổ thông*

Lễ nghi ở chùa không phải là hình thức suông. Mỗi cử chỉ (dâng tận tay, tránh tiếp xúc, cởi giày dép, chắp tay) đều bảo vệ sự tu tập của vị Bhikkhu và vun bồi chánh niệm, lòng tôn kính nơi người tại gia. Người khách theo đúng những phong tục này không chỉ lịch sự mà còn đang thực hành Chánh pháp bằng thân và khẩu.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ông Patel, một doanh nhân ở Leicester, thỉnh một vị Bhikkhu đến chúc phúc cửa hàng mới và muốn biếu một tờ 50 bảng để tạ ơn. Vị Bhikkhu nhã nhặn từ chối. Lúng túng, ông Patel hỏi một tình nguyện viên của chùa; người này giải thích về người hộ Tăng và đề nghị ông cúng vào quỹ chùa rồi gửi vị Bhikkhu một mảnh giấy ghi chú. Lần

sau, ông Patel dâng vật thực tận tay, ngồi thấp hơn vị Bhikkhu và chắp tay. Vị Bhikkhu tụng kinh chúc phúc, và nhân viên của ông Patel, nhiều người không theo đạo Phật, đã xin tìm hiểu thêm.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú hứa hẹn: “Người thường kính lễ, tôn trọng bậc trưởng thượng, bốn pháp được tăng trưởng: tuổi thọ, dung sắc, an lạc và sức mạnh” (Pháp Cú 109, diễn ý). Cách hành xử đúng đắn của ông Patel không chỉ giúp tránh một lỗi lầm: nó còn khơi dậy niềm tin nơi người khác, một trong mười mục đích Đức Phật chế giới. Kinh Pháp Cú cũng cho biết đức hạnh của người có giới lan tỏa như hương thơm bay ngược chiều gió (Pháp Cú 54, diễn ý).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Nên dâng vật thực cho vị Bhikkhu như thế nào? **Đ:** Trực tiếp vào tay, bát hoặc tấm vải nhận.
2. **H:** Có được trao tiền trực tiếp cho vị Bhikkhu không? **Đ:** Không; hãy gửi cho người hộ Tăng (Kappiya).
3. **H:** Được dâng vật thực cứng đến lúc nào? **Đ:** Đến chính ngọ theo mặt trời.
4. **H:** Người nữ tránh ở một mình với vị Bhikkhu bằng cách nào? **Đ:** Không gặp riêng vị ấy ở nơi khuất.
5. **H:** Vì sao vị Bhikkhu không xin vật gì? **Đ:** Luật tạng cấm vị ấy trở thành gánh nặng cho người tại gia.

6. **H:** Người tại gia có thể giúp vị Bhikkhu mở lời bằng cách nào? **Đ:** Bằng một lời thỉnh mời rõ ràng (*pavāraṇā*).
7. **H:** Cách xưng hô an toàn nhất với mọi vị Bhikkhu là gì? **Đ:** "Bhante" hoặc "Bạch Ngài."
8. **H:** "Ajahn" nghĩa là gì? **Đ:** Thầy; dùng trong cộng đồng Thái Lan cho các vị cao hạ.
9. **H:** *Añjali* là gì? **Đ:** Chắp tay tỏ lòng tôn kính.
10. **H:** Cơ sở kinh điển cho bổn phận của người tại gia đối với chư Tăng là gì? **Đ:** Kinh Sigālovāda (Trường Bộ 31) và Kinh Dhammika (Kinh Tập 2.14).

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Theo bạn, người mới thường bỏ sót điểm lễ nghi nào nhất?
2. Lễ nghi có thể trở thành một hình thức thực hành chánh niệm như thế nào?
3. Hãy viết một lời thỉnh mời (*pavāraṇā*) mà bạn có thể dâng lên một vị Bhikkhu.
4. Vì sao chính ngọ theo mặt trời, chứ không phải giờ đồng hồ, mới quan trọng?
5. Bạn sẽ giải thích những phong tục này với một người bạn không theo đạo Phật như thế nào?

***Thơ: Trước Cửa Chùa***

*Cởi dép ra; nền chùa mát và sạch.*
*Chắp tay lại, cúi mình nhẹ khi chào.*
*Gọi "Bhante," chẳng gọi tên; tôn kính y áo.*
*Đừng hướng chân về phía bàn thờ.*
*Nâng mâm lên, đặt vào tay Ngài*
*Trước khi mặt trời lên đến đỉnh cao.*
*Đồng tiền gửi người hộ Tăng, chẳng bỏ vào bát;*
*Nếu muốn giúp, hãy thỉnh mời trước tiên.*
*Những nghi thức nhỏ này chẳng phải hình thức suông:*
*Mỗi cử chỉ là Chánh pháp làm bằng đôi tay.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần II — Nghiên Cứu Nâng Cao: Cấu Trúc và Lý Luận của Giới Bổn Pāṭimokkha

Giới bổn Pāṭimokkha là một bộ luật hình phạt có thứ bậc gồm 227 giới, mà mức độ nặng nhẹ chủ yếu tùy thuộc vào tác ý, và việc diễn giải được hướng dẫn bởi truyền thống chú giải cùng "Bốn Đại Tiêu chuẩn." Phần này khảo sát nền tảng văn bản, các loại tội, phương pháp diễn giải và các nhóm giới chính.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về mục đích duy nhất của Giới luật:*

> "Như biển lớn chỉ có một vị, vị mặn; cũng vậy, Pháp và Luật này chỉ có một vị, vị giải thoát." — Tăng Chi Bộ 8.19; Phật Tự Thuyết 5.5

*Về sự giữ gìn giới luật:*

> "Như biển lớn ổn định, không tràn bờ; cũng vậy, các đệ tử của Ta không vượt qua học giới Ta đã chế định, dù phải vì mạng sống." — Tăng Chi Bộ 8.19

*Về lý do chế giới:*

> "Ta sẽ chế định học giới cho các Bhikkhu vì mười lợi ích: vì sự tốt đẹp của Tăng-già, vì sự an lạc của Tăng-già, để chế ngự những người vô tàm, để những Bhikkhu hiền thiện được sống an ổn… để Chánh pháp được tồn tại lâu dài, và để hỗ trợ Giới luật." — Luật tạng, Pār. 1; Tăng Chi Bộ 10.31

*Về tác ý:*

> "Này các Bhikkhu, Ta nói tác ý là nghiệp. Do tác ý mà người ta hành động bằng thân, khẩu và ý." — Tăng Chi Bộ 6.63

*Về mục đích của giới:*

> "Thiện giới lấy không hối hận làm mục đích và lợi ích; không hối hận lấy hân hoan làm mục đích và lợi ích… và cứ thế, từng bước, đến giải thoát." — Tăng Chi Bộ 10.1

*Về việc khuyên răn người khác:*

> "Vị Bhikkhu muốn khuyên răn người khác nên nói đúng thời, nói điều chân thật, nói nhu hòa, nói điều lợi ích, và với tâm từ." — Tăng Chi Bộ 5.167

## 1. Các nguồn văn bản

Luật tạng Pāli gồm năm tập, chia làm ba phần:

- **Phân tích Giới bổn** (*Sutta-vibhaṅga*, hai tập): 227 giới của Bhikkhu và 311 giới của Bhikkhunī, mỗi giới kèm duyên khởi, giải thích từ ngữ và các trường hợp miễn tội.
- **Hợp phần** (*Khandhaka*: *Đại Phẩm* và *Tiểu Phẩm*): luật thủ tục, gồm thọ giới, tụng giới nửa tháng, an cư mùa mưa và các vật dụng.
- **Tập Yếu** (*Parivāra*): phần phụ lục phân tích.

Như Đại đức Thiradhammo nhận xét, Giới bổn Pāṭimokkha là "bộ xương trơ" của Luật tạng; thiếu phần Phân tích và Hợp phần thì nó "không thể áp dụng được." Các tầng lớp về sau gồm bộ chú giải thế kỷ thứ năm

*Samantapāsādikā* và các cẩm nang hiện đại, chủ yếu là *Buddhist Monastic Code* (BMC) của Bhikkhu Thānissaro, *Holy Life* (HS) của Đại đức Thiradhammo, *Vinayamukha* (EV) của Thái Lan và các ghi chú của Ajahn Brahmavaṃso (AB).

### *Kiến thức phổ thông*

Cấu trúc nhiều tầng của Luật tạng (giới điều, duyên khởi, giải thích từ ngữ, miễn tội, chú giải) cho thấy không giới nào có thể hiểu được chỉ qua câu chữ trơ trọi. Duyên khởi cho thấy vấn đề mà giới điều giải quyết; phần giải thích định nghĩa thuật ngữ; phần miễn tội cho thấy giới hạn của nó; còn chú giải áp dụng nó vào các trường hợp mới. Người học chỉ đọc danh sách Giới bổn cũng giống như người chỉ đọc tên các đạo luật của một quốc gia mà không đọc án lệ.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Anan, một sinh viên luật ở Bangkok, thuộc lòng 227 giới bằng tiếng Pāli để dự cuộc thi của chùa và đoạt giải nhất. Thế nhưng khi dì cậu hỏi liệu một vị Bhikkhu có được đi xe của bà không, cậu không biết trả lời. Thầy của cậu, một vị Bhikkhu cao tuổi, giải thích rằng muốn biết giới về việc đi lại cần phải biết duyên khởi, cách chú giải diễn giải và cách cộng đồng thực hành. Anan bắt đầu đọc các câu chuyện trong phần Phân tích và nhận ra các giới điều bỗng trở nên dễ hiểu như những lời giải đáp cho các vấn đề thật của con người.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú cảnh tỉnh việc học mà không hành: “Dù tụng nhiều kinh điển mà buông lung không thực hành, người ấy như kẻ chăn bò đếm bò cho người khác, không được phần lợi ích của Sa-môn” (Pháp Cú 19, diễn ý). Ngược lại, “dù tụng ít kinh điển mà sống đúng theo Pháp… người ấy được phần lợi ích của Sa-môn” (Pháp Cú 20, diễn ý). Sự chuyển biến của Anan từ học thuộc sang thấu hiểu phản chiếu lời dạy này: kinh văn là phương tiện để thực hành, không phải cứu cánh.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Luật tạng Pāli gồm bao nhiêu tập? **Đ:** Năm tập.
2. **H:** Phân tích Giới bổn là gì? **Đ:** Các giới điều kèm duyên khởi, giải thích từ ngữ và miễn tội.
3. **H:** Hợp phần chứa đựng gì? **Đ:** Luật thủ tục: thọ giới, tụng giới, an cư và các vật dụng.
4. **H:** Tập Yếu là gì? **Đ:** Một phụ lục phân tích.
5. **H:** Đại đức Thiradhammo mô tả Giới bổn như thế nào? **Đ:** Là “bộ xương trơ” của Luật tạng.
6. **H:** Bộ chú giải Luật chính là gì? **Đ:** *Samantapāsādikā*, thế kỷ thứ năm.
7. **H:** Kể tên một cẩm nang Luật hiện đại bằng tiếng Anh. **Đ:** *Buddhist Monastic Code* của Bhikkhu Thānissaro.
8. **H:** Vì sao danh sách giới điều trơ trọi là chưa đủ? **Đ:** Giới điều cần duyên khởi, định nghĩa và miễn tội mới áp dụng được.

9. **H:** Pháp Cú 19 ví người học nhiều mà không hành với ai? **Đ:** Người chăn bò đếm bò cho người khác.
10. **H:** Theo Pháp Cú 20, điều gì làm cho việc học có kết quả? **Đ:** Sống đúng Pháp, dù học ít.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao Đức Phật có thể đã ghi lại duyên khởi của mỗi giới?
2. Chú giải giúp ích ra sao, và có thể gây hiểu lầm thế nào?
3. Hãy so sánh cấu trúc của Luật tạng với một hệ thống pháp luật hiện đại.
4. Điều gì bị mất đi khi giới điều được học thuộc mà không thấu hiểu?
5. Bạn muốn đọc trọn văn bản Luật nào nhất, và vì sao?

### *Thơ: Năm Tập Luật*

*Năm tập giới luật, chuyện kể và giới điều,*
*Về những vị sư lầm lỗi, về lời Phật dạy.*
*Danh sách đơn thuần là xương không thịt;*
*Chuyện kể thổi hơi thở, ý nghĩa truyền máu tươi.*
*Các nhà chú giải đến với đèn soi về sau,*
*Và các bậc thầy hôm nay mang đến cho ta.*
*Một cậu bé thuộc lòng giới, đoạt giải,*
*Mà vẫn chẳng biết sư có được đi xe chăng.*
*Đừng đếm bò người khác, hãy đếm bò mình:*
*Kinh văn thành con đường khi được bước đi.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 2. Các loại tội và cách sám hối

| Loại | Số giới | Mức độ | Cách giải trừ |
|---|---|---|---|
| Bất cộng trụ (*Pārājika*, Ba-la-di) | 4 | Chấm dứt | Không thể; tự động mất vĩnh viễn tư cách Bhikkhu |
| Tăng tàn (*Saṅghādisesa*) | 13 | Rất nặng | Sám hối; biệt trú (*parivāsa*) bằng số ngày đã che giấu tội; sáu đêm hành ma-na-đỏa (*mānatta*); xuất tội (*abbhāna*) trước Tăng-già ít nhất 20 vị |
| Bất định (*Aniyata*) | 2 | Thay đổi | Tăng-già xác định giới nào, nếu có, đã bị phạm |
| Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*) | 30 | Trung bình | Xả bỏ vật phạm, rồi sám hối |
| Ưng đối trị (*Pācittiya*) | 92 | Trung bình | Sám hối |
| Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*) | 4 | Nhẹ hơn | Phát lộ |
| Ưng học pháp (*Sekhiya*) | 75 | Tác ác (*dukkaṭa*) | Sám hối; chủ yếu về oai nghi và chánh niệm |
| Diệt tránh (*Adhikaraṇasamatha*) | 7 | Không phải tội | Các thủ tục dàn xếp tranh chấp |

Trong các văn bản rộng hơn còn có hai loại tội phát sinh: *Thâu-lan-giá (thullaccaya)* đối với hành vi Bất cộng trụ hay Tăng tàn chưa thành hoặc chưa trọn, và *dubbhāsita* (ác khẩu).

Bốn tội Bất cộng trụ là hành dâm, trộm cắp vật có giá trị đáng kể, cố ý giết người, và khoe khoang sai sự thật pháp thượng nhân. Kinh văn mô tả hậu quả của chúng bằng những ví dụ về sự không thể phục hồi: “như người bị chặt đầu,” “như cây thốt nốt bị đốn ngọn,” “như tảng đá bị vỡ đôi.”

Bên cạnh các loại tội này, phần Hợp phần quy định các pháp yết-ma (*kamma*) mà Tăng-già có thể áp dụng. Một pháp trực tiếp bảo vệ người tại gia: **yết-ma hòa giải** (*paṭisāraṇīya-kamma*, Tiểu Phẩm I). Pháp này khởi nguồn khi Đại đức Sudhamma xúc phạm gia chủ Citta, một người hết lòng hộ trì; Tăng-già buộc vị ấy cùng một vị Bhikkhu đi kèm đến xin Citta tha thứ. Pháp này có thể áp dụng đối với vị Bhikkhu mắng nhiếc, sỉ nhục hay gây thiệt hại cho thí chủ (xem Phần VI, mục 6).

### *Kiến thức phổ thông*

Các hình phạt có thứ bậc thể hiện nguyên tắc tương xứng: những tội nặng nhất hủy hoại chính nền tảng đời sống xuất gia và không thể sám hối, còn lỗi nhẹ hơn được sửa chữa bằng sự thừa nhận chân thành. Hệ thống này mang tính chữa trị không kém tính trừng phạt. Sám hối khôi phục lương tâm trong sạch; biệt trú và ma-na-đỏa giúp vị Bhikkhu hội nhập lại cộng đồng; xả vật phạm cắt đứt sự dính mắc vào vật thu nhận sai pháp.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Đại đức Tissa, một vị Bhikkhu ở Colombo, đã nhận một món tiền nhỏ từ một cụ già cứ nài nỉ. Suốt buổi tối, ngài cảm thấy bất an. Sáng hôm sau, ngài giao số tiền cho người hộ Tăng của chùa, sám hối lỗi ấy với một vị trưởng lão trước buổi tụng giới nửa tháng, và quyết định lần sau sẽ nhẹ nhàng giải thích giới điều. Về sau ngài nói rằng việc sám hối khiến ngài nhẹ nhõm hơn bất cứ số tiền nào.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Trải nghiệm của Đại đức Tissa minh họa lời dạy của Kinh Pháp Cú về việc sửa lỗi: “Ai trước buông lung, sau không buông lung, người ấy chiếu sáng thế gian như trăng thoát khỏi mây che” (Pháp Cú 172, diễn ý). Câu kệ “Tự mình làm ác, tự mình nhiễm ô; tự mình không làm ác, tự mình thanh tịnh” (Pháp Cú 165, diễn ý) cho thấy vì sao sám hối quan trọng: phương thuốc là hành động trung thực của chính mình. Sự phân biệt giữa tội có thể sám hối và tội không thể sám hối phản ánh lời cảnh tỉnh rằng có những hành động, như cây thốt nốt bị đốn ngọn, không thể mọc lại.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bhikkhu có bao nhiêu giới Bất cộng trụ? **Đ:** Bốn.
2. **H:** Kể ra. **Đ:** Hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe khoang sai pháp thượng nhân.
3. **H:** Tội Bất cộng trụ có sám hối được không? **Đ:** Không; đó là tội chấm dứt.
4. **H:** Tội Tăng tàn được giải trừ thế nào? **Đ:** Sám hối, biệt trú, ma-na-đỏa và xuất tội trước hai mươi vị Bhikkhu.
5. **H:** Tội Ưng xả đối trị đòi hỏi gì? **Đ:** Xả bỏ vật phạm, rồi sám hối.
6. **H:** Có bao nhiêu giới Ưng đối trị? **Đ:** 92.
7. **H:** Các giới Ưng học pháp nói về gì? **Đ:** Lễ nghi, oai nghi và chánh niệm.
8. **H:** Bảy pháp Diệt tránh là gì? **Đ:** Các thủ tục dàn xếp tranh chấp.

9. **H:** *Thâu-lan-giá (thullaccaya)* là gì? **Đ:** Trọng tội đối với các tội lớn chưa thành hoặc chưa trọn.
10. **H:** Pháp yết-ma nào bảo vệ người tại gia? **Đ:** Yết-ma hòa giải (*paṭisāraṇīya-kamma*).

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao có tội sám hối được và có tội không sám hối được?
2. Sám hối góp phần vào sự tiến bộ tâm linh của vị Bhikkhu như thế nào?
3. Mục đích của việc xả vật phạm là gì?
4. Người tại gia có nên biết các loại tội của người xuất gia không? Vì sao?
5. Hãy so sánh các hình phạt có thứ bậc của Luật tạng với bộ quy tắc đạo đức của một nghề nghiệp hiện đại.

***Thơ: Thang Bậc Lỗi Lầm***

*Bốn hành vi như chặt đầu; không còn phương cứu chữa:*

*Cây thốt nốt bị đốn chẳng bao giờ mọc lại.*

*Mười ba tội cần hai mươi vị Tăng hội họp,*

*Biệt trú, ma-na-đỏa, rồi con đường trở về.*

*Chiếc bát nhận sai pháp phải xả bỏ;*

*Lời nói vội vàng chỉ cần nhận và sám hối.*

*Và bảy mươi lăm oai nghi nhỏ của thân*

*Nhắc vị sư bước đi thận trọng, an nhiên.*

*Luật chẳng phải roi vọt mà là thầy thuốc:*

*Gọi tên vết thương để vết thương lành lại.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 3. Các nguyên tắc về trách nhiệm phạm tội

**Chế định theo từng trường hợp.** Đức Phật chỉ chế giới khi sự việc đòi hỏi. Mỗi giới ghi lại một sự kiện làm duyên khởi, thường liên quan đến những người tái phạm như Đại đức Udāyī, Đại đức Upananda hay "nhóm sáu vị Bhikkhu." Về sau các giới được bổ sung thêm những trường hợp miễn tội. Đáng chú ý, lời phê phán của người

tại gia thường là nguyên nhân khiến hành vi sai trái được trình lên Đức Phật.

**Mười mục đích.** Mỗi giới được chế định vì mười mục đích đã nêu: sự tốt đẹp và an ổn của Tăng-già, chế ngự kẻ vô tàm, sự an lạc của người hiền thiện, ngăn ngừa phiền não hiện tại và vị lai, làm phát sinh niềm tin nơi người chưa tin, tăng trưởng niềm tin nơi người đã tin, thiết lập Chánh pháp và hỗ trợ giới luật. Như vậy, Luật tạng đồng thời phục vụ kỷ luật nội bộ và uy tín đối với xã hội.

**Tác ý và trạng thái tâm.** Tội được phạm qua thân hoặc khẩu, nhưng tác ý hầu như luôn có tính quyết định; chỉ nghĩ thôi thì không phạm tội. Chẳng hạn, xúc chạm thân thể với người nữ chỉ là tội Tăng tàn khi vị Bhikkhu "bị dục vọng chi phối, với tâm biến đổi." Xúc chạm vô tình không phạm. Tương tự, vô ý giết kiến khi quét sân không có lỗi. Tuy nhiên, một số giới có trách nhiệm tuyệt đối: ăn phi thời vẫn là phạm dù vị Bhikkhu thật sự nhầm giờ.

**Mức độ nặng nhẹ có thứ bậc.** Cùng một lĩnh vực có thể được điều chỉnh ở nhiều mức độ. Nói dối thông thường là tội Ưng đối trị (Pāc. 1), nhưng cố ý khoe khoang sai sự thật về chứng đắc thiền định là tội Bất cộng trụ (Pār. 4), và tuyên bố chứng đắc *có thật* với người tại gia vẫn là tội Ưng đối trị (Pāc. 8). Giết người là tội Bất cộng trụ; giết thú vật là tội Ưng đối trị (Pāc. 61).

### *Kiến thức phổ thông*

Việc tác ý quyết định tội lỗi là nguyên tắc pháp lý quan trọng nhất của Luật tạng, và nó trực tiếp bắt nguồn từ lời Đức Phật dạy về nghiệp: "Này các Bhikkhu, Ta nói tác ý

là nghiệp” (Tăng Chi III 415). Điều này làm cho bộ luật mang tính nhân văn: tai nạn không phải là tội. Tuy vậy, một số ít giới áp đặt trách nhiệm tuyệt đối (ví dụ ăn sau giờ ngọ) vì mục đích của chúng là vun bồi chánh niệm thường trực về thời gian và hành vi.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ở Kuala Lumpur, một vị Bhikkhu trẻ khi quét lối đi trong chùa đã vô tình giẫm chết mấy con kiến. Băn khoăn, ngài hỏi thầy xem mình có phạm giới sát sinh không. Vị thầy trấn an rằng không có tác ý thì không phạm, nhưng khuyên ngài quét chậm hơn. Một tuần sau, cũng vị Bhikkhu ấy được một Phật tử dâng bánh lúc 12 giờ 15 vì người này tưởng chưa quá ngọ. Ngài ăn rồi mới nhận ra. Lần này vị thầy bảo rằng dù sao cũng là phạm, và ngài nên sám hối.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú mở đầu với vai trò hàng đầu của tâm: “Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác. Nếu nói hay làm với tâm ô nhiễm, khổ não sẽ theo sau… Nếu nói hay làm với tâm thanh tịnh, an lạc sẽ theo sau như bóng không rời hình” (Pháp Cú 1–2, diễn ý). Trường hợp những con kiến cho thấy nguyên tắc này; trường hợp chiếc bánh cho thấy chính chánh niệm là sự tu tập. Như Pháp Cú 21 dạy, không buông lung là con đường đến Bất tử.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Đức Phật chế giới khi nào? **Đ:** Chỉ khi sự việc đòi hỏi.

2. **H:** Ai thường xuất hiện trong các duyên khởi? **Đ:** Đại đức Udāyī, Đại đức Upananda và "nhóm sáu vị Bhikkhu."
3. **H:** Mỗi giới phục vụ bao nhiêu mục đích? **Đ:** Mười.
4. **H:** Kể hai mục đích. **Đ:** Sự an ổn của Tăng-già và làm phát sinh niềm tin nơi người chưa tin.
5. **H:** Điều gì thường quyết định có phạm hay không? **Đ:** Tác ý.
6. **H:** Nghĩ đến việc sai trái có phải là phạm tội không? **Đ:** Không; tội được phạm qua thân hoặc khẩu.
7. **H:** Kể một giới có trách nhiệm tuyệt đối. **Đ:** Ăn sau giờ ngọ, dù do nhầm lẫn.
8. **H:** Mức độ của tội nói dối khác nhau thế nào? **Đ:** Nói dối thông thường là Ưng đối trị; khoe khoang sai chứng đắc là Bất cộng trụ.
9. **H:** Ai thường đưa hành vi sai trái đến tai Đức Phật? **Đ:** Người tại gia.
10. **H:** Pháp Cú 1–2 dạy gì? **Đ:** Ý dẫn đầu mọi hành động.

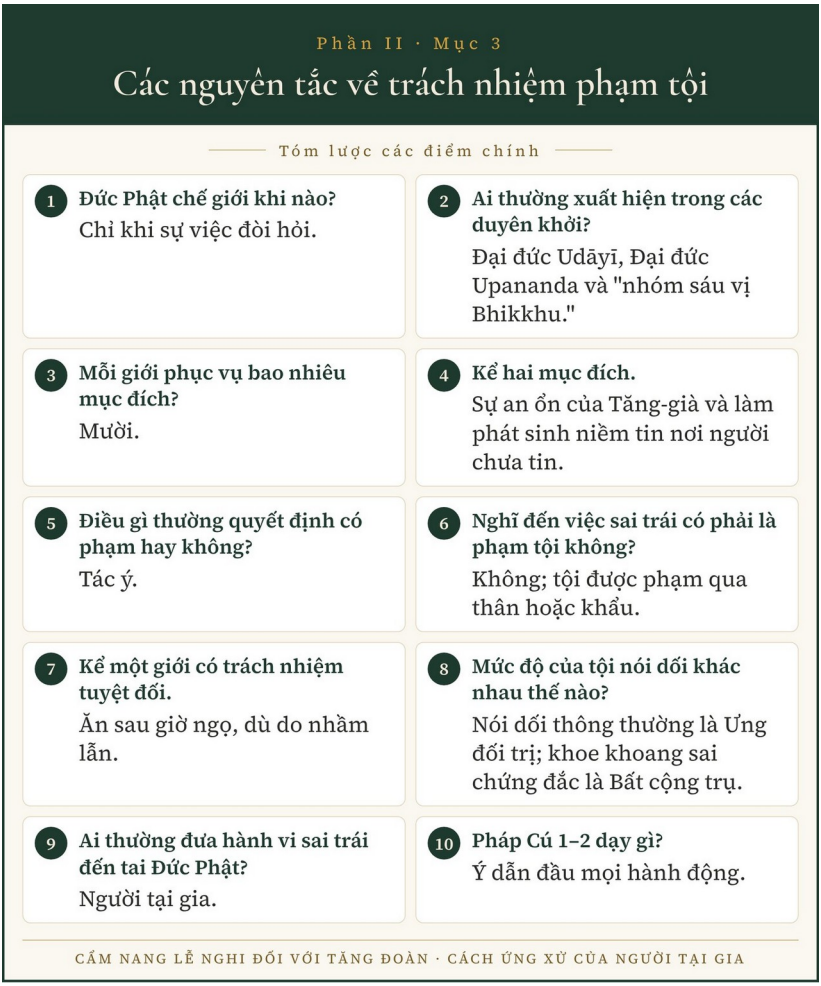
***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Vì sao tác ý là trung tâm của cả nghiệp lẫn Luật tạng?
2. Vì sao một số giới có thể áp đặt trách nhiệm tuyệt đối?
3. Lời phê phán của người tại gia đã định hình Luật tạng như thế nào?
4. Trong mười mục đích, mục đích nào có vẻ quan trọng nhất ngày nay?

5. Một hệ thống pháp luật dựa trên tác ý có công bằng hơn hệ thống dựa trên kết quả không?

***Thơ: Ý Dẫn Đầu***

*Chổi quét bay kiến; không tìm thấy lỗi,*
*Vì tâm hiền hòa và hành vi vô ý.*
*Bánh được ăn khi quá ngọ mười lăm phút;*
*Giờ đã lỡ, nên lỗi được nhận ra.*
*Mỗi giới sinh từ việc làm cẩu thả của ai đó,*
*Được chế vì mười lý do tốt, chẳng vì sợ hãi.*
*Dân làng từng than phiền trước cổng chùa*
*Đã góp phần tạo nên bộ luật gìn giữ chư Tăng hôm nay.*
*Ý đi trước; tay và lưỡi theo sau:*
*Hãy luyện tâm, mọi điều khác sẽ nối gót.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 4. Sự thích ứng: Bốn Đại Tiêu chuẩn (*Mahāpadesā*)

Luật tạng có sẵn phương pháp riêng để xử lý những hoàn cảnh không được nêu tên. Điều gì Đức Phật không cấm cũng không cho phép thì được phán xét bằng loại suy: nếu nó “phù hợp với điều không được phép và trái với điều được phép,” thì không được phép; nếu ngược lại, thì được phép. Chính Đức Phật cũng đã có những nhượng bộ theo

vùng miền cho các xứ biên địa, như túc số thọ giới ít hơn và cho phép mang giày dép.

Phương pháp loại suy này giải thích một số phán quyết hiện đại:

- Dược phẩm hiện đại được xếp vào loại thuốc dùng trọn đời.
- Truyền hình và âm nhạc thu âm thuộc giới cấm xem nghe giải trí.
- Ma túy được xem như tương đương với rượu.
- Mặc thêm lớp áo được phép ở xứ lạnh.

Nếu được áp dụng đúng, các Tiêu chuẩn cho phép thích ứng đồng thời ngăn ngừa sự "pha loãng toàn diện Giới luật."

### *Kiến thức phổ thông*

Bốn Đại Tiêu chuẩn là phương pháp thay đổi được cài sẵn trong Luật tạng. Chúng ngăn ngừa hai sai lầm đối nghịch: chủ nghĩa câu nệ văn tự cứng nhắc, khiến giới luật không thể áp dụng ở khí hậu hay thời đại mới, và chủ nghĩa tương đối tiện lợi, khiến giới luật tan biến hoàn toàn. Thước đo luôn là *mục đích* đằng sau các giới hiện có: một vật hay một thực hành mới phù hợp với điều đã được phép, hay với điều đã bị cấm?

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một tu viện ở miền bắc Na Uy phải đối mặt với nhiệt độ mùa đông −25 °C. Một số thí chủ đề nghị cho chư Tăng dùng bữa tối nhẹ vì trời lạnh; số khác đề nghị đồ lót giữ

nhiệt. Vị trụ trì áp dụng Bốn Đại Tiêu chuẩn: quần áo ấm phù hợp với sự cho phép của Đức Phật về y phụ trong thời tiết lạnh và được chấp nhận; bữa ăn tối trái với giới rõ ràng về việc không ăn sau giờ ngọ nên không được chấp nhận. Thay vào đó, tu viện cho phép dùng nước mật ong nóng và trà gừng, thuộc loại dược phẩm và thuốc hợp lệ.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú mô tả bậc thẩm phán sáng suốt là người "xét đoán cả đúng lẫn sai, và dẫn dắt người khác bằng một tiêu chuẩn công minh, vô tư" (Pháp Cú 256–257, diễn ý). Lập luận của vị trụ trì chính là như vậy: phân định cẩn trọng, chứ không bác bỏ hay chấp nhận một cách thiếu suy xét. Nó cũng phản ánh Trung đạo giữa hưởng thụ dục lạc và khổ hạnh ép xác mà Đức Phật đã trình bày trong bài pháp đầu tiên.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bốn Đại Tiêu chuẩn là gì? **Đ:** Phương pháp của Đức Phật để phán xét những trường hợp Ngài không nêu rõ.
2. **H:** Thước đo là gì? **Đ:** Điều mới phù hợp với điều được phép hay với điều không được phép.
3. **H:** Đức Phật có nhượng bộ theo vùng miền không? **Đ:** Có, như túc số thọ giới ít hơn ở các xứ biên địa.
4. **H:** Dược phẩm hiện đại được xếp loại thế nào? **Đ:** Là thuốc dùng trọn đời.
5. **H:** Truyền hình được đối xử thế nào? **Đ:** Như các loại giải trí bị cấm.
6. **H:** Ma túy được đối xử thế nào? **Đ:** Như rượu.

7. **H:** Có được mặc thêm lớp áo ở xứ lạnh không? **Đ:** Được.
8. **H:** Có được dùng bữa tối khi trời lạnh không? **Đ:** Không; điều này trái với một giới rõ ràng.
9. **H:** Các Tiêu chuẩn ngăn ngừa hai sai lầm nào? **Đ:** Câu nệ văn tự cứng nhắc và tương đối tiện lợi.
10. **H:** Những câu kệ nào mô tả bậc thẩm phán sáng suốt? **Đ:** Pháp Cú 256–257.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Hãy áp dụng Bốn Đại Tiêu chuẩn cho điện thoại thông minh.
2. Rủi ro của việc diễn giải các Tiêu chuẩn quá lỏng lẻo là gì?
3. Cộng đồng hay cá nhân nên áp dụng các Tiêu chuẩn?
4. Các Tiêu chuẩn phản ánh Trung đạo như thế nào?
5. Hãy nêu một ví dụ về thực hành hiện đại rõ ràng phù hợp với điều không được phép.

***Thơ: Bốn Thước Đo***

*“Điều Ta chưa cấm, nếu phù hợp*
*Với điều sai, hãy xem đó là sai.”*
*“Điều Ta chưa cho, nếu tương hợp*
*Với điều đúng, hãy xem đó là đúng.”*
*Thế nên giữa tuyết phương Bắc, chư Tăng được mặc*
*Một lớp len bên dưới tấm y,*
*Nhưng không ngồi dùng bữa trong đêm tối:*
*Giới đã rõ; cái lạnh chẳng xóa được.*
*Chẳng phải đá, chẳng phải nước, mà là luật sống:*
*Uốn mình theo đất nước, vẫn giữ được hình hài.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 5. Các nhóm giới chính liên quan đến người tại gia

**(a) Bất hại.** Giết người, kể cả việc xúi giục phá thai, là tội Bất cộng trụ, vì một con người được tính "từ khi thức đầu tiên khởi lên trong thai mẹ" (Pār. 3). Giết thú vật (Pāc. 61), dùng nước có sinh vật (Pāc. 62, 20), làm hại cây cỏ (Pāc. 11) và đào đất (Pāc. 10) là tội Ưng đối trị. Tuy nhiên, vị Bhikkhu có thể gợi ý công việc cần làm mà không ra lệnh. Một hệ quả lâu dài của các giới này là giữ

chư Tăng ngoài việc canh tác và sở hữu đất đai, nhờ đó duy trì sự nương tựa vào vật thực khất thực.

**(b) Các mối quan hệ.** Các giới này vận hành như một hệ thống phòng ngừa nhiều tầng:

| Hành vi | Giới | Loại |
|---|---|---|
| Hành dâm dưới bất kỳ hình thức nào | Pār. 1 | Bất cộng trụ |
| Xúc chạm thân thể người nữ với tâm dục | Saṅgh. 2 | Tăng tàn |
| Nói lời dâm dục với người nữ | Saṅgh. 3 | Tăng tàn |
| Gợi ý rằng ăn nằm với mình sẽ có lợi cho người nữ | Saṅgh. 4 | Tăng tàn |
| Làm mai mối hay sắp xếp tư tình | Saṅgh. 5 | Tăng tàn |
| Ngồi một mình với người nữ nơi khuất hoặc nơi kín | Aniyata 1–2; Pāc. 44–45 | Bất định / Ưng đối trị |
| Thuyết pháp quá sáu câu cho người nữ khi không có người nam hiểu biết hiện diện | Pāc. 7 | Ưng đối trị |
| Nằm chung dưới một mái nhà với người nữ | Pāc. 6 | Ưng đối trị |
| Hẹn nhau cùng đi đường với người nữ | Pāc. 67 | Ưng đối trị |

Khó diễn giải nhất là Pāc. 6. Chú giải định nghĩa “chỗ ở” theo lối ra vào chung (*upacāra*), nên các căn hộ có lối vào riêng được xem là những chỗ ở riêng biệt. Khi Kinh điển không rõ ràng, BMC khuyên rằng “chính sách khôn ngoan… là theo quan điểm của cộng đồng mà vị ấy thuộc về.”

**(c) Vật thực và bốn loại vật thọ dụng.** Mọi thứ đưa vào miệng được chia thành bốn loại theo thời gian được phép dùng và lưu trữ:

| Loại | Pāli | Giới hạn | Ví dụ |
|---|---|---|---|
| Vật thực | *yāvakālika* | Từ rạng đông đến giờ ngọ; không để qua đêm | Cơm, thịt, cá, sữa, trái cây |
| Nước uống | *yāmakālika* | Đến rạng đông hôm sau | Nước ép trái cây, hoa, lá đã lọc |
| Dược phẩm | *sattāhakālika* | Bảy ngày | Bơ trong, bơ tươi, dầu, mật ong, đường |
| Thuốc trọn đời | *yāvajīvika* | Không giới hạn | Rễ cây, muối, nhựa cây, thuốc hiện đại |

Khi các loại trộn lẫn, hỗn hợp nhận thời hạn ngắn nhất. Vật thực phải được dâng đúng nghi thức (Pāc. 40): trong tầm tay (khoảng 1,25 m), bằng thân hoặc vật dính liền với thân, và được nhận bằng thân hoặc vật dính liền với thân. Các giới khác cấm tích trữ vật thực đã nhận (Pāc. 38), ăn phi thời (Pāc. 37), xin thực phẩm thượng vị khi không bệnh (Pāc. 39), và ăn thịt mà mình biết, nghe hoặc nghi là được giết để dâng cho mình. Hạt giống còn nảy mầm được phải được người tại gia làm cho hợp lệ (*kappiya*).

**(d) Tiền bạc và mua bán.** Vị Bhikkhu không được nhận, bảo người khác nhận, hoặc ưng thuận việc gửi “vàng bạc” (Nis. Pāc. 18), nay được hiểu là bất kỳ loại tiền tệ nào. Mua bán bằng tiền (Nis. Pāc. 19) và đổi chác (Nis. Pāc. 20) cũng bị cấm. Các nhà chú giải bất đồng về séc và thẻ tín dụng: chúng có thể không phải “tiền,” nhưng việc sử dụng chúng sẽ thuộc về mua bán. **Sự cho phép Meṇḍaka** dung hòa sự xuất ly với nhu cầu: thí chủ có thể gửi tiền

cho người hộ Tăng (Kappiya; *veyyāvaccakara*), từ đó vị Bhikkhu có thể nhận những vật dụng hợp lệ. Vị Bhikkhu chỉ được nhắc người hộ Tăng tối đa ba lần bằng lời và sáu lần bằng cách đứng im lặng (Nis. Pāc. 10).

**(e) Chánh mạng.** Khoe khoang sai sự thật về chứng đắc là "lừa đảo tâm linh" và là tệ nhất trong "năm đại tặc." Các hình thức tà mạng khác gồm bói toán, phù phép (*tiracchana-vijjā*), bốc thuốc lấy công, bán lời chúc phúc, và "làm hư hỏng gia đình" bằng xu nịnh và ban ân huệ (Saṅgh. 13). Theo loại suy hiện đại, việc vận động chính trị được xem như làm việc vặt cho người tại gia.

### *Kiến thức phổ thông*

Năm nhóm giới (bất hại, các mối quan hệ, vật thực, tiền bạc và chánh mạng) tương ứng với những phương diện chính mà đời sống xuất gia tiếp xúc với thế gian. Mỗi nhóm bảo vệ một mối quan hệ khác nhau: với chúng sinh, với người khác giới, với thí chủ, với tài sản và với chân lý. Cùng nhau, chúng làm cho vị Bhikkhu trở thành người mà người khác có thể hoàn toàn tin cậy, vốn là điều kiện tiên quyết để cộng đồng tại gia hộ trì.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một gia đình người Campuchia ở Long Beach thỉnh một vị Bhikkhu đến chúc phúc nhà mới. Chỉ trong một buổi chiều, họ đã gặp đủ mọi nhóm giới: vị Bhikkhu xin họ đừng giết con nhện trong phòng thờ; ngài xin người chồng ngồi cùng khi ngài nói chuyện với người vợ; ngài chỉ dùng bữa trước giờ ngọ; ngài từ chối phong bì tiền; và ngài

không chịu đoán số may mắn cho kỳ thi của cậu con trai. Lúc đầu cậu con trai càu nhàu, rồi nói: “Ngài là người lớn duy nhất con biết chẳng muốn gì ở nhà mình cả.”

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Câu nói của cậu bé nắm bắt được Giáo giới Pāṭimokkha (Ovāda Pāṭimokkha), lời tóm lược bộ luật xuất gia của Đức Phật: “Không phỉ báng, không làm hại, hộ trì giới bổn, biết tiết độ trong ăn uống, sống nơi thanh vắng và chuyên tâm thiền định: đó là lời chư Phật dạy” (Pháp Cú 185, diễn ý). Giới bất hại vọng lại Pháp Cú 129: “Mọi người đều sợ hình phạt; mọi người đều sợ chết. Lấy mình làm ví dụ, chớ giết, chớ bảo giết” (diễn ý).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Giới về giết người bao gồm những gì? **Đ:** Cả việc xúi giục phá thai, vì sự sống được tính từ khi thức kết sinh.
2. **H:** Giết thú vật có phải tội Bất cộng trụ không? **Đ:** Không; đó là tội Ưng đối trị.
3. **H:** Vì sao chư Tăng không được đào đất hay chặt cây? **Đ:** Pāc. 10–11; tôn trọng “sự sống một căn.”
4. **H:** Giới nặng nhất về các mối quan hệ là gì? **Đ:** Hành dâm (Pār. 1).
5. **H:** Giới nào cấm làm mai mối? **Đ:** Saṅgh. 5.
6. **H:** Bốn loại vật thọ dụng là gì? **Đ:** Vật thực, nước uống, dược phẩm và thuốc trọn đời.
7. **H:** Điều gì xảy ra khi các loại trộn lẫn? **Đ:** Hỗn hợp nhận thời hạn ngắn nhất.
8. **H:** Giới nào cấm nhận tiền? **Đ:** Nis. Pāc. 18.

9. **H:** Sự cho phép Meṇḍaka là gì? **Đ:** Nhận vật dụng hợp lệ do người hộ Tăng mua từ tiền cúng dường.
10. **H:** "Tệ nhất trong năm đại tặc" là ai? **Đ:** Vị Bhikkhu khoe khoang sai sự thật về chứng đắc.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Nhóm giới nào ảnh hưởng đến người tại gia nhiều nhất, và vì sao?
2. Các giới về vật thực giữ chư Tăng nương tựa vào người tại gia như thế nào?
3. Vì sao lừa đảo tâm linh bị xem nặng như tội giết người?
4. Các giới về tiền bạc có thể áp dụng cho thanh toán điện tử như thế nào?
5. Giáo giới Pāṭimokkha (Pháp Cú 185) tóm lược các nhóm giới này như thế nào?

***Thơ: Năm Vòng Giới Luật***

*Vòng thứ nhất giữ sự sống, con kiến, cái cây, đứa trẻ;*
*Vòng thứ hai giữ trái tim khỏi ngọn lửa thầm.*
*Vòng thứ ba giữ vật thực, nhận trước giờ ngọ;*
*Vòng thứ tư giữ đôi tay khỏi bạc vàng.*
*Vòng thứ năm giữ chân lý, để không ai bán giấc mộng*
*Thánh thiện mà đổi lấy cơm của làng.*
*Năm vòng vẽ quanh một đời người,*
*Để người khác lại gần mà không sợ hãi.*
*“Ngài là người duy nhất chẳng muốn gì ở chúng con”:*
*Một cậu bé đã nói, và tóm gọn mọi giới điều.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 6. Dàn xếp tranh chấp và sự phân chia hệ phái

Bảy pháp *adhikaraṇasamatha* (Diệt tránh) là những thủ tục chính thức để dàn xếp tranh chấp. Vụ tranh chấp ở Kosambī cho thấy vai trò của người tại gia: khi các vị Bhikkhu tranh cãi khiến Đức Phật phải vào rừng, dân chúng trong thành đã ngưng cúng dường cho đến khi chư Tăng hòa giải.

Trong lịch sử, các tranh chấp không được giải quyết đã sinh ra các *nikāya* (hệ phái truyền giới), như Mahānikāya và Dhammayuttika ở Thái Lan. Văn bản mô tả một chu kỳ: các cộng đồng nghiêm cẩn thu hút sự hộ trì của người tại gia; sung túc sinh ra lơi lỏng; rồi những nhà cải cách lập nên một nhóm mới nghiêm cẩn hơn. Cải cách thường đến từ việc thỉnh những vị Bhikkhu gương mẫu từ nơi khác hơn là từ sự hợp nhất do nhà nước áp đặt, vốn thường tạo ra một hệ phái thứ ba thay vì hợp nhất hai hệ phái.

### *Kiến thức phổ thông*

Vụ tranh chấp Kosambī là một trong những sự kiện giàu tính giáo huấn nhất của kinh điển: nó bắt đầu từ một câu hỏi vụn vặt về việc có để lại nước trong bình ở nhà vệ sinh hay không, rồi lớn dần thành một cuộc chia rẽ khiến Đức Phật phải vào rừng. Nó cho thấy lòng kiêu hãnh vì cho mình đúng có thể gây hại nhiều hơn lỗi lầm ban đầu. Bảy pháp Diệt tránh tồn tại để tranh chấp được giải quyết bằng thủ tục, chứ không bằng phe phái.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một ngôi chùa ở Toronto bị chia rẽ vì việc nên tổ chức lễ Kaṭhina vào ngày thường hay cuối tuần. Hai ban điều hành hình thành, mỗi ban có một vị Bhikkhu riêng. Tiền cúng dường sụt giảm, một số gia đình không đến chùa nữa. Một bà cụ cư sĩ, bà Fernando, mời cả hai vị Bhikkhu và hai ban điều hành dùng bữa. Bà đọc to câu chuyện Kosambī và hỏi: “Năm mươi năm nữa, ai trong chúng ta

sẽ được nhớ đến vì cuộc cãi vã này?" Hai nhóm đồng ý luân phiên tổ chức theo năm và cùng làm lễ chung.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Theo chú giải, Pháp Cú 6 được nói cho các vị Bhikkhu tranh cãi ở Kosambī, và theo Luật tạng (Đại Phẩm X), Đức Phật đã dạy họ nguyên lý của Pháp Cú 5: "Hận thù không bao giờ dập tắt được hận thù; chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù: đó là định luật muôn đời" (Pháp Cú 5, diễn ý), và "Người khác không hiểu rằng chúng ta đều sẽ chết ở đây; ai hiểu được điều này thì dứt bỏ mọi tranh chấp" (Pháp Cú 6, diễn ý). Câu hỏi của bà Fernando đã làm cho câu kệ thứ hai trở nên cụ thể. Vai trò của bà cũng vọng lại hình ảnh cư sĩ Kosambī, những người có thái độ kiên quyết đã giúp khôi phục hòa hợp.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Có bao nhiêu thủ tục dàn xếp tranh chấp? **Đ:** Bảy.
2. **H:** Điều gì khởi đầu vụ tranh chấp Kosambī? **Đ:** Một câu hỏi nhỏ về nước để lại trong bình ở nhà vệ sinh.
3. **H:** Đức Phật làm gì khi chư Tăng không chịu hòa giải? **Đ:** Ngài rời đi sống một mình trong rừng.
4. **H:** Người tại gia đã phản ứng thế nào? **Đ:** Họ ngưng cúng dường cho đến khi chư Tăng hòa giải.
5. **H:** *Nikāya* là gì? **Đ:** Một hệ phái hay dòng truyền giới.
6. **H:** Kể hai hệ phái ở Thái Lan. **Đ:** Mahānikāya và Dhammayuttika.

7. **H:** Văn bản mô tả chu kỳ nào? **Đ:** Nghiêm cẩn thu hút hộ trì, sung túc sinh lợi lỏng, người cải cách lập nhóm mới.
8. **H:** Điều gì thường xảy ra khi nhà nước ép buộc hợp nhất? **Đ:** Một hệ phái thứ ba hình thành.
9. **H:** Điều gì gắn kết các nhóm Theravāda? **Đ:** Chính Luật tạng.
10. **H:** Câu kệ nào được nói ở Kosambī? **Đ:** Pháp Cú 6, về việc nhớ rằng mọi người đều sẽ chết.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao những tranh chấp nhỏ lại lớn thành chia rẽ?
2. Khi nào người tại gia được phép ngưng hộ trì chư Tăng?
3. Các ngôi chùa có thể ngăn ngừa tình trạng bè phái như thế nào?
4. Lịch sử các hệ phái dạy gì về cải cách?
5. Bạn sẽ hòa giải một tranh chấp trong cộng đồng của mình như thế nào?

***Thơ: Kosambī***

*Khởi đầu chỉ từ chút nước trong chiếc bình,*
*Rồi lớn dần cho đến khi hai phe chẳng còn là một.*
*Đức Phật dạy; họ chẳng chịu nghe Ngài,*
*Và thế là Ngài một mình vào rừng sâu.*
*Các bà trong làng bèn đóng cửa bếp:*
*"Không cơm cho những ai đã làm Thầy chúng ta bỏ đi."*
*Chư Tăng đói lòng nhớ ra rằng mình sẽ chết,*
*Và trong hiểu biết ấy buông bỏ cuộc tranh giành.*
*Hận thù chẳng bao giờ lắng dịu bằng hận thù;*
*Chỉ bằng tình thương, định luật ngàn đời bất tận.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 7. Sự thận trọng trong diễn giải

Luật tạng cảnh giác trước sự kiêu mạn vì câu nệ luật lệ. Những vị Bhikkhu theo luật "một cách mù quáng" trở nên "kiêu căng ngạo mạn… khinh thường các Bhikkhu khác." Lời chỉ dẫn của Bhikkhu Thānissaro đặt ra chuẩn mực học thuật: tôn trọng mọi diễn giải dựa trên sự đọc hiểu đúng đắn Kinh điển; thực hành theo cộng đồng của mình; và tôn trọng quan điểm khác biệt của các cộng đồng khác khi chúng không mâu thuẫn với Kinh điển.

### *Kiến thức phổ thông*

Giới luật là công cụ để tự tu tập, không phải vũ khí để phán xét người khác. Người tại gia học Luật có thể bị cám dỗ soi xét lỗi của từng vị Bhikkhu; vị Bhikkhu giữ giới nghiêm ngặt có thể coi thường người khác. Cả hai đều quên rằng các cộng đồng có những diễn giải khác nhau một cách chính đáng, và chính sự kiêu mạn cũng là một phiền não mà giới luật nhằm diệt trừ.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Sau khi đọc về Luật tạng trên mạng, Sophie bắt đầu chụp ảnh các vị Bhikkhu ở chùa địa phương uống cà phê buổi chiều hay dùng điện thoại thông minh, rồi đăng lên một diễn đàn làm "bằng chứng sa đọa." Một bà cư sĩ lớn tuổi gọi cô ra riêng và giải thích rằng tu viện theo một truyền thống xem cà phê là thuốc, và vị trụ trì đã cho phép dùng điện thoại để giảng dạy. Sophie nhận ra mình đã đi tìm lỗi chứ không phải thực hành Chánh pháp, và đã xóa các bài đăng.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú dạy thẳng: "Chớ nhìn lỗi người, người làm hay không làm; hãy nhìn lại chính mình, đã làm hay chưa làm" (Pháp Cú 50, diễn ý); và "Dễ thấy lỗi người khác, khó thấy lỗi chính mình" (Pháp Cú 252, diễn ý). Những câu kệ này không cấm phê bình chân thành những sai trái có thật, nhưng cảnh tỉnh về thói bới lỗi như một sự thay thế cho việc tu tập của chính mình.

***Mười câu hỏi và trả lời***

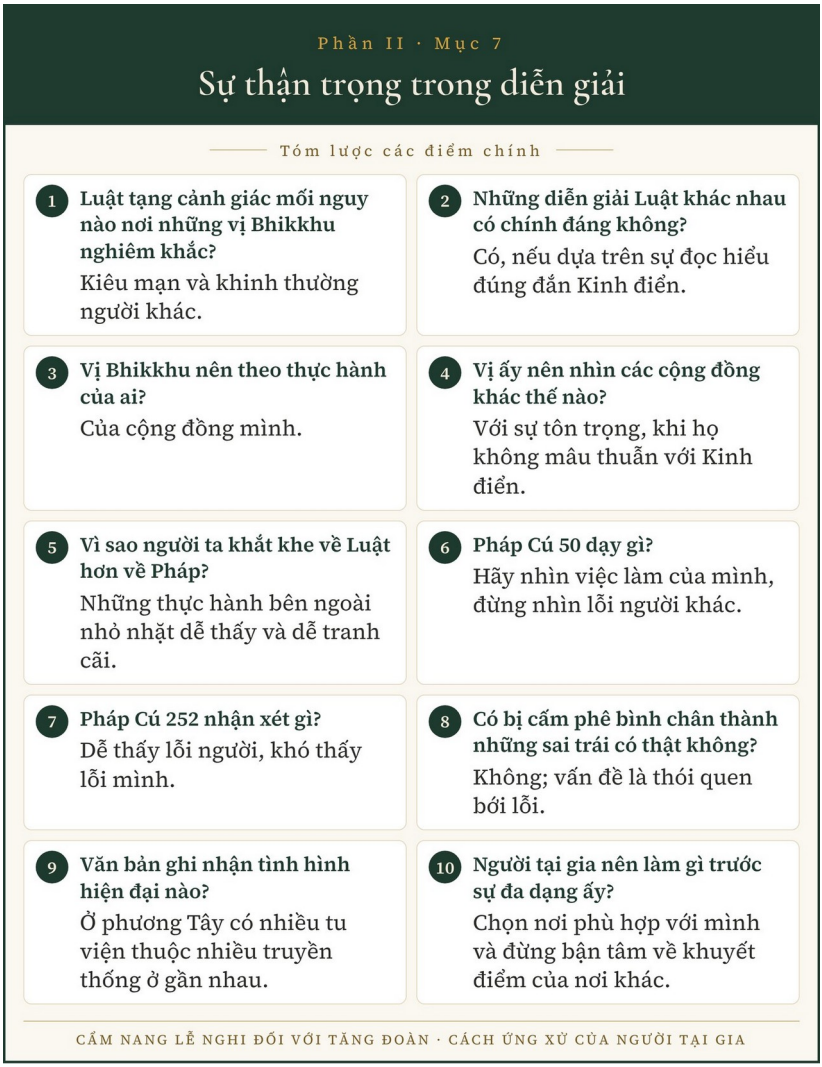
1. **H:** Luật tạng cảnh giác mối nguy nào nơi những vị Bhikkhu nghiêm khắc? **Đ:** Kiêu mạn và khinh thường người khác.
2. **H:** Những diễn giải Luật khác nhau có chính đáng không? **Đ:** Có, nếu dựa trên sự đọc hiểu đúng đắn Kinh điển.
3. **H:** Vị Bhikkhu nên theo thực hành của ai? **Đ:** Của cộng đồng mình.
4. **H:** Vị ấy nên nhìn các cộng đồng khác thế nào? **Đ:** Với sự tôn trọng, khi họ không mâu thuẫn với Kinh điển.
5. **H:** Vì sao người ta khắt khe về Luật hơn về Pháp? **Đ:** Những thực hành bên ngoài nhỏ nhặt dễ thấy và dễ tranh cãi.
6. **H:** Pháp Cú 50 dạy gì? **Đ:** Hãy nhìn việc làm của mình, đừng nhìn lỗi người khác.
7. **H:** Pháp Cú 252 nhận xét gì? **Đ:** Dễ thấy lỗi người, khó thấy lỗi mình.
8. **H:** Có bị cấm phê bình chân thành những sai trái có thật không? **Đ:** Không; vấn đề là thói quen bới lỗi.
9. **H:** Văn bản ghi nhận tình hình hiện đại nào? **Đ:** Ở phương Tây có nhiều tu viện thuộc nhiều truyền thống ở gần nhau.
10. **H:** Người tại gia nên làm gì trước sự đa dạng ấy? **Đ:** Chọn nơi phù hợp với mình và đừng bận tâm về khuyết điểm của nơi khác.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Sự nghiêm khắc có thể trở thành một phiền não như thế nào?
2. Khi nào sự phê bình giúp ích, và khi nào nó gây hại?
3. Bạn sẽ phản ứng thế nào với người đăng lỗi của chư Tăng lên mạng?
4. Các truyền thống Phật giáo khác nhau có thể học hỏi gì lẫn nhau?
5. Làm sao phân biệt một diễn giải chính đáng với một cái cớ tiện lợi?

### *Thơ: Hãy Nhìn Lại Mình*

*Cô chụp ảnh vị sư đang nhấp chén trà,*
*Đăng lên như bằng chứng của đạo hạnh suy đồi.*
*Cô đâu biết dòng truyền thừa ngài xem đó là thuốc,*
*Cũng chẳng thấy cơn giận đang dâng trong mình.*
*Lỗi người sao dễ thấy,*
*Như trấu nhà nông sàng bay trong gió;*
*Lỗi mình sao khó thấy, giấu kín như con xúc xắc gian*
*Kẻ cờ bạc bịp giấu trong lòng bàn tay.*
*Hãy nhìn việc mình đã làm và chưa làm:*
*Tấm y bạn phán xét chẳng phải tấm y bạn mặc.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 8. Các giới chung cho cả hai giới Tăng và Ni

Đức Phật thành lập hai chúng xuất gia thọ Cụ túc giới: Bhikkhu (227 giới) và Bhikkhunī (311 giới). Khoảng 180 giới giống nhau về thực chất, nên cốt lõi của giới luật xuất gia là như nhau đối với nam và nữ. Các giới bổ sung của

chư Ni chủ yếu liên quan đến sự an toàn của họ, mối quan hệ với Tăng-già, và các hành vi đặc thù của nữ giới. *Ghi chú: Cẩm nang của Ariyesako chỉ đề cập đến Bhikkhu; các con số dưới đây theo Luật tạng Pāli chuẩn như được tóm lược trong* Buddhist Monastic Code *của Bhikkhu Thānissaro, tập II, và chỉ mang tính gần đúng vì các nhà chú giải khác nhau về việc giới nào được tính là "chung."*

| Loại | Giới Bhikkhu | Giới Bhikkhunī | Chung (gần đúng) |
|---|---|---|---|
| Bất cộng trụ | 4 | 8 | 4 |
| Tăng tàn | 13 | 17 | 7 |
| Bất định | 2 | 0 | 0 |
| Ưng xả đối trị | 30 | 30 | 18 |
| Ưng đối trị | 92 | 166 | 70 |
| Ưng phát lộ | 4 | 8 | 0 |
| Ưng học pháp | 75 | 75 | 75 |
| Diệt tránh | 7 | 7 | 7 |
| **Tổng cộng** | **227** | **311** | **khoảng 181** |

**Cốt lõi chung.** Cả hai chúng đều phải giữ:

- **Bốn tội Bất cộng trụ:** hành dâm, trộm cắp, giết người và khoe khoang sai sự thật về chứng đắc.
- **Lời nói và sự hòa hợp:** vu cáo, phá hòa hợp Tăng, khó khuyên dạy, và "làm hư hỏng gia đình" (Saṅgh. 8–13), cũng như làm mai mối (Saṅgh. 5).
- **Kỷ luật vật chất:** không nhận tiền (Nis. Pāc. 18), không mua bán hay đổi chác, giới hạn bảy ngày đối với dược phẩm, và không chuyển vật cúng dường của Tăng-già về cho mình.

- **Hành xử hằng ngày:** nói dối, nói lời thô ác, ăn sau giờ ngọ, tích trữ vật thực, uống rượu, giết thú vật, làm hại cây cỏ và đào đất.
- **Toàn bộ 75 Ưng học pháp** về y phục, oai nghi, ăn uống và thuyết pháp, cùng **bảy thủ tục** dàn xếp tranh chấp.

Nhiều giới của Bhikkhu liên quan đến người nữ được phản chiếu trong các giới của Bhikkhunī liên quan đến người nam: chẳng hạn, Bhikkhunī không được đứng hay nói chuyện một mình với người nam nơi khuất, cũng không được hẹn nhau đi đường một mình với người nam.

**Các giới chỉ dành cho chư Ni.** Gồm bốn tội Bất cộng trụ bổ sung (xúc chạm thân thể người nam với tâm dục từ xương quai xanh đến đầu gối; che giấu tội Bất cộng trụ của một vị Ni khác; theo một vị Bhikkhu bị Tăng-già đình chỉ; và tám hành vi thân mật xác định với người nam). Các giới khác cấm đi đường, ngủ đêm hay qua sông một mình, và nhận vật thực từ người nam có tâm dục. *Bát kính pháp* (*garudhamma*, tám "giới nặng") cũng đặt Ni đoàn vào quan hệ tôn kính đối với Tăng-già, chẳng hạn trong việc thọ giới, khuyên dạy và lễ Tự tứ cuối mùa an cư.

**Các giới chỉ dành cho chư Tăng.** Hai giới Bất định và nhiều giới về tiếp xúc với người nữ chỉ áp dụng cho Bhikkhu, vì câu chữ của chúng nói về hành vi của vị Bhikkhu đối với người nữ.

**Tình hình hiện nay.** Ở hầu hết các nước Theravāda, Ni đoàn Bhikkhunī chưa được chính thức công nhận. Các nữ tu tám giới và mười giới (*mae chi ở* Thái Lan, *thilashin ở*

Myanmar, *dasasīla mātā* ở Sri Lanka) giữ ít giới hơn, nhưng trên thực tế tuân thủ nhiều giới chung của người xuất gia, như không ăn sau giờ ngọ hay không cầm tiền. Giới đàn Bhikkhunī được phục hồi vào tháng 12 năm 1996 tại Sarnath, Ấn Độ, khi mười phụ nữ Sri Lanka được các vị Bhikkhu Sri Lanka thuộc Hội Mahābodhi truyền giới với sự trợ giúp của chư Ni Hàn Quốc. Tiếp theo là một giới đàn quốc tế tại Bodh Gaya vào tháng 2 năm 1998, và từ năm 1998 các giới đàn đã được tổ chức ngay tại Sri Lanka, với hơn 500 phụ nữ thọ giới. Một số cộng đồng ở phương Tây và Thái Lan đã tiếp bước, dù sự phục hồi này vẫn chưa được các Tăng phái chính của Sri Lanka chính thức công nhận và tính hợp lệ của nó vẫn còn tranh cãi.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ayya Santa, một vị Bhikkhunī ở California, và Bhante Kovida, một vị Bhikkhu ở tự viện gần đó, cùng được mời đến chúc phúc một ngôi nhà. Bà chủ nhà đề nghị chở cả hai trên xe của mình. Ayya Santa xin chồng bà chủ nhà đi cùng; Bhante Kovida cũng lưu ý rằng ngài cần có thêm một người nam hiện diện. Trong bữa ăn, cả hai đều nhận vật thực tận tay trước giờ ngọ, cả hai đều từ chối phong bì tiền và đề nghị bỏ vào thùng công đức của chùa, và cả hai cùng tụng những bài kinh chúc phúc bằng tiếng Pāli. Một vị khách tò mò hỏi Ayya Santa vì sao bà cũng không bắt tay ông. Bà giải thích rằng giới của bà phản chiếu giới của chư Tăng: cả hai chúng đều tránh tiếp xúc thân thể với người khác giới.

### *Phân tích sự việc*

- Các giới về dâng vật thực, giờ thọ thực và tiền bạc giống hệt nhau cho cả hai.
- Những hạn chế về đi lại và tiếp xúc áp dụng theo cả hai chiều: mỗi bên đều phải tránh ở một mình hay đi đường một mình với người khác giới.
- Các Ưng học pháp chung giải thích oai nghi và cách tụng kinh giống nhau của họ.
- Hai vị xuất gia khác giới đi chung vẫn cần một người đi kèm thích hợp, vì giới của mỗi chúng đều liên quan đến chúng kia.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Ở nơi chưa có Ni đoàn được công nhận**, các nữ tu mười giới có thể không theo trọn vẹn giới luật xuất gia hoặc tự nguyện áp dụng; thực hành rất khác nhau.
- **Bát kính pháp** được một số học giả xem là thuộc giai đoạn muộn hoặc mang tính văn hóa nhất thời, và được những người khác xem là chính thống; các cộng đồng Bhikkhunī hiện đại diễn giải chúng theo nhiều cách.
- **Các tu viện có cả hai chúng** ở phương Tây đôi khi cho Tăng và Ni ở trên những khu đất riêng, đồng thời áp dụng cả hai bộ giới.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bhikkhunī giữ bao nhiêu giới? **Đ:** 311 giới theo Luật tạng Theravāda.

2. **H:** Những tội Bất cộng trụ nào là chung? **Đ:** Hành dâm, trộm cắp, giết người và khoe khoang sai sự thật về chứng đắc.
3. **H:** Các Ưng học pháp có giống nhau không? **Đ:** Có, cả 75 giới áp dụng cho cả hai chúng.
4. **H:** Chư Ni có kiêng tiền bạc không? **Đ:** Có; giới về tiền bạc là chung.
5. **H:** Chư Ni có ăn sau giờ ngọ không? **Đ:** Không; giới về giờ thọ thực là chung.
6. **H:** Kể một tội Bất cộng trụ chỉ áp dụng cho chư Ni. **Đ:** Che giấu tội Bất cộng trụ của một vị Ni khác, cùng một số tội khác.
7. **H:** Bát kính pháp là gì? **Đ:** Tám "giới nặng" quy định quan hệ giữa Ni đoàn và Tăng-già.
8. **H:** Vì sao giới Bất định chỉ áp dụng cho chư Tăng? **Đ:** Vì câu chữ nói về vị Bhikkhu ngồi với người nữ.
9. **H:** Dòng truyền thừa Bhikkhunī Theravāda gián đoạn khi nào? **Đ:** Sau sự sụp đổ của Anuradhapura (thế kỷ 11) và Pagan (thế kỷ 13).
10. **H:** Ngày nay có những hàng nữ tu nào? **Đ:** Nữ tu tám giới và mười giới, và ở một số nơi có Bhikkhunī được phục hồi.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Vì sao Đức Phật có thể đã chế cho chư Ni nhiều giới hơn chư Tăng? Hãy đánh giá các cách giải thích về an toàn, xã hội và thể chế.
2. Sự phản chiếu các giới về tiếp xúc giữa hai chúng tiết lộ mục đích sâu xa của các giới ấy như thế nào?

3. Hãy đánh giá các lập luận ủng hộ và phản đối việc phục hồi giới đàn Bhikkhunī hiện đại.
4. Các nữ tu mười giới tự nguyện giữ giới xuất gia thách thức ranh giới giữa tại gia và xuất gia như thế nào?
5. Nên hiểu Bát kính pháp là luật vĩnh cửu hay là sự thích nghi lịch sử? Hãy thảo luận.

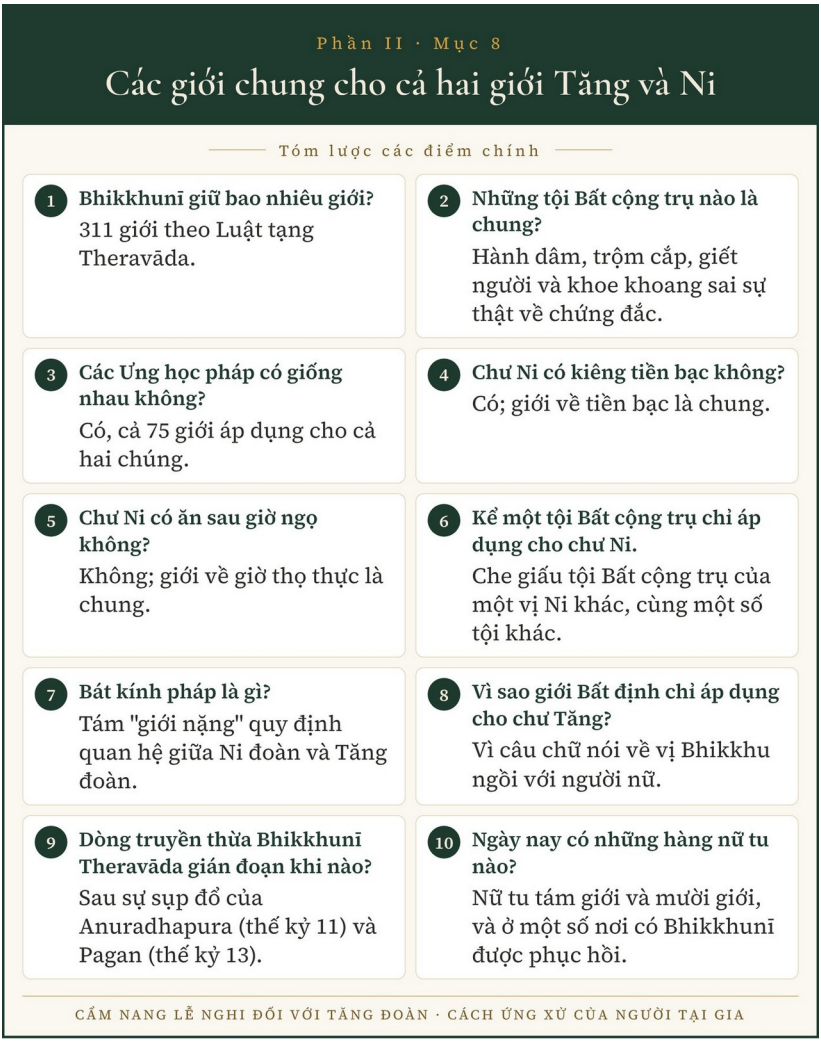
### *Thơ: Hai Tấm Y, Một Con Đường*

*Hai tấm y cùng một màu đất, hai bình bát,*
*Hai cái đầu cạo trọc cùng đảnh lễ Tam Bảo.*
*Giới giữ đôi tay chàng cũng giữ đôi tay nàng;*
*Giờ ngọ khép bữa ăn chàng cũng khép bữa ăn nàng.*
*Không đồng tiền nào được nắm trong tay chàng hay nàng,*
*Không lời dối về chứng đắc cao siêu nào thoát khỏi môi.*
*Con đường của nàng dốc hơn, dài hơn, khép kín hơn,*
*Dòng truyền thừa nàng đứt đoạn, được nối lại, vẫn còn bàn cãi.*
*Thế nhưng bên dưới những con số giới điều,*
*Chỉ một giới luật được dạy để giải thoát một trái tim.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Việc Tăng và Ni có chung một cốt lõi giới luật phản ánh lời dạy của Kinh Pháp Cú rằng con đường là như nhau cho tất cả: “Dù ở làng mạc hay rừng sâu, dù ở thung lũng hay đồi cao, nơi nào bậc A-la-hán trú, nơi ấy thật khả ái” (Pháp Cú 98, diễn ý). Câu kệ “Dù trang sức đẹp đẽ, nếu

sống an tịnh, điều phục, chế ngự, thanh tịnh… người ấy là Bà-la-môn, là Sa-môn, là Bhikkhu” (Pháp Cú 142) định nghĩa người xuất gia bằng phẩm chất nội tâm, không phải bằng giới tính hay địa vị.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần III — Phân Tích và Ứng Dụng Trong Đời Sống Hằng Ngày Hiện Đại

Luật tạng vẫn khả thi ngày nay vì nó điều chỉnh tác ý, sự nương tựa và lòng tin của xã hội chứ không điều chỉnh những công nghệ cụ thể. Các quy định riêng biệt của nó có thể được thích ứng qua Bốn Đại Tiêu chuẩn, và các nguyên lý nền tảng có thể trực tiếp soi sáng đạo đức của người tại gia. Phần này đưa ra một cách đọc phân tích trên bốn lĩnh vực, tiếp theo là những hướng dẫn thực hành.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về sự nâng đỡ lẫn nhau giữa chư Tăng và cư sĩ:*

> "Này các Bhikkhu, các Bà-la-môn và gia chủ rất hữu ích cho các con, vì họ cung cấp cho các con y áo, vật thực, sàng tọa và thuốc men. Và các con rất hữu ích cho họ, vì các con thuyết Pháp cho họ. Như vậy, phạm hạnh được sống trong sự nương tựa lẫn nhau, để vượt qua dòng nước lũ và đoạn tận khổ đau." — Phật Thuyết Như Vậy 107

*Về sức hấp dẫn, đối với cả nam lẫn nữ:*

> "Ta không thấy một sắc nào khác chiếm ngự tâm người nam như sắc của người nữ… Ta không thấy một sắc nào khác chiếm ngự tâm người nữ như sắc của người nam." — Tăng Chi Bộ 1.1–10

*Về cách cư xử với người nữ, lời dạy cho Ānanda:*

> "Đừng nhìn họ, này Ānanda." — "Nhưng nếu chúng con thấy họ?" — "Đừng nói chuyện với họ." —

> "Nhưng nếu họ nói chuyện với chúng con?" — "Thì hãy an trú chánh niệm." — Trường Bộ 16

*Về bố thí đúng cách:*

> "Bậc chân nhân bố thí với lòng tin, bố thí với sự cung kính, bố thí đúng thời, bố thí với tâm rộng lượng, và bố thí không làm hại mình hay người." — Tăng Chi Bộ 5.148

*Về sự chăm sóc lẫn nhau:*

> "Này các Bhikkhu, các con không có mẹ, không có cha chăm sóc. Nếu các con không chăm sóc lẫn nhau thì ai sẽ chăm sóc? Ai muốn chăm sóc Ta, hãy chăm sóc người bệnh." — Luật tạng, Đại Phẩm VIII.26

## 1. Các chủ đề phân tích

**(a) Sự tương thuộc như một thiết kế kinh tế và xã hội.** Những giới cấm tích trữ vật thực, cầm giữ tiền bạc, canh tác và xây cất khi không có thí chủ không chỉ mang tính khổ hạnh. Cùng nhau, chúng làm cho vị Bhikkhu phụ thuộc về mặt cấu trúc vào người tại gia mỗi ngày. Văn bản nêu rõ lý lẽ: "Bhikkhu không tích trữ vật thực nhưng nhận sự giúp đỡ từ những người tại gia có tích trữ; Bhikkhu không tích trữ tiền bạc nhưng nhận sự hộ trì từ những người tại gia có tiền." Kết quả là một nền kinh tế của sự trao tặng hỗ tương, trong đó sự hỗ trợ vật chất đi theo một chiều và Chánh pháp, "món quà cao quý nhất," trở lại theo chiều kia. Trong một nền văn hóa đề cao cá nhân, mô hình này là đối trọng với lý tưởng tự cung tự cấp.

**(b) Đạo đức phòng ngừa và bảo vệ an toàn.** Nhiều giới liên quan đến người nữ điều chỉnh *hoàn cảnh* chứ không

phải hành vi: sự cách biệt, trò chuyện riêng tư, ngủ đêm và đi chung đường. Điều này đi trước thực hành bảo vệ an toàn hiện đại, vốn cũng dựa trên tính minh bạch, người đi kèm và tránh tiếp xúc riêng một-một không có giám sát. Đại đức Thiradhammo nhận xét rằng "những vụ bê bối tình dục liên miên trong giới tôn giáo có thể là động lực đủ để khuyến khích sự phòng ngừa và thận trọng tối đa." Đọc theo cách này, các giới bảo vệ người tại gia không kém gì bảo vệ chư Tăng.

**(c) Trách nhiệm giải trình của uy quyền tâm linh.** Giới cấm khoe khoang pháp thượng nhân được xếp cùng hàng với giết người và trộm cắp vì nó lợi dụng lòng tin ở tầng sâu nhất. Điều này nói thẳng đến những trường hợp đương đại về các vị thầy có sức lôi cuốn lạm dụng đệ tử. Câu trả lời của Luật tạng mang tính cấu trúc: tuyệt đối cấm tuyên bố chứng đắc, và việc giảng dạy phải công khai, có người chứng kiến và không gắn với trao đổi thương mại.

**(d) Truyền thống và thích ứng.** Thế giới hiện đại khiến việc áp dụng giới luật theo nghĩa đen trở nên khó khăn: chung cư, máy bay, thẻ tín dụng và vùng cực. Luật tạng không trả lời bằng cách bãi bỏ giới mà bằng loại suy. Đây là một trung đạo có kỷ luật giữa câu nệ văn tự cứng nhắc và tương đối tiện lợi. Điểm yếu của nó là sự đa dạng: những cộng đồng trung tín như nhau đi đến kết luận khác nhau về việc uống trà sau giờ ngọ, nước ép từ trái cây lớn, hay nhận vật dâng trực tiếp từ người nữ. Phương thuốc mà chính văn bản đưa ra là bao dung: theo cộng đồng của mình và tôn trọng người khác.

### *Kiến thức phổ thông*

Bốn chủ đề có chung một nhận thức: Luật tạng định hình các mối quan hệ, không chỉ hành vi cá nhân. Sự tương thuộc gắn kết vị Bhikkhu với thí chủ; đạo đức phòng ngừa bảo vệ cả hai khỏi tổn hại và nghi ngờ; trách nhiệm giải trình gìn giữ lòng tin làm nền cho mối quan hệ; và sự thích ứng có nguyên tắc giữ cho mối quan hệ ấy sống động qua các nền văn hóa. Độc giả hiện đại có thể thử bất kỳ phong tục xuất gia nào bằng cách hỏi: nó phục vụ mục đích nào trong số này?

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một vị thầy dạy thiền có sức lôi cuốn ở California, đã thọ giới nhưng sống một mình trong biệt thự của một thí chủ, bắt đầu ám chỉ rằng mình đã đắc thiền (*jhāna*) và tổ chức các buổi gặp riêng với nữ thiền sinh. Tiền cúng dường tăng lên. Anh Raj, một người hộ trì lâu năm, nhận thấy vị thầy đã ngưng đi khất thực và không còn sống cùng các vị Bhikkhu khác. Anh viết thư cho Thầy tế độ của vị ấy ở Thái Lan, và Thầy đã gọi vị ấy về. Một số thiền sinh tức giận; về sau, hai phụ nữ đứng ra tố cáo, và cộng đồng nhận ra rằng các giới luật đã là những dấu hiệu cảnh báo ngay từ đầu.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Trường hợp này cho thấy mọi chủ đề phân tích cùng lúc thất bại: sự cô lập phá vỡ tính tương thuộc, những buổi gặp riêng phá vỡ đạo đức phòng ngừa, và những ám chỉ về chứng đắc phá vỡ trách nhiệm giải trình. Kinh Pháp Cú

cảnh tỉnh: “Nhiều người khoác áo cà-sa mà ác hạnh, không tự chế; những kẻ ác ấy do ác nghiệp mà sinh vào cõi khổ” (Pháp Cú 307, diễn ý). Kinh cũng tán thán người chỉ ra lỗi lầm: “Hãy xem người chỉ lỗi cho mình như người chỉ chỗ chôn kho báu” (Pháp Cú 76, diễn ý). Anh Raj đã đóng vai trò ấy cho cả cộng đồng.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Điều gì khiến chư Tăng nương tựa vào người tại gia mỗi ngày? **Đ:** Không tích trữ vật thực, không cầm tiền, không canh tác, không xây cất khi không có thí chủ.
2. **H:** Điều gì trở lại với người tại gia? **Đ:** Chánh pháp, “món quà cao quý nhất.”
3. **H:** Nhiều giới về người nữ điều chỉnh điều gì? **Đ:** Hoàn cảnh chứ không phải hành vi: sự cách biệt, riêng tư, chỗ ngủ và đi lại.
4. **H:** Chúng tương tự với thực hành hiện đại nào? **Đ:** Bảo vệ an toàn: minh bạch và không tiếp xúc riêng một-một không giám sát.
5. **H:** Vì sao khoe khoang sai sự thật về chứng đắc lại nghiêm trọng? **Đ:** Vì nó lợi dụng lòng tin sâu xa nhất của thí chủ.
6. **H:** Luật tạng phòng ngừa các vị thầy lạm dụng như thế nào? **Đ:** Bằng cách cấm tuyên bố chứng đắc, dạy riêng và dạy để lấy thù lao.
7. **H:** Luật tạng thích ứng với đời sống hiện đại như thế nào? **Đ:** Bằng loại suy qua Bốn Đại Tiêu chuẩn.

8. **H:** Điểm yếu của nó là gì? **Đ:** Những cộng đồng trung tín như nhau đi đến kết luận khác nhau.
9. **H:** Phương thuốc cho điều đó là gì? **Đ:** Theo cộng đồng của mình và tôn trọng người khác.
10. **H:** Câu kệ nào tán thán người chỉ ra lỗi lầm? **Đ:** Pháp Cú 76: như người chỉ chỗ chôn kho báu.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Sự phụ thuộc kinh tế định hình phẩm cách của người xuất gia như thế nào?
2. Bài học bảo vệ an toàn nào từ Luật tạng mà nơi làm việc của bạn có thể áp dụng?
3. Người tại gia nên lưu ý những dấu hiệu cảnh báo nào nơi một vị thầy tâm linh?
4. Sự đa dạng trong diễn giải là điểm mạnh hay điểm yếu?
5. Bạn sẽ trình báo mối lo ngại về hành vi của một vị Bhikkhu như thế nào?

***Thơ: Bốn Trụ Cột***

*Vị sư không tích trữ cơm phải đi mỗi sớm*

*Giữa những mái nhà của người bố thí.*

*Sảnh đường rộng mở, người huynh đệ ngồi bên,*

*Giữ cho cả người nữ lẫn tấm y khỏi tổn hại.*

*Không lời tự xưng đắc thiền, không lời thì thầm "Ta đã giải thoát,"*

*Có thể mua được lòng tin của người dâng bát.*

*Và khi thế gian mang đến băng giá, màn hình hay thẻ tín dụng,*

*Các Tiêu chuẩn nhẹ nhàng cân nhắc, từng giới một.*

*Bốn trụ cột nâng đỡ ngôi nhà của tại gia và xuất gia:*

*Nhu cầu, sự quan tâm, lòng chân thật, và một bộ luật sống.*

Phần III · Mục 1

## Các chủ đề phân tích

Tóm lược các điểm chính

1. **Điều gì khiến chư Tăng nương tựa vào người tại gia mỗi ngày?**
   Không tích trữ vật thực, không cầm tiền, không canh tác, không xây cất khi không có thí chủ.

2. **Điều gì trở lại với người tại gia?**
   Chánh pháp, "món quà cao quý nhất."

3. **Nhiều giới về người nữ điều chỉnh điều gì?**
   Hoàn cảnh chứ không phải hành vi: sự cách biệt, riêng tư, chỗ ngủ và đi lại.

4. **Chúng tương tự với thực hành hiện đại nào?**
   Bảo vệ an toàn: minh bạch và không tiếp xúc riêng một-một không giám sát.

5. **Vì sao khoe khoang sai sự thật về chứng đắc lại nghiêm trọng?**
   Vì nó lợi dụng lòng tin sâu xa nhất của thí chủ.

6. **Luật tạng phòng ngừa các vị thầy lạm dụng như thế nào?**
   Bằng cách cấm tuyên bố chứng đắc, dạy riêng và dạy để lấy thù lao.

7. **Luật tạng thích ứng với đời sống hiện đại như thế nào?**
   Bằng loại suy qua Bốn Đại Tiêu chuẩn.

8. **Điểm yếu của nó là gì?**
   Những cộng đồng trung tín như nhau đi đến kết luận khác nhau.

9. **Phương thuốc cho điều đó là gì?**
   Theo cộng đồng của mình và tôn trọng người khác.

10. **Câu kệ nào tán thán người chỉ ra lỗi lầm?**
    Pháp Cú 76: như người chỉ chỗ chôn kho báu.



*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 2. Áp dụng các nguyên lý vào đời sống tại gia

Giới luật được viết cho chư Tăng, nhưng lý lẽ của chúng có thể chuyển thành thực hành tại gia:

| Nguyên lý xuất gia | Cơ sở giới luật | Ứng dụng tại gia đương đại |
|---|---|---|
| Quán xét mục đích của bốn vật dụng | Quán tưởng hằng ngày về y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men | Tiêu dùng có ý thức; cưỡng lại quảng cáo và thời trang; mua vì nhu cầu, không vì địa vị |
| Không ăn sau giờ ngọ | Pāc. 37; Tám giới | Thỉnh thoảng giữ vào ngày Bố-tát như một sự tập chế ngự |
| Tránh giải trí | Tám giới và Mười giới; HS chương 17 | Định kỳ "nhịn" mạng xã hội và truyền thông |
| Không phá hoại cây cỏ hay làm hại sinh vật nhỏ | Pāc. 10, 11, 61, 62 | Bảo vệ môi trường; chư Tăng Thiền lâm Thái Lan như những người bảo tồn rừng |
| Nhận mọi thứ được dâng với lòng biết ơn | Sekhiya 27; sự cho phép ăn thịt | Biết ơn mà không áp đặt lựa chọn ăn uống của mình lên người khác |
| Tránh những cuộc gặp riêng dễ gây nghi ngờ | Bất định; Pāc. 44–45 | Ranh giới nghề nghiệp trong tham vấn, cố vấn và nơi làm việc |
| Không tự xưng điều mình chưa đạt | Pār. 4 | Trung thực về bằng cấp và cách giới thiệu bản thân |
| Dàn xếp tranh chấp bằng thủ tục, không bằng phe phái | Diệt tránh; Kosambī | Hòa giải và thủ tục công bằng trong gia đình, nơi làm việc và cộng đồng |

### *Kiến thức phổ thông*

Giới luật xuất gia là sự biểu hiện ở mức cao nhất của những nguyên lý áp dụng một cách điều độ cho mọi người: giản dị, chế ngự, chân thật và quan tâm đến chúng sinh. Người tại gia không thể giữ 227 giới, nhưng có thể

mượn tinh thần của chúng: một ngày tám giới, một tháng không mua sắm trực tuyến, một thói quen quán xét trước khi dùng vật thực, y phục hay thuốc men.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Chị Thủy, trưởng phòng tiếp thị ở Hà Nội, kiệt sức vì liên tục mua sắm, lướt mạng và nhận điện thoại công việc buổi tối. Cảm hứng từ lời quán tưởng về bốn vật dụng, chị bắt đầu tự hỏi trước mỗi lần mua: "Mình cần thứ này để bảo vệ thân thể, hay để chiều chuộng nó?" Chị thọ tám giới vào các ngày rằm và tắt điện thoại sau 8 giờ tối. Trong sáu tháng, chị tiết kiệm được tiền, ngủ ngon hơn và cảm thấy, theo lời chị, "không còn lúc nào cũng thèm khát."

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú tuyên bố: "Không bệnh là lợi tối thượng, biết đủ là giàu tối thượng, tin cậy là bà con tối thượng, Niết-bàn là an lạc tối thượng" (Pháp Cú 204, diễn ý). Việc chị Thủy khám phá ra rằng muốn ít hơn mang lại an bình hơn chính là sự tri túc (*santuṭṭhi*) ấy. Câu kệ "Nếu bỏ hạnh phúc nhỏ mà thấy được hạnh phúc lớn, bậc trí bỏ hạnh phúc nhỏ" (Pháp Cú 290, diễn ý) nắm bắt lý lẽ của mọi giới chị đã thực hành.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Người tại gia có thể áp dụng các nguyên lý xuất gia không? **Đ:** Có, một cách điều độ.
2. **H:** Lời quán tưởng nào áp dụng cho việc mua sắm? **Đ:** Quán tưởng về bốn vật dụng: nhu cầu, không phải hưởng thụ.

3. **H:** Thực hành tại gia nào tương ứng với giới không ăn sau giờ ngọ? **Đ:** Thọ tám giới vào ngày Bố-tát.
4. **H:** Điều gì tương ứng với giới tránh giải trí? **Đ:** Định kỳ "nhịn" mạng xã hội hay truyền thông.
5. **H:** Các giới về cây cỏ áp dụng ngày nay thế nào? **Đ:** Như sự bảo vệ môi trường.
6. **H:** Việc nhận với lòng biết ơn dạy điều gì? **Đ:** Biết ơn mà không áp đặt sở thích của mình.
7. **H:** Các giới Bất định dạy người làm nghề điều gì? **Đ:** Giữ ranh giới trong tham vấn và cố vấn.
8. **H:** Pār. 4 dạy người tại gia điều gì? **Đ:** Trung thực về bằng cấp và cách giới thiệu bản thân.
9. **H:** Câu chuyện Kosambī dạy gia đình và nơi làm việc điều gì? **Đ:** Dàn xếp tranh chấp bằng thủ tục, không bằng phe phái.
10. **H:** "Giàu tối thượng" (Pháp Cú 204) là gì? **Đ:** Biết đủ.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Hãy chọn một giới xuất gia và thiết kế một phiên bản tại gia cho tuần này của bạn.
2. Việc "quán xét vật dụng" trước khi mua sắm sẽ thay đổi điều gì trong đời bạn?
3. Một gia đình có thể cùng nhau thực hành tri túc như thế nào?
4. Nguyên lý nào trong bảng khó áp dụng nhất đối với bạn?
5. Sự chế ngự có thể dẫn đến hạnh phúc lớn hơn (Pháp Cú 290) như thế nào?

***Thơ: Mượn Áo Cà-sa***

*Tôi chẳng giữ nổi hai trăm hai mươi bảy giới,*
*Nhưng tôi có thể hỏi: "Đây là cần hay là muốn?"*
*Tôi chẳng nhịn được mỗi tối như vị sư,*
*Nhưng ngày rằm tôi có thể bỏ bữa chiều.*
*Tôi chẳng bỏ được điện thoại trong túp lều giữa rừng,*
*Nhưng tôi có thể tắt nó khi màn đêm buông xuống.*
*Tôi mượn từ tấm y một vài sợi chỉ,*
*Và dệt chúng vào tấm vải đời thường.*
*Và khi thấy mình bớt thèm khát, tôi học được:*
*Biết đủ là gia tài không kẻ trộm nào lấy được.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 3. Hướng dẫn thực hành hộ trì chư Tăng ngày nay

**Dâng vật thực.** Hãy sắp xếp bữa ăn để được dâng và thọ dụng xong trước giờ ngọ. Dâng từng món trong tầm tay, nâng lên hoặc đẩy nhẹ về phía vị Bhikkhu. Nếu vị ấy giữ lệ *kappiya*, hãy sẵn sàng làm cho trái cây trở nên hợp lệ khi được yêu cầu. Khi thỉnh một bữa ăn, một số cộng đồng mong rằng người thỉnh không nêu tên món ăn trước.

**Dâng cúng sau giờ ngọ.** Hãy hỏi xem cộng đồng ấy cho phép những gì. Nước ép đã lọc thường được chấp nhận; một số cộng đồng loại trừ trái cây lớn, một số chỉ nhận nước lọc. Các loại bổ dược như mật ong, đường và thuốc men thông thường nói chung có thể dâng vào bất cứ lúc nào.

**Tiền bạc và quà tặng.** Không bao giờ trao tiền trực tiếp cho vị Bhikkhu, kể cả khi bỏ trong phong bì. Thay vào đó, hãy giao cho người hộ Tăng (Kappiya) của tu viện, bỏ vào thùng công đức hoặc tài khoản ngân hàng, và đưa cho vị Bhikkhu một tờ giấy ghi rõ phần đã được dành cho vị ấy. Cần nhớ rằng sự im lặng của vị Bhikkhu có thể biểu thị sự chấp nhận.

**Lời thỉnh mời.** Hãy nói rõ lời thỉnh mời (*pavāraṇā*), xác định điều mình cúng dường và trong bao lâu, chẳng hạn: "Bạch Ngài, nếu trong tháng này Ngài cần thuốc men hay phương tiện đi lại, xin Ngài cho con biết. Con hoan hỷ cung cấp." Vì chư Tăng không được tự ý yêu cầu, lời thỉnh mời chính là điều làm cho sự hộ trì của quý vị trở nên sử dụng được. Nếu không nêu thời hạn, một số cộng đồng xem lời thỉnh mời chỉ có hiệu lực trong bốn tháng.

**Đi lại và chỗ ở.** Phụ nữ sắp xếp phương tiện đi lại nên bảo đảm có một người nam cùng đi với vị Bhikkhu. Chủ nhà nên chuẩn bị một phòng hoặc căn hộ có lối ra vào riêng, và sắp xếp đón vị Bhikkhu đi xa tại sân bay, vì vị ấy không mang theo tiền.

**Trò chuyện và giảng dạy.** Người nữ muốn được chỉ dạy nên sắp xếp có một người nam hiện diện, hoặc gặp ở nơi

công khai. Khi nghe pháp thoại, tư thế cung kính quan trọng hơn việc tuân thủ chặt chẽ danh sách các trường hợp miễn trừ thời xưa.

**Lễ nghi.** Hãy xưng hô với bất kỳ vị Bhikkhu nào là "Bạch Ngài" (Bhante) hoặc "Bạch Đại đức." Không duỗi chân về phía vị Bhikkhu hay tượng Phật. Lễ bái luôn được hoan nghênh nhưng không bao giờ bắt buộc. Đôi mắt nhìn xuống hay sự dè dặt nơi công cộng của vị Bhikkhu phản ánh giới luật của vị ấy, không phải sự lạnh nhạt.

**Khi một vị Bhikkhu có lỗi.** Lời phê bình của người tại gia có vị trí chính đáng: vào thời Đức Phật, đó thường là cách những sai phạm được đưa ra ánh sáng. Tuy vậy, lời phê bình nên nhắm vào cá nhân chứ không phải mọi vị Bhikkhu, và không được trở thành một cuộc "săn phù thủy." Đối với tội Bất cộng trụ, Tăng-già trục xuất người phạm. Khi không thể chứng minh được tội, "kết quả của nghiệp phải được để tự diễn tiến."

**Khi một vị Bhikkhu làm hại người tại gia.** Luật tạng cũng bảo vệ người tại gia. Nếu một vị Bhikkhu xúc phạm, chế giễu hay làm hại một thí chủ, Tăng-già có thể tiến hành yết-ma hòa giải (*paṭisāraṇīya-kamma*), buộc vị ấy xin lỗi người đó trước sự hiện diện của một vị Bhikkhu khác, như Đại đức Sudhamma đã phải xin lỗi gia chủ Citta (Tiểu Phẩm I). Người tại gia bị đối xử bất công có thể trình sự việc lên vị trụ trì hoặc chư Tăng trưởng lão.

### *Kiến thức phổ thông*

Hộ trì chư Tăng trong thực tế đòi hỏi hiểu biết cũng như lòng rộng lượng. Một món quà dâng sai thời, sai cách

hoặc sai hình thức có thể vô tình khiến vị Bhikkhu phạm giới hoặc phải từ chối. Vì thế, học hỏi phong tục là một phần của việc bố thí đúng cách: Đức Phật mô tả "món quà của bậc chân nhân" là món quà được dâng với lòng tin, sự cung kính, đúng thời và không làm hại mình hay người.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Gia đình Silva ở Melbourne muốn hộ trì một vị Bhikkhu đến thăm trong một tháng. Họ đưa vị ấy một thẻ ghi nợ "phòng khi khẩn cấp," nấu bữa tối mỗi chiều, và nhờ một người chị họ lái xe đưa vị ấy ra sân bay một mình. Một cư sĩ lớn tuổi nhẹ nhàng giải thích từng vấn đề. Gia đình thay thẻ ngân hàng bằng sự sắp xếp qua người hộ Tăng, dời bữa ăn sang 11 giờ sáng và nhờ chồng của người chị họ cùng đi. Vị Bhikkhu chân thành cảm ơn họ, và gia đình nói rằng trải nghiệm ấy dạy họ về Chánh pháp nhiều hơn bao năm nghe pháp thoại.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Những nỗ lực đầu tiên của gia đình Silva rộng lượng nhưng thiếu khéo léo; lần thứ hai thì vừa rộng lượng vừa sáng suốt. Kinh Pháp Cú quý trọng cả những món quà nhỏ được trao đúng cách: "Nói thật, không giận dữ, được xin dù ít cũng cho: nhờ ba điều này mà đến được cõi chư thiên" (Pháp Cú 224, diễn ý). Lời dạy của Đức Phật về "món quà của bậc chân nhân" (Tăng Chi Bộ III 172) bổ sung rằng đúng thời và đúng cách làm cho món quà sinh quả. Trí tuệ và lòng rộng lượng cùng nhau là lý tưởng.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Nên dâng bữa ăn cho chư Tăng khi nào? **Đ:** Đủ sớm để thọ dụng xong trước giờ ngọ.
2. **H:** Sau giờ ngọ có thể dâng gì? **Đ:** Nước ép đã lọc, bổ dược và thuốc men, tùy theo cộng đồng.
3. **H:** Nên trao tiền như thế nào? **Đ:** Cho người hộ Tăng (Kappiya) hoặc thùng công đức, kèm một tờ giấy báo cho vị Bhikkhu.
4. **H:** *Pavāraṇā* là gì? **Đ:** Lời thỉnh mời cho vị Bhikkhu biết mình sẽ cúng dường điều gì.
5. **H:** Ở một số cộng đồng, lời thỉnh mời không thời hạn có hiệu lực bao lâu? **Đ:** Bốn tháng.
6. **H:** Người nữ sắp xếp phương tiện cho vị Bhikkhu cần bảo đảm điều gì? **Đ:** Có một người nam cùng đi.
7. **H:** Chủ nhà nên chuẩn bị chỗ ở thế nào? **Đ:** Một phòng hoặc căn hộ có lối ra vào riêng.
8. **H:** Người nữ nên xin chỉ dạy riêng như thế nào? **Đ:** Có một người nam hiện diện hoặc ở nơi công khai.
9. **H:** Người tại gia có thể làm gì nếu bị một vị Bhikkhu làm hại? **Đ:** Trình lên chư Tăng trưởng lão; yết-ma hòa giải có thể được áp dụng.
10. **H:** Điều gì làm cho món quà sinh quả (Tăng Chi Bộ III 172)? **Đ:** Lòng tin, sự cung kính, đúng thời và không làm hại ai.

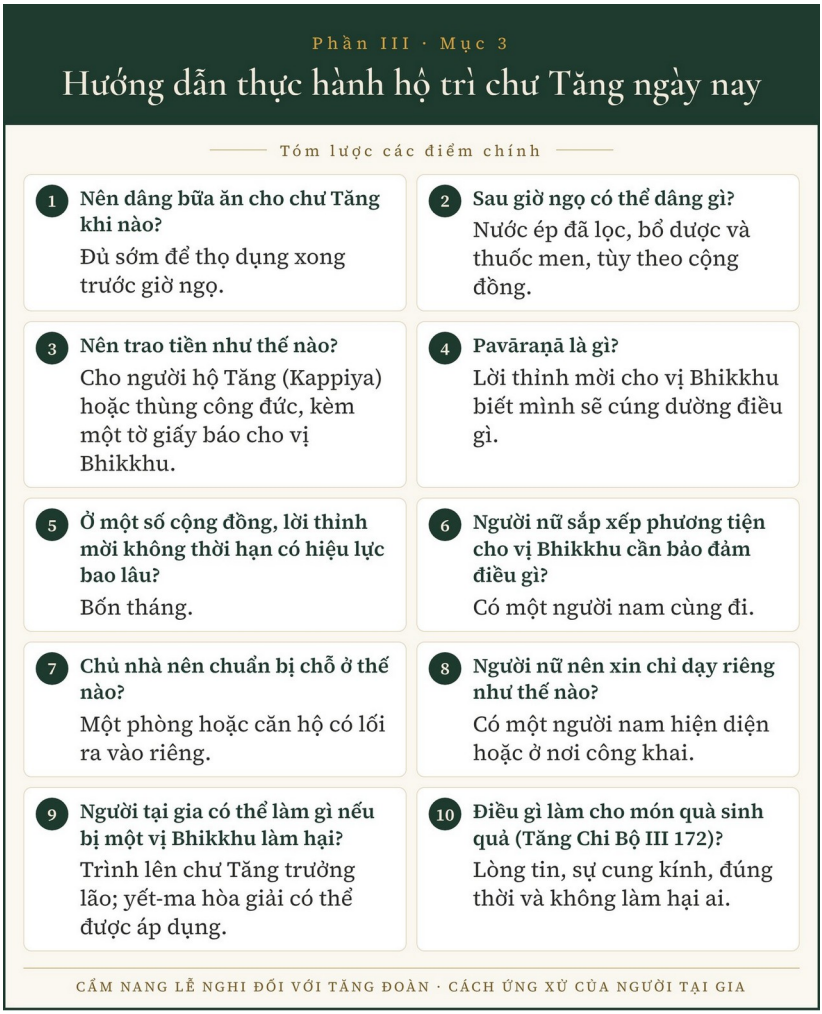
***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Hướng dẫn thực hành nào sẽ cải thiện ngôi chùa của bạn nhiều nhất?

2. Làm thế nào để kết hợp trí tuệ và lòng rộng lượng trong bố thí?
3. Hãy viết một hướng dẫn ngắn cho người lần đầu đón tiếp một vị Bhikkhu.
4. Vì sao lời phê bình một vị Bhikkhu phải nhắm đúng đối tượng, không chung chung?
5. Bạn sẽ làm gì nếu thấy một vị Bhikkhu bị người tại gia đối xử bất công?

***Thơ: Món Quà Tốt***

*Họ trao tấm thẻ phòng thân, bữa cơm lúc chiều tà,*
*Chiếc xe người chị họ, căn phòng chân tình trong nhà.*
*Mỗi món quà đều tử tế; mỗi món lại sai chỗ,*
*Như cơm bỏ vào bình bát đã đầy.*
*Một bậc cao niên nhẹ nhàng chỉ từng bước:*
*Người hộ Tăng, và bữa cơm trước giờ ngọ,*
*Một người anh trên xe, một cánh cửa riêng.*
*Quà nhỏ hơn, mà niềm vui lại nhiều hơn.*
*Món quà tốt đợi đúng thời và đúng cách:*
*Bàn tay rộng mở, và trí tuệ trong tim.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 4. Bộ quy tắc ứng xử cho người tại gia khi tiếp xúc với chư Tăng

Luật tạng chỉ ràng buộc chư Tăng, nhưng vì rất nhiều giới liên quan đến sự giao tiếp của họ với người tại gia, một bộ quy tắc tương ứng cho người tại gia được rút ra từ đó. Người tại gia giữ những điểm dưới đây giúp vị Bhikkhu

giữ giới và tránh những lỗi mà vị ấy không phải lúc nào cũng tự mình ngăn ngừa được. Bảng sau tập hợp các điểm theo từng hoàn cảnh; cột giới luật cho biết mỗi điểm hỗ trợ giới nào của người xuất gia.

| Hoàn cảnh | Cách ứng xử của người tại gia | Giới luật được hỗ trợ |
|---|---|---|
| **Chào hỏi và cung kính** | Xưng hô "Bạch Ngài" hoặc "Bạch Đại đức"; chắp tay (*añjali*), đảnh lễ năm vóc hoặc đứng dậy đón tiếp, tùy theo tâm mình | Các điều cho phép về lễ nghi (EV II, tr.78) |
| | Không duỗi chân về phía vị Bhikkhu hay tượng Phật; ngồi thấp hơn hoặc ngang bằng vị Bhikkhu đang ngồi | Sekhiya 57–72 (về thuyết pháp); lễ nghi theo tập quán |
| | Đi nhiễu quanh điện thờ hay bảo tháp theo chiều kim đồng hồ, giữ bên phải hướng về tháp | Tập quán đi nhiễu |
| **Tiếp xúc thân thể** | Người nữ không chạm vào vị Bhikkhu, không bắt tay hay trao vật trực tiếp ở nơi cộng đồng giữ lệ này; dùng tấm vải nhận đồ của vị ấy | Saṅgh. 2 |
| | Trong trường hợp khẩn cấp (ví dụ chăm sóc y tế), tiếp xúc không phạm nếu không có tâm dục; để vị Bhikkhu quyết định | Các trường hợp miễn trừ của Saṅgh. 2 |
| **Ở riêng với nhau** | Người nữ không ngồi một mình với vị Bhikkhu ở nơi kín đáo hay riêng tư; mời một người nam (hoặc, ở nơi riêng nhưng thoáng, một người khác) đi kèm | Aniyata 1–2; Pāc. 44–45 |
| | Người nữ cần được chỉ dạy Chánh pháp nhiều hơn vài lời ngắn gọn nên sắp xếp có một người nam hiểu biết hiện diện | Pāc. 7 |
| | Không vào tịnh thất của vị Bhikkhu một mình, và không mong vị ấy vào khu vực riêng của gia đình | Pāc. 43–45 |

*(tiếp theo)*

| Hoàn cảnh | Cách ứng xử của người tại gia | Giới luật được hỗ trợ |
|---|---|---|
| **Lời nói** | Tránh lời lả lơi, gợi ý hay thân mật, và không bao giờ trình bày việc tiếp xúc tình dục như có lợi ích tâm linh | Saṅgh. 3–4 |
| | Không nhờ vị Bhikkhu mai mối hôn nhân hay giới thiệu tình cảm, hoặc chủ hôn trong đám cưới | Saṅgh. 5 |
| | Không hỏi vị Bhikkhu về sự chứng đắc thiền định của chính vị ấy | Pāc. 8; Pār. 4 |
| | Không xin xem bói, số đề, bùa hộ mạng hay bùa yêu | Tà mạng (*tiracchāna-vijjā*) |
| **Lưu trú qua đêm** | Không để vị Bhikkhu ngủ cùng mái nhà và cùng lối ra vào với người nữ; chuẩn bị phòng hoặc căn hộ có lối vào riêng | Pāc. 6 |
| **Đi lại** | Người nữ không sắp xếp đi một mình với vị Bhikkhu; có người nam đi cùng và giữ chuyến đi ngắn | Pāc. 67 |
| | Không dâng xe hơi hay nhờ vị Bhikkhu lái xe | Giới về xe cộ (HS ch.17) |

*(tiếp theo)*

| Hoàn cảnh | Cách ứng xử của người tại gia | Giới luật được hỗ trợ |
|---|---|---|
| **Vật thực** | Dâng vật thực bằng tay trong tầm với, từ rạng đông đến giờ ngọ; cởi giày dép khi dâng cho vị Bhikkhu đi chân trần | Pāc. 37, 40 |
| | Không dâng thức ăn đặc sau giờ ngọ, và không bao giờ dâng rượu | Pāc. 37, 51 |
| | Làm cho trái cây có hạt còn nảy mầm trở nên hợp lệ khi được yêu cầu (*kappiya*) | Giới về hạt giống (*dukkaṭa*) |
| | Không giết thú vật đặc biệt để dâng vị Bhikkhu | Điều cho phép ăn thịt (M.I.369) |
| | Báo trước mọi sự dâng vật thực cho chư Tăng ở nơi xa xôi hay nguy hiểm | Pāṭid. 4 |
| | Không mong trò chuyện trong khi vị Bhikkhu đang thọ thực | Sekhiya 31–32 |
| **Tiền bạc và quà tặng** | Không bao giờ đặt tiền vào tay, bình bát hay phong bì của vị Bhikkhu; giao cho người hộ Tăng hoặc thùng công đức và đưa vị ấy tờ giấy báo | Nis. Pāc. 18 |
| | Không nhờ vị Bhikkhu mua, bán, đầu tư hay đổi tiền giùm mình | Nis. Pāc. 19–20 |
| | Không chuyển món quà dành cho toàn thể Tăng-già sang một vị được ưu ái theo yêu cầu của vị ấy | Nis. Pāc. 30; Pāc. 82 |
| | Nói rõ lời thỉnh mời (*pavāraṇā*) nếu muốn vị Bhikkhu yêu cầu mình | Pāc. 47 |

*(tiếp theo)*

| Hoàn cảnh | Cách ứng xử của người tại gia | Giới luật được hỗ trợ |
|---|---|---|
| **Công việc và môi trường** | Chư Tăng không được đào đất, chặt cây cỏ hay ra lệnh làm việc ấy; hãy lắng nghe lời gợi ý và tự mình làm | Pāc. 10–11 |
| **Giảng dạy** | Khi nghe pháp, ngồi cung kính: không cao hơn vị Bhikkhu, không nằm và không cầm vũ khí | Sekhiya 57–72 |
| **Giải trí** | Không mời vị Bhikkhu đi xem hòa nhạc, phim ảnh, dự tiệc hay các cuộc vui khác, hoặc vào quán rượu | Hành xứ không thích hợp; Tám/Mười giới |
| | Không lôi kéo vị Bhikkhu vào chiến dịch chính trị hay việc vặt cá nhân | BMC tr.152 |

Hai nguyên tắc chung làm nền cho danh sách này. Thứ nhất, chư Tăng không chỉ phải trong sạch mà còn phải được *thấy* là trong sạch, vì vậy người tại gia giúp ích nhiều nhất bằng cách tránh những hoàn cảnh có thể gây nghi ngờ, kể cả những hoàn cảnh vô tư. Thứ hai, thực hành khác nhau giữa các cộng đồng, nên khi còn phân vân, cách cư xử lịch sự là hỏi thẳng vị Bhikkhu hoặc một cư sĩ lâu năm xem tu viện ấy giữ giới này thế nào.

Bộ quy tắc của người tại gia có ba điểm tựa kinh điển: **Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt** (*Sigālovāda*, Trường Bộ 31), nêu năm bổn phận của gia chủ đối với người xuất gia; **Kinh Dhammika** (Kinh Tập 2.14), nêu giới của người cư sĩ, sự hành trì ngày Bố-tát và bố thí cung kính; và **Tiểu Phẩm I**, ràng buộc chư Tăng phải đối xử tôn trọng với người tại gia. Phần VI, mục 6 bàn về cả ba văn bản này.

### *Kiến thức phổ thông*

Bộ quy tắc ứng xử của người tại gia là điểm gặp gỡ thực tế của hai nếp kỷ luật: Luật tạng của chư Tăng và giới của chính người tại gia. Khi người tại gia biết vị Bhikkhu được và không được làm gì, họ có thể giúp đỡ thay vì cản trở. Nhiều giới chỉ có thể giữ được nhờ sự hợp tác của người tại gia: vị Bhikkhu không thể giữ giới về tiền nếu không có người hộ Tăng, cũng không giữ được giới về vật thực nếu không có thí chủ dâng đúng giờ.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Tại một ngôi chùa mới ở Dallas, chị Linda, điều phối viên tình nguyện, đã in một bản hướng dẫn một trang dựa trên bộ quy tắc của người tại gia: cách dâng vật thực, cách xử lý tiền cúng dường, khi nào cần người đi kèm, cách ngồi khi nghe pháp. Chỉ trong vài tháng, chư Tăng nhận thấy ít tình huống khó xử hơn, người mới cảm thấy tự tin hơn, và những thành viên lâu năm thừa nhận rằng chính họ cũng chưa từng hiểu trọn vẹn các phong tục ấy.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Bản hướng dẫn của chị Linda đã thực hành lời dạy rằng trước hết phải tự đặt mình vào điều đúng đắn, rồi mới hướng dẫn người khác: “Trước hãy tự đặt mình vào điều phải, sau mới dạy người; người trí như vậy sẽ không bị chê trách” (Pháp Cú 158, diễn ý). Việc làm của chị cũng thể hiện bổn phận của người tại gia trong Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt là phụng sự người xuất gia “bằng thân nghiệp từ hòa” (xem Phần VI).

*Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Người tại gia nên xưng hô với vị Bhikkhu thế nào? **Đ:** "Bạch Ngài" hoặc "Bạch Đại đức."
2. **H:** Nên đi nhiễu quanh điện thờ theo chiều nào? **Đ:** Theo chiều kim đồng hồ, giữ bên phải hướng về điện thờ.
3. **H:** Người nữ có được trao vật trực tiếp cho vị Bhikkhu không? **Đ:** Ở một số cộng đồng thì được; ở các cộng đồng Thái Lan thì dùng tấm vải nhận đồ.
4. **H:** Người nữ không nên ngồi với vị Bhikkhu ở đâu? **Đ:** Một mình ở nơi kín đáo hay riêng tư.
5. **H:** Không nên hỏi vị Bhikkhu về điều gì? **Đ:** Sự chứng đắc thiền định, bói toán hay bùa yêu.
6. **H:** Chủ nhà phải tôn trọng giới nào về chỗ ở? **Đ:** Không ngủ cùng mái nhà và cùng lối ra vào với người nữ.
7. **H:** Vị Bhikkhu có được đào đất hay chặt cây không? **Đ:** Không; người tại gia làm việc ấy theo lời gợi ý của vị ấy.
8. **H:** Nên ngồi thế nào khi nghe pháp thoại? **Đ:** Cung kính, không cao hơn vị Bhikkhu.
9. **H:** Không nên mời chư Tăng đến đâu? **Đ:** Các cuộc giải trí, quán rượu hay chiến dịch chính trị.
10. **H:** Hai nguyên tắc nền tảng là gì? **Đ:** Được thấy là trong sạch; khi phân vân, hãy hỏi.

*Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Bạn sẽ dạy người mới ba điều nào trong bộ quy tắc trước tiên?

2. Sự hợp tác của người tại gia giúp cho việc tu tập của vị Bhikkhu trở nên khả thi như thế nào?
3. Vì sao một số giới có thể khác nhau giữa các cộng đồng?
4. Hãy viết một bản hướng dẫn một trang cho khách đến chùa.
5. Pháp Cú 158 áp dụng thế nào cho những người dạy lễ nghi?

***Thơ: Bộ Quy Tắc Của Người Tại Gia***

*Chúng ta cúi đầu, quỳ xuống, hạ mình khi chào;*
*Chúng ta không ngồi riêng sau cánh cửa khép.*
*Đồng tiền trao người hộ Tăng, bát cơm trao tận tay,*
*Và bữa chiều xin để đợi đến sáng mai.*
*Chúng ta không xin con số hay lá bùa,*
*Không kéo tấm y đến mít-tinh hay quán rượu.*
*Ngài chỉ gợi ý, ta đào hố chôn cột;*
*Đêm về, ta mở riêng một cánh cửa cho Ngài.*
*Mỗi giới Ngài giữ trong tâm,*
*Ta giữ một giới hiền hòa ngoài ngưỡng cửa.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 5. Sự tiếp xúc giữa chư Tăng và người khác giới: nhìn kỹ hơn

Các giới điều chỉnh sự tiếp xúc giữa chư Tăng và người nữ thuộc loại được hỏi đến nhiều nhất và được thực hành khác nhau nhiều nhất. Chúng thuộc năm lĩnh vực: chạm xúc, sự gần gũi, trò chuyện, chỗ ở và đi lại. Đằng sau

chúng là một lý do duy nhất: đời sống phạm hạnh (*brahmacariya*) đòi hỏi sự chế ngự thân và khẩu, và vị Bhikkhu phải luôn hiển nhiên ở ngoài mọi nghi ngờ, bởi lời đồn, "dù không đúng sự thật," vừa dễ bùng phát vừa dai dẳng (Thiradhammo, HS ch.13).

### *(a) Chạm xúc thân thể*

Giới chủ yếu (Saṅgh. 2) chỉ xem việc chạm thân người nữ là trọng tội khi vị Bhikkhu "bị dục chi phối, với tâm biến đổi." Mức độ phạm được phân hạng theo tác ý và theo người được chạm:

| Hoàn cảnh | Hậu quả đối với vị Bhikkhu |
|---|---|
| Chạm người nữ với tâm dục | Tăng tàn |
| Chạm người *paṇḍaka* (người không xác định giới tính) với tâm dục | Thâu-lan-giá (thullaccaya) |
| Chạm người nam với tâm dục | Tác ác |
| Chạm mẹ ruột của mình vì thương mến | Tác ác |
| Tiếp xúc tình cờ, hoặc bị chạm mà không ưng thuận và không có tâm dục | Không phạm |

Vì vị Bhikkhu đang tu tập chưa thể hoàn toàn tin vào tâm mình, nhiều vị tránh mọi sự tiếp xúc, kể cả bắt tay. Tập tục Thái Lan dùng **tấm vải nhận đồ**, trên đó người nữ đặt vật dâng, là một truyền thống chứ không phải giới luật kinh điển. Chư Tăng Miến Điện, Sri Lanka và Đại thừa thường nhận vật dâng trực tiếp từ người nữ. Trong trường hợp cấp cứu y tế, vị Bhikkhu có thể được nữ bác sĩ và y tá chữa trị; sự quyết định và việc phòng hộ tâm ý là trách nhiệm của vị ấy. Cùng nguyên tắc dựa trên tác ý này áp

dụng cho người tại gia giữ tám hay mười giới: sự tiếp xúc ngoài ý muốn với người khác giới không phải là lỗi.

### *(b) Sự gần gũi và người đi kèm*

Hai giới Bất định phát sinh khi nữ cư sĩ đáng kính Visākhā thấy Đại đức Udāyī ngồi riêng với một thiếu phụ. Bà cảnh báo rằng ngay cả một vị Bhikkhu vô tội cũng không thể thuyết phục được "những người không có lòng tin, vốn khó thuyết phục." Văn bản phân biệt hai loại nơi chốn:

| Loại nơi chốn | Ví dụ | Người đi kèm cần có |
|---|---|---|
| **Kín đáo** (khuất tầm mắt và ngoài tầm nghe; thích hợp cho việc giao hợp) | Phòng riêng đóng cửa; sau bức tường hay hàng rào cây | Một người nam hoặc thiếu niên đủ lớn để hiểu hành vi không đúng đắn |
| **Riêng tư** (không thích hợp cho giao hợp nhưng không ai quan sát) | Băng ghế trong công viên vắng; hiên nhà lắp kính | Một người nam hoặc nữ hiểu thế nào là dâm ô, trong tầm nhìn; người nam nếu hai người đang trò chuyện |

Số người nữ có mặt không làm mất đi sự cần thiết của người đi kèm. Vì vậy, người nữ thấy vị Bhikkhu đang ngồi một mình nên đợi lúc thích hợp hơn hoặc dẫn theo một người nam.

### *(c) Trò chuyện và giảng dạy*

Vị Bhikkhu không được thuyết pháp cho người nữ quá "sáu câu" (*vācā*, được hiểu khác nhau là từ hay cụm từ) nếu không có một người nam hiểu biết hiện diện, trừ khi trả lời câu hỏi của bà ấy (Pāc. 7). Nguồn gốc của giới cho thấy mục đích: hai người nữ đều hiểu lầm việc Udāyī dạy riêng một cách nhỏ nhẹ là sự tán tỉnh người kia. Mục đích

không phải là giữ Chánh pháp khỏi người nữ mà là dạy một cách công khai. Trong thực tế, điều này giải thích vì sao chư Tăng tránh tham vấn riêng tư một-một. Lời nói dâm ô (Saṅgh. 3), gợi ý rằng giao hợp với mình sẽ có lợi cho người nữ (Saṅgh. 4) và làm mai mối, chuyển lời tình cảm giữa nam và nữ (Saṅgh. 5) đều là trọng tội.

### *(d) Chỗ ở*

Vị Bhikkhu không được nằm cùng một chỗ ở với người nữ (Pāc. 6). Giới này bắt nguồn từ Đại đức Anuruddha, người vẫn bất động khi bà chủ nhà trọ tìm cách quyến rũ ngài. Ý nghĩa của "cùng một chỗ ở" còn tranh luận:

- Chú giải định nghĩa một chỗ ở theo lối ra vào chung (*upacāra*). Theo cách hiểu này, các căn hộ có lối vào riêng trong cùng một tòa nhà là những chỗ ở riêng biệt, được đánh dấu, theo ví dụ của Ajahn Brahmavaṃso, bằng tấm thảm chùi chân.
- Một số vị cho rằng các phòng có khóa trong một ngôi nhà Tây phương là đủ khi không có tu viện.
- Bệnh viện và khách sạn vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ, và vẻ bề ngoài cũng quan trọng như chi tiết kỹ thuật.

Khi Kinh điển không rõ ràng, vị Bhikkhu theo quan điểm của Tăng-già mình.

### *(e) Đi lại*

Hẹn trước để cùng một người nữ đi từ làng này sang làng khác là tội Ưng đối trị (Pāc. 67). Giới này phát sinh khi một người chồng, thấy vợ mình đi trên đường cùng một vị Bhikkhu, đã đánh vị ấy trước khi kịp có lời giải thích nào.

Ajahn Brahmavaṃso đề nghị một sự khoan dung hợp lý: một chuyến đi ngắn với người nữ là chấp nhận được nếu có ít nhất một người nam khác đi cùng vị Bhikkhu. Theo ví dụ của ngài, một người nữ lái xe đưa hai vị Bhikkhu sang làng bên là không có gì đáng chê, trong khi hai người nữ lái xe đưa hai vị Bhikkhu xuyên nước Úc thì "có thể là điều đáng lo ngại."

### *(f) Giao tiếp xã hội rộng hơn*

Trong số những nơi chốn và con người thuộc "hành xứ không thích hợp" có việc giao du quá mức với phụ nữ chưa chồng, góa phụ và người đã ly hôn, cũng như kỹ nữ và quán rượu. Quan hệ nương tựa thầy–trò (*nissaya*) chỉ có giữa chư Tăng với nhau; về mặt lịch sử, Bhikkhunī không được chính thức dạy Bhikkhu. Điều này không ngăn vị Bhikkhu học hỏi từ bất cứ ai.

### *(g) Phân tích*

Có ba đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, hệ thống tội được phân hạng đặt trọng lượng đạo đức vào tác ý, chứ không vào sự tiếp xúc tự thân. Thứ hai, các giới điều chỉnh những *hoàn cảnh* tạo ra nguy cơ hay nghi ngờ, và đó là lý do chúng cũng bảo vệ người nữ khỏi sự lạm dụng của các vị thầy tâm linh. Thứ ba, sự bất đối xứng giữa các giới về người nữ và về người nam phản ánh giả định của văn bản cổ về một vị Bhikkhu nam dị tính. Độc giả hiện đại có thể nhận thấy rằng nguyên lý nền tảng (tránh những hoàn cảnh khơi dậy dục vọng hay nghi ngờ) áp dụng cho mọi mối quan hệ, và chính Luật tạng đã xem việc chạm người nam với tâm dục là phạm.

### *Kiến thức phổ thông*

Các giới về sự tiếp xúc giữa hai giới thường là phần bị hiểu lầm nhiều nhất của đời sống xuất gia, vì chúng dường như hàm ý nghi ngờ người nữ. Thực ra, chúng nhìn nhận sức mạnh của dục vọng trong mọi tâm chưa giác ngộ, và bảo vệ cả hai bên cũng như lòng tin của cộng đồng. Chính Đức Phật đã mô tả dục ái là một trong những kiết sử mạnh nhất, và các giới được đặt ra nhằm ngăn ngừa những hoàn cảnh làm nó phát sinh.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ngọc, một sinh viên đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, trở nên mến mộ một vị Bhikkhu trẻ dạy thiền. Cô gửi cho thầy những tin nhắn dài vào đêm khuya và đề nghị lái xe đưa thầy đi dự các sự kiện một mình. Vị Bhikkhu chỉ trả lời trong nhóm trò chuyện chung của chùa và luôn dẫn theo một chú Sa-di. Bị tổn thương, Ngọc hỏi một vị ni lớn tuổi vì sao thầy "lạnh lùng như vậy." Vị ni giải thích rằng khoảng cách của thầy là một hình thức tôn trọng đối với cô và với chính thầy. Về sau Ngọc kể rằng hiểu được điều này đã giúp cô thấy rõ sự luyến ái của mình và chuyển nó thành công phu tu tập.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú giải thích vì sao những ranh giới như vậy quan trọng: "Ái dục sinh sầu ưu, ái dục sinh sợ hãi; ai thoát khỏi ái dục, không sầu, đâu sợ hãi?" (Pháp Cú 216, diễn ý). Kinh cũng khuyên: "Hãy chặt rừng dục vọng, chứ không chỉ một cây" (Pháp Cú 283, diễn ý). Cách cư xử

thận trọng của vị Bhikkhu đã cắt đứt những điều kiện cho sự luyến ái ở cả hai phía, và sự tỉnh ngộ của Ngọc đã biến một hoàn cảnh đau lòng thành một bài học.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Khi nào việc chạm người nữ là tội Tăng tàn? **Đ:** Khi vị Bhikkhu "bị dục chi phối, với tâm biến đổi."
2. **H:** Tiếp xúc tình cờ có phạm không? **Đ:** Không.
3. **H:** Tấm vải nhận đồ có phải là giới luật kinh điển không? **Đ:** Không; đó là một truyền thống Thái Lan.
4. **H:** Nơi "kín đáo" là gì? **Đ:** Nơi khuất tầm mắt và ngoài tầm nghe.
5. **H:** Ai phải làm người đi kèm ở nơi kín đáo? **Đ:** Một người nam hoặc thiếu niên hiểu thế nào là hành vi không đúng đắn.
6. **H:** Vị Bhikkhu được dạy pháp cho người nữ một mình đến mức nào? **Đ:** Không quá sáu câu, trừ khi trả lời câu hỏi.
7. **H:** Các nhà chú giải định nghĩa chỗ ở riêng biệt thế nào? **Đ:** Bằng lối ra vào riêng (*upacāra*).
8. **H:** Sắp xếp đi lại nào là chấp nhận được? **Đ:** Một chuyến đi ngắn có một người nam khác hiện diện.
9. **H:** Các giới này có thiên lệch một chiều không? **Đ:** Không; Bhikkhunī có những giới tương ứng đối với người nam.
10. **H:** Các giới này điều chỉnh điều gì? **Đ:** Những hoàn cảnh tạo ra nguy cơ hay nghi ngờ.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Các giới này bảo vệ người nữ cũng như chư Tăng như thế nào?
2. Các giới này nên áp dụng thế nào cho cuộc gọi video và tin nhắn?
3. Vì sao số người nữ có mặt không làm mất đi sự cần thiết của người đi kèm?
4. Hãy so sánh tập tục Thái Lan và Sri Lanka về việc nhận vật dâng.
5. Bạn sẽ giải thích các giới này thế nào với người cho rằng chúng phân biệt giới tính?

### *Thơ: Khoảng Cách*

*Thầy không nắm tay cô, thầy chắp tay mình;*
*Thầy không khép cửa, thầy để cửa rộng mở.*
*Thầy dạy sáu câu hay rồi đợi một câu hỏi,*
*Và để người anh cô ngồi đó như bức tường.*
*Thầy ngủ dưới mái nhà không phải của cô,*
*Và chỉ đi đường cùng một người nam khác.*
*Cô tưởng thầy lạnh lùng; sau mới thấy thầy tử tế:*
*Giữ một khoảng cách cũng là sự tôn trọng.*
*Hàng rào chẳng phải để ngăn cánh đồng hay đóa hoa,*
*Mà giữ con trâu lạc khỏi giẫm nát cả hai.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 6. Khi vị Bhikkhu bị quyến rũ: trách nhiệm của vị Bhikkhu, người nữ và cộng đồng

Luật tạng xét một vụ quyến rũ chủ yếu dựa trên **điều mà chính vị Bhikkhu ưng thuận**, chứ không dựa trên việc ai khởi xướng. Những hành động mời gọi của người nữ tự

chúng không khiến vị ấy có tội; chính sự ưng thuận của vị ấy, ở bất kỳ giai đoạn nào, mới quyết định. Người nữ không bị Luật tạng ràng buộc, nhưng theo Chánh pháp phải gánh chịu sức nặng của nghiệp từ chính tác ý của mình. Nhiệm vụ của cộng đồng là ngăn ngừa những hoàn cảnh như vậy, điều tra công bằng khi chúng xảy ra, và bảo vệ cả người vô tội lẫn lòng tin của người tại gia.

### *(a) Vị Bhikkhu*

| Hoàn cảnh | Hậu quả | Nguồn |
|---|---|---|
| Vị ấy kháng cự, không ưng thuận, hoặc bị cưỡng ép | **Không phạm** (*anāpatti ajānantassa, asādiyantassa*: "không phạm đối với người không biết, người không ưng thuận") | Luật tạng, Pār. 1, các điều khoản không phạm |
| Vị ấy ưng thuận giao hợp ở bất kỳ giai đoạn nào, dù người nữ khởi xướng | **Bất cộng trụ (Pārājika)**: vị ấy không còn là Bhikkhu và không thể thọ giới lại trong đời này | Luật tạng, Pār. 1 |
| Người nữ chạm vào vị ấy và vị ấy ưng thuận với tâm dục, đáp lại bằng thân | **Tăng tàn**; nhẹ hơn (*Tác ác*) nếu ưng thuận nhưng không cử động thân, theo chú giải | Luật tạng, Saṅgh. 2 và phần phân tích |
| Vị ấy đáp lại sự mời gọi bằng lời dâm ô hay gợi tình | **Tăng tàn** | Luật tạng, Saṅgh. 3 |
| Một người nữ tìm cách quyến rũ vị ấy trong mùa an cư | Vị ấy có thể **rời trú xứ mà không phá hạ** | Luật tạng, Đại Phẩm III |

Chính giới Bất cộng trụ thứ nhất đã phát sinh từ một trường hợp khuất phục trước áp lực của người khác: mẹ của Đại đức Sudinna thúc giục ngài để lại người nối dõi với người vợ cũ, và ngài đã chiều theo (Luật tạng, Pār. 1,

duyên khởi). Kinh điển cũng đưa ra hình mẫu ngược lại. Đại đức Anuruddha, bị bà chủ nhà trọ tìm cách quyến rũ trong đêm, vẫn bất động và thuyết Pháp cho bà, rồi bà quy y (duyên khởi của Pāc. 6). Đại đức Sundarasamudda, người mà một kỹ nữ được thuê để dụ trở về đời sống thế tục, vẫn giữ tâm điềm tĩnh; chú giải Pháp Cú ghi lại rằng ngài chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ, và nêu câu kệ Pháp Cú 415 cho sự kiện ấy.

Đức Phật cũng cảnh báo rằng phạm hạnh có thể bị phá vỡ bằng những cách tinh tế hơn sự giao hợp. Trong **Kinh Methuna** (Tăng Chi Bộ 7.50), Ngài liệt kê bảy "trói buộc của dục" khiến phạm hạnh "bị bể, bị vết, bị nhiễm ô" dù không có hành vi ấy: ưng thuận để người nữ xoa bóp hay tắm rửa cho mình, đùa giỡn và cười cợt với người nữ, nhìn chăm chú vào mắt người nữ, nghe tiếng người nữ qua bức tường, nhớ lại sự ân ái trong quá khứ, nhìn người khác hưởng dục lạc, và sống phạm hạnh với hy vọng được sinh lên cõi trời.

### *(b) Người nữ*

- **Không có hình phạt theo Luật tạng.** Luật tạng chỉ ràng buộc Bhikkhu và Bhikkhunī. Một nữ cư sĩ quyến rũ vị Bhikkhu không phạm một tội nào của giới xuất gia. Nếu chính bà là Bhikkhunī, giới Bất cộng trụ tương ứng trong giới bổn Bhikkhunī áp dụng cho bà.
- **Trách nhiệm nghiệp theo Chánh pháp.** Hành động của bà do dục thúc đẩy và nhằm phá hoại phạm hạnh của người khác. Vì nghiệp là tác ý (Tăng Chi Bộ 6.63), bà chịu trách nhiệm về tác ý ấy; việc cố ý làm

hư hỏng một người xuất gia thường được xem là đặc biệt nặng, vì nó làm hại một người mà giới hạnh nâng đỡ nhiều người khác. Hành động ấy cũng thuộc giới thứ ba, giới tà dâm.

- **Vu khống còn nặng hơn.** Chú giải Pháp Cú kể về Ciñcamāṇavikā, người đã vu khống Đức Phật là cha của đứa con trong bụng mình; tương truyền đất đã nuốt chửng cô. Câu kệ được nói lên là: "Kẻ vi phạm một pháp, kẻ nói lời dối trá… không có điều ác nào họ không làm" (Pháp Cú 176, diễn ý).
- **Ăn năn và con đường quay về.** Người phụ nữ từng định quyến rũ Anuruddha đã ăn năn và quy y. Đáp ứng của Phật giáo đối với một người nữ như vậy là lòng bi mẫn và sự hướng dẫn, không phải sự lên án suốt đời.

### *(c) Cộng đồng*

- **Tội đã được chứng minh hoặc thừa nhận.** Vị Bhikkhu đã phạm Bất cộng trụ bị trục xuất (*nāsana*); vị ấy vốn đã không còn là Bhikkhu. Che giấu tự nó là một lỗi: vị Bhikkhu biết mà che giấu trọng tội của một vị Bhikkhu khác phạm Ưng đối trị (Pāc. 64), và vị Bhikkhunī che giấu tội Bất cộng trụ của một vị Bhikkhunī khác thì chính mình cũng phạm Bất cộng trụ.
- **Những trường hợp không rõ ràng.** Các giới Bất định cho phép lời chứng của một nữ cư sĩ đáng tin cậy mở ra cuộc điều tra, được phán quyết dựa trên sự tự thừa nhận của vị Bhikkhu. Bảy pháp diệt tránh

(*adhikaraṇasamatha*) bảo đảm việc điều tra theo đúng thủ tục, không theo lời đồn.

- **Vu khống.** Khi bậc A-la-hán Đại đức Dabba Mallaputta bị vu khống là đã ăn nằm với Bhikkhunī Mettiyā, Tăng-già đã minh oan cho ngài bằng "ức niệm tỳ-ni" (*sati-vinaya*); Mettiyā bị trục xuất, và các vị Bhikkhu chủ mưu vụ vu khống bị xử lý theo Saṅgh. 8 (Luật tạng, Saṅgh. 8; Tiểu Phẩm IV).
- **Phòng ngừa.** Các giới cấm ngồi một mình với người nữ (Aniyata 1–2; Pāc. 44–45), dạy riêng (Pāc. 7), ngủ chung mái nhà (Pāc. 6) và đi chung đường (Pāc. 67) có mặt để những hoàn cảnh này hiếm khi xảy ra. Cộng đồng hỗ trợ một vị Bhikkhu đang gặp khó khăn hoàn tục một cách trung thực thay vì sa ngã, và đối xử với mọi bên bằng sự công bằng và lòng bi mẫn.

### *Kiến thức phổ thông*

Nhiều người cho rằng nếu một người nữ quyến rũ vị Bhikkhu thì lỗi hoàn toàn thuộc về bà ấy, hoặc vị Bhikkhu đương nhiên có tội. Luật tạng bác bỏ cả hai quan điểm. Luật tạng đặt trọng lượng quyết định vào sự ưng thuận của chính vị Bhikkhu, vì người xuất gia đã phát nguyện tự phòng hộ tâm mình; Luật tạng không lập luật cho nữ cư sĩ, nhưng Chánh pháp xem mỗi người đều chịu trách nhiệm về tác ý của mình. Và Luật tạng trao cho cộng đồng những thủ tục rõ ràng, để không một vị Bhikkhu có tội nào được bao che và không một vị vô tội nào bị kết án.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Đại đức Kusala, một vị Bhikkhu 32 tuổi ở một ngôi chùa nhỏ tại Houston, được một phụ nữ vừa ly hôn kết thân; bà bắt đầu ở lại muộn sau các buổi pháp thoại. Một buổi tối, thấy ngài một mình trong thư viện, bà đóng cửa lại và ôm lấy ngài. Ngài lập tức lùi lại, mở cửa và rời khỏi phòng. Sáng hôm sau, ngài trình bày mọi việc với vị trụ trì. Vị trụ trì nói chuyện ân cần với người phụ nữ trước sự hiện diện của chị gái bà, nhắc nhở cộng đồng về các giới về người đi kèm, và sắp xếp để luôn có một chú Sa-di đi cùng Kusala. Vài tháng sau, người phụ nữ trở lại, xin lỗi và xin học thiền trong nhóm nữ.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kusala không phạm lỗi nào: ngài không ưng thuận và rời đi ngay lập tức, đúng như đáp ứng mà Luật tạng tán thành. Việc trình báo vị trụ trì ngay lập tức đã ngăn được lời đồn và cho phép cộng đồng hành xử công bằng. Sự quan tâm của vị trụ trì đối với người phụ nữ phản ánh lòng bi mẫn thay vì sự trách móc, và sự trở lại của bà giống như sự ăn năn của người phụ nữ từng định quyến rũ Anuruddha. Kinh Pháp Cú đưa ra hình ảnh làm nền cho sự điềm tĩnh của Kusala: “Như mưa không thấm vào ngôi nhà lợp kỹ, dục ái không thấm vào tâm khéo tu tập” (Pháp Cú 14, diễn ý). Cánh cửa đóng là mối nguy; cánh cửa mở, và sự trình báo công khai, là sự bảo vệ.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về sự ưng thuận như yếu tố quyết định:*

> "Không phạm đối với người không biết, người không ưng thuận, người điên loạn… đối với người phạm đầu tiên." — Luật tạng, Pār. 1, các điều khoản không phạm

*Về những trói buộc tinh tế của dục:*

> "Vị ấy không hành dâm với người nữ, nhưng ưng thuận để người nữ xoa bóp, tắm rửa và chà xát cho mình… vị ấy thích thú, mong muốn và tìm thấy sự thỏa mãn trong đó. Này Bà-la-môn, đây cũng là sự bẩn, sự vết, sự nhiễm ô của phạm hạnh." — Tăng Chi Bộ 7.50 (Kinh Methuna)

*Về hiểm họa của sự theo đuổi dục lạc đối với người xuất gia:*

> "Ai đam mê dâm dục, ngay cả giáo pháp cũng bị mất, và người ấy thực hành sai lạc; đây là điều không cao thượng nơi người ấy." — Kinh Tập 4.7 (Kinh Tissa Metteyya)

*Về người từ bỏ dục lạc:*

> "Ai ở đời này từ bỏ dục lạc, xuất gia sống không nhà, dục ái và hữu đã tận diệt: Ta gọi người ấy là Bà-la-môn." — Pháp Cú 415

*Về sự vu khống:*

> "Kẻ vi phạm một pháp, kẻ nói lời dối trá, kẻ chế nhạo đời sau, không có điều ác nào họ không làm." — Pháp Cú 176

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Điều gì quyết định vị Bhikkhu bị quyến rũ có tội hay không? **Đ:** Sự ưng thuận của chính vị ấy.
2. **H:** Vị Bhikkhu có tội không nếu bị cưỡng ép hoặc không ưng thuận? **Đ:** Không; Luật tạng miễn tội cho người không ưng thuận.
3. **H:** Hậu quả là gì nếu vị ấy ưng thuận giao hợp? **Đ:** Bất cộng trụ: vị ấy không còn là Bhikkhu.
4. **H:** Giới nào điều chỉnh việc chạm thân với tâm dục? **Đ:** Saṅgh. 2.
5. **H:** Vị Bhikkhu có được rời trú xứ an cư nếu một người nữ tìm cách quyến rũ không? **Đ:** Được, mà không phá hạ (Đại Phẩm III).
6. **H:** Luật tạng có xử phạt nữ cư sĩ không? **Đ:** Không; Luật tạng chỉ ràng buộc người xuất gia, nhưng bà chịu nghiệp từ tác ý của mình.
7. **H:** "Bảy trói buộc của dục" là gì? **Đ:** Những sự buông thả dục lạc tinh tế làm nhiễm ô phạm hạnh, được liệt kê trong Tăng Chi Bộ 7.50.
8. **H:** Ai đã cưỡng lại một kỹ nữ và chứng quả A-la-hán? **Đ:** Đại đức Sundarasamudda (Pháp Cú 415 và chú giải).
9. **H:** Đại đức Dabba Mallaputta được minh oan khỏi lời vu khống như thế nào? **Đ:** Bằng ức niệm tỳ-ni (*sati-vinaya*).
10. **H:** Có được che giấu trọng tội của một vị Bhikkhu khác không? **Đ:** Không; đó là tội Ưng đối trị (Pāc. 64).

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao Luật tạng đặt trách nhiệm quyết định vào vị Bhikkhu thay vì vào người nữ?
2. Cộng đồng nên cân bằng giữa lòng bi mẫn đối với người nữ đã quyến rũ vị Bhikkhu và việc bảo vệ Tăng-già như thế nào?
3. Kinh Methuna dạy gì về phạm hạnh vượt ngoài hành vi thể chất?
4. Câu chuyện về Dabba Mallaputta và Ciñcamāṇavikā định hướng việc xử lý các lời tố cáo ngày nay như thế nào?
5. Hãy thiết kế một quy trình bảo vệ an toàn đơn giản cho một ngôi chùa dựa trên các giới này.

### *Thơ: Mái Nhà Lợp Kỹ*

*Bà khép cửa, lặng lẽ vươn tay về phía ngài;*
*Ngài lùi lại, và mở cửa ra lần nữa.*
*Không giới nào bị phạm nơi ý chí nói “không,”*
*Không tấm y nào vấy bẩn bởi điều ngài không chọn.*
*Sáng ra ngài trình bậc trưởng lão mọi điều,*
*Để không gì giấu kín lớn lên thành lời dối.*
*Bậc trưởng lão ân cần nói với cả hai,*
*Và để cánh cửa Chánh pháp rộng mở.*
*Vì mái tranh chẳng phải mưa, mưa chẳng phải mái nhà:*
*Tâm biết tự phòng hộ vẫn khô ráo bên trong.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 7. Dâng cúng lên chư Tăng: vật thực, tiền bạc, vật dụng và y áo

Quy tắc chung rất đơn giản: bất cứ thứ gì vị Bhikkhu ăn hay uống đều phải được trao vào tay vị ấy một cách chính

thức, còn tiền bạc thì không bao giờ được trao như vậy. Các vật dụng khác có thể được dâng tự do, miễn là thích hợp. Bảng sau tóm tắt cách dâng từng loại vật cúng dường.

| Vật cúng dường | Có được trao trực tiếp không? | Cách dâng | Cơ sở giới luật |
|---|---|---|---|
| Vật thực | Được, và **bắt buộc** phải như vậy | Bằng tay, trong tầm với, trước giờ ngọ | Pāc. 37, 40 |
| Nước ép, bổ dược, thuốc men | Được, và bắt buộc phải như vậy | Bằng tay, vào bất cứ giờ nào trong ngày | Pāc. 40; Nis. Pāc. 23 |
| Nước lọc, tăm xỉa răng | Không bắt buộc | Có thể dùng mà không cần dâng | Miễn trừ của Pāc. 40 |
| Tiền bạc (tiền mặt, tiền xu, trong phong bì hay giấu trong quà) | **Không bao giờ** | Qua người hộ Tăng, thùng công đức hoặc tài khoản của tu viện, kèm tờ giấy báo cho vị Bhikkhu | Nis. Pāc. 18 |
| Ngân phiếu, thẻ, phiếu quà tặng | Còn tranh luận | Hỏi cộng đồng; thường trao cho người hộ Tăng | Nis. Pāc. 18–20 |
| Y áo và vải | Được | Bằng tay, hoặc dâng lên Tăng-già, ví dụ trong lễ Kaṭhina | Các giới về y |
| Các vật dụng và vật liệu khác | Được | Bằng tay; nên đơn giản, hữu ích và không xa xỉ | Các giới về vật dụng |
| Đất đai, trang trại, thú vật | Không dâng cho cá nhân vị Bhikkhu | Qua Tăng-già hoặc một tổ chức cư sĩ | Kinh (EV II, tr.150) |

### *(a) Vật thực: sự dâng cúng chính thức*

Vì vị Bhikkhu không được ăn bất cứ thứ gì chưa được dâng (Pāc. 40), hành động trao vật thực tự nó là một nghi

thức có hiệu lực về mặt giới luật. Theo Luật tạng và Chú giải, một sự dâng cúng hợp lệ có năm yếu tố:

1. **Trao bằng thân:** bằng tay, bằng vật cầm trong tay như muỗng hay khay, hoặc bằng cách thả vào bình bát.
2. **Trong tầm với:** thí chủ và vị Bhikkhu cách nhau khoảng 1,25 mét.
3. **Nhận bằng thân:** vào tay vị Bhikkhu, vào bình bát, hoặc ở Thái Lan, vào tấm vải nhận đồ.
4. **Có thể nhấc lên được:** vật dâng không quá nặng đối với một người nam bình thường. Vì thế, nhiều cộng đồng nhấc từng món lên; Chú giải cũng cho phép đẩy nhẹ món ăn trên sàn hay trên bàn về phía vị Bhikkhu.
5. **Di chuyển về phía vị ấy:** thí chủ đưa vật về phía vị Bhikkhu, thường kèm một cử chỉ cung kính, chứ không phải vị Bhikkhu với tay lấy.

Những điểm thực tế thường gặp:

- Dâng đủ sớm để bữa ăn kết thúc trước giờ ngọ.
- Ở một số tu viện, cởi giày dép trước khi dâng cho vị Bhikkhu đi chân trần.
- Nếu một vật đã dâng về sau bị người tại gia chạm vào hay di chuyển, một số cộng đồng yêu cầu dâng lại.
- Vật thực vị Bhikkhu đã chính thức nhận không được cất giữ sang ngày khác (Pāc. 38). Thay vào đó, người tại gia có thể để vật thực vào một kho được chấp thuận và dâng vào ngày sau.

- Trái cây có hạt còn nảy mầm có thể cần được làm cho hợp lệ (*kappiya*) bằng một vết cắt hay dấu nhỏ khi vị Bhikkhu yêu cầu.
- Khi đặt vật thực vào bình bát, hãy dâng tùy khả năng; chư Tăng nhận "với lòng biết ơn" và không lựa chọn. Vào ngày lễ, bình bát có thể được trút ra để mọi người đều có thể dâng.

***(b) Tiền bạc: vì sao không bao giờ được trao trực tiếp***

Vị Bhikkhu không được nhận tiền, nhờ người nhận giùm, hay ưng thuận để tiền được đặt gần mình (Nis. Pāc. 18). Vì vậy không thể trao tiền trực tiếp bằng tay, trong phong bì, hay giấu trong một món quà khác. Vị Bhikkhu có thể từ chối tiền bằng lời, bằng cử chỉ hay chỉ trong ý nghĩ; thí chủ không nên xem đó là sự khiếm nhã.

Thủ tục đúng, dựa trên điều cho phép Meṇḍaka, như sau:

1. Giao tiền cho người hộ Tăng của tu viện (Kappiya; *veyyāvaccakara*), bỏ vào thùng công đức, hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng của tu viện.
2. Báo cho vị Bhikkhu, tốt nhất bằng một tờ giấy ngắn, về phần đã được dành ra và dành cho loại vật dụng nào.
3. Người hộ Tăng sau đó mua những vật hợp lệ cho vị Bhikkhu khi vị ấy yêu cầu. Vị Bhikkhu có thể nhắc người hộ Tăng tối đa ba lần bằng lời và sáu lần bằng cách đứng im lặng (Nis. Pāc. 10).

Khi đi xa, hãy dâng vị Bhikkhu vé đi đường thay vì tiền mặt, và sắp xếp người đón. Tem thư và thẻ điện thoại nói chung được chấp nhận.

### *Ngoại lệ đặc biệt: Điều cho phép Meṇḍaka (Đại Phẩm VI.34)*

Điều cho phép Meṇḍaka, nằm trong Chương Dược phẩm (*Bhesajjakkhandhaka*) của Đại Phẩm (VI.34), là phán quyết của Luật tạng cho phép chư Tăng được hưởng lợi từ các khoản cúng dường tài chính thông qua người hộ Tăng (*kappiya*). Đây là quy định hành chính nền tảng giúp Tăng-già có thể vận hành trong một thế giới dùng tiền mặt.

**Duyên khởi.** Meṇḍaka là một trưởng giả (*seṭṭhi*) rất giàu có ở thành Bhaddiya. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, ông phát khởi lòng tin sâu xa và trở thành cư sĩ. Biết rằng Đức Phật cùng đông đảo chư Tăng sắp lên đường đi qua một vùng hoang vu, ông nhận ra rằng ở nơi không có làng mạc như thế, chư Tăng khó có thể, nếu không nói là không thể, sống nhờ khất thực hằng ngày. Muốn bảo đảm sự sống còn của Tăng-già, ông đến xin Đức Phật cho phép cung cấp lương thực đi đường cho chư Tăng. Ông cũng nêu vấn đề những người có lòng tin muốn cúng dường vàng bạc (tiền) để hộ trì chư Tăng, trong khi chư Tăng bị giới luật nghiêm cấm nhận, tìm cầu hay cầm giữ tiền tệ (Nis. Pāc. 18).

**Phán quyết của Đức Phật.** Đáp lại lời thỉnh cầu của Meṇḍaka, Đức Phật đặt ra hai ngoại lệ thực tiễn đối với các quy định thông thường của đời sống khất thực:

1. **Điều cho phép nơi hoang vu.** Chư Tăng đi qua vùng hoang vu khó khất thực được phép tìm hoặc mang theo lương thực đi đường: gạo đã xay, đậu thận, đậu xanh, muối, đường, dầu và bơ lỏng.

2. **Điều cho phép ủy thác tài chính.** Để giải quyết vấn đề cúng dường bằng tiền, Đức Phật đặt ra khuôn khổ pháp lý minh thị cho hệ thống người hộ Tăng:

> "Này các Bhikkhu, có những người có lòng tin và tịnh tín, đặt vàng bạc vào tay người hộ Tăng và nói: 'Hãy dâng cho vị Tôn giả những gì hợp lệ.' Này các Bhikkhu, Ta cho phép các con nhận những gì hợp lệ đến từ khoản ấy. Nhưng dù bằng cách nào, Ta cũng không nói rằng được nhận hay tìm cầu tiền bạc." — Đại Phẩm VI.34.21

**Vai trò then chốt của người hộ Tăng (Kappiya) trong việc xử lý tiền bạc.** Toàn bộ điều cho phép Meṇḍaka đứng vững được là nhờ người hộ Tăng. **Chỉ người hộ Tăng, không bao giờ là vị Bhikkhu, mới nhận, giữ, quản lý và chi tiêu tiền.** Cụ thể:

- **Tiền vẫn thuộc về thí chủ** cho đến khi được chi ra; người hộ Tăng giữ tiền như người được ủy thác, chứ vị Bhikkhu không sở hữu đồng nào.
- **Người hộ Tăng nhận tiền trực tiếp** từ thí chủ, cất giữ và ghi chép rõ ràng; vị Bhikkhu không cầm, không đếm, không bảo người khác cất giữ cho mình, và không ưng thuận để tiền được đặt gần mình (Nis. Pāc. 18).
- **Vị Bhikkhu chỉ được báo** rằng có một khoản dành cho các nhu cầu hợp lệ của mình; khi cần, vị ấy chỉ được nói tên **vật dụng hợp lệ** (y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men), không được nói đến tiền.

- **Người hộ Tăng tự đi mua** vật dụng ấy và dâng lên; vị Bhikkhu không được chỉ định dùng tiền vào mua bán, đầu tư hay vật không hợp lệ (Nis. Pāc. 19–20).
- **Nếu người hộ Tăng chậm trễ**, vị Bhikkhu chỉ được nhắc tối đa ba lần bằng lời và sáu lần bằng cách đứng im lặng; sau đó, vị ấy báo cho thí chủ biết để thí chủ tự thu hồi khoản tiền (Nis. Pāc. 10).
- **Người hộ Tăng chịu trách nhiệm** về sự minh bạch và trung thực; vì thế các tu viện thường giao việc này cho những cư sĩ đáng tin cậy hoặc một ban quản trị, có sổ sách rõ ràng.

Như vậy, người hộ Tăng là "đôi tay" xử lý tiền bạc thay cho Tăng-già: nhờ họ, của cúng dường được sử dụng đúng mục đích, còn vị Bhikkhu vẫn giữ trọn giới không cầm giữ tiền bạc.

**Vì sao Đức Phật đặt ra điều cho phép này.** Đức Phật đặt ra điều cho phép Menḍaka như một bậc thực tiễn. Những quy định nghiêm ngặt về đời sống thanh bần (không bao giờ chạm vào tiền, không bao giờ cất giữ vật thực) vận hành tốt ở các làng mạc Ấn Độ đông dân có truyền thống dâng cúng hằng ngày, nhưng trở thành mối nguy về thể chất khi người xuất gia phải đi qua rừng núi, vùng đói kém hay những miền đất xa lạ. Với điều cho phép này, Đức Phật đã giữ được sự cân bằng rất tinh tế: Ngài bảo vệ sự xuất ly nội tâm của người xuất gia (họ vẫn không sở hữu gì và không bao giờ chạm vào tiền mặt) và ngăn Tăng-già trở thành thương nhân hay người quản lý của cải; đồng thời, Ngài bảo đảm sự sống còn của chư Tăng bằng cách để người hộ Tăng làm nhịp cầu tài chính và hậu

cần. Ngày nay, điều cho phép này thường được viện dẫn làm cơ sở cho việc các tu viện giữ đất đai qua các quỹ ủy thác, mua vé máy bay và xây dựng cơ sở vật chất, trong khi giới nguyện cá nhân của mỗi vị Bhikkhu vẫn được giữ trọn vẹn.

### *(c) Vật liệu và vật dụng*

Những vật khác ngoài vật thực và tiền bạc có thể được trao trực tiếp cho vị Bhikkhu, và vị ấy có thể giữ, sử dụng hoặc chuyển giao một cách thích hợp. Những món quà thông thường gồm xà phòng, kem đánh răng, nến, đèn pin, sách, bút, đồng hồ và thuốc men. Hướng dẫn cho thí chủ:

- Dâng những gì hữu ích và khiêm tốn; vật xa xỉ hay đắt tiền đi ngược lại sự tu tập của vị Bhikkhu.
- Không dâng quá khả năng của gia đình mình.
- Món quà dành cho toàn thể Tăng-già phải đến với Tăng-già; vị Bhikkhu không được chuyển hướng nó về cho mình hay cho người khác (Nis. Pāc. 30; Pāc. 82).
- Không nên thay bình bát trước khi bình bát cũ đã hư mòn (Nis. Pāc. 22).
- Vị Bhikkhu thường sẽ không yêu cầu gì; một lời thỉnh mời rõ ràng (*pavāraṇā*) giúp vị ấy cho bạn biết mình cần gì.

### *(d) Y phục và y áo*

Y áo và vải may y có thể được trao trực tiếp cho vị Bhikkhu. Theo truyền thống, người tại gia dâng vải trắng hoặc vải đã nhuộm sẵn, vị Bhikkhu cắt thành từng mảnh,

may lại và nhuộm; ngày nay y may sẵn rất phổ biến. Dịp chính là lễ **Kaṭhina** (Dâng y Ca-sa), trong tháng sau mùa an cư (khoảng tháng Mười đến tháng Mười Một), khi vải được dâng lên toàn thể cộng đồng và được may thành y hoàn chỉnh ngay trong ngày. Nghi lễ này đòi hỏi ít nhất năm vị Bhikkhu.

Vào thời bình thường, vị Bhikkhu bị mất y vì trộm cắp có thể xin bất kỳ người tại gia nào một bộ y thay thế. Ở vùng khí hậu lạnh, có thể dâng thêm áo len hay chăn mền, dù y truyền thống vẫn nên là trang phục bên ngoài. Tránh y phục thời trang hay có họa tiết sặc sỡ, vốn không hợp với dung mạo của vị Bhikkhu.

### *(e) Khi người nữ dâng bằng tay*

Người nữ có thể dâng tất cả những vật trên, tùy theo tập tục của cộng đồng. Trong các cộng đồng Thái Lan, người nữ đặt vật dâng lên tấm vải nhận đồ của vị Bhikkhu thay vì vào tay vị ấy, để không có sự chạm xúc nào. Trong các cộng đồng Miến Điện, Sri Lanka và nhiều cộng đồng Tây phương, người nữ có thể trao trực tiếp. Khi phân vân, có thể quan sát người khác dâng như thế nào, hoặc hỏi.

### *Kiến thức phổ thông*

Hành động dâng cúng tự nó là một pháp hành. Việc trao vật thực chính thức, cách xử lý tiền bạc gián tiếp và sự chọn lựa vật dụng cẩn thận đều rèn luyện chánh niệm của người cho và sự tri túc của người nhận. Theo hiểu biết của Phật giáo, một món quà được thanh tịnh nhờ ba điều: tác ý của người cho trước, trong và sau khi cho; giới hạnh của người nhận; và sự thích hợp của món quà.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Bà Kaewmanee, một góa phụ ở Udon Thani, mỗi sáng chỉ đủ khả năng dâng một nắm xôi. Người hàng xóm của bà, một thương gia giàu có, dâng những khay vật thực lớn vào ngày lễ nhưng phàn nàn nếu chư Tăng không khen ngợi lòng hào phóng của ông. Một hôm, vị trụ trì giảng về bố thí, tán thán những người cho ít nhưng với tâm trong sạch. Ông thương gia phật ý; bà Kaewmanee rơi nước mắt vì hoan hỷ. Năm sau, ông thương gia bắt đầu lặng lẽ dâng cúng mỗi sáng, và nói rằng ông cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Kinh Pháp Cú dạy: “Kẻ keo kiết không sinh thiên giới; kẻ ngu không tán thán bố thí; nhưng bậc trí hoan hỷ bố thí, nhờ vậy đời sau được an vui” (Pháp Cú 177, diễn ý). Giá trị của món quà nằm ở tâm người cho, như Pháp Cú 1–2 dạy. Hình ảnh Đức Phật về vị Bhikkhu như con ong hút mật mà không làm hại hoa (Pháp Cú 49) được đối ứng ở đây bởi người thí chủ cho mà không mong lời khen.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Điều gì phải được trao vào tay vị Bhikkhu? **Đ:** Bất cứ thứ gì vị ấy ăn hay uống.
2. **H:** Điều gì không bao giờ được trao vào tay vị ấy? **Đ:** Tiền bạc.
3. **H:** Điều gì không cần dâng chính thức? **Đ:** Nước lọc và tăm xỉa răng.

4. **H:** Thí chủ phải ở gần đến mức nào? **Đ:** Trong tầm với, khoảng 1,25 mét.
5. **H:** Ai đưa vật về phía ai? **Đ:** Thí chủ đưa về phía vị Bhikkhu; vị Bhikkhu không với tay trước.
6. **H:** Vật thực đã nhận có được cất giữ không? **Đ:** Không (Pāc. 38).
7. **H:** Dâng tiền đúng cách như thế nào? **Đ:** Qua người hộ Tăng (Kappiya), thùng công đức hoặc tài khoản, kèm tờ giấy báo.
8. **H:** Y áo có được trao trực tiếp không? **Đ:** Được.
9. **H:** Lễ Kaṭhina diễn ra khi nào? **Đ:** Trong tháng sau mùa an cư, khoảng tháng Mười đến tháng Mười Một.
10. **H:** Người nữ trong các cộng đồng Thái Lan dâng cúng thế nào? **Đ:** Đặt vật dâng lên tấm vải nhận đồ.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao việc dâng vật thực chính thức là một nghi thức có hiệu lực về giới luật?
2. Ý nghĩa tâm linh của việc dâng cúng qua người hộ Tăng là gì?
3. Những vật dụng nào hữu ích nhất cho một vị Bhikkhu ở vùng khí hậu nơi bạn sống?
4. Lễ Kaṭhina củng cố cộng đồng như thế nào?
5. Vì sao Pháp Cú 177 nói rằng bậc trí hoan hỷ bố thí?

***Thơ: Từ Tay Đến Tay***

*Bát cơm được nâng lên, mang đến, đặt vào lòng tay;*
*Vị sư không với lấy; người cho bước đến gần.*
*Một sải tay, một cái cúi đầu, thế là xong:*
*Vật thực thuộc về ngài, cho đến khi mặt trời đứng bóng.*
*Đồng tiền chẳng đến gần ngài; nó được giữ*
*Bởi đôi tay tin cậy, mua những gì ngài cần.*
*Tấm vải được cắt như ruộng, nhuộm bằng vỏ cây,*
*Và ngày Kaṭhina hóa thành tấm y.*
*Mỗi món quà đi từ tay đến tay, từ tim đến tim:*
*Người cho và người nhận đều trọn vẹn.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 8. An cư mùa mưa trong gia đình người tại gia: đón tiếp chư Tăng và cúng dường bốn vật dụng

Người tại gia có thể đón tiếp một vị Bhikkhu an cư ba tháng mùa mưa (*vassa*), miễn là nơi ở là một chỗ trú thích hợp, có mái che, và sự sắp xếp tôn trọng các giới về người nữ, tiền bạc và vật thực. Đổi lại, theo truyền thống, gia

đình ấy được xem là tạo được nhiều phước báu nhờ hộ trì vị Bhikkhu trong giai đoạn tu tập tinh chuyên nhất.

### *(a) Khung cơ bản của mùa an cư*

| Yếu tố | Mô tả |
|---|---|
| **Bắt đầu** | Ngày sau rằm tháng Āsāḷha (thường là tháng Bảy dương lịch); "hậu an cư" có thể bắt đầu một tháng sau đó |
| **Thời gian** | Ba tháng âm lịch, kết thúc vào rằm tháng Assayuja, còn gọi là Pubbakattikā (thường là tháng Mười) |
| **Sự nguyện an cư** | Vị Bhikkhu chính thức phát nguyện ở yên một nơi và phải có mặt tại đó vào mỗi lúc rạng đông |
| **Chỗ ở thích hợp** | Nơi có mái che và cửa; văn bản không cho phép an cư ngoài trời, trong bộng cây, ở bãi tha ma hay dưới một cây dù |
| **Phép đi vắng (*sattāhakaraṇīya*)** | Tối đa bảy ngày, vì lý do chính đáng: một vị đồng tu hay cha mẹ bị bệnh, lời thỉnh của thí chủ đến dự lễ khánh thành hay lễ tạo phước, công việc của Tăng-già |
| **Được phép phá hạ** | Khi có nguy hiểm đến tính mạng hay phạm hạnh, như thú dữ, trộm cướp, hỏa hoạn, lũ lụt, thiếu vật thực hay thuốc men, hoặc một người nữ tìm cách quyến rũ; không phạm tội |
| **Kết thúc** | Lễ Tự tứ (*pavāraṇā*), trong đó chư Tăng thỉnh mời nhau chỉ lỗi; tiếp theo là mùa y và lễ Kaṭhina |

Các tường thuật trong Kinh điển cho thấy chư Tăng có thể an cư cùng các nhóm người tại gia khi cần thiết, chẳng hạn với những người chăn bò hay một đoàn lữ hành, miễn là có chỗ ở thích hợp. Vì vậy, về nguyên tắc, một gia đình không bị loại trừ.

### *(b) Dâng một ngôi nhà: những gì chủ nhà phải chuẩn bị*

**Chỗ ở (senāsana).** Không gian phải là của riêng vị Bhikkhu, có lối ra vào tách biệt với bất kỳ phòng nào có người nữ ngủ (Pāc. 6). Một túp lều trong vườn, một căn nhà phụ, một gian nhà ngoài hay một tầng có lối vào riêng là lý tưởng. Chỗ ở nên yên tĩnh và đơn sơ, không xa hoa. Chủ nhà không nên dùng không gian ấy cho giải trí, rượu bia hay tụ tập trong mùa an cư.

**Y áo (cīvara).** Món quà truyền thống trước mùa an cư là **y tắm mưa** (*vassika-sāṭikā*), có thể được tìm kiếm từ một tháng trước mùa an cư và được sử dụng từ hai tuần trước đó (Nis. Pāc. 24). Y áo và vải có thể được trao trực tiếp cho vị Bhikkhu; cuối mùa an cư, gia đình có thể tham gia lễ dâng y Kaṭhina.

**Vật thực (piṇḍapāta).** Vị Bhikkhu có thể đi khất thực trong khu phố, hoặc gia đình có thể dâng một bữa ăn mỗi ngày trước giờ ngọ. Vật thực phải được dâng chính thức bằng tay (Pāc. 40), và vị ấy không được cất giữ thức ăn thừa (Pāc. 38). Các thành viên gia đình có thể tự cất giữ vật thực và dâng mới mỗi ngày.

**Thuốc men (gilānappaccaya).** Chủ nhà có thể ngỏ lời thỉnh mời chính thức (*pavāraṇā*) về thuốc men cho mùa an cư hoặc lâu hơn. Các bổ dược (mật ong, đường, dầu, bơ lỏng, bơ) có thể giữ trong bảy ngày; thuốc men thông thường được giữ không thời hạn.

**Tiền bạc.** Ngân quỹ cho nhu cầu của vị Bhikkhu phải do chủ nhà hoặc người hộ Tăng giữ, không bao giờ trao cho vị ấy; sau đó vị Bhikkhu có thể yêu cầu những vật hợp lệ.

**Người nữ trong gia đình.** Nếu trong nhà có người nữ, vị Bhikkhu phải ở trong một kiến trúc riêng hoặc một gian có lối vào riêng; người nữ nên tránh ở một mình với vị ấy ở nơi kín đáo, và việc giảng dạy nên diễn ra khi có người nam hiện diện. Nếu không thể sắp xếp như vậy, gia đình nên hộ trì vị Bhikkhu tại một tu viện.

### *(c) Trường hợp vị Bhikkhu an cư mùa mưa trong nhà một kỹ nữ*

Câu chuyện thường được nhắc đến về một vị xuất gia an cư mùa mưa trong nhà một kỹ nữ được biết đến nhiều nhất từ truyền thống **Kỳ-na giáo** (Jain), chứ không phải từ Luật tạng Pāli. Trong câu chuyện ấy, vị tu sĩ Sthūlabhadra trải qua bốn tháng *cāturmāsa* trong nhà kỹ nữ Kośā, người tình cũ của ông, với sự cho phép của thầy mình. Ông vẫn bất động trước những nỗ lực quyến rũ của nàng, và cuối cùng nàng trở thành một cư sĩ. Không thể xác minh được một câu chuyện kinh điển Phật giáo nào kể Đại đức Ānanda an cư mùa mưa trong nhà một kỹ nữ. Một số câu chuyện Phật giáo có chủ đề tương tự:

| Câu chuyện | Nguồn | Chủ đề |
|---|---|---|
| **Đại đức Ānanda và Prakṛti** (cô gái Mātaṅga) | Các nguồn Sanskrit và Đại thừa, ví dụ *Śārdūlakarṇāvadāna*, Kinh Lăng Nghiêm | Bùa yêu của một thiếu nữ kéo Ānanda đến nhà nàng; Đức Phật can thiệp và về sau nàng xuất gia |
| **Đại đức Anuruddha ở nhà trọ** | Luật tạng Pāli, duyên khởi của Pāc. 6 | Bà chủ nhà trọ tìm cách quyến rũ ngài trong đêm; ngài vẫn bất động và bà quy y |
| **Upagupta và Vāsavadattā** | Văn học *Avadāna* Sanskrit | Một kỹ nữ mời vị Bhikkhu; ngài chỉ đến khi nàng hấp hối, và thuyết Pháp cho nàng |
| **Kỹ nữ Sirimā** | Chú giải Pháp Cú (câu 147) | Một kỹ nữ dâng vật thực cho chư Tăng; một vị Bhikkhu trẻ say mê nhan sắc của nàng |

**Phân tích.** Theo Luật tạng Pāli, vị Bhikkhu không thể hợp lệ an cư mà nằm ngủ cùng mái nhà với người nữ (Pāc. 6); nhà của kỹ nữ cũng thuộc "hành xứ không thích hợp" (*agocara*), vốn bao gồm nơi ở của kỹ nữ. Luật tạng minh thị cho phép vị Bhikkhu **rời** trú xứ an cư mà không phạm nếu một người nữ tìm cách quyến rũ. Như vậy, hình mẫu của câu chuyện Kỳ-na giáo (anh hùng tự đặt mình trước cám dỗ) đối lập với hình mẫu Theravāda, vốn nhấn mạnh việc tránh hẳn hoàn cảnh ấy. Tuy nhiên, cả hai truyền thống đều đồng ý rằng một người xuất gia kiên định có thể chuyển hóa kẻ quyến rũ thành đệ tử, như Anuruddha đã làm.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ở vùng nông thôn Ohio, gia đình Patel–Sorensen sửa một gian nhà vườn để đón Đại đức Dhammika, người không có tu viện nào trong vòng 300 dặm. Trước mùa an cư, bà Sorensen dâng ngài một tấm y tắm mưa. Mỗi sáng, bà và con trai nâng từng món ăn đặt vào tay ngài trước 11 giờ; thức ăn thừa được để trong tủ lạnh của gia đình. Ông Patel gửi 1.000 đô-la cho một người bạn Phật tử làm người hộ Tăng và viết một tờ giấy thỉnh mời vị Bhikkhu yêu cầu thuốc men hay vật dụng. Giữa mùa an cư, mẹ của vị Bhikkhu lâm bệnh ở Chicago; ngài đi năm ngày rồi trở về. Một người hàng xóm vừa ly hôn bắt đầu đến gian nhà vườn một mình vào buổi tối; vị Bhikkhu nhờ ông Patel ngồi cùng, và khi những cuộc viếng thăm trở nên dồn dập, ngài bàn với gia đình về việc có nên rời đi hay không. Cuối mùa an cư, gia đình mời bạn bè đến dự một lễ Kaṭhina nhỏ.

### *Phân tích sự việc*

- Gian nhà vườn riêng đáp ứng giới về chỗ ở và yêu cầu có cửa và mái che.
- Y tắm mưa, các bữa ăn hằng ngày và lời thỉnh mời về thuốc men cùng nhau cung cấp đủ bốn vật dụng.
- Tiền bạc do người hộ Tăng giữ, đúng như quy định.
- Năm ngày vắng mặt nằm trong phép đi vắng bảy ngày vì cha mẹ bệnh.
- Những cuộc viếng thăm của người hàng xóm làm phát sinh các giới về gặp gỡ nơi kín đáo; và nếu bà

tìm cách quyến rũ, vị Bhikkhu có thể rời đi mà không phá hạ.

- Một lễ Kaṭhina tại gia đòi hỏi ít nhất năm vị Bhikkhu; nếu không, gia đình có thể dâng vải đến một tu viện.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Không có kiến trúc riêng.** Một số cộng đồng chấp nhận một phòng có khóa trong ngôi nhà Tây phương với chủ nhà là nam hiện diện; các cộng đồng nghiêm ngặt hơn thì không.
- **Chủ nhà là phụ nữ độc thân.** Người nữ sống một mình nên hộ trì vị Bhikkhu ở nơi khác thay vì đón vị ấy về nhà.
- **Hậu an cư.** Nếu vị Bhikkhu lỡ ngày bắt đầu, vị ấy có thể vào hậu an cư một tháng sau đó.
- **Đại dịch hay thiên tai.** Thiếu vật thực, nguy hiểm hay bệnh tật cho phép vị Bhikkhu dời đi mà không phạm.
- **So sánh với Kỳ-na giáo.** Một số người xem hình mẫu Sthūlabhadra là lòng can đảm đáng ngưỡng mộ; các vị thầy Theravāda thường khuyên rằng chư Tăng bình thường không nên tự thử thách mình theo cách này.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Mùa an cư bắt đầu khi nào? **Đ:** Ngày sau rằm tháng Āsāḷha, thường là tháng Bảy dương lịch.
2. **H:** Mùa an cư kéo dài bao lâu? **Đ:** Ba tháng âm lịch.

3. **H:** Người tại gia có được đón tiếp vị Bhikkhu an cư không? **Đ:** Được, nếu chỗ ở thích hợp và các giới về người nữ được tôn trọng.
4. **H:** Y tắm mưa là gì? **Đ:** Tấm vải được dâng trước mùa an cư để tắm dưới mưa (Nis. Pāc. 24).
5. **H:** Trong mùa an cư, vị Bhikkhu được vắng mặt bao lâu? **Đ:** Tối đa bảy ngày, vì lý do chính đáng.
6. **H:** Khi nào vị ấy được rời đi mà không phạm? **Đ:** Khi có nguy hiểm đến tính mạng hay phạm hạnh, kể cả khi bị tìm cách quyến rũ.
7. **H:** Giới nào khiến một ngôi nhà có người nữ trở nên không thích hợp? **Đ:** Pāc. 6, nằm ngủ cùng mái nhà với người nữ.
8. **H:** Truyền thống nào kể về vị tu sĩ an cư mùa mưa trong nhà kỹ nữ? **Đ:** Truyền thống Kỳ-na giáo, trong câu chuyện Sthūlabhadra và Kośā.
9. **H:** Câu chuyện Pāli nào cho thấy một vị Bhikkhu cưỡng lại sự quyến rũ trong đêm? **Đ:** Đại đức Anuruddha ở nhà trọ.
10. **H:** Nghi lễ nào kết thúc mùa an cư? **Đ:** Lễ Tự tứ (*pavāraṇā*), tiếp theo là mùa y và lễ Kaṭhina.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Những lợi ích thực tế và tâm linh của việc một gia đình tại gia đón tiếp vị Bhikkhu an cư là gì?
2. Hãy so sánh hình mẫu Kỳ-na giáo đối diện cám dỗ với hình mẫu Theravāda tránh né cám dỗ.
3. Có thể cúng dường bốn vật dụng trong một căn hộ hiện đại mà không vi phạm giới luật như thế nào?

4. Chủ nhà nhận lấy những trách nhiệm gì, và những ranh giới nào bảo vệ cả chủ nhà lẫn vị Bhikkhu?
5. Các cộng đồng không có tu viện có thể tổ chức cùng nhau hộ trì một trú xứ an cư như thế nào?

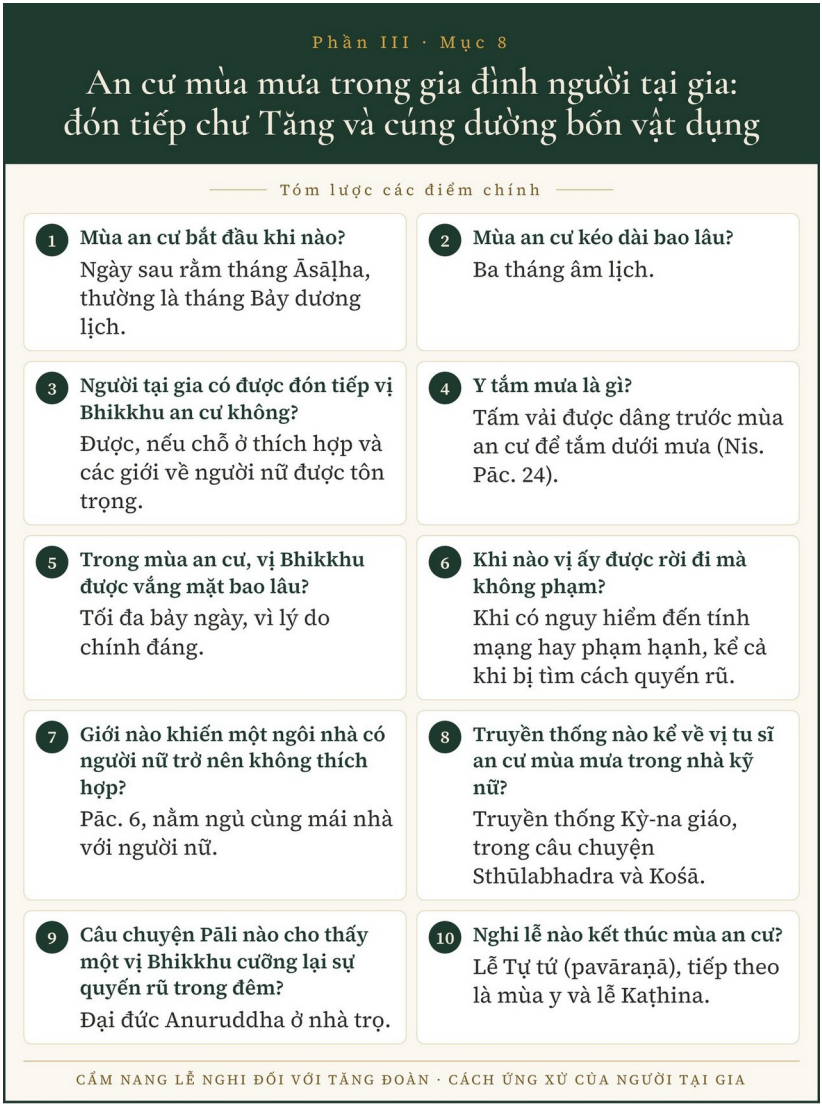
### *Thơ: Gian Nhà Vườn Cho Mùa Mưa*

*Họ dựng gian nhà gỗ bá bên hàng liễu,*
*Cửa mở riêng một lối, cửa sổ nhìn ra đồng.*
*Rạng đông ngài ngồi đó; rạng đông ngài phải có mặt;*
*Ba tháng mưa sẽ gặp ngài nơi ngài đang ở.*
*Tấm vải để tắm mưa, bát cơm trước giờ ngọ,*
*Hũ mật ong cho tuần lễ mỏi mệt:*
*Gia đình dâng bốn vật nuôi dưỡng ngài,*
*Và ngài trả lại sự tĩnh lặng cho ngôi nhà.*
*Mặc người kể về những bậc hiền trong sân*
*Của sắc đẹp, bị thử thách, không động vì tình;*
*Vị sư này sáng suốt hơn, biết rõ chỗ yếu của mình:*
*Ngài giữ cánh cửa, và để mưa rơi trong sạch.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Đón tiếp vị Bhikkhu an cư kết hợp phước báu của người cho với sự tu tập của vị Bhikkhu. Kinh Pháp Cú tán thán đời sống tu tập độc cư, an trú: “Ngồi một mình, nằm một mình, đi một mình không biếng nhác, một mình tự điều phục, sẽ hoan hỷ nơi rừng sâu” (Pháp Cú 305, diễn ý). Kinh cũng cảnh báo, theo tinh thần đáp ứng của Theravāda đối với câu chuyện kỹ nữ, rằng bậc trí không chuốc lấy cám dỗ: “Như mưa thấm vào ngôi nhà lợp vụng, dục ái thấm vào tâm không tu tập” (Pháp Cú 13, diễn ý).

Lối vào riêng và sự cảnh giác của chủ nhà chính là “mái nhà lợp kỹ” của Pháp Cú 14.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 9. Nữ cư sĩ chụp ảnh với chư Tăng

Không có giới luật nào trong Luật tạng về nhiếp ảnh, vì vào thời Đức Phật chưa có máy ảnh. Do đó, các cộng đồng áp dụng Bốn Đại Tiêu chuẩn: một bức ảnh là hợp lệ khi nó phù hợp với điều được cho phép (một sự ghi lại công khai, cung kính một dịp tôn giáo) và không hợp lệ khi nó phù hợp với điều bị cấm (chạm xúc thân thể, sự thân mật, nơi kín đáo, sự phù phiếm hay mục đích thương mại). Trên thực tế, một bức ảnh chụp chung theo nhóm hoặc nơi công cộng với nữ cư sĩ nói chung là chấp nhận được; một bức ảnh sát gần, có chạm xúc hay ở nơi riêng tư thì không.

### *(a) Các giới hiện có áp dụng như thế nào*

| Yếu tố của bức ảnh | Giới liên quan | Hướng dẫn thông thường |
|---|---|---|
| Chạm xúc: quàng vai, nắm tay, tựa vào nhau | Saṅgh. 2 (chạm xúc với tâm dục); các biện pháp phòng ngừa tội Tác ác | Không chạm xúc thân thể; giữ khoảng cách rõ ràng giữa vị Bhikkhu và người nữ |
| Người nữ ở một mình với vị Bhikkhu trong phòng kín hay nơi khuất | Aniyata 1–2; Pāc. 44–45 | Chụp ảnh ở nơi thoáng, công cộng, có người khác hiện diện |
| Tư thế thân mật hay lả lơi, ảnh tự chụp áp má | Saṅgh. 2–3 theo loại suy; nguyên tắc "được thấy là trong sạch" | Chỉ dùng tư thế trang nghiêm, cung kính |
| Oai nghi của vị Bhikkhu | Sekhiya 1–26: y mặc chỉnh tề, điềm tĩnh, không cười lớn | Y trùm kín hai vai khi ra ngoài tu viện; tư thế an tịnh |
| Chỗ ngồi | Lễ nghi; các Ưng học pháp về chỗ ngồi | Vị Bhikkhu ngồi trên ghế cao hơn hoặc riêng biệt; người tại gia quỳ, ngồi thấp hơn hoặc đứng sang bên |
| Đăng hoặc bán ảnh | Tà mạng; "làm hư hỏng gia đình" | Không dùng để kiếm tiền, quảng cáo hay gợi ý một mối quan hệ riêng tư |
| Vị Bhikkhu tìm cách được chụp ảnh mình | Sự phù phiếm, trái với tinh thần xuất ly | Chư Tăng không nên tìm kiếm hay tạo dáng cho những bức ảnh hào nhoáng |

### *(b) Lễ nghi thực hành cho nữ cư sĩ*

1. **Hỏi trước**, qua một nam cư sĩ hoặc tu viện, xem vị Bhikkhu có thoải mái khi được chụp ảnh không.
2. **Chụp theo nhóm hoặc ở nơi công cộng**: chánh điện, buổi lễ, ngày hội.

3. **Giữ khoảng cách cung kính**, ít nhất một sải tay; không chạm, tựa hay quàng tay qua vị Bhikkhu.
4. **Ngồi hoặc quỳ thấp hơn**, hoặc đứng sang một bên, thay vì đứng sát vai vị Bhikkhu.
5. **Chắp tay (*añjali*)** như một tư thế tự nhiên, cung kính.
6. **Ăn mặc kín đáo**, như khi đi chùa.
7. **Tránh ảnh tự chụp** đòi hỏi phải đứng sát gần.
8. **Chia sẻ có trách nhiệm**: không ghi chú ảnh theo cách gợi ý sự thân mật hay mối liên hệ riêng tư, và không dùng ảnh cho mục đích thương mại.
9. **Vui vẻ chấp nhận lời từ chối**: các tu viện Thiền lâm Thái Lan và những cộng đồng nghiêm ngặt khác có thể từ chối hẳn việc chụp ảnh với người nữ.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Cuối một khóa thiền ở Singapore, cô Mei hai mươi ba tuổi vội chạy đến chỗ Ajahn Panyo với chiếc điện thoại: “Thưa Ajahn, con chụp một tấm ảnh tự sướng với Ngài được không ạ?” Cô bước đến bên ngài và bắt đầu nghiêng người sát lại. Vị Ajahn nhẹ nhàng lùi lại, mỉm cười, và đề nghị chụp ảnh nhóm. Ban tổ chức khóa tu sắp xếp các thiền sinh: vị Ajahn ngồi trên ghế, các thiền sinh nữ quỳ phía trước chắp tay, các thiền sinh nam đứng phía sau. Sau đó, Mei hỏi riêng xem cô có thể chụp một tấm ảnh với ngài một mình trong vườn không. Ngài trả lời rằng một tấm ảnh trong chánh điện có mẹ cô hiện diện thì được. Tối hôm ấy, một người bạn thấy bài đăng Instagram của Mei

với dòng chú thích "Tôi và vị Bhikkhu của tôi ❤️" và bình luận; Mei nhận ra nó gây hiểu lầm thế nào, bèn sửa lại thành "Tri ân Ajahn Panyo về những lời dạy trong khóa tu."

### *Phân tích sự việc*

- **Ảnh tự chụp nghiêng sát.** Sự gần gũi thân thể có nguy cơ chạm xúc (Saṅgh. 2) và tạo vẻ thân mật; việc vị Bhikkhu lùi lại là một biện pháp phòng ngừa.
- **Ảnh nhóm.** Một sự sắp xếp công khai, trang nghiêm, có người khác hiện diện đáp ứng tinh thần của các giới Bất định và Pāc. 44–45.
- **Chỗ ngồi.** Vị Bhikkhu ngồi cao hơn và người tại gia quỳ chắp tay phản ánh lễ nghi truyền thống.
- **Ảnh một mình trong vườn.** Một nơi riêng tư với một người nữ đặt ra cùng mối lo ngại như việc ngồi một mình với cô ấy; có người thứ ba thì giải quyết được.
- **Dòng chú thích.** Lời lẽ gợi ý một mối liên hệ riêng tư hay tình cảm làm tổn hại danh tiếng của vị Bhikkhu và của Tăng-già; nguyên tắc "được thấy là trong sạch" mở rộng đến cả mạng xã hội.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Người thân trong gia đình.** Mẹ hay chị em gái của vị Bhikkhu có thể đứng gần hơn, dù nhiều vị vẫn tránh chạm xúc.
- **Ảnh chính thức và báo chí.** Ảnh dùng cho tin tức, tư liệu hay tài liệu giảng dạy nói chung được chấp nhận khi được bố cục trang nghiêm.

- **Lễ xuất gia và tang lễ.** Các gia đình thường chụp ảnh con trai trong lễ xuất gia; người thân là nữ xuất hiện trong ảnh nhóm mà không có gì đáng ngại.
- **Khác biệt văn hóa.** Một số cộng đồng Sri Lanka, Miến Điện và Tây phương thoải mái với những bức ảnh đứng cạnh nhau một cách cung kính; các tu viện Thiền lâm Thái Lan có thể từ chối.
- **Bhikkhunī.** Nguyên tắc tương ứng áp dụng cho các vị ni chụp ảnh với nam cư sĩ.
- **Sự đồng ý.** Vị Bhikkhu có thể từ chối bất kỳ bức ảnh nào; người tại gia không nên chụp ảnh chư Tăng khi đang thọ thực, ngủ hay tắm.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Có giới luật kinh điển nào về chụp ảnh không? **Đ:** Không; các cộng đồng áp dụng Bốn Đại Tiêu chuẩn.
2. **H:** Giới nào khiến việc chạm xúc trong ảnh là không thích hợp? **Đ:** Saṅgh. 2 và sự phòng ngừa tránh mọi chạm xúc.
3. **H:** Vì sao ảnh nhóm được ưa chuộng hơn? **Đ:** Vì công khai, tránh được những mối lo ngại của các giới Bất định.
4. **H:** Nữ cư sĩ nên đứng hay ngồi ở đâu? **Đ:** Ở khoảng cách cung kính, thấp hơn hoặc bên cạnh vị Bhikkhu đang ngồi.
5. **H:** Cử chỉ nào thích hợp? **Đ:** Chắp tay (*añjali*).

6. **H:** Ảnh tự chụp có được chấp nhận không? **Đ:** Chỉ khi không có sự gần gũi hay chạm xúc; phần lớn chư Tăng muốn tránh.
7. **H:** Ảnh có được bán hay dùng để quảng cáo không? **Đ:** Không; điều này gần với tà mạng.
8. **H:** Nên ghi chú ảnh như thế nào? **Đ:** Cung kính, không gợi ý một mối quan hệ riêng tư.
9. **H:** Vị Bhikkhu có được từ chối chụp ảnh không? **Đ:** Được, vào bất cứ lúc nào.
10. **H:** Điều này có áp dụng cho các vị ni không? **Đ:** Có, với vai trò đảo ngược.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Bốn Đại Tiêu chuẩn giúp áp dụng giới luật cổ xưa vào nhiếp ảnh và mạng xã hội như thế nào?
2. Chư Tăng có nên xuất hiện trong ảnh hay không? Hãy xét đến việc giảng dạy, tư liệu và sự phù phiếm.
3. Hình ảnh trực tuyến mở rộng nguyên tắc "được thấy là trong sạch" như thế nào?
4. Những khác biệt văn hóa về lễ nghi chụp ảnh có thể gây hiểu lầm giữa các cộng đồng Phật giáo quốc tế như thế nào?
5. Hãy soạn một quy định ngắn về chụp ảnh cho một ngôi chùa, tôn trọng cả mong muốn của người tại gia lẫn giới luật xuất gia.

***Thơ: Tấm Ảnh***

*Cô giơ điện thoại, bước lại gần để cười,*
*Và ngài lùi lại, nhẹ nhàng như con sóng.*
*“Lại đây, tất cả,” ngài nói, rồi an tọa;*
*Mọi người quỳ chắp tay hai bên.*
*Tấm ảnh không có chạm xúc, không bờ vai tựa,*
*Chỉ một vị thầy và những người ngài đã dạy.*
*Không dòng chú thích nào thì thầm điều khác,*
*Không khung hình nào biến lòng kính thành ý nghĩ.*
*Máy ảnh thấy bề mặt của một khoảnh khắc;*
*Tấm lòng phía sau mới là điều ta phải giữ.*
*Mong mỗi hình ảnh cho thấy tấm y không vết,*
*Và mỗi khoảng cách được giữ bằng sự ân cần.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

Một bức ảnh là hình thức bề ngoài hiện đại, và Kinh Pháp Cú luôn đối chiếu bề ngoài với thực chất: “Không phải chỉ nhờ lời nói hay sắc đẹp mà trở thành người đáng kính, nếu còn ganh tị, ích kỷ và gian dối” (Pháp Cú 262, diễn ý). Sự cẩn trọng với ảnh chụp bảo vệ vị Bhikkhu khỏi sự phù phiếm và nữ cư sĩ khỏi sự hiểu lầm, theo tinh thần của Pháp Cú 231–234, khuyên phòng hộ thân, khẩu và ý.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 10. Đánh giá

Luật tạng được hiểu đúng nhất như một kỹ thuật đạo đức tích hợp. Nó định hình đời sống nội tâm của vị Bhikkhu qua chánh niệm và sự chế ngự, bảo vệ uy tín của cộng đồng, và gắn kết người xuất gia với người tại gia trong bổn phận hỗ tương. Những điểm yếu của nó là có thật: các vấn đề diễn giải chưa được giải quyết, những thực hành

mang tính văn hóa đặc thù, và việc thiếu vắng giới đàn Cụ túc cho nữ giới Theravāda. Tuy nhiên, những điểm mạnh của nó bền vững một cách khác thường. Sự nhấn mạnh vào tác ý, cách tiếp cận phòng ngừa đối với sai phạm và phương pháp thích ứng có nguyên tắc giải thích vì sao cùng một bộ luật đã dẫn dắt các cộng đồng suốt hai mươi lăm thế kỷ.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Cẩm nang này mô tả Luật tạng như thế nào? **Đ:** Như một kỹ thuật đạo đức tích hợp.
2. **H:** Bên trong, Luật tạng định hình điều gì? **Đ:** Chánh niệm và sự chế ngự.
3. **H:** Bên ngoài, Luật tạng bảo vệ điều gì? **Đ:** Uy tín của cộng đồng.
4. **H:** Luật tạng tạo ra điều gì giữa chư Tăng và người tại gia? **Đ:** Bổn phận hỗ tương.
5. **H:** Hãy nêu một điểm yếu. **Đ:** Các vấn đề diễn giải chưa được giải quyết.
6. **H:** Hãy nêu một điểm yếu khác. **Đ:** Ở hầu hết các nước, chưa có giới đàn Cụ túc cho nữ giới Theravāda được công nhận đầy đủ.
7. **H:** Hãy nêu một điểm mạnh. **Đ:** Sự nhấn mạnh vào tác ý.
8. **H:** Hãy nêu một điểm mạnh khác. **Đ:** Cách tiếp cận phòng ngừa đối với sai phạm.
9. **H:** Hãy nêu điểm mạnh thứ ba. **Đ:** Phương pháp thích ứng có nguyên tắc.

10. **H:** Bộ luật này đã dẫn dắt các cộng đồng bao lâu? **Đ:** Khoảng hai mươi lăm thế kỷ.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Bạn có đồng ý rằng Luật tạng là một "kỹ thuật đạo đức" không? Vì sao?
2. Điểm yếu nào cần được giải quyết nhất hiện nay?
3. Các thể chế hiện đại có thể học hỏi điểm mạnh nào?
4. Luật tạng nên phát triển thế nào trong thế kỷ tới?
5. Việc học Phần III đã thay đổi điều gì trong hiểu biết của bạn?

### *Thơ: Hai Mươi Lăm Thế Kỷ*

*Đế quốc thịnh rồi suy; tấm y vẫn còn đó,*
*Bình bát vẫn đi dọc con đường làng.*
*Không phải đá hay thép gìn giữ bộ luật xưa,*
*Mà một tác ý được trao từ tâm đến tâm.*
*Nó có những vết nứt: dòng ni đã mất, những cuộc tranh cãi*
*Về một chén trà hay đúng giờ ngọ.*
*Vậy mà nó vẫn giữ trái tim trước bàn tay,*
*Và dựng hàng rào trước khi kẻ ngã sa chân.*
*Luật xưa, đời mới: nó uốn mình, không gãy;*
*Một ngọn đèn sống trao từ tay sang tay.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần IV —
# Các Bài Học

Mỗi bài học lấy một chủ đề chính của Luật tạng và trình bày trong sáu phần: một câu chuyện từ đời sống đương đại thường ngày; phân tích sự việc đối chiếu với giới luật; các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt; mười câu hỏi và trả lời tóm tắt các điểm chính; năm câu hỏi mở để ôn tập; và một bài thơ về chủ đề ấy. Các câu chuyện là những hình mẫu tổng hợp nhằm minh họa, không phải những tường thuật lịch sử.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về sự không làm hại:*

> "Từ bỏ sát sinh, Sa-môn Gotama tránh xa sát sinh. Đã bỏ trượng, bỏ đao, biết tàm quý, có lòng từ, Ngài sống thương xót đến tất cả chúng sinh." — Trường Bộ 1

*Về tiết độ trong ăn uống:*

> "Người luôn chánh niệm, biết tiết độ trong ăn uống, bệnh tật giảm thiểu, chậm già, và mạng sống được bảo vệ." — Tương Ưng Bộ 3.13

*Về tiền bạc và sự xuất ly:*

> "Với ai vàng bạc là hợp lệ, thì năm dục trưởng dưỡng cũng là hợp lệ; và với ai những điều này là hợp lệ, các ngươi có thể chắc chắn rằng người ấy không có phẩm cách của một Sa-môn, một người con dòng Thích-ca." — Tương Ưng Bộ 42.10

*Về sự tri túc với các vật dụng:*

> "Vị Bhikkhu bằng lòng với bất cứ loại y áo, vật thực, sàng tọa và thuốc men nào, và tán thán sự bằng lòng ấy." — Tăng Chi Bộ 4.28

*Về tà mạng:*

> "Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, sống nhờ vật thực do tín thí cúng dường, lại nuôi mạng bằng tà mạng qua những tà thuật hạ liệt như xem chỉ tay, đoán điềm, giải mộng… Sa-môn Gotama tránh xa những tà thuật hạ liệt như vậy." — Trường Bộ 1

*Về sự hòa hợp:*

> "Có sáu pháp này tạo nên sự thương mến và kính trọng, đưa đến hòa hợp và đoàn kết: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp từ hòa; chia sẻ những gì mình nhận được; giới hạnh tương đồng với người khác; và chánh kiến tương đồng với người khác." — Trung Bộ 48

## Bài 1 — Không làm hại: Sự sống, loài vật và thế giới tự nhiên

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Bà Linh, một giáo viên đã nghỉ hưu ở vùng ngoại ô Houston, làm công quả tại một tu viện Theravāda nhỏ. Một mùa xuân, bà nhận thấy những thùng chứa nước mưa của tu viện đang sinh muỗi. Muốn giúp, bà mua thuốc diệt côn trùng và đề nghị phun khắp khuôn viên. Đại đức Paññā, vị Bhikkhu thường trú, chân thành cảm ơn bà nhưng từ chối. Thay vào đó, ngài cho bà xem đồ lọc nước của mình, giải thích rằng ngài phủ lưới mịn lên các thùng

và thay nước đọng vài ngày một lần, rồi hỏi liệu bà có thể giúp làm nắp đậy không. Cuối tháng đó, một tình nguyện viên làm vườn đề nghị phát quang một khoảnh đất um tùm để làm lối đi kinh hành. Vị Bhikkhu chỉ nói: "Một lối đi qua đó sẽ rất hữu ích." Bà Linh, giờ đã hiểu phong tục, tự mình tổ chức công việc vào thứ Bảy. Trong khi đó, cháu gái bà, đang mang thai ngoài ý muốn, hỏi riêng vị Bhikkhu xem có nên phá thai không. Ngài ân cần lắng nghe, nói rằng ngài không thể khuyên hay sắp xếp việc ấy, và đề nghị nói chuyện với cô và gia đình về những sự hỗ trợ hiện có.

### *Phân tích sự việc*

- **Thuốc diệt côn trùng.** Cố ý giết hay sai giết loài vật, kể cả côn trùng, là tội Ưng đối trị (Pāc. 61). Vị Bhikkhu không thể yêu cầu hay ưng thuận việc phun thuốc. Việc phòng ngừa bằng lưới và thay nước phản ánh cách tiếp cận "y học phòng ngừa" của Luật tạng.
- **Đồ lọc nước.** Dùng nước biết là có sinh vật sẽ chết là phạm (Pāc. 62, 20); đồ lọc nước là một trong những vật dụng cơ bản của vị Bhikkhu.
- **Phát quang đất.** Làm hại cây cỏ (Pāc. 11) và đào đất (Pāc. 10) là phạm đối với vị ấy. Một lời gợi ý chưa đến mức ra lệnh là hợp lệ, và người tại gia có thể tự mình làm việc ấy.
- **Người cháu gái.** Vì một con người được tính từ khi thức đầu tiên khởi sinh trong bào thai, việc khuyên hay sắp xếp phá thai thuộc tội Bất cộng trụ về giết người (Pār. 3). Vị Bhikkhu vẫn có thể ban lòng bi mẫn và Chánh pháp.

- **Tác ý.** Nếu ngài giẫm phải kiến khi quét sân thì không phạm: các giới xoay quanh hành động cố ý.

*Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Nguy hiểm đến tính mạng.** Một con rắn độc hay một ổ côn trùng mang mầm bệnh gây ra nguy cơ thực sự. Vị Bhikkhu vẫn không được giết, nhưng người tại gia có thể hành động theo phán đoán của mình, còn chư Tăng có thể tránh đi hoặc dùng biện pháp không gây chết.
- **Luật y tế công cộng.** Ở nơi luật địa phương đòi hỏi kiểm soát sinh vật gây hại, nguyên tắc tôn trọng "luật pháp của xứ sở" khi phù hợp với Chánh pháp gợi ý rằng ban cư sĩ của tu viện nên tuân thủ, mà chư Tăng không ra lệnh giết.
- **An toàn phòng cháy.** Các tu viện trong rừng cần đường băng cản lửa; chư Tăng có thể quét lối đi hằng ngày, còn người tại gia đảm nhận việc phát quang.
- **Đạo đức y khoa.** Khi tính mạng người mẹ gặp nguy hiểm, vị Bhikkhu vẫn không thể khuyên chấm dứt thai kỳ. Ngài có thể chỉ dạy về tác ý và lòng bi mẫn và để các quyết định y khoa cho gia đình và bác sĩ, vì giới luật liên quan đến lời nói và hành động của chính ngài.
- **Cách đọc sinh thái.** Một số người xem các giới này là một nền đạo đức môi trường sơ khai; những người khác lưu ý rằng lý do ban đầu là sự tôn trọng "sinh mạng có một căn" và dư luận của người tại gia, chứ không phải sinh thái học tự thân.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Giới nghiêm trọng nhất về làm hại sự sống là gì? **Đ:** Pār. 3: cố ý gây ra cái chết của một con người, tội Bất cộng trụ.
2. **H:** Luật tạng tính một con người từ khi nào? **Đ:** Từ khi thức đầu tiên khởi sinh trong bào thai.
3. **H:** Hình phạt cho việc giết loài vật là gì? **Đ:** Tội Ưng đối trị, được giải bằng sám hối (Pāc. 61).
4. **H:** Sinh vật nhỏ đến mức nào được bao gồm? **Đ:** Đến con rệp hay con kiến, theo chú giải.
5. **H:** Vì sao vị Bhikkhu mang theo đồ lọc nước? **Đ:** Để tránh giết các sinh vật nhỏ trong nước uống.
6. **H:** Vị Bhikkhu có được bẻ cành hay hái hoa không? **Đ:** Không; làm hại cây cỏ sống là tội Ưng đối trị (Pāc. 11).
7. **H:** Vị Bhikkhu có được đào đất không? **Đ:** Không (Pāc. 10), trừ khi là sỏi hay cát không có sinh vật.
8. **H:** Người tại gia có thể giúp việc trong khuôn viên như thế nào? **Đ:** Bằng cách lắng nghe lời gợi ý của vị Bhikkhu và tự mình làm.
9. **H:** Vô tình giết có phạm không? **Đ:** Không; cần có tác ý cố ý.
10. **H:** Các giới này đã có tác động xã hội lâu dài nào? **Đ:** Chúng giữ chư Tăng ngoài việc nông nghiệp và sở hữu đất đai, duy trì sự nương tựa vào vật thực khất thực.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Sự phân biệt giữa việc giết và việc để người khác hành động theo phán đoán của họ định hình sự hợp tác giữa người tại gia và người xuất gia như thế nào?
2. Giới cấm làm hại "sinh mạng có một căn" được hiểu đúng nhất là mang tính sinh thái, văn hóa hay tâm linh? Hãy bảo vệ quan điểm của bạn.
3. Vị Bhikkhu nên đáp ứng một cách mục vụ thế nào với người đang đứng trước quyết định về việc phá thai mà vẫn ở trong giới luật?
4. Những điểm mạnh và giới hạn của một nền đạo đức đánh giá hành động chủ yếu bằng tác ý là gì?
5. Các tu viện ở vùng khí hậu có sinh vật gây hại nguy hiểm có thể cân bằng giữa sự không làm hại và sự an toàn như thế nào?

### *Thơ: Đồ Lọc Nước*

*Dưới mái hiên, một tấm vải lặng lẽ căng ra,*
*Để sinh vật nhỏ nhất được bơi đi tự do.*
*Không lưỡi dao nào giơ lên với dây leo,*
*Không cái xẻng nào khuấy giấc ngủ kiên nhẫn của giun đất.*
*Vị sư bước nhẹ nơi đàn kiến đã đi qua,*
*Và quét lối đi, mà để sự sống bên trong.*
*Điều tốn ta chút ít, cứu cả một thế giới vô hình;*
*Điều ta kiêng tránh, dạy ta biết nhìn.*
*Trái tim không nỡ hại con muỗi hay hạt giống*
*Rồi sẽ học được, không làm hại trái tim người.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

“Mọi người đều sợ hình phạt; mọi người đều quý mạng sống. Lấy mình làm ví dụ, không giết, không bảo giết” (Pháp Cú 130, diễn ý). Hành trình của bà Linh từ thuốc diệt côn trùng đến những nắp lưới chính là câu kệ này được đưa vào thực hành. Hình ảnh con ong hút mật mà không làm hại hoa (Pháp Cú 49) mở rộng sự không làm hại đến toàn thể thế giới tự nhiên.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 2 — Các mối quan hệ: Phạm hạnh và sự tiếp xúc giữa hai giới

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Sarah, một kỹ sư phần mềm 34 tuổi ở London, đã tham dự các buổi tối thiền tập tại một tu viện Thiền lâm Thái Lan được một năm. Đang trải qua cuộc ly hôn đau đớn, cô hỏi Ajahn Thomas liệu họ có thể nói chuyện riêng trong phòng ngài sau khi nhóm ra về không. Thay vào đó, ngài đề nghị họ ngồi ở sảnh đường mở vào chiều hôm sau, và mời anh trai cô, David, cùng tham dự. Ban đầu Sarah cảm thấy tổn thương: chẳng lẽ cô không được tin tưởng? Trong cuộc trò chuyện, vị Ajahn đưa ra những lời khuyên cẩn trọng, tử tế nhưng từ chối yêu cầu của cô giúp thuyết phục chồng hàn gắn, vì cuộc ly hôn đã hoàn tất. Một tháng sau, Sarah đề nghị lái xe đưa ngài đến một buổi giảng ở Manchester, một chuyến đi bốn giờ. Ngài hỏi liệu David hay một người nam khác có thể đi cùng không. Tại buổi giảng, một phụ nữ đưa tay ra định bắt tay ngài; ngài mỉm cười, chắp tay và hơi cúi đầu thay vào đó. Trên đường về, Sarah suy ngẫm rằng những ranh giới mà ban đầu cô cho là lạnh lùng đã khiến cô cảm thấy an toàn hơn bất cứ nơi nào khác trong năm ấy.

### *Phân tích sự việc*

- **Phòng riêng.** Ngồi một mình với người nữ ở nơi kín đáo là tội Ưng đối trị (Pāc. 44) và là một trường hợp Bất định. Sảnh đường mở với một người nam đi kèm đáp ứng giới luật.

- **Tham vấn riêng.** Dạy pháp cho người nữ quá "sáu câu" mà không có người nam hiểu biết hiện diện là phạm (Pāc. 7). Sự hiện diện của David giải quyết điều này.
- **Yêu cầu hàn gắn.** Vị Bhikkhu có thể giúp hòa giải một cặp vợ chồng còn hôn thú nhưng đang xa cách, nhưng khi đã ly hôn, việc làm trung gian cho sự kết hợp của họ sẽ gần với việc mai mối (Saṅgh. 5).
- **Chuyến đi dài.** Hẹn trước để đi cùng người nữ là tội Ưng đối trị (Pāc. 67). Một người nam đi cùng là cách giải quyết được chấp nhận.
- **Bắt tay.** Chạm xúc chỉ là trọng tội khi có tâm dục (Saṅgh. 2), nhưng nhiều vị Bhikkhu tránh mọi sự chạm xúc như một biện pháp phòng ngừa.
- **Sự suy ngẫm của Sarah.** Các giới điều chỉnh hoàn cảnh, không phải con người; mục đích của chúng là bảo vệ cả hai bên và danh tiếng của Tăng-già.

***Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt***

- **Cấp cứu y tế.** Vị Bhikkhu có thể được nhân viên y tế nữ chữa trị; không có tâm dục thì không phạm.
- **Cứu mạng.** Nếu một người nữ đang đuối nước hay bị thương, vị Bhikkhu có thể cứu giúp; tác ý quyết định trách nhiệm.
- **Hoàn cảnh nhóm.** Theo giới Bất định, số người nữ không làm mất đi sự cần thiết của người đi kèm, nhưng ở nơi thoáng đãng, công cộng (một quán cà phê đông người, một hội trường công cộng), giới về "nơi riêng tư" không áp dụng.

- **Công nghệ.** Cuộc gọi video và tin nhắn không có giới trực tiếp. Một số cộng đồng áp dụng Bốn Đại Tiêu chuẩn và tránh gọi video riêng một-một với người nữ; số khác xem cuộc gọi có ghi âm hoặc công khai là chấp nhận được.
- **Khác biệt văn hóa.** Chư Tăng Thái Lan dùng tấm vải nhận đồ; chư Tăng Sri Lanka và Miến Điện thường nhận vật trực tiếp. Không bên nào "đúng hơn"; mỗi bên theo Tăng-già của mình.
- **Đa dạng giới tính.** Văn bản giả định một vị Bhikkhu nam dị tính. Các vị thầy hiện đại thường mở rộng nguyên lý nền tảng (tránh những hoàn cảnh khơi dậy dục vọng hay nghi ngờ) sang mọi mối quan hệ.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Giới Bất cộng trụ thứ nhất là gì? **Đ:** Giao hợp dưới bất kỳ hình thức nào.
2. **H:** Khi nào việc chạm người nữ là tội Tăng tàn? **Đ:** Khi vị Bhikkhu "bị dục chi phối, với tâm biến đổi."
3. **H:** Chạm mẹ mình vì thương mến bị hình phạt gì? **Đ:** Tội Tác ác.
4. **H:** Các giới Bất định nói về điều gì? **Đ:** Vị Bhikkhu ngồi một mình với người nữ ở nơi kín đáo hay riêng tư.
5. **H:** Ai phải làm người đi kèm ở nơi kín đáo? **Đ:** Một người nam hoặc thiếu niên hiểu thế nào là hành vi không đúng đắn.

6. **H:** Vị Bhikkhu được dạy pháp cho người nữ một mình đến mức nào? **Đ:** Không quá sáu câu, trừ khi trả lời câu hỏi của bà ấy.
7. **H:** Vì sao vị Bhikkhu không được làm mai mối? **Đ:** Mai mối là tội Tăng tàn (Saṅgh. 5), bắt nguồn từ những cuộc mai mối thất bại của Đại đức Udāyī.
8. **H:** Giới "cùng mái nhà" cấm điều gì? **Đ:** Nằm ngủ cùng một chỗ ở với người nữ (Pāc. 6).
9. **H:** Các nhà chú giải định nghĩa chỗ ở riêng biệt thế nào? **Đ:** Bằng lối ra vào riêng (*upacāra*), nên các căn hộ riêng được tính là chỗ ở riêng.
10. **H:** Ajahn Brahmavaṃso đề nghị gì về việc đi lại? **Đ:** Những chuyến đi ngắn với người nữ là chấp nhận được nếu có một người nam khác đi cùng vị Bhikkhu.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Các giới này đi trước thực hành bảo vệ an toàn hiện đại đến mức nào? Chúng khác nhau ở đâu?
2. Vị Bhikkhu nên cân bằng giữa sự quan tâm bi mẫn với một người nữ đang đau khổ và yêu cầu có người đi kèm như thế nào?
3. Có nên áp dụng các giới này giống hệt nhau trong những nền văn hóa có chuẩn mực về chạm xúc và chào hỏi rất khác nhau không?
4. Có thể dùng Bốn Đại Tiêu chuẩn thế nào để giải quyết việc giao tiếp trực tuyến giữa chư Tăng và người tại gia?

5. Sự nhấn mạnh vào việc “được thấy là trong sạch” có nguy cơ coi trọng bề ngoài hơn thực chất không? Hãy thảo luận.

### *Thơ: Cánh Cửa Mở*

*Cô xin được nói nơi không ai nghe thấy;*
*Ngài chọn sảnh đường mở, vào buổi chiều.*
*Anh trai cô ngồi bên như một bức tường*
*Không giam giữ ai, mà ngăn lời đồn bên ngoài.*
*Ngài không nắm tay cô; ngài chắp tay mình,*
*Và cúi đầu trước điều lớn lao hơn cả hai.*
*Khoảng cách mà cô tưởng làm bằng đá*
*Lại làm bằng sự quan tâm, đủ rộng cho lòng tin.*
*Ranh giới vẽ bằng lòng tử tế là một cánh cổng:*
*Che chở những người ở cả hai phía.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

“Như mưa thấm vào ngôi nhà lợp vụng, dục ái thấm vào tâm không tu tập; như mưa không thấm vào ngôi nhà lợp kỹ, dục ái không thấm vào tâm khéo tu tập” (Pháp Cú 13–14, diễn ý). Người đi kèm, sảnh đường mở và cái bắt tay được từ chối khéo trong câu chuyện của Sarah là mái lợp; sự điềm tĩnh của vị Ajahn là tâm khéo tu tập.

Phần IV · Bài 2

## Các mối quan hệ: Phạm hạnh và sự tiếp xúc giữa hai giới

Tóm lược các điểm chính

1. **Giới Bất cộng trụ thứ nhất là gì?**
   Giao hợp dưới bất kỳ hình thức nào.

2. **Khi nào việc chạm người nữ là tội Tăng tàn?**
   Khi vị Bhikkhu "bị dục chi phối, với tâm biến đổi."

3. **Chạm mẹ mình vì thương mến bị hình phạt gì?**
   Tội Tác ác.

4. **Các giới Bất định nói về điều gì?**
   Vị Bhikkhu ngồi một mình với người nữ ở nơi kín đáo hay riêng tư.

5. **Ai phải làm người đi kèm ở nơi kín đáo?**
   Một người nam hoặc thiếu niên hiểu thế nào là hành vi không đúng đắn.

6. **Vị Bhikkhu được dạy pháp cho người nữ một mình đến mức nào?**
   Không quá sáu câu, trừ khi trả lời câu hỏi của bà ấy.

7. **Vì sao vị Bhikkhu không được làm mai mối?**
   Mai mối là tội Tăng tàn (Tăng tàn 5), bắt nguồn từ những cuộc mai mối thất bại của Đại đức Udāyī.

8. **Giới "cùng mái nhà" cấm điều gì?**
   Nằm ngủ cùng một chỗ ở với người nữ (Pāc. 6).

9. **Các nhà chú giải định nghĩa chỗ ở riêng biệt thế nào?**
   Bằng lối ra vào riêng (upacāra), nên các căn hộ riêng được tính là chỗ ở riêng.

10. **Ajahn Brahmavaṃso đề nghị gì về việc đi lại?**
    Những chuyến đi ngắn với người nữ là chấp nhận được nếu có một người nam khác đi cùng vị Bhikkhu.

CẨM NANG LỄ NGHI ĐỐI VỚI TĂNG ĐOÀN · CÁCH ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI TẠI GIA

*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 3 — Vật thực và khất thực: Dâng cúng, giờ thọ thực và bốn loại vật dụng ăn uống

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Gia đình Nguyễn ở Toronto thỉnh hai vị Bhikkhu đến thọ trai nhân ngày giỗ ông nội. Bà Nguyễn gọi điện đến tu viện và báo: "Chúng con sẽ nấu món quý Thầy thích, gà xào sả ớt và xôi xoài!" Vị Bhikkhu lớn tuổi nhẹ nhàng nói rằng quý thầy hoan hỷ đến dự "bữa trai" và không nhắc gì đến món ăn. Đến ngày, kẹt xe làm quý thầy đến trễ, lúc 11 giờ 35. Gia đình vội vàng bày hết các món lên bàn, nhưng vị Bhikkhu đợi đến khi từng món được nâng lên và trao cho ngài. Cậu con trai tuổi mới lớn, đang mang giày thể thao, đẩy món tráng miệng ngang qua bàn; vị Bhikkhu nhận lấy. Sau bữa ăn, bà Nguyễn gói phần gà còn lại để gửi về tu viện dùng bữa tối, và vị Bhikkhu giải thích rằng ngài không thể giữ lại để dùng sau. Lúc 3 giờ chiều, một người em họ đến với một ly sinh tố và một trái xoài nguyên. Vị Bhikkhu nhận một ly nước cam đã lọc nhưng cảm ơn và từ chối ly sinh tố và trái xoài. Cuối cùng, một người bạn của ông nội, làm nghề đánh cá, kể rằng ông đã bắt và giết một con cá đặc biệt cho chuyến viếng thăm của quý thầy; vị Bhikkhu lặng lẽ để nguyên không dùng.

### *Phân tích sự việc*

- **Nêu tên món ăn.** Theo một cách hiểu về Pāc. 32, chư Tăng không nên nhận lời thỉnh có nêu tên các món sẽ dọn; nhiều cộng đồng đề nghị thí chủ chỉ nói "một bữa trai."

- **Đến trễ.** Vật thực chỉ được thọ dụng từ rạng đông đến giờ ngọ (Pāc. 37). Đến lúc 11 giờ 35 đòi hỏi phải dâng nhanh để bữa ăn kết thúc kịp giờ.
- **Dâng tận tay.** Vật thực phải được dâng chính thức trong tầm với, bằng thân hoặc bằng vật cầm trong tay, và được nhận bằng thân (Pāc. 40). Chú giải cho phép đẩy nhẹ món ăn về phía vị Bhikkhu. Giày dép chỉ quan trọng ở một số cộng đồng.
- **Thức ăn thừa.** Vật thực đã chính thức nhận không được dùng vào ngày sau (Pāc. 38). Thay vào đó, gia đình có thể tự cất giữ vật thực và dâng lại vào một ngày khác.
- **Dâng cúng buổi chiều.** Nước ép đã lọc là *yāmakālika* (dược phẩm dùng trong ngày đêm), được dùng đến rạng đông; sinh tố có xác trái cây (là vật thực), và trái xoài nguyên là vật thực, nên cả hai đều không được dùng sau giờ ngọ.
- **Con cá.** Vị Bhikkhu không được ăn thịt hay cá mà mình thấy, nghe hay nghi là được giết để dâng mình (M.I.369).

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Bệnh tật.** Vị Bhikkhu bệnh có thể xin những thức ăn bổ dưỡng hơn (Pāc. 39), và bổ dược cùng thuốc men có thể dùng bất cứ lúc nào; nhưng bệnh tật không bãi bỏ giới hạn giờ ngọ đối với vật thực.
- **Làm việc theo ca và múi giờ.** "Giờ ngọ" là lúc mặt trời đứng bóng, không phải giờ đồng hồ. Các cộng

đồng ở vùng có giờ mùa hè hay vĩ độ cao tính giờ ngọ thật theo địa phương.

- **Vùng cực.** Bốn Đại Tiêu chuẩn sẽ dẫn dắt bất kỳ cộng đồng nào ở xa về phương bắc đến mức mặt trời hầu như không mọc.
- **Trái cây lớn.** Một số cộng đồng Thái Lan từ chối nước ép từ trái cây lớn như thơm hay dưa hấu sau giờ ngọ, theo một sự mở rộng của chú giải; các cộng đồng khác chấp nhận.
- **Trà và cà phê.** Một số vị Bhikkhu xem chúng như thảo dược (thuốc dùng trọn đời), số khác xem là chất kích thích hay vật thực. Thực hành khác nhau theo từng quốc gia.
- **Thí chủ ăn chay.** Chư Tăng nhận thức ăn chay "với lòng biết ơn," nhưng các vị sống nhờ khất thực không thể đòi hỏi điều đó, vì từ chối món quà của thí chủ có thể làm họ phật lòng.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Vị Bhikkhu được thọ dụng vật thực đặc đến giờ nào? **Đ:** Từ rạng đông đến giờ ngọ.
2. **H:** Điều gì làm cho vật thực được xem là "đã dâng"? **Đ:** Được dâng bằng thân trong tầm với và được nhận bằng thân.
3. **H:** Những thứ nào không cần dâng? **Đ:** Nước lọc và tăm xỉa răng.
4. **H:** Vị Bhikkhu có được giữ vật thực của hôm qua không? **Đ:** Không; cất giữ vật thực đã nhận là tội Ưng đối trị (Pāc. 38).

5. **H:** Bốn loại vật dụng ăn uống và giới hạn của chúng là gì? **Đ:** Vật thực (đến giờ ngọ), nước ép (đến rạng đông hôm sau), bổ dược (bảy ngày), thuốc dùng trọn đời (không giới hạn).
6. **H:** Điều gì xảy ra khi các loại được trộn lẫn? **Đ:** Hỗn hợp lấy giới hạn thời gian ngắn nhất.
7. **H:** Năm loại bổ dược là gì? **Đ:** Bơ lỏng, bơ tươi, dầu, mật ong và đường/mật mía.
8. **H:** Khi nào vị Bhikkhu không được ăn thịt? **Đ:** Khi thấy, nghe hay nghi rằng con vật bị giết để dâng mình.
9. **H:** *Kappiya* đối với trái cây là gì? **Đ:** Người tại gia làm cho trái cây có hạt trở nên hợp lệ bằng cách cắt, đánh dấu hay hơ lửa.
10. **H:** Vì sao khất thực không phải là ăn xin? **Đ:** Vị Bhikkhu không xin gì; ngài chỉ đứng sẵn sàng nhận những gì được cho.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Giới cấm cất giữ vật thực củng cố mối liên kết giữa chư Tăng và người tại gia như thế nào?
2. Các tu viện ở những nước không theo Phật giáo có nên thích ứng nghi thức dâng cúng chính thức không? Điều gì sẽ mất đi hay có thêm?
3. Hãy đánh giá việc Đức Phật từ chối đề nghị của Devadatta bắt buộc ăn chay.
4. Hệ thống bốn loại vật dụng ăn uống có thể được áp dụng thế nào cho thực phẩm chế biến hiện đại và thực phẩm bổ sung?

5. Thí chủ tại gia có thể thực hành chánh niệm qua hành động dâng vật thực theo những cách nào?

***Thơ: Trước Khi Mặt Trời Ngả Bóng***

*Họ nâng từng món như dâng một lời nguyện,*
*Và đặt vào đôi tay không với lấy.*
*Đồng hồ chạy dần về đỉnh giờ ngọ;*
*Cơm còn ấm, sự bố thí đã trọn.*
*Không giỏ nào chờ bữa tối trong bóng đêm,*
*Không kho nào cất cho nhu cầu ngày mai.*
*Ngày mai, những bàn tay khác sẽ làm đầy bình bát,*
*Và thế là bình bát vẫn là nhịp cầu, chẳng phải của cải.*
*Con cá chết vì ngài, ngài sẽ không chạm đến;*
*Nước ép lọc kỹ, ngài uống với lòng biết ơn.*
*Điều nuôi thân nơi đây cũng nuôi trái tim*
*Của người cho, và người học cách nhận.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

"Biết tiết độ trong ăn uống" là một phần trong lời tóm lược của Đức Phật về giới bổn xuất gia (Pháp Cú 185). Kinh Pháp Cú cũng cảnh báo sự tham ăn: "Người lười biếng, ham ăn, ham ngủ, lăn lóc như con heo béo được nuôi bằng thóc, phải sinh đi sinh lại mãi" (Pháp Cú 325, diễn ý). Giới giờ ngọ và việc từ chối con cá bị giết để dâng chư Tăng giữ việc ăn uống trong giới hạn của sự chế ngự và không làm hại.

Phần IV · Bài 3

# Vật thực và khất thực: Dâng cúng, giờ thọ thực và bốn loại vật dụng ăn uống

Tóm lược các điểm chính

1. **Vị Bhikkhu được thọ dụng vật thực đặc đến giờ nào?**
   Từ rạng đông đến giờ ngọ.

2. **Điều gì làm cho vật thực được xem là "đã dâng"?**
   Được dâng bằng thân trong tầm với và được nhận bằng thân.

3. **Những thứ nào không cần dâng?**
   Nước lọc và tăm xỉa răng.

4. **Vị Bhikkhu có được giữ vật thực của hôm qua không?**
   Không; cất giữ vật thực đã nhận là tội Ưng đối trị (Pāc. 38).

5. **Bốn loại vật dụng ăn uống và giới hạn của chúng là gì?**
   Vật thực (đến giờ ngọ), nước ép (đến rạng đông hôm sau), bổ dược (bảy ngày), thuốc dùng trọn đời (không giới hạn).

6. **Điều gì xảy ra khi các loại được trộn lẫn?**
   Hỗn hợp lấy giới hạn thời gian ngắn nhất.

7. **Năm loại bổ dược là gì?**
   Bơ lỏng, bơ tươi, dầu, mật ong và đường/mật mía.

8. **Khi nào vị Bhikkhu không được ăn thịt?**
   Khi thấy, nghe hay nghi rằng con vật bị giết để dâng mình.

9. **Kappiya đối với trái cây là gì?**
   Người tại gia làm cho trái cây có hạt trở nên hợp lệ bằng cách cắt, đánh dấu hay hơ lửa.

10. **Vì sao khất thực không phải là ăn xin?**
    Vị Bhikkhu không xin gì; ngài chỉ đứng sẵn sàng nhận những gì được cho.

CẨM NANG LỄ NGHI ĐỐI VỚI TĂNG ĐOÀN · CÁCH ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI TẠI GIA

*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 4 — Tiền bạc, của cải và mua bán

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Sau một buổi pháp thoại ở Sydney, ông Chen, một kế toán viên thành đạt, ấn một phong bì 500 đô-la vào tay Bhante Sumedho: "Để Thầy mua vé máy bay về thăm mẹ." Vị Bhikkhu vẫn chắp tay và nói: "Cảm ơn ông rất nhiều, nhưng chư Tăng không thể nhận tiền. Tu viện có người hộ Tăng là bà Ruby." Ngượng ngùng, ông Chen trao phong bì cho bà Ruby và viết một tờ giấy: "500 đô-la được giữ cho việc đi lại của Bhante." Hai tuần sau, vị Bhikkhu báo với bà Ruby rằng ngài muốn về thăm mẹ; bà đặt vé cho ngài. Trong khi đó, một vị Bhikkhu trẻ ở một ngôi chùa khác cho ông Chen xem chiếc thẻ tín dụng mà vị ấy dùng "vì nó không phải tiền thật," và nhắc đến việc đầu tư tiền cúng dường vào cổ phiếu để tăng quỹ chùa. Trong một lần đi dạo, Bhante Sumedho thấy một chiếc ví trên lối đi công cộng và để nguyên đó, báo cho một cảnh sát đi ngang; một tuần sau, ngài thấy một chiếc điện thoại bị bỏ quên trong chánh điện của tu viện, bèn nhặt lên và cất giữ cẩn thận cho đến khi chủ nhân quay lại.

### *Phân tích sự việc*

- **Phong bì.** Nhận tiền, hoặc ưng thuận để tiền được giữ cho mình, là tội Ưng xả đối trị (Nis. Pāc. 18). Từ chối bằng cử chỉ và lời nói là cách đáp ứng đúng.
- **Người hộ Tăng.** Điều cho phép Meṇḍaka cho phép người hộ Tăng giữ ngân quỹ và mua những vật hợp lệ; tiền vẫn thuộc về thí chủ.

- **Tờ giấy.** Một tờ giấy thỉnh mời cho vị Bhikkhu biết phần đã được dành ra mà không cần chạm vào tiền.
- **Thẻ tín dụng.** Các nhà chú giải khác nhau về việc thẻ có phải là "tiền" không, nhưng dùng thẻ để mua sắm nói chung được xem là thuộc về việc mua bán (Nis. Pāc. 19–20).
- **Đầu tư.** Đầu tư để thu lợi tiền bạc được tính là giao dịch bằng tiền (Nis. Pāc. 19).
- **Của rơi.** Vị Bhikkhu không được nhặt vật quý bên ngoài tu viện (Pāc. 84), nhưng phải cất giữ cẩn thận những vật tìm thấy trong trú xứ của mình.

*Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Đi lại khi không có người hộ Tăng.** Thực hành hiện đại cung cấp vé, phương tiện đã trả trước và người đón tiếp tại nơi đến. Một số cách hiểu dễ dãi cho phép chư Tăng mang tiền mặt "ủy thác"; các cộng đồng nghiêm ngặt bác bỏ điều này.
- **Tiền giấy.** Một thiểu số cho rằng tiền giấy "chỉ là giấy," không phải vàng hay bạc; phần lớn các nhà chú giải bao gồm mọi loại tiền tệ.
- **Tem thư và thẻ điện thoại** được rộng rãi xem là chấp nhận được, vì chúng không phải tiền tệ thông dụng.
- **Tài chính tổ chức.** Các tu viện lớn có tài khoản ngân hàng do ban cư sĩ quản lý; điều này giữ chư Tăng cách xa tiền bạc, nhưng đòi hỏi sự quản trị vững vàng của người tại gia.

- **Thừa kế.** Vị Bhikkhu thừa kế tài sản không thể tự mình sử dụng, nhưng người hộ Tăng hoặc Tăng-già có thể quản lý; thực hành Thái Lan không đòi hỏi từ bỏ hoàn toàn khi thọ giới.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Giới nào cấm tiền bạc? **Đ:** Nis. Pāc. 18.
2. **H:** Ngày nay "vàng và bạc" bao gồm những gì? **Đ:** Mọi loại tiền tệ, tiền xu hay tiền giấy.
3. **H:** Cách giải tội khi đã nhận tiền sai là gì? **Đ:** Xả bỏ cho Tăng-già, rồi sám hối.
4. **H:** Điều cho phép Meṇḍaka là gì? **Đ:** Sự cho phép nhận những vật hợp lệ do người hộ Tăng mua từ ngân quỹ được cúng dường.
5. **H:** Vị Bhikkhu được nhắc người hộ Tăng bao nhiêu lần? **Đ:** Ba lần bằng lời và sáu lần bằng cách đứng im lặng.
6. **H:** Mua bằng tiền có được phép không? **Đ:** Không; đó là Nis. Pāc. 19.
7. **H:** Đổi chác có được phép không? **Đ:** Không; đó là Nis. Pāc. 20.
8. **H:** Ngưỡng trộm cắp cấu thành tội Bất cộng trụ là gì? **Đ:** Bất cứ thứ gì trị giá năm māsaka, khoảng giá trị mà nhà vua sẽ trừng phạt kẻ trộm.
9. **H:** Vị Bhikkhu có được nhặt chiếc ví đánh rơi không? **Đ:** Không được ở bên ngoài; trong tu viện thì phải cất giữ cẩn thận.

10. **H:** Vì sao Đức Phật cấm tiền bạc? **Đ:** Để cho thấy rằng "sự tranh đấu vì của cải không phải là con đường chân thật để tìm thấy hạnh phúc."

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

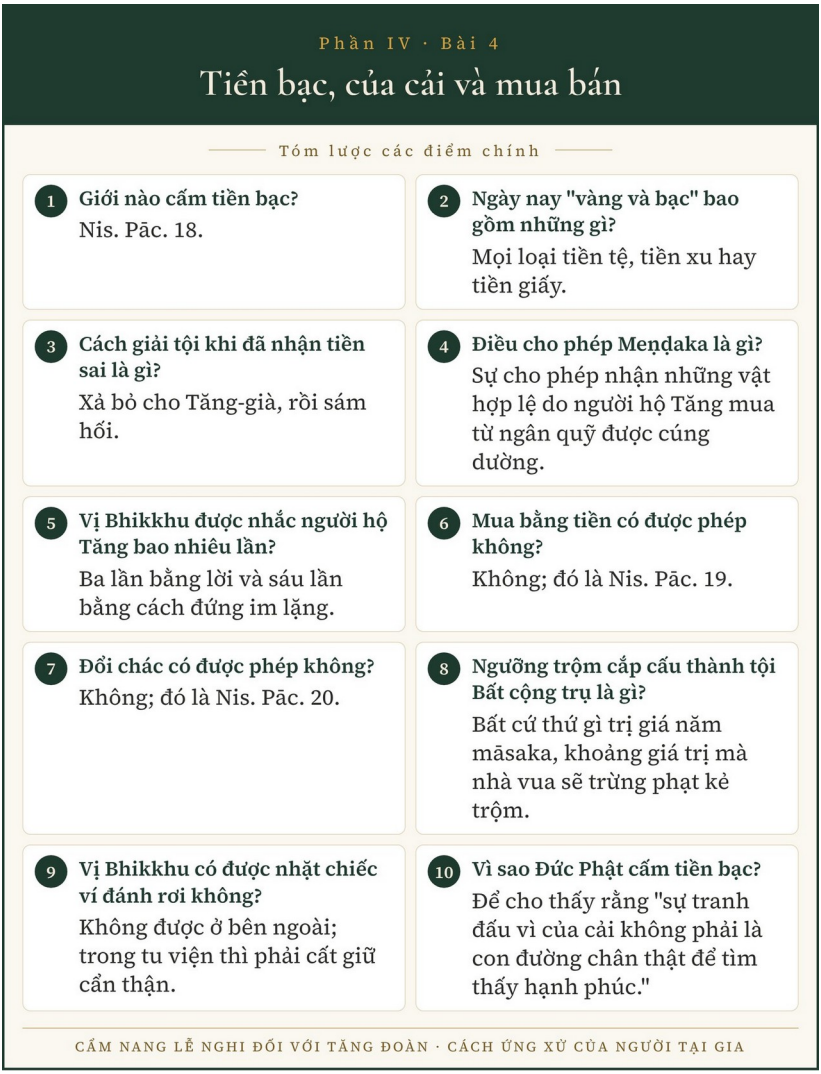
1. Hệ thống người hộ Tăng gìn giữ tinh thần xuất ly hay chỉ dời vấn đề tiền bạc sang chỗ khác?
2. Các giới nên áp dụng thế nào cho thanh toán điện tử, tiền mã hóa hay cúng dường trực tuyến?
3. Người hộ Tăng (Kappiya) gánh vác những trách nhiệm gì, và làm sao để ngăn ngừa sự lạm dụng?
4. Vì sao về mặt lịch sử, các cộng đồng tại gia có thể đã "chán ghét" việc chư Tăng cầm nắm tiền bạc?
5. Người tại gia có thể học hỏi gì từ thái độ của người xuất gia đối với của cải trong một nền kinh tế tiêu dùng?

### *Thơ: Bàn Tay Trống*

*Ngài vẫn chắp tay, lòng bàn tay áp lòng bàn tay,*
*Không vì kiêu hãnh, mà vì một lời nguyện xưa hơn.*
*Đồng tiền mua được cả thế gian cũng mua được ngài,*
*Nên ngài để nó sang tay người khác giữ.*
*Người hộ Tăng giữ món quà, vẫn là của người cho;*
*Tấm y đến, tấm vé đến, không gì hơn nữa.*
*Lạ thay, người không sở hữu một đồng xu nào*
*Lại dường như giàu nhất trong căn phòng.*
*Không phải nghèo khó, mà tự do là gia tài của ngài:*
*Bàn tay mở không cần nắm giữ.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

“Những ai không tích trữ, đã hiểu rõ vật thực… con đường của họ khó tìm dấu vết, như đường chim bay trên không trung” (Pháp Cú 92, diễn ý). Bàn tay trống của vị Bhikkhu chính là sự tự do ấy. Đối với thí chủ, lời dạy của Kinh Pháp Cú rằng “biết đủ là giàu tối thượng” (Pháp Cú 204) giải thích vì sao vị Bhikkhu có thể dường như “giàu nhất trong căn phòng.”




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 5 — Y áo, vật dụng và tài sản

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Vào mùa Kaṭhina ở Minneapolis, cộng đồng người Lào mang đến vải y màu nghệ đã xếp gọn, một bình bát mới,

xà phòng, kem đánh răng, một máy tính bảng đắt tiền và một chiếc áo khoác lông vũ hàng hiệu. Bà Phonsavanh trao vải y cho vị Bhikkhu trưởng lão, ngài chuyển cho Tăng chúng; cùng nhau, chư Tăng cắt, may và nhuộm một tấm y trước khi trời tối. Một vị Bhikkhu trẻ, bình bát vẫn còn tốt, rất vui khi thấy bình bát mới, nhưng thầy của vị ấy nhắc phải đợi đến khi bình bát cũ hư mòn. Vị Bhikkhu trưởng lão nhận chiếc áo khoác cho mùa đông sắp tới, mặc bên trong y ngoài, nhưng từ chối chiếc máy tính bảng vì không thích hợp cho một vị Bhikkhu. Sau đó, một thí chủ hỏi liệu ông có thể trao món quà "dành cho Tăng-già" trực tiếp cho vị Bhikkhu mình quý mến không; vị Bhikkhu giải thích rằng món quà ấy phải ở lại với Tăng-già. Tối hôm đó, một cơn gió làm rách y hạ của một chú Sa-di; thầy của chú bảo chú vá lại trước khi đi ngủ.

***Phân tích sự việc***

- **Kaṭhina.** Trong tháng sau mùa an cư, vải được dâng lên Tăng-già được may thành y hoàn chỉnh ngay trong ngày; cần ít nhất năm vị Bhikkhu.
- **Bình bát.** Tìm một bình bát mới trước khi bình bát cũ có năm chỗ vá là tội Ưng xả đối trị (Nis. Pāc. 22).
- **Áo khoác.** Theo Bốn Đại Tiêu chuẩn, thêm lớp áo được phép ở vùng khí hậu lạnh, miễn là y vẫn là trang phục bên ngoài.
- **Máy tính bảng.** Tài sản không nên xa xỉ hay đắt tiền; các cộng đồng khác nhau về đồ điện tử, nhưng thiết bị giải trí đắt tiền nói chung được xem là không thích hợp.

- **Quà của Tăng-già.** Chuyển hướng món quà dành cho Tăng-già là phạm (Nis. Pāc. 30; Pāc. 82).
- **Tấm y rách.** Nhiều vị thầy cho rằng không vá y ngay trong ngày là tội Tác ác.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Bị trộm hay mất.** Vị Bhikkhu bị trộm y có thể xin bất kỳ người tại gia nào một bộ thay thế.
- **Khí hậu.** Các nước lạnh biện minh cho áo len, vớ và chăn; các nước nhiệt đới thì không.
- **Công nghệ cho việc giảng dạy.** Một số cộng đồng chấp nhận một chiếc máy tính khiêm tốn cho việc dịch thuật hay hành chính, khi thuộc sở hữu của tu viện chứ không phải của cá nhân vị Bhikkhu.
- **Y may sẵn.** Y may sẵn, nhuộm bằng hóa chất ngày nay rất phổ biến, dù một số tu viện trong rừng vẫn may và nhuộm bằng tay.
- **Viên tịch.** Tài sản của vị Bhikkhu đã viên tịch trở về với Tăng-già.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bốn vật dụng là gì? **Đ:** Y áo, vật thực, chỗ ở và thuốc men.
2. **H:** Ba tấm y chính là gì? **Đ:** Y hạ, y vai trái (thượng y) và y hai lớp (đại y).
3. **H:** Vì sao y được may từ nhiều mảnh? **Đ:** Để giảm giá trị đối với kẻ trộm; họa tiết mô phỏng những thửa ruộng lúa.

4. **H:** Lễ Kaṭhina diễn ra khi nào? **Đ:** Trong tháng sau mùa an cư, khoảng tháng Mười đến tháng Mười Một.
5. **H:** Cần bao nhiêu vị Bhikkhu cho lễ Kaṭhina? **Đ:** Ít nhất năm vị.
6. **H:** Tám vật dụng cơ bản là gì? **Đ:** Ba y, bình bát, dây lưng, kim chỉ, dao cạo và đồ lọc nước.
7. **H:** Vị Bhikkhu có được giữ quà tặng cho cá nhân mình không? **Đ:** Được, nếu hợp lệ, và vị ấy có thể chuyển tặng một cách thích hợp.
8. **H:** Tóc được để dài bao nhiêu? **Đ:** Hai lóng tay hoặc hai tháng, tùy điều nào đến trước.
9. **H:** Vì sao vị Bhikkhu phải trùm kín hai vai khi vào làng? **Đ:** Vì sự đoan trang ở nơi có dân cư; vai phải chỉ được để trần trong tu viện.
10. **H:** Tài sản của vị Bhikkhu khi viên tịch thì sao? **Đ:** Trở thành tài sản của Tăng-già.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Những lời quán tưởng về bốn vật dụng áp dụng thế nào cho việc tiêu dùng hiện đại?
2. Ngày nay, nên vạch ranh giới giữa “công cụ” và “xa xỉ” cho chư Tăng ở đâu?
3. Ý nghĩa xã hội của lễ Kaṭhina đối với các cộng đồng tại gia là gì?
4. Sở hữu chung có thể bảo vệ khỏi sự luyến ái như thế nào?
5. Việc thích ứng với khí hậu nên do từng vị Bhikkhu hay do cộng đồng quyết định?

***Thơ: Y Ghép Mảnh***

*Họ cắt vải thành ruộng, như lúa trên đồi,*
*Để chẳng ai nghĩ đáng công trộm lấy.*
*Họ may trong một ngày, nhuộm màu nâu,*
*Màu của đất, của lá rơi.*
*Ba y, một bát, dao cạo và sợi chỉ:*
*Một đời người gói gọn trong tấm khăn lữ khách.*
*Món đồ điện tử mới sáng bóng nằm chờ trên kệ;*
*Ngài cảm ơn người cho, và để nó lại đó.*
*Tri túc là tấm y bên dưới tấm y;*
*Nó sưởi ấm người học cách muốn thật ít.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

"Không bệnh là lợi tối thượng, biết đủ là giàu tối thượng" (Pháp Cú 204). Các giới về y áo và tài sản rèn luyện chính sự tri túc này. Câu kệ "Thật an lạc thay, chúng ta sống không sở hữu gì; lấy hỷ lạc làm thức ăn, chúng ta sẽ như chư thiên Quang Âm" (Pháp Cú 200, diễn ý) mô tả sự tự do của vị Bhikkhu có đời sống gói gọn trong tấm khăn lữ khách.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 6 — Chỗ ở, đi lại và mùa an cư

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một nhóm Phật tử ở Denver thỉnh Ajahn Kittisaro hướng dẫn khóa tu cuối tuần vào tháng Bảy. Người tổ chức, chị Maria, mời ngài ở phòng khách trong nhà chị, nơi chị

sống một mình, hoặc một phòng hạng sang ở khách sạn cao cấp. Ngài cảm ơn chị và hỏi liệu có một căn nhà nhỏ riêng biệt hay nhà của một thành viên nam không. Một cặp vợ chồng đã nghỉ hưu, ông bà Henderson, mời ngài ở căn hộ tầng hầm có lối vào riêng; ngài nhận lời. Khi chị Maria hỏi liệu ngài có thể ở thêm một tuần không, ngài giải thích rằng mùa an cư bắt đầu vào thứ Hai và ngài phải trở về tu viện trước rạng đông. Giữa mùa an cư, cha ngài lâm bệnh ở một tiểu bang khác. Vị trụ trì cho phép và ngài lên đường, trở về trong vòng bảy ngày. Tại tu viện, một thí chủ đề nghị xây cho ngài một tịnh thất riêng rộng lớn, có máy lạnh; cộng đồng thảo luận về kích thước rồi đồng ý xây một tịnh thất khiêm tốn.

***Phân tích sự việc***

- **Phòng khách.** Nằm ngủ cùng mái nhà và cùng lối ra vào với người nữ là tội Ưng đối trị (Pāc. 6); một phụ nữ sống một mình cũng làm tăng nguy cơ bị nghi ngờ.
- **Khách sạn cao cấp.** Văn bản đặt câu hỏi người tại gia sẽ nghĩ gì nếu vị Bhikkhu ở một căn phòng đắt tiền; sự giản dị được ưu tiên.
- **Lối vào riêng.** Tiêu chí *upacāra* của chú giải khiến một căn hộ khép kín trở thành chỗ ở riêng biệt.
- **Mùa an cư.** Vị Bhikkhu phải có mặt tại trú xứ vào rạng đông mỗi ngày trong ba tháng. Vì lý do chính đáng, như cha mẹ bệnh, vị ấy có thể vắng mặt tối đa bảy ngày.
- **Tịnh thất.** Tự xây tịnh thất cho mình mà không có thí chủ, vượt quá kích thước tiêu chuẩn hoặc không

có sự chấp thuận của Tăng-già là tội Tăng tàn (Saṅgh. 6); một tịnh thất khiêm tốn, có thí chủ và được chấp thuận thì tránh được điều này.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Bệnh viện.** Vị Bhikkhu nằm trong phòng bệnh chung cả nam lẫn nữ đặt ra những câu hỏi chưa có lời giải; nhiều vị chấp nhận vì sự cần thiết và không có tác ý.
- **Sân bay và tàu hỏa.** Việc đi lại qua đêm bằng phương tiện công cộng nói chung không được xem là một "chỗ ở" theo nghĩa của giới.
- **Nhà Tây phương.** Một chú giải cho rằng các phòng có khóa trong ngôi nhà Tây phương là đủ khi không có tu viện.
- **Khí hậu lạnh.** Giường, sưởi và cách nhiệt có thể được phép theo Bốn Đại Tiêu chuẩn, khi ngủ dưới sàn là không an toàn.
- **Chư Tăng hạnh đầu-đà.** Các vị tu khổ hạnh có thể chọn rừng, hang động hay bãi tha ma thay vì bất kỳ kiến trúc nào.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Chỗ trú cơ bản của Đức Phật là gì? **Đ:** Gốc cây.
2. **H:** Mùa an cư diễn ra khi nào? **Đ:** Ba tháng, khoảng tháng Bảy đến tháng Mười.
3. **H:** Trong mùa an cư, vị Bhikkhu phải làm gì mỗi ngày? **Đ:** Có mặt tại trú xứ đã chọn vào lúc rạng đông.

4. **H:** Vị ấy được vắng mặt bao lâu vì lý do chính đáng? **Đ:** Tối đa bảy ngày.
5. **H:** Tuổi hạ được tính thế nào? **Đ:** Theo số mùa an cư đã hoàn tất.
6. **H:** Giới nào điều chỉnh việc xây tịnh thất không có thí chủ? **Đ:** Saṅgh. 6.
7. **H:** Kích thước tịnh thất tiêu chuẩn khoảng bao nhiêu? **Đ:** Khoảng 3 × 1,75 mét, hoặc gấp ba lần theo quan điểm chú giải.
8. **H:** Điều gì xác định một chỗ ở riêng biệt? **Đ:** Lối ra vào riêng (*upacāra*).
9. **H:** Đồ đạc nào được phép? **Đ:** Một giường thấp và ghế đẩu, để tránh ẩm thấp; giường xa xỉ bị loại trừ.
10. **H:** Giới nào của người tại gia tương ứng với điều này? **Đ:** Giới thứ tám trong Tám giới: tránh giường cao và rộng lớn xa xỉ.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

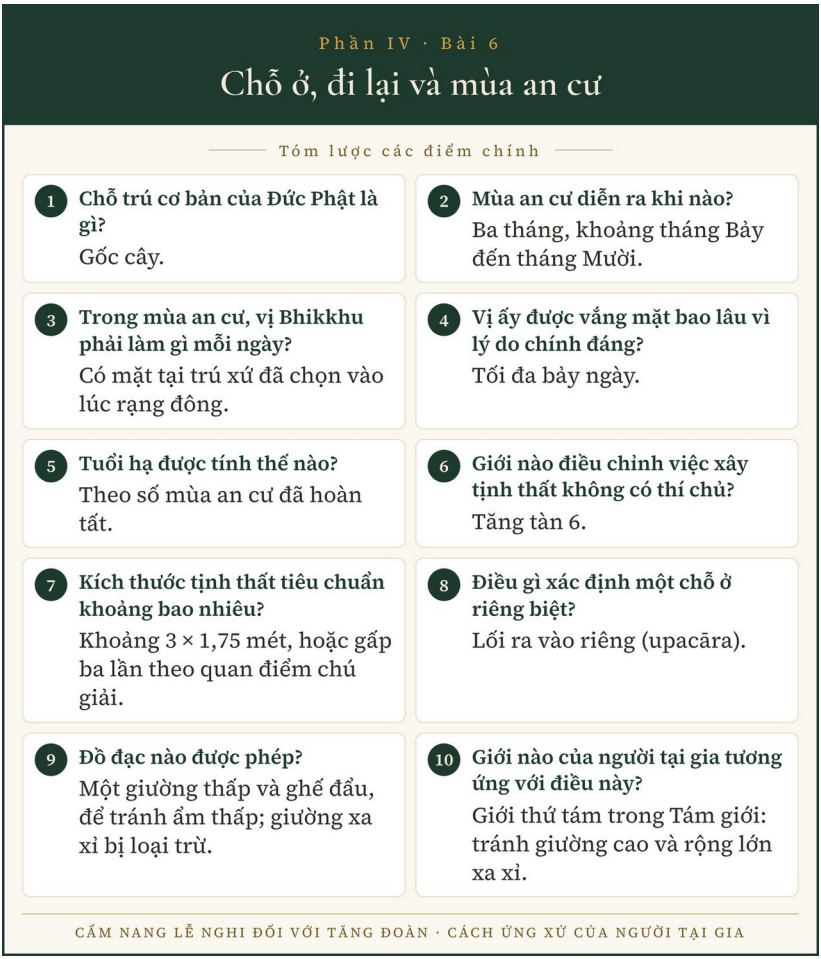
1. Chủ nhà nên cân nhắc sự tiện nghi của vị Bhikkhu so với sự giản dị và vẻ bề ngoài như thế nào?
2. Mùa an cư ngày nay có giá trị gì đối với người tu tập tại gia không?
3. Giới “cùng mái nhà” có thể được áp dụng thế nào cho các tòa nhà nhiều căn hộ hiện đại?
4. Vì sao Đức Phật quy định kích thước tịnh thất nghiêm ngặt như vậy?
5. Chỗ ở của vị Bhikkhu truyền đạt điều gì đến cộng đồng tại gia?

***Thơ: Ba Tháng Mưa***

*Khi lúa đã cấy và đường làng lầy lội,*
*Người du hành đặt bình bát xuống và ở lại.*
*Mỗi rạng đông ngài thức nơi hôm qua đã ngủ;*
*Mỗi rạng đông vẫn túp lều nhỏ ấy, cội cây xưa ấy.*
*Ngài chẳng cần ngọn đèn vàng của khách sạn,*
*Cũng chẳng cần phòng trống nhà ai nơi lời đồn đang ngủ.*
*Một cửa riêng, một tấm chiếu, một mái tôn:*
*Đủ để giữ mưa gió khỏi trái tim.*
*Và khi mùa mưa đã dứt và ngài ra đi,*
*Ngài để lại túp lều trống không như lúc đến.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

"Không phóng dật là con đường đến bất tử" (Pháp Cú 21) chính là tinh thần của mùa an cư, một mùa tu tập an trú, tinh cần. Tịnh thất khiêm tốn và việc từ chối xa hoa phản ánh lời tán thán "trú xứ thanh vắng" trong Pháp Cú 185, còn việc vị Ajahn nhất quyết trở về trước rạng đông cho thấy sự vững chãi của người đã tự lập cho mình một hòn đảo (Pháp Cú 25).




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 7 — Chánh mạng: Giảng dạy, chân thật và quan hệ với các gia đình

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Đại đức Anando đang trở nên nổi tiếng trên mạng. Một doanh nhân đề nghị “cúng dường” hằng tháng nếu Anando chịu rảy nước thánh ban phước cho cửa hàng mới của ông

và xem ngày tốt để khai trương. Một người theo dõi đăng bài nói rằng Anando "hẳn là một bậc A-la-hán" và xin ngài xác nhận trong một video. Trong khi đó, một gia đình thường xuyên mời ngài đến nhà; họ thích những câu đùa, những ván bài và chuyện phiếm của ngài, và nói rằng các vị Bhikkhu nghiêm khắc hơn ở chùa thật "chán." Một ứng cử viên chính trị mời ngài xuất hiện tại một cuộc mít-tinh. Thầy của Anando gọi ngài đến và nhắc lại các giới luật. Anando từ chối việc ban phước có thù lao, dù ngài vẫn sẵn lòng tụng các bài kinh hộ trì miễn phí. Ngài nói với những người theo dõi rằng ngài sẽ không bàn về sự chứng đắc. Ngài đến thăm gia đình kia ít hơn và dạy họ thiền tập thay vào đó. Ngài từ chối cuộc mít-tinh.

***Phân tích sự việc***

- **Ban phước có thù lao và nước thánh.** Tìm kiếm phần thưởng cho các nghi lễ tụng kinh hộ trì (paritta), bùa chú và nước thánh là tà mạng; tụng paritta miễn phí thì được phép.
- **Ngày tốt.** Tiên đoán và bói toán là "tà thuật hạ liệt" (*tiracchāna-vijjā*).
- **Tự xưng A-la-hán.** Tự xưng sai sự thật là Bất cộng trụ (Pār. 4); ngay cả lời tự xưng đúng sự thật với người chưa thọ Cụ túc giới cũng là tội Ưng đối trị (Pāc. 8).
- **Đánh bài và chuyện phiếm.** Tìm kiếm sự yêu mến bằng lời xu nịnh và trò vui là "làm hư hỏng gia đình" (Saṅgh. 13); chơi trò chơi là hành vi không đúng đắn.

- **Cuộc mít-tinh.** Theo loại suy hiện đại, việc làm việc vặt cho người tại gia bao gồm cả vận động chính trị (BMC tr.152).

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Giảng dạy trực tuyến.** Video và phát trực tiếp được chấp nhận rộng rãi, nhưng đặt ra câu hỏi về việc kiếm tiền và sự cung kính; các Ưng học pháp về tư thế của thính chúng có thể được thích ứng.
- **Chữa bệnh.** Vị Bhikkhu có thể cho thuốc các vị đồng tu và cha mẹ mình, nhưng không được hành nghề phát thuốc để nhận thù lao.
- **Bổn phận gia đình.** Vị Bhikkhu có thể giúp đỡ cha mẹ, người xin xuất gia và người hộ Tăng của mình, ngay cả trong việc thế gian.
- **Sự kiện liên tôn và dân sự.** Tham dự lễ cầu an cho một sự kiện dân sự khác với vận động cho một ứng cử viên.
- **Quá nghiêm khắc.** Bộ Vinayamukha cảnh báo rằng những vị Bhikkhu quá nghiêm khắc có thể thiếu lòng bi mẫn đối với gia chủ.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Vì sao chư Tăng thường đợi được thỉnh mới giảng dạy? **Đ:** Để tránh truyền đạo áp đặt và để dạy cho thính chúng sẵn lòng tiếp nhận.
2. **H:** Pāc. 4 cấm điều gì? **Đ:** Dạy pháp bằng cách tụng đọc từng câu cùng với người chưa thọ Cụ túc giới.
3. **H:** Có bao nhiêu Ưng học pháp điều chỉnh việc giảng dạy? **Đ:** Mười sáu.

4. **H:** Hình phạt cho việc tự xưng sai sự thật về thiền định hay giác ngộ là gì? **Đ:** Bất cộng trụ (Pār. 4).
5. **H:** Vị Bhikkhu có được nói với người tại gia về một sự chứng đắc có thật không? **Đ:** Không; đó là tội Ưng đối trị (Pāc. 8).
6. **H:** Hãy nêu hai loại "tà thuật hạ liệt." **Đ:** Bói toán và bùa yêu.
7. **H:** "Làm hư hỏng gia đình" là gì? **Đ:** Tranh thủ sự ưu ái của người tại gia bằng lời xu nịnh, quà cáp hay hành vi không đúng đắn.
8. **H:** Một vị Bhikkhu tốt nên được gọi là gì? **Đ:** *Kulapasādaka*, người được các gia đình đặt lòng tin.
9. **H:** Tụng paritta có phải là tà mạng không? **Đ:** Tự nó thì không; tìm kiếm thù lao cho việc ấy mới là tà mạng.
10. **H:** Vì sao gian lận tâm linh bị xét xử nghiêm khắc như vậy? **Đ:** Vì nó lợi dụng lòng tin sâu xa nhất của những người mà chư Tăng nương tựa.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Chư Tăng nên xử lý danh tiếng và mạng xã hội thế nào trong khuôn khổ giới luật?
2. Vì sao Đức Phật có thể cấm tiết lộ ngay cả những sự chứng đắc có thật?
3. Ranh giới giữa sự gắn bó bi mẫn và "làm hư hỏng gia đình" nằm ở đâu?
4. Chư Tăng có bao giờ nên bày tỏ lập trường chính trị không? Hãy phân biệt giảng dạy đạo đức với thiên vị đảng phái.

5. Người tại gia có thể tránh khuyến khích tà mạng như thế nào?

### *Thơ: Không Bán Bùa*

*Họ mang vàng đến xin rảy nước ban phước cửa hàng,*
*Xin xem sao, chọn ngày lành tháng tốt.*
*Ngài tụng kinh, nhưng không nhận bạc tiền;*
*Lời kinh, cho không, và được nghe không.*
*Họ gọi ngài là thánh; ngài đáp bằng im lặng,*
*Vì sự thánh thiện tự xưng là nửa lời dối trá.*
*Ngài bỏ lại quân bài, tiếng cười và lời xu nịnh,*
*Và ngồi cùng họ trong tĩnh lặng, từng hơi thở.*
*Lòng tin của người nuôi dưỡng mình là kho báu:*
*Đừng tiêu nó vào gì ngoài sự thật mình sống.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Kinh Pháp Cú lên án những kẻ lợi dụng tấm y để mưu lợi: “Không phải chỉ nhờ khất thực mà trở thành Bhikkhu” (Pháp Cú 266, diễn ý), và “Thà nuốt hòn sắt nóng đỏ còn hơn phá giới, không chế ngự, mà thọ dụng vật thực của quốc dân” (Pháp Cú 308). Việc Anando từ chối ban phước có thù lao và lời tự xưng sai sự thật thể hiện Pháp Cú 354: “Pháp thí thắng mọi thí.”




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## Bài 8 — Lễ nghi, sự cung kính và việc dàn xếp tranh chấp

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Trong một lễ hội Vesak ở Melbourne, hai ban cư sĩ tranh cãi về việc chư Tăng ở chùa nên theo tập tục Thái Lan hay Sri Lanka đối với thức uống buổi chiều. Một số thành viên ngưng dâng vật thực cho vị Bhikkhu mà họ đổ lỗi. Josh, một người mới đến, không biết phải làm gì, lạy một cách vụng về, ngồi duỗi chân về phía tượng Phật, và gọi vị trụ trì là "ông Wickramasinghe." Một bà cụ lặng lẽ chỉ cho anh cách ngồi xếp chân ra sau, chắp tay và nói "Bạch Ngài." Sau đó, vị trụ trì mời cả hai phe đến họp. Ngài giải thích rằng cả hai tập tục đều có cơ sở kinh điển, rằng mỗi cộng đồng theo truyền thống của mình trong khi tôn trọng truyền thống khác, và rằng ngôi chùa sẽ theo thực hành của dòng truyền thừa đã sáng lập chùa. Các thành viên trở lại dâng cúng, và lễ hội kết thúc với toàn thể cộng đồng đi nhiễu quanh bảo tháp ba vòng theo chiều kim đồng hồ.

### *Phân tích sự việc*

- **Thức uống buổi chiều.** Thực hành về trà, cà phê và nước ép khác nhau; Thānissaro khuyên nên theo Tăng-già của mình và tôn trọng những người có quan điểm không trái với Kinh điển.
- **Ngưng dâng vật thực.** Trong cuộc tranh chấp ở Kosambī, người tại gia đã ngưng dâng vật thực cho các vị Bhikkhu tranh cãi để thúc đẩy sự hòa giải; còn

ở đây, việc ấy nhắm vào một người bị đổ lỗi, điều mà văn bản cảnh báo.

- **Tư thế của Josh.** Duỗi chân về phía tượng Phật hay vị Bhikkhu bị xem là thiếu cung kính ở phần lớn châu Á.
- **Cách xưng hô.** "Bạch Ngài" (Bhante) hay "Bạch Đại đức" được chấp nhận ở mọi nơi.
- **Dàn xếp.** Bảy pháp diệt tránh (*adhikaraṇasamatha*) cung cấp các thủ tục; cuộc họp của vị trụ trì theo đúng tinh thần ấy.
- **Đi nhiễu.** Đi ba vòng theo chiều kim đồng hồ, vai phải hướng về điện thờ, là một hành động cung kính truyền thống.

### *Các quan điểm khác trong hoàn cảnh đặc biệt*

- **Bối cảnh Tây phương.** Đảnh lễ năm vóc có thể gây ngượng ngùng; chắp tay hay khẽ cúi đầu là chấp nhận được, vì "không vị Bhikkhu tốt nào… lại phật lòng nếu người ta không lạy."
- **Ghế và hội trường.** Theo Ajahn Brahmavaṃso, ngồi ghế trong khi vị Bhikkhu ngồi dưới sàn có thể chấp nhận được khi thính chúng vẫn cung kính trong mọi phương diện khác.
- **Thứ bậc trong Tăng-già.** Sự cung kính giữa chư Tăng theo tuổi hạ, không theo tuổi đời, điều có thể khiến khách Tây phương ngạc nhiên.
- **Sự can thiệp của nhà nước.** Về mặt lịch sử, việc cưỡng ép thống nhất các hệ phái (nikāya) thường tạo ra một hệ phái mới hơn là sự hợp nhất.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Đảnh lễ năm vóc gồm những gì? **Đ:** Trán, hai cẳng tay và hai đầu gối chạm sàn.
2. **H:** Thực sự người ta lạy ai? **Đ:** Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng.
3. **H:** *Añjali* là gì? **Đ:** Chắp hai lòng bàn tay vào nhau để tỏ lòng cung kính.
4. **H:** Cách xưng hô an toàn nhất là gì? **Đ:** "Bạch Ngài" hay "Bạch Đại đức."
5. **H:** Đi nhiễu theo chiều nào? **Đ:** Theo chiều kim đồng hồ, giữ điện thờ ở bên phải mình.
6. **H:** Vì sao tránh duỗi chân? **Đ:** Điều đó bị xem là cực kỳ khiếm nhã ở phần lớn châu Á.
7. **H:** Thứ bậc giữa chư Tăng được xác định thế nào? **Đ:** Theo số hạ, không theo tuổi đời.
8. **H:** Điều gì đã chấm dứt cuộc tranh chấp ở Kosambī? **Đ:** Người tại gia ngưng dâng vật thực cho đến khi chư Tăng hòa giải.
9. **H:** Có bao nhiêu thủ tục dàn xếp tranh chấp? **Đ:** Bảy.
10. **H:** Điều gì kết nối các nhóm Theravāda giữa các quốc gia? **Đ:** Chính Luật tạng, chứ không phải một quyền lực trung ương nào.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Sự khác biệt giữa một cử chỉ cung kính được thực hiện trong chánh niệm và một cử chỉ thực hiện vì bề ngoài là gì?

2. Khi nào, nếu có, người tại gia nên ngưng hộ trì chư Tăng?
3. Các cộng đồng tại gia có thể tránh mang những sự ganh đua quốc gia vào chùa chiền như thế nào?
4. Hãy đánh giá chu kỳ suy thoái và cải cách được mô tả trong lịch sử các hệ phái.
5. Lễ nghi có thể được thích ứng với một nền văn hóa mới mà không mất đi ý nghĩa như thế nào?

### *Thơ: Ba Vòng Nhiễu*

*Chúng ta cãi nhau về trà, về giờ ngọ, về phong tục,*
*Mỗi người chắc rằng chỉ đường mình là đúng.*
*Một người lạ cúi lạy, vấp ngã nơi ngưỡng cửa;*
*Một bàn tay già dắt tay anh, chỉ anh cách làm.*
*Bậc trưởng lão nói: hai dòng sông, một đại dương trong,*
*Mỗi dòng truyền thừa là một bờ, Chánh pháp tuôn chảy.*
*Chúng ta lại đặt các món ăn trong tầm tay ngài,*
*Chắp tay lại, và buông bỏ cuộc tranh cãi.*
*Rồi, vai phải hướng về điện thờ, chúng ta cùng bước,*
*Ba vòng nhiễu, như một, dưới vầng trăng.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Cuộc tranh cãi và hòa giải ở ngôi chùa Melbourne vang vọng Pháp Cú 5–6: hận thù chỉ được dập tắt bằng không hận thù, và tranh cãi chấm dứt khi người ta nhớ rằng ai rồi cũng phải chết. Kinh Pháp Cú cũng tán thán sự hòa hợp: “Vui thay chư Phật ra đời, vui thay Chánh pháp được

tuyên thuyết, vui thay Tăng-già hòa hợp, vui thay sự tu tập của những người hòa hợp” (Pháp Cú 194, diễn ý).




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần V — Đối Chiếu Với Các Văn Bản Liên Quan

Cẩm nang này là một cẩm nang về *giới luật xuất gia trong mối liên hệ với người tại gia*. Ba văn bản đối chiếu tiếp cận cùng một con đường Phật giáo từ ba góc độ khác: giáo lý (Gnanarama), đạo đức gia đình tại gia (Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt) và tâm lý học của sự giải thoát (Kinh Upanisā). Cùng nhau, chúng cho thấy Luật tạng được nghiên cứu ở đây là một phần của một hệ thống tích hợp, và chúng làm hiển lộ những gì cẩm nang này bỏ ngỏ.

### *Lời Đức Phật dạy*

*Về con đường duyên khởi (Kinh Upanisā):*

> "Khổ là duyên cho tín; tín là duyên cho hân hoan; hân hoan là duyên cho hỷ; hỷ là duyên cho khinh an; khinh an là duyên cho lạc; lạc là duyên cho định; định là duyên cho tri kiến như thật." — Tương Ưng Bộ 12.23

*Về sự lễ bái của gia chủ (Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt):*

> "Cha mẹ là phương Đông; thầy dạy là phương Nam; vợ con là phương Tây; bạn bè là phương Bắc; tôi tớ và người làm công là phương Dưới; Sa-môn và Bà-la-môn là phương Trên." — Trường Bộ 31

*Về việc sử dụng của cải:*

> "Với tài sản có được nhờ tinh cần nỗ lực, thu hoạch một cách chân chánh, vị Thánh đệ tử làm cho mình được an vui hoan hỷ… và lập nên sự cúng dường đến các Sa-môn và Bà-la-môn." — Tăng Chi Bộ 4.61

*Về việc thẩm định giáo pháp:*

> "Khi nào các ngươi tự mình biết rõ: 'Các pháp này là bất thiện, đáng chê trách, bị người trí khiển trách, đưa đến bất hạnh và khổ đau,' thì các ngươi hãy từ bỏ chúng." — Tăng Chi Bộ 3.65

## 1. Tổng quan

| | **Cẩm nang này (theo Ariyesako, *The Bhikkhus' Rules*)** | **Gnanarama, *Essentials of Buddhism* (2000)** | **Dhammasiri, *The Sigālovāda in Pictures*** | **Bhikkhu Bodhi, *Transcendental Dependent Arising* (1980)** |
|---|---|---|---|---|
| **Thể loại** | Cẩm nang thực hành và tài liệu học tập | Giáo trình đại học | Kinh có minh họa cho độc giả tại gia | Bản dịch và chú giải một bài kinh |
| **Độc giả chính** | Người tại gia giao tiếp với chư Tăng; học viên | Sinh viên đại học và cao đẳng | Gia chủ, gia đình, thanh thiếu niên | Thiền giả và học viên nâng cao |
| **Nguồn chính** | Luật tạng và các chú giải | Kinh tạng (Trường, Trung, Tương Ưng, Tăng Chi, Pháp Cú) | Trường Bộ 31 | Tương Ưng Bộ 12.23 |
| **Chủ đề trung tâm** | 227 giới và lễ nghi giữa tại gia và xuất gia | Giáo lý cốt lõi: Ba tướng, Bốn Thánh đế, Duyên khởi, đạo đức, xã hội, của cải | Bổn phận trong sáu mối quan hệ xã hội | Chuỗi duyên khởi từ khổ đến giải thoát |
| **Phương thức** | Luật pháp và hành vi | Triết học và phân tích | Đạo đức và xã hội | Tâm lý học và giải thoát học |
| **Cái nhìn về người tại gia** | Người hộ trì chư Tăng, được ràng buộc bởi lễ nghi | Người tham dự đầy đủ: "Phật giáo không phải là tôn giáo chỉ dành riêng cho cộng đồng xuất gia" | Gia chủ với bộ quy tắc trọn vẹn của riêng mình | Bất kỳ hành giả nào khởi đầu bằng lòng tin |

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bốn văn bản được đối chiếu là gì? **Đ:** Cẩm nang này, *Essentials of Buddhism* của Gnanarama, Kinh

Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và Kinh Upanisā của Bhikkhu Bodhi.

2. **H:** Thể loại của cẩm nang này là gì? **Đ:** Một cẩm nang thực hành về giới luật xuất gia khi gặp gỡ đời sống tại gia.
3. **H:** Thể loại của sách Gnanarama là gì? **Đ:** Một giáo trình đại học về giáo lý cốt lõi.
4. **H:** *The Sigālovāda in Pictures* là gì? **Đ:** Một bài kinh có minh họa dành cho gia chủ tại gia.
5. **H:** Tác phẩm của Bodhi là gì? **Đ:** Một bản dịch và chú giải một bài kinh về con đường tu tập.
6. **H:** Cẩm nang này chủ yếu dùng nguồn nào? **Đ:** Luật tạng.
7. **H:** Gnanarama chủ yếu dùng nguồn nào? **Đ:** Kinh tạng.
8. **H:** Phương thức của Kinh Upanisā là gì? **Đ:** Tâm lý học và giải thoát học.
9. **H:** Gnanarama nhìn người tại gia như thế nào? **Đ:** Như những người tham dự đầy đủ vào Phật giáo.
10. **H:** Bốn văn bản cùng nhau tạo thành điều gì? **Đ:** Một bức tranh tích hợp về con đường tu tập.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Bạn sẽ giới thiệu văn bản nào trong bốn văn bản cho người mới bắt đầu, và vì sao?
2. Mỗi văn bản giả định người đọc đã biết những gì?
3. Thể loại định hình điều mà một văn bản nhấn mạnh như thế nào?

4. Văn bản nào nói với sự tu tập của chính bạn nhiều nhất?
5. Bạn sẽ thêm văn bản thứ năm nào vào sự đối chiếu này?

***Thơ: Bốn Khung Cửa Sổ***

*Một khung cửa cho thấy giới luật chư Tăng phải giữ;*
*Một khung cho thấy giáo lý, sáng rõ và phân tích.*
*Một khung cho thấy gia đình với sáu phương;*
*Một khung cho thấy tâm khi vươn lên tự do.*
*Đứng nơi một khung cửa duy nhất, ta thấy*
*Một khu vườn, một cánh cổng, hay một cây sáng.*
*Đi quanh ngôi nhà và nhìn qua tất cả:*
*Ngôi nhà duy nhất của Chánh pháp hiện ra.*
*Chẳng phải những văn bản đối nghịch, mà là các bức tường của cùng một căn phòng,*
*Mỗi bức mang ánh sáng riêng lên cùng một nền nhà tĩnh lặng.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 2. Gnanarama, *Essentials of Buddhism*

**Những điểm tương đồng.**

- Cả hai đều đặt nền đạo đức trên Năm giới và xem giới luật xuất gia là sự tinh luyện của cùng một sự tu tập.

- Chương về của cải của Gnanarama bổ sung cho cách trình bày về tiền bạc của cẩm nang này. Ông liệt kê bốn cách sử dụng đúng đắn tài sản có được một cách chân chánh (Tăng Chi Bộ II 67): nuôi dưỡng gia đình và người phụ thuộc; phòng hộ trước tai họa; năm loại cúng dường (cho bà con, khách, người đã khuất, quốc gia và chư thiên); và bố thí cho "các Sa-môn và Bà-la-môn" đang nỗ lực điều phục phiền não. Cách sử dụng cuối cùng chính là phía tại gia của nền kinh tế khất thực được mô tả trong Phần I–IV.
- Các tiêu chí phán đoán đạo đức của ông, cân nhắc tác ý và hậu quả, phù hợp với sự nhấn mạnh của Luật tạng vào tác ý trong việc xác định tội.

**Những điểm khác biệt.**

- Sách của Gnanarama mang tính giáo lý; cẩm nang này mang tính hành vi. Cẩm nang này giả định, mà không giải thích, những giáo lý tạo nên ý nghĩa cho giới luật: vô thường, khổ (*dukkha*), vô ngã, Bốn Thánh đế và Duyên khởi.
- Ông trình bày việc tiết kiệm và đầu tư là khôn ngoan đối với gia chủ; Luật tạng cấm cả hai đối với chư Tăng. Sự đối chiếu này làm sáng tỏ nền đạo đức hai tầng: xuất ly cho người xuất gia, quản lý thận trọng cho người tại gia.
- Ông nêu bật việc Đức Phật nâng cao vị thế của người nữ; cách trình bày về người nữ trong cẩm nang này chủ yếu mang tính bảo vệ và thủ tục.

*Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Gnanarama và cẩm nang này có điểm chung gì? **Đ:** Đặt nền đạo đức trên Năm giới.
2. **H:** Gnanarama liệt kê bao nhiêu cách sử dụng của cải? **Đ:** Bốn (Tăng Chi Bộ II 67).
3. **H:** Cách sử dụng thứ tư là gì? **Đ:** Bố thí cho các Sa-môn và Bà-la-môn đang nỗ lực vượt qua phiền não.
4. **H:** Các tiêu chí đạo đức của ông cân nhắc điều gì? **Đ:** Tác ý và hậu quả.
5. **H:** Cẩm nang này giả định điều gì mà không giải thích? **Đ:** Các giáo lý cốt lõi như Bốn Thánh đế.
6. **H:** Gnanarama khuyên gia chủ điều gì mà chư Tăng không được làm? **Đ:** Tiết kiệm và đầu tư.
7. **H:** Sự đối chiếu này làm sáng tỏ điều gì? **Đ:** Nền đạo đức hai tầng của xuất ly và quản lý.
8. **H:** Ông nhấn mạnh điều gì về người nữ? **Đ:** Việc Đức Phật nâng cao vị thế của họ.
9. **H:** Gnanarama giảng dạy ở đâu? **Đ:** Học viện Phật giáo và Pāli Singapore.
10. **H:** Sách của ông được xuất bản khi nào? **Đ:** Năm 2000.
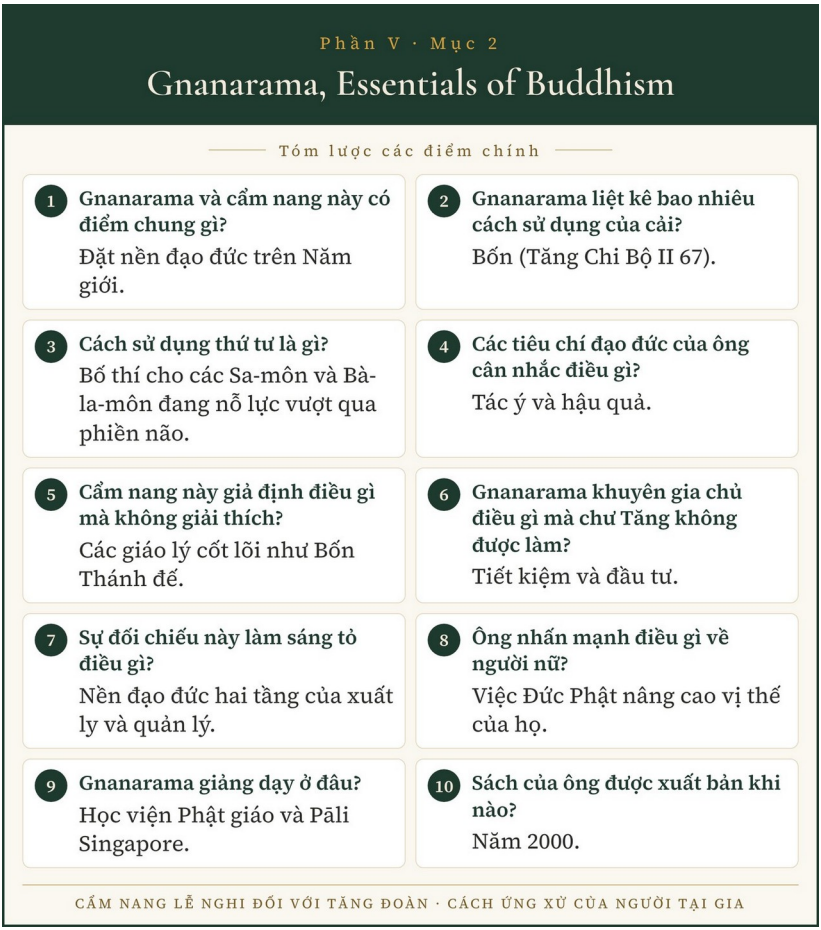
*Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao trong một nền giáo dục đầy đủ, giáo lý cần đi trước giới luật?
2. Bốn cách sử dụng của cải cân bằng giữa mình và người khác như thế nào?
3. Một nền đạo đức hai tầng có công bằng với người tại gia không?

4. Cái nhìn của Gnanarama về người nữ có thể thay đổi cách đọc Luật tạng như thế nào?
5. Bạn sẽ đọc chương nào trong sách của ông trước tiên?

***Thơ: Giáo Lý và Giới Luật***

*Giới luật nói "Đừng cất giữ"; giáo lý nói*
*"Mọi thứ ngươi muốn giữ rồi sẽ qua đi."*
*Giới luật nói "Đừng chạm"; giáo lý nói*
*"Cơn khát vươn tay là gốc rễ của khổ."*
*Gia chủ có thể để dành và gieo trồng của cải,*
*Và dâng một phần vào bình bát;*
*Vị sư không giữ đồng xu nào, nhưng mang sự thật*
*Đến mọi cánh cửa mở ra cho bước chân ngài.*
*Hai con đường, một giáo pháp: luật không có lý lẽ*
*Là vỏ trấu, và lý lẽ không có luật là gió thoảng.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 3. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Trường Bộ 31)

Chú giải gọi bài kinh này là “Luật của người tại gia” (*gihi-vinaya*): đây là văn bản đối ứng gần gũi nhất của người tại gia với giới bổn xuất gia được nghiên cứu ở đây.

**Mối quan hệ "phương Trên".** Bài kinh đặt các Sa-môn và Bà-la-môn ở phương trên và nêu ra những bổn phận hỗ tương:

| Người tại gia phụng sự người xuất gia bằng | Người xuất gia đáp lại bằng cách |
|---|---|
| Thân nghiệp từ hòa | Ngăn họ khỏi điều ác |
| Khẩu nghiệp từ hòa | Khuyến khích họ làm điều thiện |
| Ý nghiệp từ hòa | Thương yêu họ với tâm từ |
| Mở rộng cửa đón tiếp | Dạy họ điều chưa được nghe |
| Cung cấp các nhu cầu vật chất | Làm sáng tỏ điều đã được nghe |
| | Chỉ cho họ con đường đến cõi lành |

**Những điểm tương đồng.** "Mở rộng cửa đón tiếp" và "cung cấp các nhu cầu vật chất" chính là sự đón tiếp và bốn vật dụng được bàn trong Phần III, mục 7–8. Những lời cảnh báo của bài kinh về chất say, du hành ban đêm, giải trí, cờ bạc, bạn xấu và lười biếng tương ứng với các giới xuất gia về rượu (Pāc. 51), đi vào làng sau giờ ngọ (Pāc. 85) và "hành xứ không thích hợp."

**Những điểm khác biệt.** Cẩm nang này mô tả những điều người tại gia *không được* làm để bảo vệ giới luật của chư Tăng; Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt mô tả những điều người tại gia *nên* làm một cách tích cực, và những gì họ được nhận lại. Cẩm nang này phần lớn không nói đến **bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia**. Bài kinh cũng bao gồm những mối quan hệ mà cẩm nang này không đề cập: cha mẹ và con cái, thầy và trò, vợ chồng, bạn bè, chủ và người làm công.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Chú giải gọi Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt là gì? **Đ:** "Luật của người tại gia."
2. **H:** Phương Trên tượng trưng cho ai? **Đ:** Các Sa-môn và Bà-la-môn.
3. **H:** Người tại gia có bao nhiêu bổn phận đối với họ? **Đ:** Năm.
4. **H:** Người xuất gia có bao nhiêu bổn phận đáp lại? **Đ:** Sáu.
5. **H:** Hãy nêu một bổn phận của người xuất gia. **Đ:** Ngăn người tại gia khỏi điều ác.
6. **H:** Những bổn phận nào của người tại gia tương ứng với bốn vật dụng? **Đ:** Mở rộng cửa đón tiếp và cung cấp các nhu cầu vật chất.
7. **H:** Bài kinh cảnh báo những thói xấu nào? **Đ:** Chất say, du hành ban đêm, giải trí, cờ bạc, bạn xấu và lười biếng.
8. **H:** Những giới xuất gia nào tương ứng với chúng? **Đ:** Pāc. 51 (rượu), Pāc. 85 (vào làng sau giờ ngọ) và "hành xứ không thích hợp."
9. **H:** Cẩm nang này phần lớn bỏ qua điều gì mà bài kinh đề cập? **Đ:** Bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia.
10. **H:** Bài kinh còn bao gồm những mối quan hệ nào khác? **Đ:** Cha mẹ, thầy dạy, vợ chồng, bạn bè và chủ nhân.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao Đức Phật lại diễn giải lại thay vì bãi bỏ nghi lễ của Sigāla?
2. Trong sáu mối quan hệ, mối nào yếu nhất trong xã hội hiện đại?
3. Sáu bổn phận của vị Bhikkhu hoàn thiện mối liên kết giữa tại gia và xuất gia như thế nào?
4. Hãy so sánh sáu thói xấu với những chứng nghiện hiện đại.
5. Một gia đình có thể cùng nhau học Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt như thế nào?

### *Thơ: Phương Trên*

*Trên phương Đông của cha mẹ, phương Tây của tình thương,*

*Trên bạn bè và những người làm việc quanh ta,*

*Đức Phật đặt tấm y ở điểm cao nhất:*

*Không phải chỉ để được phụng sự, mà để phụng sự lại.*

*Năm món quà đi lên: việc lành, lời lành, ý lành,*

*Một cánh cửa mở, những gì thân thể cần.*

*Sáu món quà đi xuống: cảnh tỉnh, khích lệ, thương yêu,*

*Dạy bảo, làm sáng tỏ, chỉ đường.*

*Thế là lên xuống, những món quà như mưa và sương*

*Giữ xanh cánh đồng giữa trời và đất.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 4. Kinh Upanisā (Tương Ưng Bộ 12.23)

**Một sự tương đồng đáng chú ý.** Đoạn văn trong Tập Yếu (Parivāra) được trích dẫn ở đầu cẩm nang này và Kinh Upanisā mô tả gần như cùng một tiến trình:

| Tập Yếu XII.2 (đề từ của cẩm nang này) | Kinh Upanisā ("duyên khởi siêu thế") |
|---|---|
| Giới luật → sự chế ngự | Khổ → tín |
| Không hối hận | (hàm ẩn trong giới được thọ trì nhờ lòng tin) |
| Hân hoan | Hân hoan (*pāmojja*) |
| Hỷ | Hỷ (*pīti*) |
| Khinh an | Khinh an (*passaddhi*) |
| Lạc | Lạc (*sukha*) |
| Định | Định (*samādhi*) |
| Tri kiến như thật | Tri kiến (*ñāṇadassana*) |
| Nhàm chán | Nhàm chán (*nibbidā*) |
| Giải thoát | Ly tham (*virāga*) → giải thoát (*vimutti*) |
| Tri kiến về giải thoát | Trí về sự diệt tận (*khayañāṇa*) |

Bhikkhu Bodhi minh thị nối kết hai tiến trình này: lòng tin tạo nên sự sẵn sàng thọ trì giới luật, và các bộ giới "có phạm vi khác nhau, từ năm giới căn bản của người cư sĩ Phật tử đến hơn 227 học giới mà vị Bhikkhu thọ trì," tất cả đều đem lại "sự không hối hận" và "hạnh phúc của sự không lỗi lầm."

**Ý nghĩa đối với cẩm nang này.** Kinh Upanisā cung cấp *lý do* mà một cẩm nang giới luật không thể cung cấp: mỗi giới đều quan trọng vì một lương tâm trong sạch là duyên

hỗ trợ cho hân hoan, thiền định và tuệ giác. Bài kinh cũng xác nhận rằng cùng một con đường duyên khởi ấy mở ra cho người tại gia giữ năm hay tám giới.

**Khác biệt.** Tác phẩm của Bodhi hướng nội và mang tính thiền định; tác phẩm ít nói về cộng đồng, lễ nghi hay sự trao đổi vật chất giữa chư Tăng và người tại gia, vốn là mối quan tâm chính của cẩm nang này.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Kinh Upanisā nằm ở đâu? **Đ:** Tương Ưng Bộ 12.23.
2. **H:** "Upanisā" nghĩa là gì? **Đ:** Duyên hỗ trợ.
3. **H:** Bài kinh nối kết những gì? **Đ:** Chuỗi khổ đau và chuỗi giải thoát.
4. **H:** Trong chuỗi siêu thế, điều gì theo sau khổ? **Đ:** Tín.
5. **H:** Tín đưa đến điều gì? **Đ:** Giới luật.
6. **H:** Quả của giới luật là gì? **Đ:** Sự không hối hận.
7. **H:** Đoạn văn nào trong cẩm nang này tương ứng với tiến trình ấy? **Đ:** Đề từ Tập Yếu XII.2.
8. **H:** Tiến trình này cung cấp điều gì mà một cẩm nang giới luật không thể? **Đ:** Lý do vì sao giới luật quan trọng.
9. **H:** Con đường này có mở ra cho người tại gia không? **Đ:** Có, với năm hay tám giới.
10. **H:** Tác phẩm của Bodhi ít nói về điều gì? **Đ:** Cộng đồng, lễ nghi và sự trao đổi vật chất.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao chuỗi siêu thế bắt đầu bằng khổ?
2. Một lương tâm trong sạch hỗ trợ thiền định như thế nào?
3. Hãy so sánh từng bước tiến trình của Tập Yếu và của Kinh Upanisā.
4. Điều gì sẽ mất đi nếu giới luật được dạy mà không có tiến trình này?
5. Bạn đang ở đâu trên chiếc thang duyên khởi này?

### *Thơ: Hai Chiếc Thang*

*Tập Yếu nói: từ giới luật, sinh chế ngự;*
*Bài kinh nói: từ khổ đau, sinh lòng tin.*
*Cả hai đều đến lương tâm trong sạch, rồi hân hoan,*
*Rồi hỷ, khinh an và an lạc của tâm.*
*Cả hai leo lên định, rồi đến thấy*
*Sự vật như thật, rồi nhàm chán chúng.*
*Cả hai kết thúc nơi giải thoát, và biết rõ điều ấy:*
*Hai chiếc thang dựa vào cùng một bức tường.*
*Vị sư giữ giới, người bạn giữ năm giới,*
*Đứng trên cùng nấc thang đầu, và cùng nhìn lên một hướng.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 5. Những khoảng trống của cẩm nang này được sự đối chiếu làm hiển lộ

1. **Nền tảng giáo lý.** Một chương ngắn về Bốn Thánh đế, Ba tướng và Duyên khởi sẽ giải thích vì sao sự xuất ly và chế ngự là có ý nghĩa (Gnanarama).
2. **Bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia.** Sáu bổn phận hỗ tương của Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt sẽ cân bằng sự chú trọng của cẩm nang vào nghĩa vụ của người tại gia.

3. **Đạo đức gia đình tại gia.** Sáu phương của Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và bốn cách sử dụng của cải sẽ đặt sự hộ trì chư Tăng của người tại gia vào trong một nền đạo đức tại gia trọn vẹn.
4. **Con đường vượt trên giới hạnh.** Tiến trình của Kinh Upanisā sẽ cho thấy việc giữ giới dẫn đến thiền định và giải thoát như thế nào, cho cả chư Tăng lẫn người tại gia.
5. **Vai trò chủ động của người nữ.** Sự nhấn mạnh của Gnanarama về việc Đức Phật nâng cao vị thế người nữ sẽ là đối trọng hữu ích cho khung trình bày chủ yếu mang tính bảo vệ của các giới về sự tiếp xúc giữa hai giới.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Khoảng trống thứ nhất được xác định là gì? **Đ:** Thiếu nền tảng giáo lý.
2. **H:** Khoảng trống thứ hai? **Đ:** Bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia.
3. **H:** Khoảng trống thứ ba? **Đ:** Một nền đạo đức gia đình tại gia trọn vẹn.
4. **H:** Khoảng trống thứ tư? **Đ:** Con đường vượt trên giới hạnh đến giải thoát.
5. **H:** Khoảng trống thứ năm? **Đ:** Vai trò chủ động của người nữ.
6. **H:** Văn bản nào lấp khoảng trống thứ nhất? **Đ:** *Essentials of Buddhism* của Gnanarama.
7. **H:** Văn bản nào lấp khoảng trống thứ hai và thứ ba? **Đ:** Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt.

8. **H:** Văn bản nào lấp khoảng trống thứ tư? **Đ:** Kinh Upanisā.
9. **H:** Các khoảng trống được giải quyết ở đâu trong sách này? **Đ:** Phần VI.
10. **H:** Vì sao cần xác định các khoảng trống? **Đ:** Để trình bày một cách cân bằng và đầy đủ về con đường tu tập.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Khoảng trống nào có vẻ quan trọng nhất đối với bạn, và vì sao?
2. Có những khoảng trống nào khác mà sự đối chiếu chưa làm hiển lộ không?
3. Một vị thầy nên sắp xếp thứ tự các chủ đề này cho người mới bắt đầu như thế nào?
4. Vì sao một cẩm nang về Luật tạng có thể bỏ qua giáo lý?
5. Phần VI thay đổi cách bạn đọc các Phần trước như thế nào?

***Thơ: Điều Còn Thiếu***

*Giới luật có đó, mà chưa có lý do vì sao;*
*Bổn phận của người tại gia, mà chưa có của vị sư.*
*Sáu phương của gia đình chưa được vẽ ra,*
*Cũng chưa có chiếc thang dài từ giới luật đến tự do.*
*Người nữ đứng như lời cảnh báo nơi ngưỡng cửa,*
*Chưa phải như bậc hiền ca vang khúc giải thoát.*
*Bốn văn bản đặt cạnh nhau làm lộ những khoảng trống,*
*Như ánh ban mai soi rõ vết nứt trên bức tường xưa.*
*Và thế là ta lấp đầy, từng viên đá cẩn trọng,*
*Cho đến khi ngôi nhà giáo pháp đứng vững trọn vẹn.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 6. Tổng hợp

Bốn văn bản tạo thành một tổng thể mạch lạc. **Gnanarama** cung cấp giáo lý; **Kinh Upanisā** cho thấy giới hạnh làm duyên cho giải thoát như thế nào; **Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt** trao cho người gia chủ nếp kỷ luật của mình và mối liên kết hỗ tương với người xuất gia; và **cẩm nang này** trình bày giới luật xuất gia tại điểm nó gặp gỡ đời sống tại gia. Đọc cùng nhau, chúng biểu đạt

cách Đức Phật mô tả giáo pháp của Ngài là *Pháp và Luật* (*Dhamma-Vinaya*): chân lý và nếp sống thể hiện chân lý ấy, cho cả cộng đồng xuất gia lẫn tại gia.

**Các nguồn được đối chiếu:** Ven. Pategama Gnanarama, *Essentials of Buddhism* (Singapore, 2000); Ven. Kandarapanguwe Dhammasiri (biên soạn), *The Sigālovāda in Pictures* (BDEA/BuddhaNet); Bhikkhu Bodhi, *Transcendental Dependent Arising: A Translation and Exposition of the Upanisā Sutta*, Wheel 277/278 (BPS, 1980).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Gnanarama cung cấp điều gì? **Đ:** Giáo lý.
2. **H:** Kinh Upanisā cung cấp điều gì? **Đ:** Cách giới hạnh làm duyên cho giải thoát.
3. **H:** Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt cung cấp điều gì? **Đ:** Nếp kỷ luật của gia chủ và mối liên kết hỗ tương với người xuất gia.
4. **H:** Cẩm nang này cung cấp điều gì? **Đ:** Giới luật xuất gia tại điểm gặp gỡ đời sống tại gia.
5. **H:** Đức Phật dùng cụm từ nào cho giáo pháp của Ngài? **Đ:** *Dhamma-Vinaya* (Pháp và Luật).
6. **H:** Ở đây Pháp nghĩa là gì? **Đ:** Chân lý.
7. **H:** Ở đây Luật nghĩa là gì? **Đ:** Nếp sống thể hiện chân lý ấy.
8. **H:** Giáo pháp này dành cho ai? **Đ:** Cả cộng đồng xuất gia lẫn tại gia.
9. **H:** Bốn văn bản có mâu thuẫn với nhau không? **Đ:** Không; chúng bổ sung cho nhau.

10. **H:** Ý chính của phần tổng hợp là gì? **Đ:** Con đường là một, được nhìn từ bốn góc độ.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Hãy tóm tắt phần tổng hợp bằng lời của bạn trong ba câu.
2. *Pháp và Luật* mô tả sự tu tập của chính bạn như thế nào?
3. Bạn sẽ học văn bản nào tiếp theo, và vì sao?
4. Một ngôi chùa có thể sử dụng cả bốn văn bản trong chương trình giảng dạy như thế nào?
5. "Tích hợp" có nghĩa gì trong sự tu tập tâm linh?

### *Thơ: Pháp và Luật*

*Chân lý mà không có đời sống chuyên chở*
*Như ngọn đèn không dầu cũng không bấc.*
*Đời sống giới luật mà không có chân lý bên trong*
*Như cây bấc chưa từng thấy ngọn lửa.*
*Đức Phật nối kết chúng trong một từ duy nhất,*
*Và để lại chúng làm Đạo Sư khi Ngài nhập diệt.*
*Vị sư giữ giới bổn, người vợ bố thí,*
*Người học trò suy ngẫm, người bạn ngồi thiền:*
*Tất cả cùng mang một ngọn đèn qua cùng một đêm,*
*Và nhờ ánh sáng ấy, mỗi người tìm thấy cùng một bờ xa.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 7. Kiến thức phổ thông, câu chuyện và Kinh Pháp Cú

### *Kiến thức phổ thông*

Sự đối chiếu bốn văn bản cho thấy giáo pháp của Đức Phật nói với một con người ở nhiều tầng bậc cùng lúc: tâm (Kinh Upanisā), gia đình (Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt), giáo lý (Gnanarama) và cộng đồng xuất gia (cẩm nang này). Người tu tập chỉ biết một tầng bậc dễ rơi vào mất

cân bằng: giới luật không có hiểu biết trở thành câu nệ hình thức; giáo lý không có hành trì trở thành lý thuyết; đạo đức gia đình không có con đường tu tập vẫn là thế tục; và thiền định không có giới hạnh thì thiếu nền tảng.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Một nhóm học Phật ở Singapore dành một năm để học cuốn sách này. Ông Tan, một kỹ sư đã nghỉ hưu, yêu thích các giới luật của Luật tạng nhưng liên tục tranh luận về các chi tiết. Bà Lim ưa chuộng Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và xem giới luật là "chỉ dành cho chư Tăng." Cậu Wei trẻ tuổi học Kinh Upanisā và hành thiền nhưng phớt lờ những giới mà cậu thấy bất tiện. Cuối năm, mỗi người trình bày những gì mình học được từ những người khác: ông Tan bắt đầu hành thiền, bà Lim giữ tám giới vào các ngày Bố-tát, và Wei bỏ rượu.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Nhóm học đã khám phá điều mà Kinh Pháp Cú tóm lược trong ba dòng: "Không làm mọi điều ác, thành tựu các hạnh lành, giữ tâm ý trong sạch: đó là lời chư Phật dạy" (Pháp Cú 183, diễn ý). Ông Tan có dòng thứ nhất, bà Lim dòng thứ hai, Wei dòng thứ ba; cùng nhau, họ có được toàn thể. Kinh Pháp Cú cũng nhận xét rằng "người sống trăm năm không thấy Pháp tối thượng" không bằng người sống một ngày mà thấy được Pháp ấy (Pháp Cú 115, diễn ý): điều quan trọng là sự tích hợp, không phải số lượng hiểu biết.

*Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Giáo pháp nói với một con người ở bao nhiêu tầng bậc? **Đ:** Bốn: tâm, gia đình, giáo lý và cộng đồng.
2. **H:** Giới luật không có hiểu biết trở thành gì? **Đ:** Câu nệ hình thức.
3. **H:** Giáo lý không có hành trì trở thành gì? **Đ:** Lý thuyết.
4. **H:** Đạo đức gia đình không có con đường tu tập vẫn là gì? **Đ:** Thế tục.
5. **H:** Thiền định không có giới hạnh thiếu điều gì? **Đ:** Nền tảng.
6. **H:** Trong câu chuyện, ông Tan học được gì? **Đ:** Hành thiền.
7. **H:** Bà Lim bắt đầu thực hành điều gì? **Đ:** Tám giới vào các ngày Bố-tát.
8. **H:** Wei từ bỏ điều gì? **Đ:** Rượu.
9. **H:** Câu kệ nào tóm lược ba môn học? **Đ:** Pháp Cú 183.
10. **H:** Pháp Cú 115 quý điều gì hơn sống lâu? **Đ:** Một ngày thấy được Pháp tối thượng.

*Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Trong bốn tầng bậc, tầng nào mạnh nhất trong sự tu tập của bạn, và tầng nào yếu nhất?
2. Một nhóm học có thể giúp các thành viên cân bằng sự tu tập như thế nào?
3. Vì sao sự tích hợp quý giá hơn số lượng hiểu biết?

4. Hãy mô tả một người bạn biết thể hiện được cả bốn tầng bậc.
5. Bạn sẽ thiết kế một kế hoạch học tập kéo dài một năm từ cuốn sách này như thế nào?

***Thơ: Nhóm Học Phật***

*Một người yêu giới luật, tranh luận từng dòng;*
*Một người yêu gia đình, nghĩ giới luật chỉ dành cho sư.*
*Một người thích ngồi thiền, thấy tâm lắng dịu,*
*Nhưng chỉ giữ giới khi thấy thuận tiện.*
*Họ gặp nhau mỗi tháng suốt một năm dài kiên nhẫn,*
*Và mỗi người học được điều người khác biết.*
*Người kỹ sư ngồi thiền; người mẹ giữ những ngày trăng;*
*Chàng trai trẻ đổ ly rượu cuối cùng xuống cống.*
*Tránh mọi điều ác, vun bồi điều thiện,*
*Và thanh lọc tâm ý: ba người bạn, một con đường.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần VI —
# Hoàn Thiện Bức Tranh

Sự đối chiếu trong Phần V đã xác định năm lĩnh vực mà cẩm nang này chưa phát triển. Các mục sau đây lấp đầy những lĩnh vực ấy, dựa trên *Essentials of Buddhism* của Gnanarama, Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Trường Bộ 31) và phần chú giải Kinh Upanisā (Tương Ưng Bộ 12.23) của Bhikkhu Bodhi. Mỗi mục theo cùng định dạng học tập sáu phần như Phần IV.

***Lời Đức Phật dạy***

*Về Trung đạo:*

> "Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên theo: đắm say dục lạc, hạ liệt và không lợi ích; và hành hạ xác thân, khổ đau và không lợi ích. Tránh xa cả hai, Như Lai đã giác ngộ Trung đạo, đem lại mắt thấy, trí biết, và đưa đến an tịnh." — Tương Ưng Bộ 56.11

*Về thiện hữu:*

> "Này Ānanda, thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện bằng hữu là toàn bộ đời sống phạm hạnh." — Tương Ưng Bộ 45.2

*Về bổn phận của người xuất gia đối với người tại gia:*

> "Họ ngăn người ấy khỏi điều ác, khuyến khích người ấy làm điều thiện, thương yêu người ấy với tâm từ, dạy người ấy điều chưa được nghe, làm sáng tỏ điều đã được nghe, và chỉ cho người ấy con đường lên cõi trời." — Trường Bộ 31

*Về sự tu tập của người nữ và người nam:*

> "Dù là người nữ hay người nam, ai có cỗ xe như vậy, nhờ cỗ xe này sẽ đến gần Niết-bàn." — Tương Ưng Bộ 1.46

*Lời cuối cùng của Đức Phật:*

> "Các pháp hữu vi đều chịu sự hoại diệt. Hãy tinh cần, chớ phóng dật." — Trường Bộ 16

*Tất cả các trích dẫn là những bản dịch sát nghĩa từ các văn bản Pāli được dẫn; độc giả có thể đối chiếu với các bản dịch đã xuất bản như của Bhikkhu Bodhi và Bhikkhu Ñāṇamoli, hoặc các bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu.*

## 1. Nền tảng giáo lý của giới luật

Luật tạng chỉ có ý nghĩa khi đặt trong giáo pháp mà nó phục vụ. Các giới chế ngự ái dục vì ái dục là nguyên nhân của khổ; chúng làm đời sống giản dị vì mọi pháp hữu vi đều vô thường; và chúng nới lỏng sự bám chấp vào tài sản, địa vị và thân thể vì không có điều nào trong đó là tự ngã.

### *(a) Ba tướng của sự hiện hữu (tilakkhaṇa)*

| Tướng | Ý nghĩa | Luật tạng thể hiện như thế nào |
|---|---|---|
| **Vô thường** (*anicca*) | Mọi pháp hữu vi đều sinh và diệt | Không cất giữ vật thực; không nhuộm tóc bạc; y may từ vải bị vứt bỏ |
| **Khổ** (*dukkha*) | Cái gì vô thường thì không thể đem lại sự thỏa mãn lâu dài | Quán tưởng các vật dụng chỉ là phương tiện nâng đỡ, "không phải để hưởng thụ" |
| **Vô ngã** (*anattā*) | Không có gì trong thân hay tâm là một tự ngã thường hằng, làm chủ | Cạo đầu; từ bỏ tên tuổi, gia đình và tài sản; quán năm thể trược của thân khi thọ giới |

Gnanarama nhấn mạnh rằng đây không phải là bi quan mà là hiện thực: chúng mô tả kinh nghiệm đúng như nó là, để người ta có thể thoát khỏi nó.

### *(b) Bốn Thánh đế và vị trí của giới hạnh*

1. **Khổ** (*dukkha*): sinh, già, bệnh, chết, xa lìa người thương và không được điều mình muốn.
2. **Nguyên nhân của khổ** (*samudaya*): ái dục đối với dục lạc, đối với hiện hữu và đối với phi hiện hữu.
3. **Sự diệt khổ** (*nirodha*): Niết-bàn, sự phai nhạt hoàn toàn của ái dục.
4. **Con đường** (*magga*): Bát Chánh đạo, được gom thành ba môn học:
   - **Giới** (*sīla*): chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng
   - **Định** (*samādhi*): chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định
   - **Tuệ** (*paññā*): chánh kiến, chánh tư duy

Luật tạng thuộc về môn học thứ nhất. Năm giới và 227 giới là những hình thức có cấp bậc của chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Vì vậy, giới hạnh là nền tảng, không phải đỉnh cao, của con đường.

### *(c) Duyên khởi (paṭicca-samuppāda)*

Nguyên lý duyên tính của Đức Phật nói rằng: "Cái này có thì cái kia có; cái này sinh thì cái kia sinh." Trong mười hai chi phần, vô minh làm duyên cho hành, và cứ thế qua xúc, thọ và ái đến thủ, hữu, sinh và khổ. Luật tạng tác động tại điểm nối **xúc–thọ–ái**: bằng cách phòng hộ các căn và tránh những hoàn cảnh kích động, vị Bhikkhu làm suy yếu những điều kiện từ đó ái và thủ phát sinh. Các giới về người nữ, giải trí, vật thực và tiền bạc đều có thể được đọc như những sự can thiệp thực tiễn tại điểm này.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Tom, một sinh viên triết học ở Boston, nói với một vị Bhikkhu rằng các giới luật có vẻ là "mê tín tùy tiện." Vị Bhikkhu hỏi cậu điều gì xảy ra khi cậu lướt điện thoại lúc nửa đêm. Tom thừa nhận cậu cảm thấy một lực kéo, rồi một chút phấn khích, rồi muốn thêm nữa, và sau đó cảm thấy tệ hơn. Vị Bhikkhu giải thích rằng đó chính là xúc, thọ, ái và khổ ở dạng thu nhỏ, và các giới về giải trí, không ăn sau giờ ngọ và không cầm giữ tiền bạc được đặt ra chính là để cắt đứt chuỗi ấy. Tom quyết định giữ tám giới trong một ngày Bố-tát và kể lại rằng buổi tối hôm đó "rộng rãi một cách lạ lùng."

### *Phân tích sự việc*

- Kinh nghiệm của Tom tương ứng trực tiếp với các chi phần xúc, thọ và ái trong duyên khởi.
- Những sự kiêng tránh giải trí và ăn buổi chiều trong tám giới là phiên bản tại gia của các giới xuất gia có cùng chức năng.
- Cảm giác rộng rãi của cậu chính là "sự không hối hận" và hân hoan được mô tả trong tiến trình Upanisā.

### *Các quan điểm khác*

- **Độc giả thế tục** có thể chấp nhận tâm lý học về ái dục mà không chấp nhận tái sinh.
- **Độc giả câu nệ hình thức** có thể xem giới luật là mục đích tự thân; giáo lý cảnh báo điều này, vì sự chấp thủ giới cấm (*sīlabbata-parāmāsa*) tự nó là một kiết sử.
- **Các truyền thống Đại thừa** bổ sung Bồ-tát giới, nhấn mạnh lòng bi mẫn như một động lực thêm nữa cho sự giữ giới.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Ba tướng là gì? **Đ:** Vô thường, khổ và vô ngã.
2. **H:** Nguyên nhân của khổ là gì? **Đ:** Ái dục.
3. **H:** Ba môn học là gì? **Đ:** Giới, định và tuệ.
4. **H:** Luật tạng thuộc môn học nào? **Đ:** Giới (*sīla*).
5. **H:** Những chi phần nào của con đường tạo nên giới? **Đ:** Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

6. **H:** Hãy phát biểu nguyên lý duyên tính. **Đ:** "Cái này có thì cái kia có."
7. **H:** Sự phòng hộ các căn tác động tại những chi phần nào? **Đ:** Xúc, thọ và ái.
8. **H:** Việc cạo đầu thể hiện vô ngã như thế nào? **Đ:** Nó từ bỏ sự đồng hóa mình với dung mạo.
9. **H:** Sự bám chấp vào giới luật tự nó có phải là vấn đề không? **Đ:** Có; đó là một trong các kiết sử.
10. **H:** Giới hạnh có phải là mục đích của con đường không? **Đ:** Không; đó là nền tảng cho định và tuệ.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Hãy giải thích một giới trong Luật tạng tùy bạn chọn thể hiện mỗi tướng trong Ba tướng như thế nào.
2. Có thể biện minh cho Luật tạng mà không cần tin vào tái sinh không? Hãy thảo luận.
3. Duyên khởi giải thích thiết kế phòng ngừa của các giới như thế nào?
4. Điều gì phân biệt sự giữ giới lành mạnh với sự chấp thủ giới cấm?
5. Vì sao Đức Phật có thể đã đặt giới trước định và tuệ?

***Thơ: Vì Sao Có Giới***

*Giới luật chẳng phải bức tường giam ta lại;*
*Đó là hàng rào quanh một cánh đồng mong manh.*
*Nơi xúc chạm đến, thọ khởi lên bên trong,*
*Và ái dục chờ đợi bất kỳ trái tim nào khuất phục.*
*Những gì ta nắm giữ đang đổi thay khi ta giữ;*
*Cái ngã đang nắm cũng đổi thay, rồi mất.*
*Nên chư Tăng buông bỏ điều thế gian gọi là vàng ngọc,*
*Và giữ giới khi con đường tiếp bước.*
*Vì giới hạnh là mặt đất, không phải đỉnh cao:*
*Trên đó tâm lắng yên, thấy rõ, và giải thoát.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

Ba tướng được trình bày trong Pháp Cú 277–279: “Tất cả hành vô thường… tất cả hành là khổ… tất cả pháp vô ngã: khi lấy tuệ quán thấy vậy, người ấy nhàm chán khổ đau. Đây là con đường thanh tịnh” (diễn ý). Tuệ giác của Tom về chuỗi ái dục là khởi đầu của sự thấy biết ấy.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 2. Bổn phận của vị Bhikkhu đối với người tại gia

Mối quan hệ giữa chư Tăng và người tại gia là hỗ tương. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt nêu rõ rằng người tại gia phụng sự người xuất gia theo năm cách, và người xuất gia đáp lại sự quan tâm ấy theo sáu cách:

| Bổn phận của người xuất gia đối với người tại gia (Trường Bộ 31) | Cách thực hiện trong thực tế |
|---|---|
| **1. Ngăn họ khỏi điều ác** | Dạy giới; nhẹ nhàng chỉ lỗi; từ chối tham gia vào việc sai trái |
| **2. Khuyến khích họ làm điều thiện** | Khơi gợi bố thí, giới hạnh và thiền định; tùy hỷ công đức (*anumodanā*) |
| **3. Thương yêu họ với tâm từ** | Tâm từ (*mettā*) trong mọi sự giao tiếp; chúc phúc và tụng kinh cầu an lạc cho họ |
| **4. Dạy họ điều chưa được nghe** | Pháp thoại, lớp học, trả lời câu hỏi khi được thỉnh |
| **5. Làm sáng tỏ điều đã được nghe** | Sửa chữa những hiểu lầm; giải thích kinh văn và pháp hành |
| **6. Chỉ cho họ con đường đến hạnh phúc** | Hướng dẫn họ đến một tái sinh an lành và, rốt ráo, đến giải thoát |

Những bổn phận này không chỉ là lời khuyến dụ; Luật tạng cưỡng chế mức tối thiểu của chúng. Vị Bhikkhu mắng nhiếc hay làm hại một thí chủ có thể phải chịu yết-ma hòa giải và phải xin người ấy tha thứ, như trường hợp của Đại đức Sudhamma và gia chủ Citta (Tiểu Phẩm I; xem mục 6 bên dưới).

Những bổn phận tích cực này bổ sung cho các điều cấm của Luật tạng. Luật tạng cấm xu nịnh và "làm hư hỏng gia đình" (Saṅgh. 13), nhưng cũng phê phán những vị Bhikkhu quá nghiêm khắc "không quan tâm đến việc bày tỏ lòng bi mẫn giúp đỡ gia chủ." Lý tưởng là *kulapasādaka*, "người được các gia đình đặt lòng tin," và lời dạy của chính Đức Phật cho các đệ tử đầu tiên: "Này các Bhikkhu, hãy du hành vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời."

Những biểu hiện kinh điển khác của các bổn phận này gồm:

- **Ban Pháp thí**, được mô tả là "món quà cao quý nhất" để đáp lại sự hộ trì vật chất.
- **Là "phước điền"** (*puññakkhetta*): sống thanh tịnh để những món quà dâng lên Tăng-già sinh quả.
- **Giảng dạy công khai**, không bằng cách tụng đọc từng câu cùng người chưa thọ Cụ túc (Pāc. 4), cũng không vì thù lao.
- **Thăm viếng người bệnh và người hấp hối**, và cử hành tang lễ cùng lễ tưởng niệm.
- **Tránh làm phiền thí chủ**: ít muốn, sử dụng vật dụng cẩn trọng, và không yêu cầu quá mức.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Trong một cộng đồng người Sri Lanka ở Melbourne, Kasun, một người cha trẻ, thổ lộ với Bhante Ananda rằng anh đã bắt đầu cờ bạc trực tuyến. Vị Bhikkhu không la rầy anh. Ngài giải thích sáu nguy hại của cờ bạc theo Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt, khuyên anh giữ giới trong một tháng, và mời anh đến lớp thiền ngày Chủ nhật. Ngài vào bệnh viện thăm người mẹ già của Kasun và tụng kinh cho bà. Khi gia đình dâng một khoản cúng dường lớn để tỏ lòng biết ơn, ngài hướng khoản ấy vào quỹ chùa và cảm ơn họ bằng lời chúc phúc.

### *Phân tích sự việc*

Bhante Ananda thực hiện cả sáu bổn phận: ngăn điều ác (cờ bạc), khuyến khích điều thiện (giữ giới), tâm từ

(không la rầy), dạy Pháp mới (sáu nguy hại), làm sáng tỏ pháp hành (lớp thiền) và chỉ đường đến hạnh phúc. Việc thăm bệnh và không nhận tiền cho riêng mình cân bằng giữa lòng bi mẫn và Luật tạng.

### *Các quan điểm khác*

- **Chư Tăng trong rừng** có thể thực hiện các bổn phận này chủ yếu qua gương sáng và sự im lặng hơn là hoạt động tiếp cận tích cực.
- **Chư Tăng học giả** nhấn mạnh việc giảng dạy; **chư Tăng ở làng** nhấn mạnh nghi lễ và chăm sóc mục vụ.
- **Tuyên úy hiện đại**: một số vị Bhikkhu phục vụ trong bệnh viện, nhà tù và đại học, mở rộng các bổn phận này vào các môi trường tổ chức.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Bổn phận của người xuất gia đối với người tại gia được liệt kê trong kinh nào? **Đ:** Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt (Trường Bộ 31).
2. **H:** Người xuất gia có bao nhiêu bổn phận đối với người tại gia? **Đ:** Sáu.
3. **H:** Người tại gia có bao nhiêu bổn phận đối với người xuất gia? **Đ:** Năm.
4. **H:** Phương nào tượng trưng cho người xuất gia? **Đ:** Phương Trên.
5. **H:** "Món quà cao quý nhất" là gì? **Đ:** Pháp thí.
6. **H:** *Kulapasādaka* là gì? **Đ:** Vị Bhikkhu được các gia đình đặt lòng tin.

7. **H:** Lỗi đối nghịch là gì? **Đ:** "Làm hư hỏng gia đình" bằng xu nịnh và ân huệ.
8. **H:** *Anumodanā* là gì? **Đ:** Sự tùy hỷ và chúc phúc của vị Bhikkhu cho công đức của thí chủ.
9. **H:** "Phước điền" là gì? **Đ:** Tăng-già như người nhận xứng đáng của các món quà.
10. **H:** Vị Bhikkhu có thể quá nghiêm khắc với người tại gia không? **Đ:** Có; bộ Vinayamukha cảnh báo sự thiếu lòng bi mẫn.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Vì sao Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt giao cho người xuất gia sáu bổn phận mà người tại gia chỉ năm?
2. Vị Bhikkhu có thể chỉ lỗi người tại gia mà không trở nên phán xét như thế nào?
3. Sự khác biệt giữa sự gắn bó bi mẫn và làm hư hỏng gia đình là gì?
4. Các bổn phận này có thể áp dụng thế nào cho chư Tăng làm tuyên úy?
5. Người tại gia có thể khuyến khích chư Tăng thực hiện bổn phận mà không đòi hỏi như thế nào?

***Thơ: Điều Tấm Y Đáp Lại***

*Bạn mang đến cơm, tấm vải, cánh cửa mở;*

*Ngài mang đến lời bạn chưa từng nghe.*

*Bạn làm đầy bát ngài bằng lòng tốt mỗi ngày;*

*Ngài xoay bước chân bạn khỏi con đường đi xuống.*

*Ngài sẽ không xu nịnh, không tham dự điều sai,*

*Nhưng ngồi bên người bệnh, tụng lời kinh cho họ.*

*Mỗi món quà vật thực, một món quà ánh sáng;*

*Mỗi cánh cửa mở, một con đường sáng soi.*

*Chẳng phải nợ nần, chẳng phải bán mua, mà hai bàn tay chắp làm một:*

*Gia chủ và vị sư, dưới cùng một mặt trời.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

Bổn phận đầu tiên của vị Bhikkhu là đã thực hành điều mình giảng dạy: “Trước hãy tự đặt mình vào điều phải, sau mới dạy người” (Pháp Cú 158, diễn ý). Sự nhẹ nhàng chỉ lỗi Kasun phản ánh Pháp Cú 223: “Lấy không giận thắng giận, lấy thiện thắng ác, lấy bố thí thắng xan tham, lấy chân thật thắng dối trá” (diễn ý). Và Pháp thí của ngài thực hiện Pháp Cú 354: Pháp thí thắng mọi thí.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 3. Nếp kỷ luật của gia chủ: Sáu phương và các cách sử dụng của cải

Sự hộ trì chư Tăng của người tại gia là một sợi chỉ trong một nền đạo đức tại gia trọn vẹn. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt, được chú giải gọi là “Luật của người tại gia,” diễn giải lại nghi lễ lễ bái sáu phương của chàng trai trẻ Sigālaka thành một tập hợp các bổn phận xã hội hỗ tương.

### *(a) Sáu phương*

| Phương | Mối quan hệ | Bổn phận của bên thứ nhất (mỗi bên năm) | Bổn phận đáp lại (mỗi bên năm; người xuất gia sáu) |
|---|---|---|---|
| **Đông** | Con cái → cha mẹ | Phụng dưỡng cha mẹ, làm tròn bổn phận đối với cha mẹ, giữ gìn gia phong, xứng đáng thừa tự, cúng dường khi cha mẹ qua đời | Ngăn con khỏi điều ác, khuyến khích điều thiện, dạy nghề nghiệp, cưới vợ gả chồng xứng đáng, trao của thừa tự đúng thời |
| **Nam** | Học trò → thầy | Đứng dậy chào, hầu hạ, chăm chỉ học hỏi, phục vụ, học thành thạo nghề | Huấn luyện chu đáo, bảo đảm hiểu điều được dạy, dạy mọi nghề, giới thiệu với bạn bè, che chở |
| **Tây** | Chồng ↔ vợ | Chồng: kính trọng, lễ độ, chung thủy, giao quyền trong nhà, sắm đồ trang sức | Vợ: khéo quản lý gia đình, tiếp đãi bà con, chung thủy, gìn giữ tài sản, khéo léo và siêng năng |
| **Bắc** | Bạn ↔ bạn | Bố thí, lời hòa nhã, giúp đỡ, đối xử bình đẳng, giữ lời hứa | Che chở khi bạn phóng dật, giữ tài sản của bạn, là chỗ nương tựa khi sợ hãi, không bỏ rơi khi hoạn nạn, kính trọng gia đình bạn |
| **Dưới** | Chủ ↔ người làm công | Giao việc tương xứng sức lực, trả lương và cấp thức ăn, chăm sóc khi bệnh, chia sẻ món ngon, cho nghỉ phép | Dậy sớm, nghỉ sau, chỉ lấy vật được cho, làm việc tốt, nói tốt về chủ |
| **Trên** | Người tại gia ↔ người xuất gia | Thân, khẩu, ý từ hòa; mở rộng cửa đón tiếp; cung cấp nhu cầu vật chất | Sáu bổn phận nêu trong mục 2 |

### *(b) Sáu nguyên nhân hao tổn tài sản*

Mỗi nguyên nhân có sáu nguy hại: **chất say**, **du hành đường phố ban đêm**, **la cà nơi giải trí**, **cờ bạc**, **bạn xấu** và **lười biếng**. Sự tương ứng với các giới xuất gia là trực

tiếp: rượu (Pāc. 51), vào làng sau giờ ngọ (Pāc. 85) và giới cấm giải trí.

### *(c) Bạn thật và bạn giả*

Bài kinh phân biệt bốn hạng bạn giả (người chỉ biết lấy, người chỉ nói suông, người xu nịnh và người cùng phung phí) với bốn hạng bạn thật (người giúp đỡ, người trước sau như một trong vui và khổ, người khuyên điều lợi ích và người có lòng thương cảm).

### *(d) Bốn cách sử dụng của cải (Tăng Chi Bộ II 67)*

Như Gnanarama giải thích, của cải "có được một cách chân chánh" nhờ nỗ lực nên được dùng để:

1. làm cho gia đình, người phụ thuộc, bạn bè và người làm công được an vui;
2. phòng hộ trước lửa, nước, vua chúa, trộm cướp và kẻ thù;
3. làm năm loại cúng tế (*bali*): cho bà con, khách, người đã khuất, quốc gia và chư thiên;
4. bố thí cho các Sa-môn và Bà-la-môn đang nỗ lực vượt qua phiền não.

Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt bổ sung một cách phân chia ngân sách: một phần để chi dùng, hai phần đầu tư vào công việc, và một phần để dành phòng khi khẩn cấp. Gnanarama lưu ý rằng sự thận trọng này không đối nghịch với sự xuất ly: "Xuất ly là một việc, sống đời sống gia đình hạnh phúc là một việc khác." Điều bị cấm đối với chư Tăng (tiết kiệm, đầu tư, mua bán) lại là khôn ngoan đối với gia chủ.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Anna, một y tá ở Chicago, có thu nhập tốt nhưng cảm thấy tiền của mình cứ biến mất. Đọc Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt cùng nhóm học ở chùa, cô lập một ngân sách bốn phần, xóa một ứng dụng cờ bạc, và thiết lập lệnh chuyển khoản hằng tháng cho người hộ Tăng của tu viện. Cô cũng nhận ra mình đã là một người bạn "phương Bắc" tồi, lúc nào cũng quá bận; cô dành thời gian vào bệnh viện thăm một người bạn. Một năm sau, cô kể rằng mình đã tiết kiệm được nhiều hơn, ít lo âu hơn và cảm thấy gắn bó với ngôi chùa hơn.

### *Phân tích sự việc*

Anna áp dụng ngân sách bốn phần, tránh một trong sáu nguyên nhân hao tổn tài sản, thực hiện cách sử dụng của cải thứ tư bằng cách hộ trì chư Tăng qua người hộ Tăng (phù hợp với Nis. Pāc. 18) và hàn gắn một bổn phận bạn bè. Kết quả là sự an ổn và không lỗi lầm mà bài kinh hứa hẹn.

### *Các quan điểm khác*

- **Vai trò giới tính.** Độc giả hiện đại có thể thấy bổn phận vợ chồng mang tính thứ bậc; những người khác lưu ý rằng chúng là hỗ tương và người vợ được trao quyền quản lý gia đình.
- **Việc làm.** Bổn phận của chủ nhân đi trước các tiêu chuẩn lao động hiện đại: lương công bằng, chăm sóc khi bệnh và nghỉ phép.

- **Nghi lễ.** Đức Phật không bãi bỏ nghi lễ của Sigālaka mà trao cho nó ý nghĩa đạo đức, một hình mẫu cho việc diễn giải lại truyền thống.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Chú giải gọi Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt là gì? **Đ:** Luật của người tại gia.
2. **H:** Phương nào tượng trưng cho cha mẹ? **Đ:** Phương Đông.
3. **H:** Phương nào tượng trưng cho vợ chồng? **Đ:** Phương Tây.
4. **H:** Phương nào tượng trưng cho người xuất gia? **Đ:** Phương Trên.
5. **H:** Hãy nêu sáu nguyên nhân hao tổn tài sản. **Đ:** Chất say, du hành ban đêm, giải trí, cờ bạc, bạn xấu và lười biếng.
6. **H:** Hãy nêu một hạng bạn giả. **Đ:** Người xu nịnh, cùng các hạng khác.
7. **H:** Hãy nêu một hạng bạn thật. **Đ:** Người khuyên điều lợi ích, cùng các hạng khác.
8. **H:** Cách sử dụng của cải thứ tư là gì? **Đ:** Bố thí cho các Sa-môn và Bà-la-môn xứng đáng.
9. **H:** Bài kinh phân chia thu nhập thế nào? **Đ:** Một phần để chi dùng, hai phần để đầu tư, một phần để dành.
10. **H:** Tiết kiệm và đầu tư có sai đối với người tại gia không? **Đ:** Không; đó là khôn ngoan đối với gia chủ, dù bị cấm đối với chư Tăng.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt diễn giải lại nghi lễ thành đạo đức như thế nào?
2. Hãy đánh giá bổn phận vợ chồng từ góc nhìn hiện đại.
3. Hãy so sánh sáu nguyên nhân hao tổn tài sản với các giới xuất gia.
4. Ngân sách bốn phần so với lời khuyên tài chính hiện đại như thế nào?
5. Vì sao sự hộ trì chư Tăng được đặt ở "phương Trên"?

***Thơ: Sáu Phương***

*Chàng Sigāla trẻ cúi lạy phương Đông rạng sáng,*

*Rồi phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Dưới, phương Trên.*

*Đức Phật dạy: "Cha mẹ con là phương Đông;*

*Thầy dạy con, phương Nam; vợ hay chồng con, phương Tây.*

*Bạn bè con ở phương Bắc, người phục vụ ở phương Dưới,*

*Và những người tìm cầu chân lý ở trên cao.*

*Đừng lạy khoảng không trống rỗng, mà lạy nhu cầu của họ:*

*Mỗi người con phụng sự sẽ phụng sự và che chở con."*

*Thế là mỗi sáng, lễ bái hóa thành việc làm,*

*Và cả thế gian trở thành nền chánh điện.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Những lời cảnh báo của Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt về bạn xấu và lười biếng vang vọng khắp Kinh Pháp Cú: "Nếu không gặp được bạn hơn mình hay bằng mình, hãy cương quyết sống một mình; không kết bạn với kẻ ngu" (Pháp Cú 61, diễn ý); và "Người không nỗ lực khi cần nỗ lực… lười biếng, uể oải, không tìm được con đường trí tuệ" (Pháp Cú 280, diễn ý). Ngân sách của Anna và những tình bạn được nối lại là phiên bản tại gia của sự không phóng dật.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 4. Từ giới hạnh đến giải thoát: Con đường vượt trên giới luật

Kinh Upanisā (Tương Ưng Bộ 12.23) trình bày "duyên khởi siêu thế": một chuỗi các duyên hỗ trợ dẫn từ khổ đến giải thoát. Phần chú giải của Bhikkhu Bodhi cho thấy chuỗi này bắt đầu nơi chuỗi mười hai chi phần của khổ đau kết thúc.

### *(a) Mười hai duyên hỗ trợ*

| Giai đoạn | Pāli | Giải thích ngắn gọn (theo Bhikkhu Bodhi) |
|---|---|---|
| 1. Khổ | *dukkha* | Sự nhận ra tính bất toại nguyện thúc đẩy sự tìm cầu |
| 2. Tín | *saddhā* | Niềm tin nơi Phật, Pháp và Tăng; sự sẵn sàng thọ trì giới luật |
| 3. Hân hoan | *pāmojja* | Niềm vui sinh từ lương tâm trong sạch: "hạnh phúc của sự không lỗi lầm" |
| 4. Hỷ | *pīti* | Niềm vui tăng thịnh phát sinh qua thiền định |
| 5. Khinh an | *passaddhi* | Sự lắng dịu của thân và tâm |
| 6. Lạc | *sukha* | Sự an lạc sâu lắng, bình yên |
| 7. Định | *samādhi* | Sự nhất tâm |
| 8. Tri kiến như thật | *yathābhūta-ñāṇadassana* | Thấy sự vật đúng như chúng là: vô thường, khổ, vô ngã |
| 9. Nhàm chán | *nibbidā* | Quay lưng với các pháp hữu vi |
| 10. Ly tham | *virāga* | Sự phai nhạt của ái dục; Thánh đạo siêu thế |
| 11. Giải thoát | *vimutti* | Thoát khỏi các phiền não |
| 12. Trí về sự diệt tận | *khayañāṇa* | Trí hồi quán biết rằng các phiền não đã diệt tận |

### *(b) Giới luật nằm ở đâu*

Theo Bhikkhu Bodhi, tín đưa đến sự thọ trì giới luật, và các bộ giới "có phạm vi khác nhau, từ năm giới căn bản của người cư sĩ Phật tử đến hơn 227 học giới," tất cả đều có "đặc tính chung là điều phục hành vi." Quả trực tiếp của chúng là **sự không hối hận** (*avippaṭisāra*), từ đó hân

hoan phát sinh. Đây chính là tiến trình của đoạn Tập Yếu mở đầu cẩm nang này: giới luật → chế ngự → không hối hận → hân hoan → hỷ → khinh an → định → tri kiến như thật → giải thoát.

Ba kết luận được rút ra:

1. **Giới luật là duyên, không phải nhân.** Giữ Luật tạng tự nó không tạo ra giải thoát; nó tạo nên những duyên hỗ trợ cho thiền định và tuệ giác.
2. **Con đường mở ra cho người tại gia.** Tín, giới, hân hoan và định đều có thể đạt được với người giữ năm hay tám giới.
3. **Hối hận cản trở sự tiến bộ.** Một giới đã phạm mà không phát lộ sinh ra sự bất an ngăn trở hân hoan và định, điều này giải thích tầm quan trọng của việc phát lộ mỗi nửa tháng trước khi tụng Giới bổn Pāṭimokkha.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Daniel, một kỹ sư, giữ năm giới một cách lỏng lẻo và hành thiền không đều đặn. Anh nhận thấy vào những ngày sau khi nói lời gay gắt với đồng nghiệp, buổi thiền của anh bất an. Anh quyết tâm giữ chánh ngữ nghiêm ngặt trong một tháng và tự xét hành vi của mình mỗi tối. Cuối tháng, những buổi ngồi thiền của anh an tịnh hơn; thỉnh thoảng một làn sóng hân hoan lặng lẽ khởi lên. Thầy của anh nói với anh rằng đó là “Kinh Upanisā đang vận hành.”

### *Phân tích sự việc*

Lời nói gay gắt của Daniel sinh ra hối hận, cản trở định. Giới hạnh được phục hồi sinh ra sự không hối hận, rồi hân hoan và an tịnh: các giai đoạn 2–5 của tiến trình. Việc tự xét mỗi tối của anh tương ứng với pháp hành phát lộ và tái phát nguyện của người xuất gia.

### *Các quan điểm khác*

- **Đốn ngộ so với tiệm tu.** Văn bản lưu ý rằng một số hành giả tiến nhanh qua các giai đoạn; tiến trình mô tả các duyên, không phải những thời hạn cố định.
- **Các phương pháp ưu tiên tuệ quán** trong các phong trào thiền minh sát hiện đại đôi khi xem nhẹ giới hạnh; Kinh Upanisā gợi ý rằng điều này có nguy cơ làm sự tu tập thiếu vững chắc.
- **Các cách đọc tâm lý học** liên hệ sự không hối hận với những phát hiện hiện đại về mặc cảm tội lỗi, sự nghiền ngẫm và hạnh phúc.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** "Upanisā" nghĩa là gì? **Đ:** Duyên hỗ trợ.
2. **H:** Chi phần đầu tiên của tiến trình siêu thế là gì? **Đ:** Khổ, làm duyên cho tín.
3. **H:** Tín đưa đến điều gì? **Đ:** Sự thọ trì giới luật.
4. **H:** Quả trực tiếp của giới hạnh là gì? **Đ:** Sự không hối hận.
5. **H:** Điều gì phát sinh từ sự không hối hận? **Đ:** Hân hoan (*pāmojja*).
6. **H:** Điều gì làm duyên cho tri kiến như thật? **Đ:** Định.

7. **H:** Điều gì theo sau tri kiến như thật? **Đ:** Nhàm chán.
8. **H:** Chi phần cuối cùng là gì? **Đ:** Trí về sự diệt tận các phiền não.
9. **H:** Bộ Nettipakaraṇa gọi tiến trình này là gì? **Đ:** Duyên khởi siêu thế.
10. **H:** Đoạn văn nào trong cẩm nang này tương ứng với nó? **Đ:** Đề từ Tập Yếu XII.2.

***Năm câu hỏi mở để ôn tập***

1. Hãy giải thích bằng một ví dụ sự không hối hận làm duyên cho hân hoan như thế nào.
2. Vì sao tiến trình siêu thế bắt đầu bằng khổ?
3. Việc phát lộ mỗi nửa tháng hỗ trợ tiến trình Upanisā như thế nào?
4. Người tại gia có thể tiến qua cả mười hai giai đoạn không? Hãy thảo luận.
5. Hãy so sánh tiến trình Upanisā với Bát Chánh đạo.

***Thơ: Chiếc Thang Duyên Khởi***

*Từ khổ đau, sinh tín; từ tín, lời nguyện giữ giới;*
*Từ giới được giữ, lương tâm trong như bình minh.*
*Từ lương tâm trong, hân hoan; từ hân hoan, sinh hỷ;*
*Từ hỷ, khinh an; từ khinh an, an lạc sâu xa.*
*Từ an lạc sâu xa, tâm lắng yên và quy tụ;*
*Từ lắng yên, thấy sự vật đúng như chúng là.*
*Từ thấy biết, nhàm chán mọi điều qua đi;*
*Từ nhàm chán, dục vọng phai tàn.*
*Từ phai tàn, giải thoát; và từ giải thoát, biết rõ:*
*Việc cần làm đã làm; không còn gì phải làm nữa.*

***Liên hệ với Kinh Pháp Cú***

Tiến trình Upanisā bắt đầu bằng giới hạnh và kết thúc bằng giải thoát, và Kinh Pháp Cú mô tả hoa trái của nó: "Hương các loài hoa không thể bay ngược gió… nhưng hương của người đức hạnh bay ngược gió, tỏa khắp mọi phương" (Pháp Cú 54, diễn ý). Buổi thiền an tịnh hơn của Daniel sau một tháng giữ chánh ngữ là làn hương đầu tiên ấy; "trí tuệ sinh từ thiền định" (Pháp Cú 282, diễn ý) mô tả nơi nó dẫn đến.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 5. Người nữ như những hành giả: Vai trò chủ động, thành tựu và con đường

Các giới về sự tiếp xúc giữa hai giới trong cẩm nang này mô tả người nữ chủ yếu như một nguồn nguy cơ đối với chư Tăng. Khung trình bày ấy phản ánh mục đích luật pháp của văn bản, không phải toàn bộ giáo pháp của Đức Phật. Gnanarama liệt kê trong số những thành tựu của Đức Phật rằng “với tư cách một nhà cải cách xã hội, Ngài đã nâng cao vị thế của người nữ.”

*(a) Năng lực tâm linh của người nữ*

- Khi được hỏi liệu người nữ có thể chứng đắc các quả vị của con đường không, Đức Phật đã khẳng định là có thể; đây là cơ sở kinh điển cho việc thành lập Ni đoàn.
- **Trưởng Lão Ni Kệ** (Therīgāthā), những bài kệ của các vị Trưởng lão Ni, là một trong những tuyển tập thi ca tôn giáo của phụ nữ sớm nhất thế giới, ghi lại sự giác ngộ của họ.
- Đức Phật đã tuyên dương những nữ đệ tử xuất sắc: **Khemā** (đệ nhất trí tuệ), **Uppalavaṇṇā** (đệ nhất thần thông), **Paṭācārā** (đệ nhất trì luật), **Dhammadinnā** (đệ nhất thuyết pháp), và các nữ cư sĩ như **Visākhā** (đệ nhất bố thí) và **Khujjuttarā** (đệ nhất đa văn).
- Những câu trả lời của Bhikkhunī Dhammadinnā về thân kiến và con đường tu tập (Trung Bộ 44), được trích dẫn trong sách của Gnanarama, đã được Đức Phật tán thành, đúng như điều chính Ngài sẽ nói.

*(b) Vai trò của người nữ trong chính Luật tạng*

Người nữ không chỉ là đối tượng của giới luật mà còn là người có thẩm quyền trong đó:

- Nữ cư sĩ **Visākhā** đã khởi duyên cho các giới Bất định: “một nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy” có thể đưa ra cáo buộc đối với một vị Bhikkhu.
- Những lời phê bình của các nữ cư sĩ đã dẫn đến nhiều giới về hạnh kiểm đúng đắn, trao cho họ tiếng nói thực sự trong việc định hình hành vi của người xuất gia.

- Visākhā cũng thỉnh cầu y tắm mưa và những điều cho phép khác, và Đức Phật đã chấp thuận.

### *(c) Sự tu tập của người nữ ngày nay*

- **Nữ cư sĩ** có thể giữ năm hay tám giới, hành thiền, học hỏi và giảng dạy.
- **Các vị nữ tu giữ giới** (*mae chi, thilashin, dasasīla mātā*) sống đời xuất ly, thường là những vị thầy và thiền sư.
- **Bhikkhunī** lần đầu được tái thọ giới tại Sarnath, Ấn Độ, năm 1996, và đã được truyền giới ngay tại Sri Lanka từ năm 1998, cũng như tại một số cộng đồng Tây phương và Thái Lan; địa vị của họ vẫn còn được tranh luận.
- Người nữ ngày càng đảm nhận vai trò học giả Phật giáo, tuyên úy và giảng sư tại gia.

### *(d) Nhìn lại các giới về sự tiếp xúc giữa hai giới*

Đọc song song với vai trò chủ động của người nữ, các giới về sự tiếp xúc có thể được hiểu là **sự bảo vệ hỗ tương**: chúng bảo vệ người nữ khỏi sự lạm dụng của chư Tăng (như trong Saṅgh. 4, chống lại lời cho rằng giao hợp với vị thầy có lợi ích tâm linh), bảo vệ phạm hạnh của chư Tăng, và bảo vệ sự đáng tin cậy của Tăng-già. Các giới tương ứng của Bhikkhunī (xem Phần II, mục 8) cho thấy nguyên lý này là đối xứng.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Priya, một học viên cao học ở Kandy, viết luận văn về Trưởng Lão Ni Kệ. Ban đầu cô khó chịu với các giới đòi hỏi phải có người đi kèm khi phỏng vấn một vị Bhikkhu trưởng lão. Khi phỏng vấn một vị nữ tu mười giới, Sư cô Sudhamma, vị ni giải thích rằng chính sư cô cũng giữ giới tương ứng đối với nam cư sĩ, và rằng các giới ấy đã từng bảo vệ một người bạn của sư cô khỏi một vị thầy lạm dụng. Luận văn của Priya kết luận rằng các giới ấy, không hề hạ thấp người nữ, là một phần của khuôn khổ trong đó người nữ từ lâu đã là những vị thầy giác ngộ với tư cách của chính mình.

### *Phân tích sự việc*

Các cuộc phỏng vấn của Priya minh họa sự đối xứng của các giới đối với Bhikkhu và Bhikkhunī, chức năng bảo vệ của Saṅgh. 4 và các giới về người đi kèm, và truyền thống lâu đời về thành tựu tâm linh của người nữ được ghi lại trong Trưởng Lão Ni Kệ.

### *Các quan điểm khác*

- **Phê bình nữ quyền** chỉ ra tám kính pháp (*garudhamma*) và sự đứt đoạn của Ni đoàn Theravāda như bằng chứng về sự bất bình đẳng mang tính thể chế.
- **Quan điểm truyền thống** cho rằng dòng truyền thừa Bhikkhunī không thể được khôi phục hợp lệ khi không còn Bhikkhunī Theravāda.

- **Giới nghiên cứu lịch sử** tranh luận liệu những đoạn văn hạn chế người nữ có phải là phần thêm vào về sau không.
- **Thực hành cải cách** chỉ ra việc phục hồi giới đàn Bhikkhunī và các vị nữ giảng sư như những dấu hiệu của sự đổi mới.

***Mười câu hỏi và trả lời***

1. **H:** Đức Phật có khẳng định năng lực giác ngộ của người nữ không? **Đ:** Có.
2. **H:** Trưởng Lão Ni Kệ là gì? **Đ:** Những bài kệ của các vị Trưởng lão Ni.
3. **H:** Ai là bậc đệ nhất trí tuệ trong hàng Ni chúng? **Đ:** Khemā.
4. **H:** Nữ cư sĩ nào là bậc đệ nhất bố thí? **Đ:** Visākhā.
5. **H:** Lời dạy của vị ni nào được Đức Phật tán thành trong Trung Bộ 44? **Đ:** Dhammadinnā.
6. **H:** Nữ cư sĩ đáng tin cậy có vai trò gì trong các giới Bất định? **Đ:** Lời chứng của họ có thể đưa ra cáo buộc đối với một vị Bhikkhu.
7. **H:** Giới nào bảo vệ người nữ khỏi những vị thầy lạm dụng? **Đ:** Saṅgh. 4.
8. **H:** Giới đàn Bhikkhunī Theravāda được phục hồi khi nào và ở đâu? **Đ:** Tại Sarnath, Ấn Độ, năm 1996, cho các vị ni Sri Lanka; ngay tại Sri Lanka từ năm 1998.
9. **H:** Các giới về sự tiếp xúc có thiên lệch một chiều không? **Đ:** Không; Bhikkhunī có những giới tương ứng đối với người nam.

10. **H:** Gnanarama nói gì về Đức Phật và người nữ? **Đ:** Rằng Ngài đã nâng cao vị thế của họ với tư cách một nhà cải cách xã hội.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Trưởng Lão Ni Kệ thay đổi cách chúng ta đọc các giới về sự tiếp xúc giữa hai giới như thế nào?
2. Hãy đánh giá các lập luận ủng hộ và phản đối việc phục hồi giới đàn Bhikkhunī.
3. Các nữ cư sĩ đã định hình Luật tạng như thế nào?
4. Những giới được xây dựng quanh phạm hạnh của người nam có thể được đọc như sự bảo vệ người nữ không? Hãy thảo luận.
5. Ngày nay người nữ nên đảm nhận những vai trò nào trong các cộng đồng Phật giáo?

### *Thơ: Khúc Ca Của Các Trưởng Lão Ni*

*Họ hát về tự do thoát khỏi chày và cối,*

*Về những người chồng khắc nghiệt, gian bếp, và nỗi sầu.*

*Kisā đi tìm hạt cải từ ngôi nhà chưa từng có người chết;*

*Paṭācārā mất tất cả, và tìm thấy con đường.*

*Visākhā bố thí, lên tiếng, và định hình giới luật;*

*Dhammadinnā giảng dạy, và Đức Phật nói: "Lành thay."*

*Những giới giữ khoảng cách cũng giữ phẩm giá;*

*Chúng gìn giữ tự do của người nữ như của vị sư.*

*Hai Tăng-già, một Chánh pháp, một mục đích:*

*Tâm đã giải thoát chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ.*

### *Liên hệ với Kinh Pháp Cú*

Nhiều câu kệ Pháp Cú phát sinh từ câu chuyện của các nữ đệ tử: Paṭācārā (Pháp Cú 113, 288–289), Kisāgotamī (Pháp Cú 114, 287) và Visākhā (Pháp Cú 53), người có lòng bố thí được so sánh với người kết vòng hoa: "Như từ một đống hoa, nhiều tràng hoa được kết, cũng vậy, thân sinh ra làm người, nên làm nhiều việc lành" (Pháp Cú 53, diễn ý). Câu chuyện của họ cho thấy con đường của Kinh Pháp Cú mở ra bình đẳng cho cả người nữ lẫn người nam.




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

## 6. Nền tảng kinh điển về cách ứng xử của người tại gia đối với Tăng-già

Ba văn bản kinh điển cùng nhau trình bày cách người tại gia nên đối xử với người xuất gia, và cách người xuất gia phải đối xử lại với người tại gia. Đọc song song, chúng

cho thấy mối quan hệ được điều chỉnh bởi **sự tôn trọng lẫn nhau được thực thi từ cả hai phía**: người tại gia nợ Tăng-già sự lễ độ và hộ trì, và Tăng-già nợ người tại gia sự tôn trọng, với một biện pháp khắc phục chính thức khi một vị Bhikkhu không làm tròn điều ấy.

| Văn bản | Nguồn | Điều được xác lập |
|---|---|---|
| **Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt** | Trường Bộ 31 | Được chú giải gọi là "Luật của người tại gia" (*gihi-vinaya*). Người tại gia phụng sự các Sa-môn và Bà-la-môn, tức "phương Trên," bằng thân, khẩu, ý từ hòa, bằng cách mở rộng cửa đón tiếp và cung cấp nhu cầu vật chất; người xuất gia đáp lại bằng sáu bổn phận (Phần VI, mục 2). |
| **Kinh Dhammika** | Kinh Tập 2.14 | Đức Phật trình bày hạnh kiểm của vị Bhikkhu và của người cư sĩ. Gia chủ giữ năm giới, phụng dưỡng cha mẹ, sống chánh mạng, cung kính dâng vật thực và thức uống lên chư Tăng "với tâm thanh tịnh," và giữ Bố-tát tám giới vào các ngày trai giới mỗi nửa tháng. |
| **Tiểu Phẩm I** | Luật tạng | Duyên khởi của *paṭisāraṇīya-kamma* (yết-ma hòa giải). Khi Đại đức Sudhamma xúc phạm gia chủ Citta tận tụy, Tăng-già chính thức buộc vị ấy đến gặp Citta, có một vị Bhikkhu khác đi cùng, và xin ông tha thứ. Vị Bhikkhu mắng nhiếc, xúc phạm hay gây tổn thất cho thí chủ có thể phải chịu yết-ma này. |

### *(a) Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt: tôn trọng và hộ trì*

Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt chuyển nghi lễ lễ bái sáu phương của Sigāla thành một tập hợp các mối quan hệ giữa con người. Phương Trên, phương cao nhất, thuộc về những người đã xuất gia. Năm bổn phận của người tại gia mang tính tích cực và thiết thực: thiện ý biểu lộ qua thân, khẩu và ý; một cánh cửa mở, nghĩa là sự hiếu khách và dễ

tiếp cận; và việc cung cấp bốn vật dụng. Đây là cơ sở kinh điển cho mọi điều trong Phần I và Phần III về sự đón tiếp, dâng cúng và gia đình đón chư Tăng an cư.

### *(b) Kinh Dhammika: nếp kỷ luật của người cư sĩ*

Trong Kinh Dhammika, cư sĩ Dhammika hỏi Đức Phật một người theo đạo nên sống thế nào, với tư cách vị Bhikkhu cũng như với tư cách gia chủ. Đối với gia chủ, Đức Phật dạy năm giới, sự hành trì tám giới vào ngày 14, 15 và 8 của mỗi nửa tháng âm lịch, sinh kế lương thiện, phụng dưỡng cha mẹ, và cung kính dâng vật thực, thức uống lên Tăng-già. Bài kinh xác nhận rằng giới Bố-tát và việc cung kính dâng vật thực không phải là những phong tục về sau mà là một phần trong chính lời dạy của Đức Phật cho người tại gia.

### *(c) Tiểu Phẩm I: bảo vệ người tại gia khỏi hành vi sai trái của người xuất gia*

Gia chủ Citta ở Macchikāsaṇḍa là một trong những nam cư sĩ hàng đầu của Đức Phật, một bậc Bất lai thiện xảo trong việc thuyết Pháp, người đã xây một tu viện và hộ trì vị Bhikkhu thường trú ở đó, Đại đức Sudhamma. Khi Citta thỉnh một nhóm chư Tăng trưởng lão đến thọ trai mà không hỏi ý vị ấy trước, Sudhamma phật ý và xúc phạm Citta, chế nhạo dòng dõi gia đình ông. Đức Phật quở trách Sudhamma và cho Tăng-già tiến hành yết-ma hòa giải: Sudhamma phải đến gặp Citta và xin ông tha lỗi. Khi vị ấy đi một mình, Citta không chấp nhận; chỉ khi vị ấy trở lại cùng một vị Bhikkhu đồng hành, đúng như Tăng-già yêu cầu, lời xin lỗi mới được chấp nhận.

Luật tạng liệt kê những lý do cho yết-ma này, bao gồm việc tìm cách làm người tại gia bị tổn thất, bị hại hay mất chỗ ở, mắng nhiếc và xúc phạm họ, gây chia rẽ giữa họ, và nói lời chê bai Phật, Pháp hay Tăng với họ. Nguyên tắc thật rõ ràng: **Tăng-già phải chịu trách nhiệm về cách các thành viên của mình đối xử với người tại gia**.

### *Kiến thức phổ thông*

Nghĩa vụ của người tại gia đối với chư Tăng thường được mô tả chi tiết, trong khi chiều ngược lại hiếm khi được bàn đến. Ba văn bản này điều chỉnh sự mất cân bằng ấy. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và Kinh Dhammika cho người tại gia biết họ nợ điều gì; Tiểu Phẩm I trao cho người tại gia một sự bảo vệ được công nhận khi một vị Bhikkhu cư xử ngạo mạn hay thô bạo. Không bên nào được định để chế ngự bên kia: mối quan hệ là bổn phận hỗ tương trong Chánh pháp.

### *Câu chuyện đời thường (chỉ nhằm minh họa; không phải giáo lý thực sự)*

Ông Wong, một kế toán viên đã nghỉ hưu ở Vancouver, suốt hai mươi năm giữ sổ sách cho chùa với tư cách người hộ Tăng (Kappiya). Khi ông sắp xếp một bữa trai cho chư Tăng đến thăm mà không hỏi ý vị Bhikkhu thường trú trước, vị Bhikkhu ấy đã công khai la rầy ông trước đại chúng, gọi ông là "một người kiêu ngạo, tưởng mình làm chủ ngôi chùa." Ông Wong bị tổn thương sâu sắc và không đến chùa nữa. Vị trụ trì của tu viện chính nghe chuyện, đọc câu chuyện Citta và Sudhamma cho cộng đồng, và yêu cầu vị Bhikkhu thường trú cùng một vị

Bhikkhu trưởng lão đến thăm ông Wong để xin lỗi. Vị Bhikkhu đã làm như vậy. Ông Wong chấp nhận, trở lại chùa, và giờ đây hai người bàn bạc với nhau trước mỗi sự kiện.

### *Phân tích dưới ánh sáng Chánh pháp*

Câu chuyện theo đúng khuôn mẫu kinh điển từng bước: một thí chủ tận tụy, một hành động hiếu khách bị xem là sự coi thường, một lời xúc phạm công khai, và sự chỉnh sửa chính thức của Tăng-già. Lời xin lỗi có một vị Bhikkhu khác đi cùng phản ánh trường hợp của Citta, bảo đảm rằng sự hòa giải có người chứng kiến và chân thành. Kinh Pháp Cú đưa ra lời dạy nội tâm đằng sau thủ tục bên ngoài: "'Nó mắng tôi, đánh tôi, thắng tôi, cướp của tôi': ai ôm ấp những ý nghĩ ấy, hận thù không thể nguôi" (Pháp Cú 3, diễn ý). Yết-ma hòa giải giải phóng cả hai bên khỏi sự oán hận đó. Nó cũng phản ánh lời cảnh tỉnh rằng tấm y không làm nên vị Bhikkhu: "Không phải đầu trọc mà thành Sa-môn, nếu không giới hạnh…" (Pháp Cú 264, diễn ý).

### *Lời Đức Phật dạy*

*Về bổn phận của người tại gia đối với người xuất gia:*

> "Có năm cách người gia chủ phụng sự các Sa-môn và Bà-la-môn như phương Trên: bằng thân nghiệp từ hòa, bằng khẩu nghiệp từ hòa, bằng ý nghiệp từ hòa, bằng cách mở rộng cửa đón tiếp, và bằng cách cung cấp các nhu cầu vật chất." — Trường Bộ 31

*Về sự hành trì của người cư sĩ:*

> "Hãy giữ ngày Bố-tát, đầy đủ tám chi phần, vào ngày mười bốn, ngày rằm và ngày mồng tám của nửa tháng… và với tâm trong sáng, hãy dâng vật thực và thức uống lên chúng Bhikkhu." — Kinh Tập 2.14 (Kinh Dhammika)

*Về vị Bhikkhu làm hại thí chủ:*

> "Này các Bhikkhu, thật không thích hợp cho kẻ ngu si này, không xứng đáng, không đúng hạnh Sa-môn, không được phép, không nên làm. Sao kẻ ngu si này lại có thể xúc phạm và chê bai gia chủ Citta, người có lòng tin, tận tụy và là thí chủ của Tăng-già?" — Luật tạng, Tiểu Phẩm I

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Chú giải gọi Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt là gì? **Đ:** "Luật của người tại gia" (*gihi-vinaya*).
2. **H:** Phương nào tượng trưng cho người xuất gia? **Đ:** Phương Trên.
3. **H:** Hãy nêu năm bổn phận của người tại gia đối với người xuất gia. **Đ:** Thân, khẩu, ý từ hòa; mở rộng cửa; cung cấp nhu cầu vật chất.
4. **H:** Kinh Dhammika nằm ở đâu? **Đ:** Trong Kinh Tập, 2.14.
5. **H:** Bài kinh dạy giữ Bố-tát vào những ngày nào? **Đ:** Ngày 14, 15 và 8 của mỗi nửa tháng.
6. **H:** Citta là ai? **Đ:** Một nam cư sĩ hàng đầu, bậc Bất lai và thí chủ của Tăng-già ở Macchikāsaṇḍa.
7. **H:** Đại đức Sudhamma đã làm sai điều gì? **Đ:** Vị ấy xúc phạm Citta và chế nhạo dòng dõi ông.

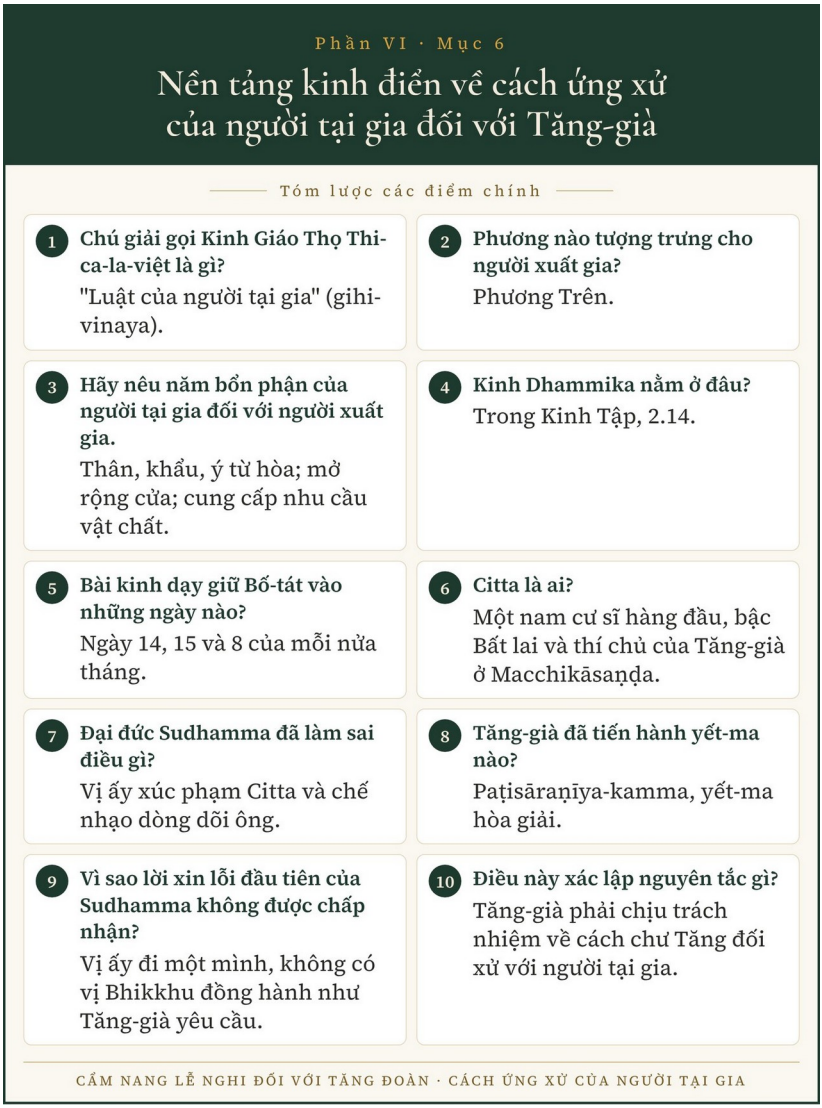
8. **H:** Tăng-già đã tiến hành yết-ma nào? **Đ:** *Paṭisāraṇīya-kamma*, yết-ma hòa giải.
9. **H:** Vì sao lời xin lỗi đầu tiên của Sudhamma không được chấp nhận? **Đ:** Vị ấy đi một mình, không có vị Bhikkhu đồng hành như Tăng-già yêu cầu.
10. **H:** Điều này xác lập nguyên tắc gì? **Đ:** Tăng-già phải chịu trách nhiệm về cách chư Tăng đối xử với người tại gia.

### *Năm câu hỏi mở để ôn tập*

1. Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và Kinh Dhammika cùng nhau định nghĩa một nếp kỷ luật tại gia trọn vẹn như thế nào?
2. Vì sao Đức Phật có thể đã buộc Sudhamma phải trực tiếp xin lỗi thay vì chỉ sám hối với các vị Bhikkhu khác?
3. Một ngôi chùa hiện đại có thể áp dụng yết-ma hòa giải thế nào khi một vị Bhikkhu đối xử tệ với thí chủ?
4. Trường hợp của Citta cho thấy điều gì về địa vị của người cư sĩ trong Tăng-già sơ kỳ?
5. Hãy thảo luận về sự cân bằng bổn phận giữa chư Tăng và người tại gia qua ba văn bản này.

***Thơ: Gia Chủ Citta***

*Ông dựng giảng đường, hoan hỷ dâng cơm chư Tăng,*
*Một người có tuệ giác, dù vẫn sống đời gia chủ.*
*Một lời sắc bén từ tấm y, một câu chế nhạo,*
*Và bao năm bố thí hóa thành niềm đau.*
*Đức Phật không bảo người gia chủ cúi đầu;*
*Ngài sai vị sư, có bạn đồng hành, đến tận cửa.*
*"Xin tha thứ cho tôi," tấm y nói với áo trắng,*
*Và ngôi nhà rộng mở lại mở ra lần nữa.*
*Vậy chớ để vị sư nào quên ai làm đầy bát mình,*
*Cũng chớ để người cho nào ngờ rằng món quà mình không được thấy.*




*Đồ họa: các điểm chính của phần này*

# Phần VII — Bổ Sung Chi Tiết Từ Upāsaka Vatta

Các Phần trước trình bày giới luật theo lối giải thích và áp dụng. Phần này bổ sung những chi tiết thực hành mà cẩm nang chưa đề cập hoặc chỉ nêu vắn tắt, rút từ **Upāsaka Vatta** (*Bổn phận của cư sĩ*) do Trưởng lão Galpotugoda Ñāṇavaṃsa biên tập (Theravāda Publications Society, Anuradhapura, Sri Lanka, 2025). Tác phẩm ấy y cứ trên Luật tạng, Chú giải và Phụ chú giải, theo cách hành trì của truyền thống Sri Lanka; vì vậy một số chi tiết phản ánh quan điểm của các nhà chú giải hoặc tập quán địa phương, chứ không phải giới điều trong Giới bổn. Ở những chỗ ấy, cẩm nang ghi rõ. Những chỗ bản dịch tiếng Việt của Upāsaka Vatta còn sai sót về thuật ngữ đã được hiệu đính theo nguyên bản Pāli.

***Lời Đức Phật dạy***

> "Hàng tại gia và bậc xuất gia, cả hai nương tựa lẫn nhau, cùng làm cho Chánh pháp được hưng thịnh, đạt đến sự an ổn vô thượng." — Kinh Bahukāra, Tiểu Bộ (Itivuttaka 107)

## 1. Dâng vật thực: các chi tiết của nghi thức thọ nhận

Ngoài nước uống và tăm xỉa răng, vị Bhikkhu chỉ được dùng những gì đã được dâng đúng nghi thức (Pāc. 40). Phần III, mục 7 đã nêu nguyên tắc chung; Upāsaka Vatta nói rõ năm điều kiện mà người dâng cần biết:

1. **Khoảng cách trong tầm tay (*hatthapāsa*).** Người dâng và vị Bhikkhu không cách nhau quá hai khuỷu tay rưỡi (khoảng 1,1–1,25 m). Khoảng cách được đo từ phần thân gần nhất của người dâng (không tính cánh tay đang đưa ra) đến phía sau thân vị Bhikkhu; khi người dâng cúi lạy rồi dâng, tính từ đầu. Khi hai bên ở hai độ cao khác nhau (vị Bhikkhu ngồi trên bục, người dâng đứng dưới đất, hoặc ngược lại), vẫn phải đo khoảng cách thực giữa hai thân. Cách thử đơn giản mà nhiều vị Bhikkhu dùng: khi vị ấy duỗi tay, có thể chạm tới người dâng.
2. **Vật dâng phải nhấc được.** Vật phải là thứ một người sức lực trung bình nâng lên được. Một chiếc bàn bày đầy thức ăn mà phải hai, ba người mới khiêng nổi thì không thể dâng cả bàn; hãy dâng từng món.
3. **Vật dâng phải được hướng đến vị Bhikkhu.** Khi dâng trên khay, vị Bhikkhu phải nhận cả khay (hoặc đặt một tay lên khay) rồi mới lấy món bên trong. Khi dâng thuốc hay đồ uống, nên nhấc tách khỏi khay và trao thẳng vào tay vị ấy.
4. **Người dâng phải trao bằng thân** hoặc bằng vật cầm trên tay (như muỗng), và buông vật ra.
5. **Vị Bhikkhu phải nhận bằng thân** hoặc bằng vật gắn với thân, như bình bát đặt trên đùi, hay chiếc bàn nhẹ mà vị ấy đang chạm vào với ý định thọ nhận.

Chỉ nói lời “con xin dâng” mà đặt thức ăn trước mặt vị Bhikkhu thì chưa phải là thọ nhận. Đặt lên vật cố định không di chuyển được (bàn bê tông, tảng đá) cũng không

thành. Một món đồ được gói kín mà bên trong có thức ăn vẫn phải được trao vào tay. Vật đã được một vị Bhikkhu thọ nhận đúng cách thì hợp lệ cho tất cả chư Tăng; ngược lại, nếu vị Bhikkhu tự cầm lên trước khi được dâng, vật ấy trở thành không hợp lệ cho tất cả. Sau khi đã dâng, người tại gia không nên chạm lại vào vật ấy cho đến khi chư Tăng dùng xong.

## 2. Thời hạn của vật thực (kālika), việc cất giữ, rạng đông và giờ ngọ

Mọi vật vị Bhikkhu thọ dụng được xếp vào bốn loại theo thời hạn (*kālika*):

- **Yāvakālika** (đến giờ ngọ): mọi thứ dùng làm thức ăn — cơm, cháo, sữa, cá, thịt, bánh trái, rau, trái cây nguyên quả. Chỉ được dâng, nhận và dùng từ rạng đông đến giờ ngọ.
- **Yāmakālika** (đến rạng đông hôm sau): các loại nước trái cây được phép, đã lọc kỹ, do người chưa thọ Cụ túc giới làm (xem mục 3). Nếu vị Bhikkhu tự làm, nước ấy trở thành *yāvakālika*.
- **Sattāhakālika** (bảy ngày): năm loại dược phẩm — bơ lỏng, bơ, dầu, mật ong, đường mía (Nis. Pāc. 23). Sang rạng đông ngày thứ tám phải xả bỏ.
- **Yāvajīvika** (trọn đời): các dược liệu không thuộc ba loại trên, như gừng, tỏi, rau mùi, quả kha tử, trà, cà phê, muối.

Khi các loại trộn lẫn, hỗn hợp theo thời hạn ngắn nhất: tỏi (*yāvajīvika*) trộn mật ong thành *sattāhakālika*; đường trộn vào thức ăn thành *yāvakālika*. Vật đã nhận mà giữ quá hạn

là vật tích trữ (*sannidhi*, Pāc. 38), kể cả sữa bột hay đồ hộp. Upāsaka Vatta nêu thêm ví dụ về muối: muối được nhận như dược phẩm có thể giữ lâu, nhưng phần muối đã dành riêng để nêm thức ăn trong ngày thì mang tính thức ăn và không được giữ sang hôm sau.

Phần thức ăn còn dư, vị Bhikkhu xả bỏ bằng cách trao cho người chưa thọ Cụ túc giới mà không còn ý định giữ lại. Người tại gia có thể cất giữ phần ấy và dâng lại vào hôm sau; đó là cách hộ trì khéo léo. Các loại *sattāhakālika* như bơ, mật ong cũng có thể giao cho người hộ Tăng cất giữ, khi cần mới dâng, thay vì trao trực tiếp một lượng lớn.

**Rạng đông (*aruṇa*)** không phải lúc mặt trời mọc, mà là ánh sáng đỏ xuất hiện ở phương đông khoảng nửa giờ trước đó, khi đã nhìn rõ gân lá mà không cần đèn. Thức ăn dâng hay nhận trước rạng đông là ăn phi thời (Pāc. 37) và trở thành không hợp lệ cho mọi vị Bhikkhu; khi trời mưa hay rừng rậm khó xác định, nên đợi cho trời sáng hẳn. **Giờ ngọ** là lúc mặt trời lên cao nhất, thay đổi theo ngày và theo địa phương, không phải lúc nào cũng đúng 12 giờ. Người tổ chức trai Tăng nên sắp xếp để chư Tăng dùng xong trước giờ ngọ. Upāsaka Vatta lưu ý: Luật tạng không nới lỏng giới ăn phi thời vì lý do bệnh; vị Bhikkhu bệnh được dùng các loại nước và dược phẩm, chứ không dùng thức ăn.

## 3. Nước uống buổi chiều và các chế phẩm dược

Đức Phật cho phép tám loại nước trái cây (*aṭṭha pāna*, Đại Phẩm VI.35): xoài, trâm (*jambu*), chuối có hạt, chuối không hạt, *madhuka*, nho, củ súng (*sāluka*) và *phārusaka*.

Nước của các loại trái cây cỡ nhỏ tương tự (cam, quýt, chanh, táo…) cũng được chấp nhận theo cùng nguyên tắc. Những điểm thực hành:

- Trái cây được giã hoặc ép, pha **nước lạnh** và lọc thật kỹ, tốt nhất bằng vải sạch, lọc vài lần, cho đến khi không còn cặn thấy được bằng mắt. Pha nước nóng hay đun sôi thì thành thức ăn (đã nấu) và không dùng buổi chiều được. Vị Bhikkhu bệnh không uống lạnh được có thể làm ấm bằng ánh nắng.
- Trái cây đã luộc trước khi ép (như quả bael) cho ra thức ăn, không phải nước thuốc.
- Các "đại quả" (*mahāphala*) như thốt nốt, dừa, mít, sa-kê, bầu, bí, dưa… và nước làm từ ngũ cốc đều được xem là thức ăn, không dâng buổi chiều. Sinh tố còn xác trái cây cũng là thức ăn.
- Các dược liệu *yāvajīvika* (gừng, rau mùi, vỏ quả bael đã rửa sạch ruột…) có thể phơi khô, sắc nước nóng và dùng bất cứ lúc nào.
- Theo Upāsaka Vatta, nước mía ép nguyên chất không pha nước được xem như đường mía (*sattāhakālika*).

**Bốn vị ngọt (*catu-madhu*)** của truyền thống Sri Lanka là hỗn hợp các dược phẩm *sattāhakālika* — bơ lỏng, mật ong, đường thô (từ mía hay nhựa cây kithul) và dầu mè hoặc bơ. Bơ thực vật (margarine) không làm từ sữa nên không thuộc loại này. Hỗn hợp có thể đun nóng khi chế biến và dùng trong bảy ngày; nếu làm nhiều, nên giao người hộ Tăng giữ.

## 4. Từ chối vật thực (pavāraṇā)

Giới Pāc. 35 thường bị phạm vì người dâng không biết. Khi một vị Bhikkhu đang thọ thực mà từ chối thêm thức ăn, sự "từ chối" (*pavāraṇā*) thành lập nếu đủ năm điều kiện:

1. Vị ấy đã ăn một trong năm loại thực phẩm chính (*bhojana*): cơm và các món từ ngũ cốc dùng như cơm (*odana*), *kummāsa*, bột rang (*sattu*), cá (*maccha*), thịt (*maṃsa*); cháo đặc đến mức múc lên để lại vết lõm cũng tính là *odana*.
2. Bữa ăn chưa xong: còn thức ăn trong tay, trong miệng hay trong bát.
3. Có người mang đến một món thuộc năm loại ấy để dâng.
4. Người dâng đứng trong tầm tay.
5. Vị Bhikkhu từ chối bằng cử chỉ hay lời nói.

Sau đó, nếu rời chỗ ngồi, vị Bhikkhu không được ăn thêm thức ăn chính trong ngày (trừ khi làm thủ tục "thức ăn dư" với một vị Bhikkhu khác). Vì vậy, khi đi khất thực hay trong bữa trai Tăng, người muốn dâng thêm nên **hỏi từ xa** trước khi mang thức ăn đến gần, hoặc dâng những món không thuộc năm loại trên (trái cây, bánh không làm từ ngũ cốc). Nếu thấy vị Bhikkhu đưa tay che bát, hãy hiểu ý và không dâng thêm.

## 5. Làm cho hợp lệ (kappiya-karaṇa), thịt và việc nấu

Vì giới không làm hại cây cỏ (Pāc. 11), vị Bhikkhu không thọ dụng hạt, củ, chồi hay thân còn có thể nảy mầm khi chưa được người chưa thọ Cụ túc giới làm cho hợp lệ. Tiểu Phẩm V.5 cho phép năm cách: **làm cho dập bằng lửa, bằng dao, bằng móng tay; trái không hạt; và trái đã bỏ hạt.** Khi vị Bhikkhu nói "*Kappiyaṃ karohi*" (Hãy làm cho hợp lệ), người tại gia đáp "*Kappiyaṃ, bhante*" rồi dùng dao chạm tạo vết trên trái, hoặc bấm bằng móng tay, hoặc hơ qua lửa. Một số điểm thực hành:

- Một đĩa trái cây chạm vào nhau chỉ cần làm cho một trái; trái nằm tách riêng phải làm riêng.
- Với món lỏng có hạt sống (nước sốt, cà-ri loãng), nơi múc lên liền đầy lại thì không cắt được; nhiều vị thầy chấp nhận việc nhúng một dụng cụ đã hơ nóng vào món ấy.
- Lưu ý các món trộn có ớt tươi còn hạt, cây mía tươi (chỉ cần cắt một đầu), và rau mùi tươi khi sắc thuốc.
- Chỉ vật đã rời khỏi đất hoặc cây mới làm hợp lệ được; trái còn trên cây thì không.
- Làm *kappiya* là thủ tục theo Luật, không nhằm diệt khả năng nảy mầm của hạt.

**Thịt.** Vị Bhikkhu được dùng thịt "thanh tịnh ba phương diện" (*tikoṭi-parisuddha*): không thấy, không nghe, không nghi rằng con vật bị giết để dâng mình (Trung Bộ 55). Tuy vậy, Đại Phẩm VI.23 cấm mười loại thịt: thịt người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu.

**Nấu.** Vị Bhikkhu không tự nấu thức ăn rồi dùng (Đại Phẩm VI.17), nhưng hâm lại thức ăn đã chín thì không phạm. Mì ăn liền đã được nấu chín khi sản xuất, nên nấu lại được (riêng gói gia vị có thể chứa nguyên liệu sống). Khi dâng thực phẩm sống, hãy hỏi xem có người nấu giúp không.

## 6. Tiền bạc và vật quý: chi tiết thực hành

Phần III, mục 7 đã trình bày nguyên tắc người hộ Tăng và điều cho phép Meṇḍaka. Upāsaka Vatta nói rõ thêm các bước khi có người muốn dâng tiền:

1. Vị Bhikkhu chỉ có một cách đúng là **từ chối**; vị ấy không được chỉ định ai nhận thay.
2. Thí chủ hỏi: "Bạch Ngài, Ngài có người hộ Tăng không?" Vị Bhikkhu có thể cho biết người ấy, nhưng không được bảo "hãy đưa tiền cho người ấy."
3. Thí chủ tự giao tiền cho người hộ Tăng để lo các vật dụng của vị Bhikkhu. Người hộ Tăng báo lại: "Bạch Ngài, có khoản này dành cho nhu cầu của Ngài; khi cần gì xin cho con biết."
4. Khi cần, vị Bhikkhu chỉ nói tên vật ("tôi cần món này"), không nói "hãy trả tiền." Khi muốn một khoản chi được thanh toán cho người khác, vị ấy chỉ nói gián tiếp ("có một khoản như thế cần được lo"). Người hộ Tăng có trí hiểu ý và làm.
5. Nếu không có người hộ Tăng, thí chủ mang tiền về hoặc tự cất giữ, không cần chỉ dẫn của vị Bhikkhu.

Tiền dâng cho bảo tháp, chùa hay công trình xây dựng thì vị Bhikkhu không từ chối, nhưng cũng không tự cầm; vị

ấy chỉ báo cho người hộ Tăng hay ban quản trị. Vàng, bạc, ngọc trai, đá quý và đồ trang sức cũng không hợp lệ với vị Bhikkhu (Nis. Pāc. 18); nếu dâng cho việc xây dựng, hãy trình vị trụ trì rồi giao cho cư sĩ phụ trách. Nếu người tại gia bỏ quên ví tiền hay vật quý trong khuôn viên tu viện, vị Bhikkhu có thể nhặt hoặc nhờ người cất giữ với ý định trả lại chủ (Pāc. 84); tốt nhất là giao ngay cho người hộ Tăng hay ban quản trị, không để trong tịnh thất của vị Bhikkhu.

**Vật mua bằng tiền không hợp lệ.** Chú giải nêu bốn trường hợp về bình bát: (a) bát do vị Bhikkhu dùng tiền tự nhận để đúc thì không bao giờ trở thành hợp lệ, kể cả khi đúc lại thành vật khác; (b) bát mua bằng tiền vị Bhikkhu đã nhận thì không hợp lệ cho mọi người xuất gia, trừ khi tiền và bát được trả lại rồi đổi lại bằng vật hợp lệ; (c) nếu vị Bhikkhu đã nhận tiền rồi đi cùng người hộ Tăng chỉ món mình muốn, món ấy không hợp lệ cho chính vị ấy; (d) dù tiền do thí chủ gửi người hộ Tăng, nếu vị Bhikkhu nói "hãy lấy cái bát ấy bằng tiền này," bát không hợp lệ cho vị ấy vì vị ấy đã nói về tiền. Còn nếu vị Bhikkhu chỉ chỉ vào cái bát và người hộ Tăng tự trả tiền thì bát hợp lệ cho tất cả.

**Trao đổi với người tại gia.** Ngay cả đổi vật hợp lệ lấy vật hợp lệ với người tại gia ("lấy tấm y này, đưa tôi cây dù") cũng là phạm (Nis. Pāc. 20); trao đổi giữa năm hạng người xuất gia thì không phạm. Vị Bhikkhu khéo léo chỉ nói: "Tôi có dư y, nhưng không có dù; một cây dù sẽ hữu ích." Nếu người tại gia tự ý dâng dù và nhận lại y, không có lỗi. Cách này chỉ áp dụng cho vật hợp lệ.

## 7. Những vật vị Bhikkhu không được chạm (anāmāsa)

Theo Chú giải, có những vật vị Bhikkhu không được chạm vào bằng bất kỳ phần nào của thân. Người tại gia nên biết để không vô tình trao những vật ấy:

- Thân người nữ, kể cả mẹ ruột, và thú vật giống cái; y phục, trang sức của người nữ (vì vậy đừng lót ghế cho chư Tăng bằng khăn, áo của phụ nữ); tượng hình người nữ hay thú cái.
- Các loại ngũ cốc thô chưa xay xát (lúa, thóc, lúa mạch, lúa mì, kê…) và trái cây còn trên cây hay trên giàn.
- Vàng, bạc, ngọc trai, hồng ngọc, san hô, đá quý và đồ trang sức.
- Vũ khí các loại.
- Nhạc cụ các loại.

Phần giải thích này vắn tắt; muốn hiểu kỹ hơn, nên tham vấn một vị Bhikkhu thông thạo Luật tạng.

## 8. Y áo, bình bát, dép và dù

**Y áo.** Ngoài ba y (*tricīvara*: đại y hai lớp *saṅghāṭi*, thượng y *uttarāsaṅga*, hạ y *antaravāsaka*), vị Bhikkhu được dùng áo tắm mưa (*vassika-sāṭikā*, chỉ trong mùa an cư), tọa cụ (*nisīdana*), tấm trải nằm, vải che vết thương ngoài da, khăn lau mặt và các mảnh vải dùng việc khác. Khi dâng y, người tại gia nên lưu ý:

- **Màu sắc.** Đại Phẩm VIII.29 cấm y màu xanh thuần, vàng tươi thuần, đỏ thắm, đỏ sẫm, đen, màu cam

đậm (Chú giải ví như màu lưng con rết) và màu lá úa. Màu hợp lệ là các sắc nâu, vàng đất do thuốc nhuộm thực vật tạo ra. Vải màu không hợp lệ phải nhuộm lại; nếu không đổi màu được thì chỉ dùng làm tọa cụ hay rèm.

- **Kích thước.** Chú giải quy định y dùng để xác quyết (*adhiṭṭhāna*) tối thiểu dài năm và rộng ba "khuỷu tay ngắn" (tính đến nắm tay). Với một vị Bhikkhu vóc dáng trung bình, y vai khoảng 280 × 213 cm và hạ y khoảng 218 × 102 cm là vừa; tốt nhất may theo số đo khuỷu tay của chính vị nhận.
- **Cắt may.** Y phải được cắt thành nhiều mảnh rồi may ghép theo hình ruộng lúa (Đại Phẩm VIII.12), không dùng một tấm vải nguyên. Chú giải yêu cầu ít nhất năm mảnh, thường là số lẻ.

**Bình bát.** Chỉ hai loại được phép: bát sắt và bát đất nung (Tiểu Phẩm V.9). Bát vàng, bạc, gỗ, nhôm hay vật liệu khác thì không. Bát sắt phải được nung (thường năm lần, tráng dầu cho đen), bát đất nung hai lần. Bát có ba cỡ chuẩn (lớn, vừa, nhỏ); lớn hơn cỡ lớn hay nhỏ hơn cỡ nhỏ thì không dùng làm bát được. Khi không có bát, chư Tăng nhận thức ăn bằng vật dụng khác không phạm giới; người tại gia không nên chê trách.

**Dép.** Đại Phẩm V cấm dép màu xanh, vàng, đỏ thuần, màu đen, màu cam đậm, hoặc có viền những màu ấy; dép bịt kín bàn chân, bịt gót, cao đến mắt cá, giày ống, đế quá dày, quai trang trí cầu kỳ (hình sừng nai, đuôi bọ cạp, lông công…). Hãy dâng loại dép giản dị, một màu trầm.

**Dù.** Tiểu Phẩm V.23 cho phép chư Tăng dùng dù. Theo Upāsaka Vatta, trong khuôn viên tu viện có thể dùng dù mọi màu; ra ngoài nên dùng dù trắng hoặc dù lá cọ, tránh dù nhiều màu, cán chạm trổ hay hoa văn cầu kỳ.

## 9. Chỗ nằm, chỗ ngủ và chỗ ngồi

Hai giới về "ngủ chung chỗ" thường liên quan đến người tại gia khi thỉnh chư Tăng về nhà hay đi hành hương:

- **Với người nam chưa thọ Cụ túc giới (Pāc. 5).** "Nhà" là nơi có mái và vách bao quanh, toàn phần hay phần lớn; lều hay nhà không vách thì không tính. Nếu vị Bhikkhu nằm cùng nhà với người nam chưa thọ Cụ túc giới quá ba đêm liên tiếp, đến đêm thứ tư vị ấy phạm, và phạm theo số người có mặt. Có thể tránh bằng cách vị Bhikkhu hoặc người kia **thức dậy và ngồi hay đứng lên trước rạng đông** ít nhất mỗi ba đêm một lần; tỉnh mà vẫn nằm thì không đủ. Người tại gia ở cùng một vị Bhikkhu đang bệnh nên chủ động làm điều này.
- **Với người nữ (Pāc. 6).** Vị Bhikkhu phạm ngay đêm đầu tiên nếu nằm trong cùng một nhà với người nữ sau khi trời tối, dù khác phòng, dù đó là mẹ, chị em hay một bé gái mới sinh. Các phòng chung một lối ra vào, nhà nhiều tầng mà lối lên đi qua tầng dưới, phòng khách sạn hay bệnh viện thông ra hành lang chung đều tính là cùng một nhà. Chỉ phòng có cửa mở thẳng ra ngoài, hoặc tầng lầu tách biệt có lối riêng, mới không phạm. Tốt nhất là dọn cho chư

Tăng một gian nhà tách biệt, hoặc để người nữ ngủ nơi khác vào những đêm ấy.

- **Nghỉ ban ngày.** Hai giới trên không áp dụng ban ngày, nhưng vị Bhikkhu nằm nghỉ ban ngày phải đóng cửa phòng; nếu không đóng được, cần có một vị Bhikkhu khác hay một nam cư sĩ tin cậy ngồi canh.
- **Chỗ ngủ khi đi xa.** Hai vị Bhikkhu không nằm chung một giường hay chung một tấm trải; nếu chỉ có giường rộng, hãy ngăn giữa bằng một tấm vải hay vách. Không xếp ba vị trở lên trên một giường.
- **Chỗ ngồi trên xe.** Upāsaka Vatta khuyên người nữ không ngồi cùng một hàng ghế với vị Bhikkhu trên xe buýt hay xe khách, kể cả ghế dài ba chỗ.

## 10. Đào đất, chặt cây và thuốc men

**Đào đất và cây cỏ (Pāc. 10–11).** Vị Bhikkhu không tự đào, đốt đất, chặt cây, hái hoa quả, bẻ lá, nhổ cây con, bóc vỏ cây, rung cây cho rụng hoa, và cũng không ra lệnh trực tiếp (“hãy đào chỗ này”). Vị ấy chỉ nói gián tiếp: “Ở đây dường như cần một cái hố,” “Cành này đang vướng.” Người tại gia có trí hiểu ý và làm. Thêm vài chi tiết:

- Cành đã chặt mà còn vướng dây leo thì để người tại gia gỡ; cành còn có thể mọc lại thì người tại gia chặt nhỏ trước. Que khô hết khả năng nảy mầm thì không cần thủ tục.
- Củ gừng đã cắt mà để lâu nảy mầm lại thì phải cắt lại. Rêu, bèo, tảo trên mặt nước cũng do người tại gia vớt bỏ.

- Giới này được chế ra vì người đời thời ấy xem cây cỏ là có sinh mạng và sẽ chê trách; nay dù quan niệm đã khác, giới vẫn được giữ nguyên. Giúp chư Tăng giữ giới thay vì chê là "làm chuyện vô ích" là một việc phước.

**Thuốc men và lời thỉnh mời (Pāc. 47, giới nhân duyên cư sĩ Mahānāma).** Vị Bhikkhu chỉ được xin tứ vật dụng từ cha mẹ, thân quyến, người hộ Tăng, hoặc người đã thỉnh mời trước (*pavāraṇā*). Riêng khi bệnh, vị ấy được xin thuốc từ bất kỳ ai. Lời thỉnh mời có thể giới hạn theo thời gian ("trong ba tháng tới"), theo loại vật ("nếu Ngài cần y"), hoặc không giới hạn ("trọn đời"). Hãy thỉnh mời đúng với khả năng thực tế; thỉnh mời rồi lại né tránh khi được yêu cầu sẽ làm vị Bhikkhu khó xử. Không thỉnh mời cũng không có lỗi gì.

## 11. Tài sản của Tăng-già

Tài sản chung của Tăng-già chia làm hai loại:

- **Vật trọng yếu (*garubhaṇḍa*, Tiểu Phẩm VI.15–16):** gồm năm nhóm, hai mươi lăm loại — (1) tu viện và đất đai, cây cối, công trình trên đó; (2) tịnh xá và đồ đạc trong đó; (3) giường, ghế, nệm, gối; (4) đồ kim loại và dụng cụ (nồi, ấm, vạc, rìu, cuốc…); (5) vật liệu xây dựng và tự nhiên (tre, mây, dây leo, cỏ lợp mái, đất sét, đồ gỗ, đồ gốm). Những vật này không bao giờ trở thành của riêng.
- **Vật nhẹ (*lahubhaṇḍa*):** xà phòng, sách, bút… dâng chung cho Tăng-già; sau khi Tăng làm tác pháp có thể phân cho cá nhân dùng.

Người tại gia chỉ dùng tài sản của Tăng-già khi được chư Tăng cho phép, và dùng cẩn thận. Cây cối, hoa quả trong khuôn viên tu viện cũng là tài sản của Tăng-già; tự ý hái, chặt là làm hại tài sản chung. Khi vào tịnh thất, thiền đường: cởi dép, rửa chân, lau khô chân.

**Vật dụng của vị Bhikkhu đã viên tịch** thuộc về Tăng-già (Đại Phẩm VIII.27), không thuộc về thân quyến hay vị Bhikkhu nào, cho đến khi Tăng làm tác pháp phân chia. Vật vị ấy đã cho người khác trước khi mất thì thuộc về người nhận.

## 12. Thỉnh an cư mùa mưa và lễ dâng y Kaṭhina

**Thỉnh an cư.** Lời thỉnh nên được đưa ra trước ngày chư Tăng nhập hạ (không nhất thiết đúng ngày rằm tháng Āsāḷha), ví dụ: "Kính bạch chư Tăng, xin quý Ngài an cư ba tháng tại trú xứ này; nếu cần gì xin cho chúng con biết, chúng con sẽ cúng dường trong khả năng." Trước khi thỉnh, người thỉnh nên kiểm tra và sửa chữa chỗ ở (mái dột, điện nước). Theo truyền thống, kèm theo lời thỉnh là dâng áo tắm mưa (*vassika-sāṭikā*), một tấm vải không thấu, đủ dài để quấn khi tắm.

**Trong mùa an cư.** Người thỉnh có trách nhiệm chính lo sao cho chư Tăng an tâm tu tập: chăm sóc vị bệnh, bảo đảm vật thực hằng ngày, điện nước đầy đủ. Tuy vậy, đây là trách nhiệm chung của mọi người gắn bó với tu viện, không riêng người thỉnh.

**Y Kaṭhina.** Y Kaṭhina chỉ dâng cho chư Tăng đã an cư trọn mùa an cư trước tại trú xứ ấy. Chư Tăng tại đó không được tự gợi ý về y (màu, cỡ, loại vải) khi chưa được hỏi; y

có được do gợi ý thì không thành Kaṭhina hợp lệ. Nếu người tại gia hỏi, chư Tăng được giải thích. Vì vậy, người tổ chức nên chủ động thưa hỏi.

## 13. Đảnh lễ và nghe Pháp

**Đảnh lễ.** Thứ bậc trong Tăng-già tính theo ngày thọ Cụ túc giới (hạ lạp), không theo tuổi đời. Khi đảnh lễ nhiều vị, hãy lễ theo thứ tự hạ lạp; nếu không biết, hãy hỏi. Cách lễ trọn vẹn là năm vóc sát đất (*pañcaṅga-vandanā*): hai gối, hai khuỷu tay và trán chạm đất; nếu khó thực hiện, bày tỏ sự cung kính theo cách thích hợp nhất (đây là tập quán, không phải giới điều). Không nên đảnh lễ khi vị Bhikkhu đang thọ thực, đang bận việc, đang nằm nghỉ, hoặc không biết mình sắp được lễ.

**Nghe Pháp (Sekhiya 57–72).** Vị Bhikkhu không thuyết pháp cho người mang giày dép, cầm dù (kể cả dù đã xếp mà chưa đặt xuống), đội mũ hay trùm đầu, ngồi bó gối, nằm (trừ người bệnh), ngồi chỗ cao hơn trong khi vị ấy ngồi thấp, ngồi trong xe khi vị ấy đứng dưới đất, ngồi khi vị ấy đứng, hoặc đi phía trước khi vị ấy đi phía sau. Người bệnh nằm trong bệnh viện thì không thuộc trường hợp này. Muốn hỏi Pháp, hãy cởi dép, bỏ mũ và ngồi thấp hơn.

**Người nữ nghe Pháp.** Upāsaka Vatta hiểu Pāc. 7 theo hướng thận trọng của truyền thống Sri Lanka: khi chỉ có người nữ, vị Bhikkhu không thuyết pháp, không hướng dẫn lễ Phật hay tụng kinh hộ trì (*paritta*) nếu không có một người nam hiểu biết hiện diện; bé trai nhỏ không đủ. Cách hiểu này nghiêm hơn văn giới (cho phép tối đa sáu

câu và trả lời câu hỏi, xem Phần III, mục 5). Nếu đến chùa toàn là người nữ, nên mời một người nam đi cùng.

## 14. Cúng dường, tám vật dụng và hình phạt úp bát

**Cúng dường với tâm buông xả.** Bố thí trọn vẹn khi sự cho đi và sự buông bỏ đều hoàn tất. Sau khi dâng, đừng dò hỏi ai đang dùng món quà, và đừng đặt điều kiện ("xin chỉ mình thầy dùng"); điều kiện như thế làm vị Bhikkhu khó xử và làm phước không trọn. Nếu được, hãy tìm hiểu nhu cầu thật của chư Tăng trước khi dâng.

**Tám vật dụng (*aṭṭha-parikkhāra*).** Gồm đại y, thượng y, hạ y, bình bát, dao nhỏ, dây thắt lưng, kim chỉ và đồ lọc nước. "Dao" ở đây là dao nhỏ để gọt tăm, cắt trái cây, dược liệu, không phải dao cạo râu. Dây thắt lưng dài ít nhất năm khuỷu tay, rộng khoảng 5 cm. Nhiều bộ tám vật dụng bán sẵn có y quá nhỏ, màu không hợp lệ, bát nhôm hay bát quá nhỏ, kim gỉ; tốt hơn là sắm từng món đúng chuẩn rồi gộp lại.

**Hình phạt úp bát (*pattanikkujjana-kamma*, Tiểu Phẩm V.20).** Đây là biện pháp chính thức Đức Phật chế định đối với người tại gia, áp dụng lần đầu với Vaḍḍha người Licchavi, người đã vu cáo Đại đức Dabba Mallaputta. Tăng-già có thể "úp bát" với người tại gia có một trong tám hành vi: tìm cách làm hại chư Tăng; tìm cách gây tổn thất cho chư Tăng; tìm cách làm chư Tăng mất chỗ ở; mắng nhiếc, chê bai chư Tăng; gây chia rẽ giữa các vị Bhikkhu; chê bai Đức Phật; chê bai Pháp; chê bai Tăng. Khi ấy không vị Bhikkhu nào nhận vật cúng dường của người đó. Nếu người ấy ăn năn và xin lỗi, Tăng-già làm

tác pháp "lật bát lên" (*pattukkujjana*) để phục hồi. Đây là mặt đối xứng của tác pháp hòa giải (*paṭisāraṇīya-kamma*) áp dụng cho vị Bhikkhu xúc phạm người tại gia (xem Phần VI, mục 6c). Bản dịch tiếng Việt của Upāsaka Vatta gọi nhầm hình phạt này là *paṭisāraṇīyakamma*.

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Người dâng phải đứng cách vị Bhikkhu bao xa? **Đ:** Trong tầm tay, khoảng hai khuỷu tay rưỡi (1,1–1,25 m), đo từ thân chứ không từ cánh tay đưa ra.
2. **H:** Có thể dâng cả một chiếc bàn đầy thức ăn không? **Đ:** Chỉ khi một người sức trung bình nhấc nổi; nếu không, dâng từng món.
3. **H:** Tỏi trộn với mật ong được giữ bao lâu? **Đ:** Bảy ngày, vì hỗn hợp theo thời hạn ngắn hơn (*sattāhakālika*).
4. **H:** Nước cam pha nước nóng có dâng buổi chiều được không? **Đ:** Không; pha nóng thì thành thức ăn. Phải pha nước lạnh và lọc kỹ.
5. **H:** Làm sao để dâng thêm cơm mà không khiến vị Bhikkhu rơi vào "từ chối vật thực"? **Đ:** Hỏi từ xa trước khi mang thức ăn đến gần, hoặc dâng món không thuộc năm loại thực phẩm chính.
6. **H:** Năm cách làm trái cây hợp lệ là gì? **Đ:** Bằng lửa, bằng dao, bằng móng tay, trái không hạt, trái đã bỏ hạt.
7. **H:** Khi được dâng tiền, vị Bhikkhu được nói gì? **Đ:** Chỉ từ chối; nếu được hỏi thì cho biết có người hộ Tăng, nhưng không bảo đưa tiền cho người ấy.

8. **H:** Vị Bhikkhu có thể ngủ trong phòng riêng của một nhà có người nữ ngủ ở phòng khác không? **Đ:** Không, nếu các phòng chung lối ra vào (Pāc. 6); phòng phải có cửa mở thẳng ra ngoài.
9. **H:** Ai có thể dâng y Kaṭhina tại một trú xứ? **Đ:** Người tại gia, cho các vị đã an cư trọn mùa ở đó; chư Tăng không được gợi ý về y khi chưa được hỏi.
10. **H:** Tác pháp "úp bát" là gì? **Đ:** Biện pháp Tăng-già từ chối nhận cúng dường của một người tại gia phạm một trong tám hành vi chống lại Tam bảo (Tiểu Phẩm V.20).

***Năm câu hỏi ôn tập mở***

1. Vì sao một chi tiết nhỏ như khoảng cách khi dâng lại quan trọng đối với sự thanh tịnh của vị Bhikkhu?
2. Những quy định về thời hạn của vật thực giúp vị Bhikkhu nuôi dưỡng tâm tri túc như thế nào?
3. Hãy so sánh cách Upāsaka Vatta và Phần III hiểu giới thuyết pháp cho người nữ. Bạn thấy lý do của mỗi cách là gì?
4. Hãy thiết kế cách bố trí chỗ ngủ cho hai vị Bhikkhu đến tụng kinh tại một căn nhà có gia đình đông người.
5. Hình phạt úp bát và tác pháp hòa giải cho thấy điều gì về sự tôn trọng hai chiều giữa Tăng-già và người tại gia?

# Phụ Lục — Thọ Bát Quan Trai Giới Tại Nhà Và Qua Mạng

Bát quan trai giới (*aṭṭhaṅga-uposatha-sīla*) là tám giới mà người tại gia nguyện giữ trong một ngày một đêm, thường vào các ngày Uposatha (rằm, mùng một, mùng tám và hai mươi ba âm lịch). Đức Phật tán thán việc giữ tám giới này như một cách người cư sĩ tạm sống theo nếp sống của bậc A-la-hán trong một ngày (Tăng Chi Bộ 3.70; 8.41–43). Phụ lục này giải đáp ba câu hỏi người tại gia thường hỏi: có thể tự thọ tại nhà không, thủ tục ra sao, và có thể thọ qua mạng với một vị Bhikkhu không.

***Lời Đức Phật dạy***

> "Như các bậc A-la-hán trọn đời từ bỏ sát sinh… ta nay cũng trong ngày đêm này từ bỏ sát sinh… Với chi phần này, ta theo gương các bậc A-la-hán, và Uposatha của ta được thành tựu." — Tăng Chi Bộ 8.41

## 1. Người tại gia có thể tự thọ giới tại nhà không?

Có. Giới của người tại gia là sự **tự nguyện thọ trì** (*samādāna*): điều làm nên giới là tác ý (*cetanā*) kiêng tránh của chính người thọ, chứ không phải nghi thức do người khác ban. Kinh điển khuyến khích giữ Uposatha nhưng không quy định phải có vị Bhikkhu truyền; các nhà chú giải nói rõ người tại gia có thể thọ trước một vị Bhikkhu, hoặc khi không có, tự mình thọ bằng lời hay chỉ bằng tâm. Thọ trước chư Tăng là cách trang nghiêm và

được khuyến khích, vì tạo thêm sự cung kính và quyết tâm, nhưng không phải điều kiện để giới có giá trị.

- **Thời gian:** từ lúc thọ (tốt nhất là sáng sớm, trước bữa ăn) cho đến rạng đông hôm sau. Có thể thọ bất cứ ngày nào, không riêng ngày Uposatha.
- **Kết thúc:** không cần nghi thức xả giới; đến rạng đông hôm sau, giới tự mãn hạn.
- **Khi lỡ phạm:** thành tâm nhận lỗi và phát nguyện thọ lại để giữ tiếp phần còn lại của ngày.
- **Trong ngày giữ giới:** nên mặc y phục giản dị (theo tập quán thường là màu trắng), dành thời gian tụng kinh, nghe pháp, đọc kinh sách và hành thiền; ăn trước giờ ngọ, buổi chiều chỉ dùng nước được phép (xem Phần VII, mục 3).

## 2. Thủ tục tự thọ tại nhà

1. Trước bàn thờ Phật (nếu có), thắp nến hoặc hương, lạy ba lạy. Nếu không có tượng Phật, ngồi ngay ngắn và hướng tâm về Tam bảo.
2. Niệm ân Đức Phật ba lần: *Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.* (Con thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.)
3. Quy y Tam bảo, mỗi câu ba lần (lần thứ hai thêm *Dutiyampi*, lần thứ ba thêm *Tatiyampi*): *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.* (Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.)
4. Đọc tám điều học (bảng ở mục 3).

5. Phát nguyện: *Imaṃ aṭṭhaṅga-samannāgataṃ Buddhapaññattaṃ uposathaṃ imañca rattiṃ imañca divasaṃ sammadeva abhirakkhituṃ samādiyāmi.* (Con xin thọ trì Uposatha đủ tám chi phần do Đức Phật chế định, để giữ gìn trọn vẹn trong đêm nay và ngày nay.)
6. Lạy ba lạy, và có thể hồi hướng phước đến tất cả chúng sinh.

Có thể đọc bằng tiếng Pāli, tiếng Việt, hoặc cả hai. Điều cốt yếu là hiểu rõ từng điều và thật lòng phát nguyện.

## 3. Tám điều học: Pāli và Việt

Mỗi điều đều kết thúc bằng *veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi* — "con xin thọ trì điều học tránh xa…"

1. *Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa sự sát sinh.
2. *Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa sự lấy của không cho.
3. *Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa hành vi phi phạm hạnh (mọi sinh hoạt tình dục).
4. *Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa lời nói dối.
5. *Surāmeraya-majja-pamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa rượu, men và các chất say là nhân của sự dể duôi.

6. *Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa sự ăn phi thời (sau giờ ngọ).
7. *Nacca-gīta-vādita-visūkadassana-mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa ca múa, âm nhạc, xem trình diễn, đeo tràng hoa, dùng hương thơm, phấn sáp và đồ trang sức.
8. *Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* — Con xin thọ trì điều học tránh xa chỗ nằm ngồi cao sang.

Điều thứ ba khác với Năm giới: trong Năm giới là tránh tà hạnh trong các dục (*kāmesu micchācārā*), còn trong Bát quan trai giới là tránh mọi sinh hoạt tình dục (*abrahmacariyā*), kể cả với vợ chồng.

### 4. Thọ giới với một vị Bhikkhu (tại chùa hoặc qua mạng)

Khi thọ với một vị Bhikkhu, người tại gia lạy ba lạy rồi xin giới. Một người xin thì đọc:

> *Ahaṃ bhante, tisaraṇena saddhiṃ aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposatha-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi, anuggahaṃ katvā sīlaṃ detha me bhante.* (Kính bạch Ngài, con xin thọ Tam quy cùng giới Uposatha đủ tám chi phần; xin Ngài từ bi truyền giới cho con.) — đọc ba lần, thêm *Dutiyampi*, *Tatiyampi*.

Nhiều người cùng xin thì đổi *Ahaṃ* thành *Mayaṃ*, *yācāmi* thành *yācāma*, *me* thành *no*. Sau đó:

1. Vị Bhikkhu nói: *Yamahaṃ vadāmi taṃ vadetha.* (Hãy đọc theo lời tôi.) Đáp: *Āma bhante.* (Bạch Ngài, vâng.)
2. Vị Bhikkhu đọc *Namo tassa…* (ba lần) và Tam quy; người thọ đọc theo từng câu. Vị Bhikkhu nói: *Tisaraṇa-gamanaṃ paripuṇṇaṃ.* (Sự quy y Tam bảo đã đầy đủ.) Đáp: *Āma bhante.*
3. Vị Bhikkhu đọc từng điều trong tám điều học; người thọ đọc theo.
4. Vị Bhikkhu khuyên giữ giới cẩn thận, không để duôi, trọn ngày đêm Uposatha. Đáp: *Āma bhante.*
5. Vị Bhikkhu đọc kệ lợi ích của giới: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā, sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.* (Nhờ giới, đi đến cõi lành; nhờ giới, được tài sản đầy đủ; nhờ giới, đạt đến Niết-bàn; vì vậy hãy giữ giới cho thanh tịnh.) Người thọ lạy ba lạy.

Lời đối đáp có khác chút ít giữa các truyền thống Thái Lan, Miến Điện và Sri Lanka; hãy theo cách của ngôi chùa mình thường lui tới.

## 5. Thọ giới qua mạng internet

Người tại gia có thể thọ Bát quan trai giới với một vị Bhikkhu qua Zoom, điện thoại hay phát trực tiếp. Luật tạng không có giới điều nào ngăn điều này, vì truyền giới cho người tại gia không phải là một Tăng sự (*saṅghakamma*) đòi hỏi các bên có mặt trong cùng một giới trường. Từ những năm có dịch bệnh, nhiều tu viện

Theravāda ở châu Á và phương Tây đã truyền giới trực tuyến cho Phật tử ở xa. Người tham dự nên:

- Ngồi trước bàn thờ hoặc ở nơi sạch sẽ, yên tĩnh; ngồi thấp, ăn mặc kín đáo như khi đến chùa; tắt các thiết bị và thông báo gây xao lãng.
- Lạy ba lạy trước và sau, chắp tay đọc theo từng câu và phát nguyện bằng chính lời mình.
- Hiểu rằng phần cốt yếu là sự phát nguyện của chính mình. Nếu mở lại một video đã ghi sẵn, đó là dùng video như người hướng dẫn để **tự thọ**, vẫn hoàn toàn có giá trị, nhưng không phải là thọ trực tiếp từ vị Bhikkhu.

Về phía chư Tăng, buổi truyền giới trực tuyến nên tổ chức công khai hoặc theo nhóm. Khi chỉ có một người nữ trong cuộc gọi riêng, vị Bhikkhu nên giữ lời dạy ngắn gọn (Pāc. 7) và tránh những cuộc trò chuyện riêng tư kéo dài (xem Phần III, mục 5).

### *Mười câu hỏi và trả lời*

1. **H:** Có bắt buộc phải có vị Bhikkhu mới thọ được Bát quan trai giới không? **Đ:** Không; người tại gia có thể tự thọ bằng lời hay bằng tâm.
2. **H:** Giới bắt đầu và kết thúc khi nào? **Đ:** Từ lúc thọ đến rạng đông hôm sau.
3. **H:** Có cần làm lễ xả giới không? **Đ:** Không; giới tự mãn hạn vào rạng đông.
4. **H:** Điều thứ ba của tám giới khác Năm giới thế nào? **Đ:** Tám giới tránh mọi sinh hoạt tình dục (*abrahmacariyā*), không riêng tà hạnh.

5. **H:** Buổi chiều được dùng gì? **Đ:** Nước và các loại nước trái cây được phép, đã lọc kỹ; không dùng thức ăn.
6. **H:** Có thể đọc giới bằng tiếng Việt không? **Đ:** Được; điều cốt yếu là hiểu và thật lòng phát nguyện.
7. **H:** Lỡ phạm một giới trong ngày thì sao? **Đ:** Thành tâm nhận lỗi và phát nguyện thọ lại.
8. **H:** Câu xin giới bằng Pāli bắt đầu thế nào? **Đ:** *Ahaṃ bhante, tisaraṇena saddhiṃ aṭṭhaṅga-samannāgataṃ uposatha-sīlaṃ dhammaṃ yācāmi…*
9. **H:** Thọ giới qua Zoom có hợp lệ không? **Đ:** Có; việc truyền giới cho người tại gia không phải là Tăng sự cần có mặt tại chỗ.
10. **H:** Mở video ghi sẵn để thọ thì sao? **Đ:** Vẫn có giá trị như tự thọ, với video làm người hướng dẫn.

**Bản trực tuyến.** Nghi thức song ngữ Pāli – Việt trong Phụ lục này được đăng tại trang Tuệ Tâm: *tuetam.info/nghi-thuc-tho-bat-quan-trai-gioi-pali-viet*. Có thể mở trang này trên điện thoại để đọc theo khi thọ giới tại nhà hoặc qua mạng.

# Kết Luận

Giới luật của vị Bhikkhu là phương tiện chứ không phải mục đích. Theo lời Tập Yếu, giới luật là "vì mục đích chế ngự," dẫn từng bước đến "sự giải thoát hoàn toàn không còn chấp thủ." Đối với người mới bắt đầu, giới luật giải thích những phong tục gặp ở bất kỳ tu viện Theravāda nào. Đối với người học nâng cao, giới luật làm hiển lộ một hệ thống luật pháp mạch lạc đặt nền trên tác ý và có thể thích ứng bằng loại suy. Đối với đời sống hiện đại, giới luật đem lại những nguyên tắc đã được thử thách về sự giản dị, chế ngự, minh bạch và hỗ tương. Như tác giả nguyên tác khẳng định, sự giới thiệu tốt nhất vẫn là một vị Bhikkhu tu tập nghiêm túc, người chứng minh rằng "sống đời giản dị là điều có thể thực hiện được với sự cẩn trọng."

# Thuật Ngữ

| Thuật ngữ | Ý nghĩa |
|---|---|
| Anāmāsa | Những vật vị Bhikkhu không được chạm vào, như thân người nữ, vàng bạc, vũ khí, nhạc cụ |
| Aruṇa (Rạng đông) | Ánh sáng đỏ phương đông khoảng nửa giờ trước khi mặt trời mọc; mốc bắt đầu thời gian được thọ thực |
| Bhikkhu (Bhikkhu) | Vị tăng Phật giáo đã thọ Cụ túc giới; nghĩa đen là "người khất thực" |
| Bhikkhunī (Bhikkhunī) | Vị ni Phật giáo đã thọ Cụ túc giới |
| Dāna (Bố thí) | Lòng rộng lượng; sự cúng dường, đặc biệt là vật thực |
| Dhutanga (Đầu-đà, tudong) | Các pháp hành khổ hạnh tùy chọn, phổ biến trong chư Tăng ở rừng |
| Dukkaṭa (Tác ác) | Tội làm điều sai quấy |
| Garubhaṇḍa (Vật trọng yếu) | Tài sản lâu dài của Tăng-già (đất, nhà, giường ghế, dụng cụ, vật liệu), không bao giờ trở thành của riêng |
| Kālika | Bốn loại vật thực phân theo thời hạn được dùng: đến giờ ngọ, đến rạng đông, bảy ngày, trọn đời |
| Kappiya | "Hợp lệ"; cũng chỉ người tại gia phục vụ làm cho vật trở nên hợp lệ |
| Kaṭhina | Lễ dâng vải y hằng năm sau mùa an cư |
| Meṇḍaka (điều cho phép) | Phán quyết trong Đại Phẩm VI.34 cho phép chư Tăng nhận vật dụng hợp lệ mua từ tiền cúng dường do người hộ Tăng giữ, và mang lương thực khi đi qua vùng hoang vu |
| Nissaya (Y chỉ) | Sự nương tựa của vị Bhikkhu mới vào vị thầy |
| Pabbajjā (Xuất gia) | Sự xuất gia; lễ thọ giới Sa-di |
| Pattanikkujjana (Úp bát) | Tác pháp Tăng-già từ chối nhận cúng dường của người tại gia phạm một trong tám hành vi chống lại Tam bảo |
| Pāṭimokkha (Giới bổn) | Bộ 227 giới được tụng mỗi nửa tháng |
| Pavāraṇā | Lời thỉnh mời chính thức để yêu cầu vật dụng; cũng là lễ Tự tứ cuối mùa an cư |
| Saṅgha (Tăng-già) | Cộng đồng xuất gia |

| Thuật ngữ | Ý nghĩa |
|---|---|
| Sāmaṇera (Sa-di) | Vị tu sĩ tập sự |
| Thera (Trưởng lão) | Bậc trưởng thượng; vị Bhikkhu có từ mười hạ trở lên |
| Upasampadā (Cụ túc giới) | Lễ thọ giới đầy đủ |
| Uposatha (Bố-tát) | Ngày trai giới, vào ngày trăng non và trăng tròn |
| Vassa (An cư) | Mùa an cư ba tháng mùa mưa |
| Veyyāvaccakara | Người hộ Tăng (Kappiya) quản lý ngân quỹ cho vị Bhikkhu |

# Nguồn

Bhikkhu Ariyesako, *The Bhikkhus' Rules: A Guide for Laypeople* (1999), đăng trên Access to Insight. Các tác phẩm thứ cấp được trích dẫn trong nguồn gồm: Thānissaro Bhikkhu, *The Buddhist Monastic Code* (BMC); Ven. Thiradhammo, *Holy Life* (HS); *Vinayamukha* (EV); và các ghi chú của Ajahn Brahmavaṃso (AB).

**Nguồn của Phần VII.** Trưởng lão Galpotugoda Ñāṇavaṃsa (biên tập), *Upāsaka Vatta* (Bổn phận của cư sĩ), ấn bản thứ nhất, Theravāda Publications Society, Anuradhapura, Sri Lanka, 2025 (ISBN 978-624-6357-13-9), bản dịch tiếng Việt. Tác phẩm dựa trên Luật tạng Pāli, Chú giải, Phụ chú giải (Vinayālaṅkāra-ṭīkā, Vinayasaṅgaha-aṭṭhakathā) và các sách tiếng Sinhala của Trưởng lão Rerukāne Candavimala. Các thuật ngữ đã được hiệu đính theo nguyên bản Pāli.

**Tài liệu tham khảo bổ sung (Phần II §8 và Phần VI, mục 5).** Các nữ đệ tử xuất sắc được liệt kê trong Phẩm Etadagga của Tăng Chi Bộ, Chương Một Pháp: các vị ni tại AN 1.235–247 (Khemā, trí tuệ; Uppalavaṇṇā, thần thông; Paṭācārā, trì luật; Dhammadinnā, thuyết pháp; Kisāgotamī, mặc y thô) và các nữ cư sĩ tại AN 1.258–267 (Visākhā, bố thí; Khujjuttarā, đa văn; Sujātā,

người đầu tiên quy y). Lời dạy của Dhammadinnā nằm trong *Kinh Tiểu Kinh Phương Quảng* (*Cūḷavedalla Sutta*, Trung Bộ 44); các bài kệ của chư ni nằm trong *Trưởng Lão Ni Kệ* (Tiểu Bộ). Về việc phục hồi Ni đoàn: Bhikkhu Anālayo, “The revival of bhikkhunī ordination in the Theravāda tradition”; “Full Ordination for Nuns Restored in Sri Lanka” (Barre Center for Buddhist Studies); “Memory of Ven. Bhikkhuni Kusuma” (Dhammadharini). Tham khảo nền: Aṅguttara Nikāya summary (BuddhaNet); Notable women in the suttas (SuttaCentral).

*“Giới luật là vì mục đích phòng hộ, phòng hộ vì mục đích không hối hận, không hối hận vì mục đích hân hoan …”*

TẬP YẾU (PARIVĀRA) XII.2

---

Mỗi lần đến một tu viện Theravāda đều nảy sinh những câu hỏi thực tế. Nên dâng vật thực thế nào, và trước giờ nào? Vì sao vị sư không nhận tiền, không bắt tay hay ngồi riêng với người nữ? Một gia đình có thể đón chư Tăng an cư mùa mưa như thế nào?

Cẩm nang này giải thích 227 học giới của vị Bhikkhu ở mọi điểm gặp gỡ đời sống tại gia, cùng lý lẽ đằng sau chúng, dựa trên Luật tạng Pāli và các chú giải, Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt và Kinh Upanisā.


I · Nền tảng cho người mới

II · Giới bổn Pāṭimokkha chuyên sâu

III · Ứng dụng đời sống hiện đại

IV · Bài học, hỏi đáp và thơ

V · Đối chiếu văn bản liên quan

VI · Giáo lý, bổn phận và con đường



BIÊN TẬP

**Bhikkhu Visuddhamma**



SÁCH ẤN TỐNG
KHÔNG BÁN